**PHẦN I: ÔN TẬP KIẾN THỨC CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6**

**(BỘ CÁNH DIỀU)**

**BÀI 1: KHÁI QUÁT KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CÁC THỂ LOẠI ĐÃ HỌC**

**CHUYÊN ĐỀ 1: ÔN TẬP TRUYỆN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 1:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản truyện cổ tích: một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường....), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện cổ tích.

- Ôn tập kiến thức về từ đơn và các loại từ phức (từ ghép, từ láy) trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Ôn tập cách kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích đã học (hoặc đã đọc, đã nghe) bằng các hình thức nói và viết.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc; cảm phục và trân trọng những người thông minh, có tài.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. NỘI DUNG**

**VĂN BẢN THÁNH GIÓNG**

**I. Khái niệm**

- Truyện truyền thuyết là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.

### ****- Phân loại truyền thuyết****

+ Truyền thuyết thời Hùng Vương - thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.

+ Truyền thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyền thuyết thời Hùng Vương.

**1. Tìm hiểu chung**

**- Thể loại:** Truyện truyền thuyết.

**- Phư­ơng thức biểu đạt chính:** Tự sự.

**- Bố cục văn bản**: Văn bản chia làm 4 phần

- Phần 1: Từ đầu đến “…đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)

- Phần 2: Tiếp đến“…cứu nước”(Sự lớn lên của Thánh Gióng)

- Phần 3: Tiếp đến“...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)

- Phần 4: Còn lại ( các dấu tích còn lại)

**2. Các sự việc chính**

- Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng

- Thánh Gióng biết nói nhận nhiệm vụ đi đánh giặc

- Thánh Gióng lớn nhanh như thổi

- Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc và đánh tan giặc.

- Thánh Gióng bay về trời

- Vua phong Gióng là Phù Đổng thiên vương, những dấu tích còn lại

**3. Tóm tắt**

Vào đời Hùng Vương thứ 6 có hai vợ chồng ăn ở phúc đức nhưn mãi không có con. Một hôm bà vợ ra đồng thấy vết chân to và lạ bà ướm thử về nhà bà thụ thai 12 tháng sau sinh ra một cậu bé khôi ngô tuấn tú, nhưng lên ba tuổi không biết nói, không biết cười. Mãi tới khi sứ giả loan tin tìm người đánh giặc. gióng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc, Cậu bé lớn nhanh như thổi, cậu bé vươn vai trở thành một tráng sĩ người cao hơn trượng cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt đi giết giặc, roi sắt gãy Gióng nhổ cụm tre bên đường để đánh giặc. Giặc tan Thánh Gióng một mình một ngựa từ từ bay lên trời, nhân dân hàng năm lập đền thờ để tưởng nhớ. Các ao hồ, những bụi tre đằng ngà đều vàng óng là những dấu tích còn lại của Gióng.

**4. Nội dung**

**a. Thánh Gióng ra đời kì lạ**

- Truyền thuyết Thánh Gióng có nhiều nhân vật (bố mẹ, dân làng, vua, sứ giả…) nhưng nhân vật chính là Thánh Gióng. Nhân vật này được xây dựng bằng rất nhiều chi tiết tưởng tượng có tính chất kì ảo: sinh ra khác thường (bà mẹ chỉ ướm vào vết chân lạ mà thụ thai); thụ thai đến mười hai tháng; ba tuổi mà chẳng biết đi đứng, nói cười; khi giặc đến thì bỗng dưng biết nói và lớn nhanh như thổi, sức khoẻ vô địch; đánh tan giặc lại bay về trời.

*\* Tiếng nói đầu tiên của cậu bé lên ba là tiếng nói đòi đi đánh giặc.*

- Ca ngợi tinh thần yêu nước của dân tộc VN. Đề cao ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với đất nước.

- Truyền thống dân tộc, dòng máu yêu nước, ý chí quyết tâm của một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục trước kẻ thù.

- Hình ảnh cậu bé làng Gióng là h/a của nhân dân lao động VN cần cù, lam lũ. Họ lặng lẽ làm ăn, nhưng khi có giặc ngoại xâm thì họ dũng cảm đứng lên, trở thành anh hùng.

=>Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc. Chi tiết này chứng tỏ nhân dân ta luôn có ý thức chống giặc ngoại xâm. Khi có giặc, từ người già đến trẻ con đều sẵn sàng đánh giặc cứu nước. Đây là một chi tiết thần kì: chưa hề biết nói, biết cười, ngay lần nói đầu tiên, chú bé đã nói rất rõ ràng về một việc hệ trọng của đất nước. Thứ hai, Gióng đòi ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt để đánh giặc. Gióng không đòi đồ chơi như những đứa trẻ khác mà đòi vũ khí, những vật dụng để đánh giặc. Đây cũng là một chi tiết thần kì. Gióng sinh ra đã là một anh hùng và điều quan tâm duy nhất của vị anh hùng đó là đánh giặc.

*\* Bà con dân làng vui lòng góp gạo nuôi Gióng.*

- Gióng sinh ra từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng, sức mạnh của Gióng là sức mạnh của nhân dân => kết tinh sức mạnh yêu nước, đoàn kết, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước của nhân dân.

=> Niềm tin đánh thắng giặc.

*\* Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.*

- Hình ảnh kì vĩ, đẹp đẽ, phi thường của Gióng đã thể hiện sức bật mạnh mẽ của nhân dân. Khi vận mệnh dân tộc bị đe dọa, con người VN vươn lên với một tầm vóc phi thường.

- Quan niệm của cha ông về người anh hùng: khổng lồ về thể xác, oai phong lẫm liệt, mạnh mẽ về tài trí, phi thường về nhân cách.

*\* Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.*

- Vũ khí của người anh hùng làng Gióng không chỉ là roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt hiện đại mà còn là vũ khí thô sơ, vốn rất quen thuộc với nhân dân như tre ngà. Với lòng yêu nước, những gì có thể giết giặc đều được biến thành vũ khí.

- Ngợi ca sức mạnh của Gióng.

*\* Đánh giặc xong, Gióng cởi áo giáp sắt để lại, rồi bay thẳng về trời.*

=> Hình ảnh - khung cảnh đẹp, nên thơ, là sự thăng hoa trong trí tưởng của người xưa.

- Gióng là người anh hùng không đòi hỏi công danh, lợi lộc. Chàng đã hoàn thành sứ mệnh dẹp giặc và ra đi => nâng cao vẻ đẹp của người anh hùng, đó cũng là phẩm chất chung vĩ đại của người anh hùng.

- Trong quan niệm dân gian, những cái gì tốt đẹp, cao quí thì không mất đi mà trở thành bất tử. Gióng bay về trời là về với nguồn gốc cao đẹp của mình và chỉ nơi đó mới xứng đáng với người anh hùng.

- Nhân dân ngưỡng mộ, trân trọng: sống mãi với non sông.

**b. Ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng:**

**-**  Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu của người anh hùng chống giặc ngoại xâm.

- Gióng được sinh ra từ nhân dân, do nhân dân nuôi dưỡng. Gióng đã chiến đấu bằng tất cả tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc của nhân dân. Sức mạnh của Gióng không chỉ tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân, đó còn là sức mạnh của sự kết hợp giữa con người và thiên nhiên, bằng cả vũ khí thô sơ và hiện đại.

- Từ truyền thống đánh giặc cứu nước, nhân dân ta đã thần thánh hoá những vị anh hùng trở thành những nhân vật huyền thoại, tượng trưng cho lòng yêu nước, sức mạnh quật khởi của dân tộc.

**5. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

- Hình tượng *Thánh Gióng* là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.

- Truyện “Thánh Gióng” sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử; thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**1. Nêu vấn đề:**

- Giới thiệu về thể loại truyền thuyết (khái niệm truyền thuyết, đặc trưng thể loại truyền thuyết…)

- Giới thiệu về truyền thuyết “ Thánh Gióng”, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…

**2. Giải quyết vấn đề**

**a. Sự ra đời của Thánh Gióng**

- Sự bình thường: Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức.

- Sự khác thường:

+ bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.

+ mười hai tháng sau sinh một cậu bé ....

+ lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

=>Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi - người anh hùng của nhân dân.

**b. Thánh Gióng lớn lên**

**\* Tiếng nói đầu tiên, Gióng xin đi đánh giặc.**

+ Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn...

+ Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ.

+ Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.

- Gióng là hình ảnh của nhân dân, lúc bình thường thì âm thầm lặng lẽ nhưng khi đất nước gặp nguy biến thì họ sẵn sàng đứng ra cứu nước

**\* Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt.**

- Đây là chi tiết thể hiện vũ khí lợi hại, nằm trong motip vũ khí thần kì của văn học dân gian.

=>Chi tiết thể hiện mơ ước có vũ khí thần kỳ. Đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương. Nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc**.**

**\* Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng.**

- Chi tiết thể hiện tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.

Gióng lớn lên bằng cơm gạo của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của cả cộng đồng, toàn dân chung sức, đồng lòng đánh giặc. Đó là tinh thần đoàn kết dân tộc.

**c. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời**

**\* Vùng dậy vươn vai biến thành tráng sĩ**

- Gióng vươn vai thành tráng sĩ

- Cho thấy sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.

- Gióng mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt ... đánh hết lớp này đến lớp khác.

=> Đó làvẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân.

- Roi sắt gãy, Gióng nhổ những bụi tre bên đường đánh giặc.

- Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.

**\* Gióng bay về trời**

**Ý nghĩa:**

- Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.

**-** Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng.

**d. Những vết tích còn lại của Gióng**

- Dấu tích còn để lại sau khi Gióng đánh giặc:

+ Tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng

+ Vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp

+ Khi ngựa hét lửa, lửa cháy một làng gọi là làng cháy

- Việc kể về những dấu tích đánh giặc của Thánh Gióng trong đoạn kết thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân. Đồng thời cũng giải thích được các sự kiện, địa điểm lịch sử ( đền thờ Phù Đổng Thiên Vương, làng Cháy).

**3. Đánh giá khái quát**

**\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật:**

**- Nghệ thuật**

+ Sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử, thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.

+ Khéo kết hợp yếu tố cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoangđường.

**- Nội dung:**

+ Thánh Gióng là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc.

+ Thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.

**Đề bài: Cảm nhận của bản thân về truyền thuyết “Thánh Gióng**”.

**BÀI THAM KHẢO**

# Trong kho tàng văn học Việt Nam, chủ đề yêu nước giống như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài văn học, trải qua mọi thời kì dựng nước và giữ nước của dân tộc. Và trong chuỗi các truyền thuyết có cùng chủ đề ta không thể không nhắc đến truyền thuyết *Thánh Gióng*. “*Thánh Gióng*” là một trong những bản anh hùng ca mở đầu cho truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Truyền thuyết này đã xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì, thể hiện ý thức và sức mạnh bảo vệ dân tộc, trở thành bức tượng đài bất hủ về người anh hùng chống xâm lược.

**Trước tiên, truyền thuyết đã tái hiện sự ra đời kì lạ, khác thường của Gióng**. Là một người anh hùng với sức mạnh phi thường bởi vậy sự ra đời của Thánh Gióng cũng thật khác thường, không phải được mẹ mang thai chín tháng mười ngày mà Gióng được mẹ sinh sau một lần ướm thử vào vết chân lạ, mang thai đến mươi hai tháng sau mới hạ sinh Gióng. Sự khác thường không chỉ dừng lại ở đó, tuy Gióng sinh ra khôi ngôi, tuấn tú nhưng đã lên ba mà vẫn đặt đâu ngồi đó, không biết nói cũng chẳng biết cười. Sự ra đời và những biểu hiện khác thường của cậu bé dự báo đây là một con người phi thường.

**Phẩm chất phi thường của Gióng được biểu hiện rõ nét hơn trong quá trình lớn lên và trưởng thành**. Cậu bé Gióng ba năm chẳng biết nói biết cười ấy đã cất tiếng nói khi nghe sứ giả tìm người đi đánh giặc. Lời nói đầu tiên của cậu chính là lời xin đi đánh giặc cứu nước, điều đó cho thấy ý thức và trách nhiệm của một công dân trước vận mệnh dân tộc. Gióng nói với sứ giả: “*Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này*”. Qua tiếng nói của Gióng, tác giả dân gian đã gửi gắm tinh thần trách nhiệm, ý thức đánh giặc, cứu nước của dân tộc ta. Lời nói dõng dạc của Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt thể hiện mơ ước có vũ khí thần kỳ. Chi tiết đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương, nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc. Càng kì lạ hơn, từ sau hôm gặp sứ giả, Thánh Gióng ăn không biết no, quần áo vừa mặc xong đã chật, gia đình Gióng không còn đủ sức nuôi con. Trước sự kì lạ của Gióng, dân làng mang gạo sang nuôi Gióng cùng bố mẹ. Chi tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến, nhân dân ta đồng lòng giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược; điều đó còn khẳng định sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên.

**Vẻ đẹp hào hùng của hình tượng Gióng được tiếp tục khắc hoạ qua sự kiện Gióng đánh thắng giặc và bay về trời.** Khi giặc đến chân núi Trâu, cậu bé ba tuổi bỗng vươn vai vụt lớn trở thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự nghiệp cứu nước và người anh hùng: để đáp ứng yêu cầu lịch sử, Gióng phải lớn nhanh để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, Gióng phải khổng lồ về vóc dáng, ý chí thì mới có thể đảm đương được trọng trách lúc bấy giờ. “*Tráng sĩ mặc áo giáp , cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác…”.*Đó làvẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân. Bằng sức mạnh phi thường, Gióng đánh tan hết lớp giặc này đến lớp giặc khác. Khi roi sắt gãy, Tháng Gióng không hề nao núng, nhổ những bụi tre ven đường để tiếp tục chiến đấu với kẻ thù cho đến khi chúng hoàn toàn bị tiêu diệt. Chi tiết này cho thấy Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.

Sau khi đánh tan giặc xâm lược, đuổi giặc đến chân núi Sóc, Gióng cởi giáp sắt bỏ lại, một mình một ngựa từ từ bay về trời. Đây là chi tiết gợi nhiều ý nghĩa sâu xa. Người anh hùng sau khi hoàn thành nhiệm vụ cứu nước không màng địa vị, công danh để trở về tiên giới. Gióng đến trần gian chỉ với một mục đích duy nhất đó là dẹp quân xâm lược để mang lại bình yên cho nhân dân, cho đất nước. Điều đó càng đậm tô hơn nữa phẩm chất anh hùng của Thánh Gióng. Đồng thời chi tiết này cũng thể hiện sự bất tử của Gióng trong lòng mọi người, Gióng về trời cũng là về cõi vô biên, bất tử mãi mãi trường tồn cùng đất nước, dân tộc.

**Phần cuối truyện, tác giả dân gian đã kể lại những dấu tích để sau khi Gióng đánh giặc**. Đó là những khóm tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng; đó là những vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp hay tên làng Cháy được lí giải do khi ngựa thét lửa, lửa đã thiêu cháy một làng nên cái tên “làng Cháy” có từ đó. Cách lí giải mang màu sắc hoang đường, kì ảo càng ngợi ca công trạng, nhấn mạnh tầm vóc kì vĩ của người anh hùng làng Gióng

Như vậy, truyện truyền thuyết Thánh Gióng đã xây dựng thành công hình tượng Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc cứu nước. Trong văn học dân gian Việt Nam, đây là hình tượng người anh hùng đánh giặc đầu tiên, tiêu biểu cho lòng yêu nước của nhân dân ta. Nhân vật được xây dựng bằng sự kết hợp giữa yếu tố thần kì và yếu tố anh hùng ca. Yếu tố thần kì được thể hiện ngay từ sự ra đời khác thường của Gióng cho đến sức mạnh kì diệu, lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ để đánh đuổi giặc xâm lược. Bên cạnh đó, hình tượng Gióng còn mang đậm dấu ấn anh hùng ca với vẻ đẹp kì vĩ (sinh ra từ vết chân lớn, vươn mình thành tráng sĩ,…). Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố đó đã khái quát hóa, lí tưởng hóa hình tượng Gióng để Thánh Gióng trở thành biểu tượng bất tử cho lòng yêu nước, sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Hình tượng Thánh Gióng có sức sống lâu bền trong văn học Việt Nam, trở thành nguồn cảm ứng cho nhiều tác giả tìm đến:

*Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt*

*Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trầm*

*Mỗi chú bé đều năm mơ ngựa sắt*

*Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng...*

*(''Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng'' -* **Chế Lan Viên-)**

*Hay*

*Ôi sức trẻ!Xưa trai Phù Đổng*

*Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân*

*Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa*

*Nhổ bụi tre làng,đuổi giặc Ân.*

**(***''Theo chân Bác' -* **Tố Hữu***'***)**

Bằng sự kết hợp giữa cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoangđường, kì ảo, truyền thuyết *Thánh Gióng*đã kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng.Qua hình tượng Thánh Gióng, các tác giả dân gian đề cao truyền thống yêu nước bất khuất và sức mạnh của dân tộc trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, thể hiện ý thức tự cường của dân tộc. Truyền thuyết *Thánh Gióng* và hình tượng Gióng sẽ sống mãi trong lòng người dân Việt ngàn đời.

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1**: Tác phẩm *Thánh Gióng* thuộc thể loại truyện dân gian nào?

A. Cổ tích. B. Thần thoại.  
C. Truyền thuyết. D. Ngụ ngôn.

**Câu 2**: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng*?  
A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.  
B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.  
C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.  
D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

**Câu 3**: Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

A.Phù Đổng Thiên Vương

B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.

C. Bố Cái Đại Vương.

D. Đức Thánh Tản Viên

**Câu 4:** Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

A.Tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân  
B. Biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.  
C. Uớc mơ cùa nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước.  
D. Tất cả đều đúng

**Câu 5**: Trong truyện *Thánh Gióng*, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?  
A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.  
B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.  
C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.  
D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 |
| C | D | A | D | D |

**2. Luyện đề Đọc – Hiểu**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  “*Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói: “ Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “ Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn*  *Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”.*  (SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- trang 16)  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn. Nhân vật chính trong truyện là ai?  **Câu 2: Câu nói đầu tiên của** nhân vật chú bé là gì? Chú bé nói câu nói đó trong hoàn cảnh nào?  **Câu 3:** Cho biết ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”*.  **Câu 4**: Hãy lí giải vì sao hội thi thể thao trong nhà trường thường mang tên “ Hội khoẻ Phù Đổng”? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

 Nhân vật chính trong truyện là Thánh Gióng.

**Câu 2:**

- Câu nói đầu tiên của nhân vật chú bé: “*Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”.*

**- Hoàn cảnh của câu nói:** *Khi giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta; thế giặc mạnh, đất nước cần người tài giỏi cứu nước.*

**Câu 3:**

- Ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước” :*

+ Sức mạnh của Gióng được nuôi dưỡng bằng cái bình thường, giản dị.

+ Đồng thời còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc thuở xưa.

=> Gióng đâu chỉ là con của một bà mẹ mà là con của cả làng, của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân.

**Câu 4:**

- Hội khoẻ Phù Đổng là hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.

- Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.

- Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**:  *“Giặc đã đến chân núi Trâu[ Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy, Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*.  (SGK Ngữ văn 6 Cánh diều tập 1, trang 17)  **Câu 1:** Tóm tắt sự việc nêu trong đoạn văn bằng một câu văn.  **Câu 2: Giải thích nghĩa của từ “tráng sĩ”.** Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” có ý nghĩa gì?  **Câu 3:** Chi tiết: “ *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời”* có ý nghĩa gì?  **Câu 4a.**Theo em, việc lập đền thờ Thánh Gióng ở làng Phù Đổng và hàng năm mở hội Gióng có ý nghĩa gì?  **Câu 4b**. Sau khi đọc truyện *Thánh Gióng*, em có suy nghĩ gì về về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?  **Câu 4c.**Truyện muốn ca ngợi điều gì? Từ điều đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân em.  (GV có thể chọn 1 trong ba câu). |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Tóm tắt: Giặc đến chân núi Trâu, Gióng vươn vai biến thành tráng sĩ nhảy lên mình ngựa xông ra chiến trường đánh thắng giặc và bay về trời.

**Câu 2:**

##### - Từ “tráng sĩ” dùng để chỉ người đàn ông có sức lực cường tráng và chí khí mạnh mẽ

- Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ cho thấy sự lớn lên của Gióng để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Qua đó thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết.

**Câu 3:** Chi tiết: “ *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*”.

=> Ý nghĩa của chi tiết trên:

- Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần.

- Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thường, chiến công để lại cho nhân dân,

- Gióng sinh ra cũng phi thường khi ra đi cũng phi thường (bay lên trời).

- Gióng bất tử cùng sông núi, bất tử trong lòng nhân dân.

**Câu 4a.**  HS nêu suy nghĩa của bản thân.

Có thể như: Ý nghĩa của việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng:

- Thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bất tử, hướng về cội nguồn.

- Giáo dục thế hệ sau về truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc; bồi đắp lòng yêu nước, tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc.

**Câu 4b**. HS nêu suy nghĩa của bản thân.

Có thể như: Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Trong truyện Thánh Gióng, lòng yêu nước, tinh thần chống giặc ngoại xâm được thể hiện qua tiếng nói đánh giặc của cậu bé Gióng, qua việc nhân dân đoàn kết góp gạo nuối Gióng. Điều đó thể hiện ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trước vận mệh dân tộc, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự đồng lòng của cả dân tộc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của ông cha ta khiến em vô cùng khâm phục, tự hào và nguyện sẽ phát huy trong hiện tại.

**Câu 4c.**

- Truyện *Thánh Gióng* muốn ca ngợi công cuộc chống ngoại xâm, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết làm nên sức mạnh của cả cộng đồng, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.

- Từ đó, truyện để lại cho em bài học về giữ gìn, xây dựng và bảo vệ đất nước.

**3. Luyện đề Đọc hiểu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*“Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.*

*Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.*

*Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lũ dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.”*

*(Trích Sơn Tinh, Thủy Tinh)*

**Câu 1:** Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

**Câu 2:** Vì sao văn bản được xếp theo thể loại truyền thuyết?

**Câu 3**: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì ? **Câu 4:** Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần làm gì?

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Tác phẩm: “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh”

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

**Câu 2:**

- Vì có liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử:

+ Nhân vật: Vua Hùng, Mị Nương

+ Sự kiện: chống lại thiên tai, bão lũ, đắp đê trị thủy của nhân dân ta ở vùng đồng bằng sông Hồng thời xa xưa.

- Lời kể có chi tiết hư cấu, kì ảo: Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh; Sơn Tinh bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi.

**Câu 3**: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho người đọc

- Lời kể trùng điệp tạo cảm giác tăng dần mức độ của hành động, dồn dập cảm xúc, gây ấn tượng mạnh, dữ dội về kết quả của hành động trả thù của Thủy Tinh, theo đúng mạch truyện.

**Câu 4:**

Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần:

- Chủ động, có ý thức chuẩn bị khi thiên tai xảy ra.

- Trồng thêm nhiều cây xanh, bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Tuyên truyền để mọi người cùng có ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Kiên quyết xử lí những hành vi gây tổn hại môi trường.

- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở nơi sinh sống.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*“Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần thần mới hiện lên.*

*Bấy giờ ở vùng đất cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở trên cạn ở cung điện Long Trang.*

*[...]*

*Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô [5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.*

*Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là*[*con Rồng cháu Tiên*](https://truyendangian.com/truyen-thuyet-con-rong-chau-tien-tram-trung-no-tram-con/)*.”*

*(Trích truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên)*

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

**Câu 2:** Lạc Long Quân đã có những hành động nào để giúp dân?

**Câu 3:** Lời kể nào trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?

**Câu 4:** Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc?

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Lạc Long Quân đã có những hành động để giúp dân:

- Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành.

- Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

**Câu 3:**

- Lời kể trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ: *Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô [5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.*

=> Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó:

+ Tạo niềm tin, làm tăng tính xác thực cho câu chuyện kể về nguồn gốc của người Việt Nam

+ Chúng ta tự hào về nguồn gốc cao quý, ra sức mạnh, tinh thần đoàn kết, yêu thương cho dân tộc.

+ Làm tăng thêm vẻ đẹp kì lạ thiêng liêng cho lịch sử dựng nước (nhà nước Văn Lang, các triều đại vua Hùng), địa danh (Phong Châu)

**Câu 4:** Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc ?

Theo em, mỗi chúng ta cần làm gì để gìn giữ và phát huy nguồn gốc cao quý của người Việt trong thời đại ngày nay ?

- Cần rèn luyện những phẩm chất cao đẹp của người Việt như: nhân ái, đoàn kết, tự lực tự cường...

- Cần chăm chỉ học tập để trau dồi kiến thức để làm chủ cuộc sống, góp phần đất nước giàu đẹp.

- Cần rèn luyện sức khỏe, kĩ năng, thói quen tốt để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kì mới.

**VĂN BẢN THẠCH SANH**

**I. Truyện truyền thuyết, truyện cổ tích**

**a. Khái niệm**

- *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.

- *Truyện cổ tích* là loại truyện dân gian, thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật như: nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật bất hạnh, nhân vật ngốc nghếch, người mang lốt vật,... nhằm thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu....

**b. Đặc điểm: So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:**

+ **Giống nhau:**  
- Đều là một thể loại văn học dân gian.  
- Đều có yếu tố kì ảo.

+ **Khác nhau:**  
- Truyền thuyết ra đời trước truyện cổ tích.  
- Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ; truyện cổ tích phản ánh cuộc sống hằng ngày của nhân dân ta.  
- Truyền thuyết có cốt lõi là những sự thực lịch sử còn cổ tích hoàn toàn hư cấu.  
- Trong truyền thuyết, yếu tố kì ảo đóng vai trò thần kì hóa để ngợi ca các nhân vật lịch sử còn trong cổ tích, yếu tố hoang đường, kì ảo đóng vai trò cán cân công lí, thể hiện khát vọng công bằng, mơ ước và niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt với cái xấu.  
- Truyền thuyết thể hiện quan điểm, thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể; truyện cổ tích biểu hiện cách nhìn hiện thực của nhân dân đối với thực tại, đồng thời nói lên những quan điểm đạo đức, những quan niệm về công lí xã hội và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc sống hiện tại.

**c. Phân loại:**

### ***- Phân loại truyền thuyết***

+ Truyền thuyết thời Hùng Vương - thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.

+ Truyền thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyền thuyết thời Hùng Vương.

**- Phân loại truyện cổ tích:**

+ Cổ tích về loài vật

+ Cổ tích thần kì

**II. Phân tích văn bản**

**1. Tìm hiểu chung**

- **Thể loại:** Truyện cổ tích

**- Phư­ơng thức biểu đạt chính:** Tự sự

***-* Ngôi kể**: ngôi thứ ba

- **Nhân vật chính:** Thạch Sanh- Kiểu nhân vật dũng sĩ (mồ côi, có tài năng kì lạ).

**\* Bố cục:** có thể chia theo 5 đoạn như SGK hoặc chia thành 03 phần như sau:

+ Từ đầu đến *mọi phép thần thông*: sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh

+ Phần tiếp theo đến *rồi kéo nhau về nước* : các chiến công của Thạch Sanh

+ Câu cuối: hạnh phúc mà nhân vật tìm được

**2. Các sự việc chính**

- Sự ra đời kì lạ của Thạch Sanh

- Lí Thông kết nghĩa anh em với TS lợi dụng TS

- Thạch Sanh trải qua thử thách và lập chiến công

- Thạch Sanh được truyền ngôi báu

Truyện cổ tích "Thạch Sanh" với hình ảnh chàng dũng sĩ chất phác, thật thà, dũng cảm đã thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện. Hãy cùng Tư liệu Ngữ văn THCS ôn tập lại các nội dung chính của văn bản Thạch Sanh. Hi vọng bài ôn tập này sẽ hữu ích đối với thầy cô và các em trong quá trình ôn tập Văn 6.

### 3. Tóm tắt

Thạch Sanh vốn mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong túp lều dưới gốc đa và gia tài chỉ có lưỡi búa cha để lại. Thấy Thạch Sanh khỏe, Lí Thông lân la kết nghĩa anh em. Thạch Sanh về sống với mẹ con Lí Thông.Trong vùng có một con chằn tinh hung dữ, mỗi năm người dân phải nộp người cho nó ăn thịt. Tới phiên Lí Thông, hắn lừa Thạch Sanh đi nộp mạng thay mình. Thạch Sanh giết chết chằn tinh. Lí Thông lại lừa chàng đi trốn rồi cướp công của Thạch Sanh. Trong ngày hội nhà vua kén phò mã, công chúa bị đại bàng quắp đi. Thạch Sanh thấy đại bàng cắp người thì bắn nó và lần theo dấu máu vào hang cứu công chúa. Lí Thông lại một lần nữa lừa Thạch Sanh, hắn lấp miệng hang nhốt chàng dưới vực.  Thạch Sanh giết đại bàng và cứu con vua Thủy Tề, chàng được tặng nhiều vàng bạc nhưng chỉ xin một cây đàn trở về gốc đa. Hồn chằn tinh và đại bàng vu oan cho Thạch Sanh, chàng bị bắt vào ngục. Trong ngục chàng lôi đàn ra gẩy kể về nỗi oan khiên của mình. Lí Thông bị trừng trị, Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa cho.Các nước chư hầu tức giận đem quân sang đánh, Thạch Sanh mang đàn ra gảy, 18 nước chư hầu xin hàng, Thạch Sanh nấu cơm thết đãi. Quân sĩ coi thường, ăn mãi không hết, họ kính phục rút quân về nước. Thạch Sanh được truyền ngôi báu.

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

- Kết cấu, cốt truyện mạch lạc, sắp xếp tình tiết rất khéo léo, hoàn chỉnh.

- Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản hầu như xuyên suốt truyện (Thạch Sanh và Lý Thông) → Tạo cho cốt truyện vững chắc, tập trung.

- Các chi tiết, yếu tố thần kì có ý nghĩa thẩm mĩ

**\*Nội dung:**

- Truyện ngợi ca những chiến công rực rỡ  và những phẩm chất cao đẹp của người anh hùng.

- Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, về chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh.

- Đồng thời, qua tác phẩm này, chúng ta còn hiểu được lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta.

**II. Phân tích văn bản**

**1. Nhân vật Thạch Sanh**

*\* Nguồn gốc, xuất thân của người dũng sĩ: vừa bình thường lại vừa phi thường*

### -  Nhân dân vừa muốn tô đậm hình ảnh đẹp đẽ về những người anh hùng (người anh hùng là người phi thường ngay từ trong nguồn gốc) lại vừa ước mong có được những người anh hùng bình dị trong cuộc sống đời thường.

### - Thạch Sanh tuy là thái tử đầu thai (nhân vật dũng sĩ phi thường từ ngay trong nguồn gốc) nhưng lại có xuất thân giống như kiểu nhân vật bất hạnh à nhân dân ta luôn hướng tới những nhân vật nhỏ bé, bất hạnh

### => Quan niệm của nhân dân:

### - Người anh hùng toàn thiện, toàn mĩ

### - Luôn hướng tới những con người bất hạnh.

### *\* Người dũng sĩ trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc*

### - Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, chàng dũng sĩ Thạch Sanh phải trải qua bao khó khăn, thử thách:

### + Bị lừa, giết chằn tinh

### + Giết đại bàng, bị lấp hang

### + Bị vu oan

### + Đánh nhau với quân mười tám nước chư hầu

### Nhưng bằng sự dũng cảm, sức mạnh, lòng mưu trí của mình, chàng đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách và lập được nhiều chiến công: chiến công với xóm làng, với nhân dân, với đất nước.

### Độ khó của thử thách, ý nghĩa của chiến công ngày càng tăng.

### Qua những thử thách, người anh hùng bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của mình.

### \*  Thạch Sanh giết chằn tinh

### - Thạch Sanh giết chằn tinh trong hoàn cảnh bị lừa đi canh miếu à không hề có sự phòng bị, hoàn toàn bất ngờ

### -  Phẩm chất của Thạch Sanh: tốt bụng (Lí Thông nhờ liền vui vẻ nhận lời), cả tin (Lí Thông nói liền tin), dũng cảm, sức mạnh, tài phép phi thường (không núng, chỉ một lúc đã xả xác con quái vật ra làm hai).

### - Mang lại sự bình yên cho xóm làng.

### \*Thạch Sanh giết đại bàng

### - Vẫn tiếp tục thể hiện sự dũng cảm, sức mạnh và tài phép; sự tốt bụng, cả tin của mình, nhưng ở thử thách này, Thạch Sanh còn cho người đọc thấy được việc chàng lập công hoàn toàn là vô tư, lập công vì chính nghĩa chứ không vì vụ lợi. Bởi vậy, chàng không tham lam, không nhận vàng bạc mà chỉ nhận một cây đàn rồi trở về sống dưới gốc đa.

### => Việc nhận phần thưởng sau khi lập công là việc xứng đáng với người dũng sĩ. Nhưng Thạch Sanh không nhận vàng bạc, bình thản trở về gốc đa để sống một cuộc sống nghèo khó khiến chúng ta càng thêm khâm phục, yêu mến. Cây đàn mà Thạch Sanh mang theo còn khiến cho hình ảnh chàng dũng sĩ trở nên thơ mộng, lãng mạn. Phải chăng, qua thử thách này, nhân dân ta muốn ca ngợi: người dũng sĩ chân chính phải là người chiến đấu về công lý chứ không vì bất cứ mưu lợi cá nhân nào, và ngoài việc chiến đấu, họ cũng có một tâm hồn thật nghệ sĩ.

### *\*  Bị vu oan*

### - Lần này, Thạch Sanh không vượt qua thử thách bằng cung tên, bằng tài phép, chàng vượt qua bức tường ngục tù tưởng như không vượt qua nổi bằng chính tiếng đàn kì diệu của mình.

### - Nhân vật tài hoa, ung dung trước khó khăn, thử thách.

### - Hẳn tiếng đàn của Thạch Sanh phải réo rắt, du dương, sống động, phải kể được mọi nỗi niềm của kẻ bị oan khuất mới có thể khiến cho công chúa nhận ra chàng dù cách mấy bức tường cung cấm. Thạch Sanh không chỉ là người dũng sĩ, chàng còn là một nghệ sĩ, người nghệ sĩ đích thực với tiếng đàn lay động lòng người. Hơn nữa, người có thể gẩy được đàn trong hoàn cảnh ngục tù cũng chỉ có thể là người vô cùng dũng cảm, hoặc là người vô cùng tin tưởng vào công lí, vào sự trong sạch của bản thân mình.

### ? Khi được giải oan, Thạch Sanh hiểu ra sự độc ác của Lí Thông. Nhưng chàng lại tha cho mẹ con Lí Thông. Chi tiết ấy giúp em hiểu được Thạch Sanh có lòng vị tha, bao dung vô cùng.

### \* Thạch Sanh đánh lui quân mười tám nước chư hầu

### - Thạch Sanh dùng tiếng đàn để đánh tan ý chí chiến đấu và dùng niêu cơm để thu phục lòng người

### - Không dùng vũ khí, chiến thắng bằng lòng vị tha, nhân hậu

### - Khi đối diện với yêu quái, Thạch Sanh dũng mạch diệt trừ chúng. Nhưng khi đối diện với những con người, dù tham làm, độc ác như Lí Thông hay hung hăng như quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh đều không dùng đến vũ khí, dùng sức mạnh. Giữa con người với con người, chàng luôn bao dung.

### *c. Hạnh phúc xứng đáng dành cho người dũng sĩ*

### - Thạch Sanh lên ngôi vua à Phần thưởng cao nhất, xứng đáng nhất dành cho người dũng sĩ

### - Niềm tin của nhân dân: ở hiền gặp lành

### *\* Bảng tổng kết: Những thử thách, chiến công của nhân vật Thạch Sanh*

### 2. Nhân vật Lý Thông

### - Nhân vật ác >< Thạch Sanh: thiện

### - Lý Thông: vụ lợi, tham lam, ích kỉ, độc ác

### - Cái ác trong truyện cổ tích không đơn thuần chỉ là ác độc mà còn có rất nhiều đặc điểm kèm theo: xấu xa, ích kỉ, tham lam

### - Nhân vật Lí Thông là minh chứng cho quan niệm dân gian: ác giả ác báo. Thạch Sanh đã tha cho mẹ con Lí Thông nhưng vì sao tác giả dân gian vẫn để cho Lí Thông phải chết à cái ác phải được trừng phạt.

**DÀN Ý BÀI VĂN**

**1. Nêu vấn đề:**

- Giới thiệu về thể loại truyện cổ tích (khái niệm truyện cổ tích, khái quát đặc trưng thể loại truyện cổ tích…)

- Giới thiệu về truyện cổ tích “Thạch Sanh” , khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…

**2. Giải quyết vấn đề:**

**a. Sự ra đời và lớn lên củaThạch Sanh**

- Là thái tử con Ngọc Hoàng

- Mẹ mang thai trong nhiều năm

- Lớn lên mồ côi cha mẹ, sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi

- Được thiên thần dạy đủ võ nghệ

**=> Vừa bình thường, vừa khác thường**

- Kể về sự ra đời và lớn lên của TS nhân dân ta nhằm:

+ Tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện.

+ Thể hiện ước mơ, niềm tin: con người bình thường cũng là những con người có phẩm chất kì lạ.

**b. Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh**

- Bị mẹ con Lí Thông lừa đi canh miếu thờ, thế mạng - TS diệt chằn tinh.

- Xuống hang diệt đại bàng, cứu công chúa, bị Lí thông lấp của hang- TS diệt đại bàng, cứu công chúa, cứu con vưa Thuỷ Tề.

- Bị hồn chằn tinh, đại bàng báo thù, TS bị bắt vào ngục- TS minh oan, lấy công chúa

- 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh - TS chiến thắng 18 nước chư hầu, được nối ngôi.

**=>** Thử thách ngày một tăng, mức độ ngày càng nguy hiểm thì chiến công càng ực rỡ vẻ vang**.**

- Qua các thử thách, TS đã bộc lộ nhiều phẩm chất đáng quý:

+ Sự thật thà chất phác

+ Sự dãng cảm và tài năng

+ Nhân hậu, cao thượng, yêu hoà bình.

**c. Nhận xét về kết thúc truyện**

Thạch Sanh được cưới công chúa, lại được vua nhường ngôi cho. Còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung.

=> Ý nghĩa kết thúc truyện: Đây là kết thúc có hậu:

+ Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời

+ Thể hiện thái độ kiên quyết của nhân dân muốn trừng phạt cái ác: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi thì chưa đủ. Hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật bẩn thỉu. Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con LT không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ.

**3.** **Đánh giá khái quát**

**\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**

**- Nghệ thuật**

+ Kết cấu, cốt truyện mạch lạc, sắp xếp tình tiết rất khéo léo, hoàn chỉnh.

- Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản hầu như xuyên suốt truyện (Thạch Sanh và Lý Thông) → Tạo cho cốt truyện vững chắc, tập trung.

- Các chi tiết, yếu tố thần kì có ý nghĩa thẩm mĩ: sự ra đời của Thạch Sanh, các chiến công của Thạch Sanh, chi tiết tiếng đàn thần kì và niêu cơm thần kì; các nhân vật và con vật thần kì.

-**Nội dung:**

+ Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người...  
 + Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện.

\***Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của bản thân.**

**Đề bài: Cảm nhận về truyện cổ tích Thạch Sanh**

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Truyện cổ tích Việt Nam luôn có một sức hút vô cùng to lớn đối với bất cứ thế hệ người Việt nào.Dù là truyện loài vật, thần kì hay sinh hoạt thì truyện cổ tích vẫn mang yếu tố chính là phản ánh những sự việc xảy ra trong xã hội loài người. Truyện cổ tích Thạch Sanh  thuộc loại truyện thần kì kể về cuộc đời – một chàng dũng sĩ chất phác, thật thà, dũng cảm, trải qua bao khó khăn thử thách để tới được hạnh phúc chân chính, qua đó thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện.

       Truyện kể về nhân vật chính là Thạch Sanh - kiểu nhân vật dũng sĩ có sức khỏe, có tài năng; vượt qua bao chiến công, thử thách để tìm được hạnh phúc đích thực của mình. Bố cục của truyện có thể chia làm ba ph. Từ đầu đến *mọi phép thần thông* nói về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh; phần tiếp theo đến *rồi kéo nhau về nước* kể về các chiến công của Thạch Sanh. Câu cuối nói lên hạnh phúc mà nhân vật tìm được. Ta có thể chia phần thân truyện thành các chặng: kết nghĩa; diệt chằn tinh, bị cướp công; diệt đại bàng, cứu công chúa, lại bị cướp công; bị vu oan, vào tù; được giải oan; chiến thắng quân mười tám nước chư hầu. Bố cục truyện như vậy giúp người đọc thấy rõ đặc điểm của truyện cổ tích về nhân vật dũng sĩ: vượt qua rất nhiều thử thách, lập chiến công và được hưởng hạnh phúc - là cốt truyện thường thấy của thể loại truyện cổ tích. Truyện tuy có những chi tiết thần kì giữ vai trò mở nút thắt trong từng tình huống, nhưng trên tất cả là thề hiện ước mơ cháy bỏng của nhân dân lao động về hạnh phúc gia đình, về lẽ công bằng xã hội, về phẩm chất và năng lực tuyệt vời của con người.

Phần mở đầu truyện, tác giả dân gian kể lại sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh.Những chi tiết vừa tô đậm sự khác thường, vừa nói lên sự bình thường trong nguồn gốc và xuất thân của Thạch Sanh: vốn là thái tử con Ngọc Hoàng; được đầu thai xuống làm con một cặp vợ chồng nghèo nhưng tốt bụng; được mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra. Khi Thạch Sanh vừa khôn lớn thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi. Khi lớn lên, Thạch Sanh được thiên thần dạy đủ võ nghệ. Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh, nhân dân ta nhằm tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện. Đồng thơi tác giả dân gian muốn thể hiện ước mơ, niềm tin: con người bình thường cũng là những con người có phẩm chất kì lạ.Thạch Sanh tuy là thái tử đầu thai (nhân vật dũng sĩ phi thường từ ngay trong nguồn gốc) nhưng lại có xuất thân giống như kiểu nhân vật bất hạnh. Điều đó cũng phản ánh kiểu nhân vật trong truyện cổ tích mà ntác giả dân gian luôn hướng tới đó là những nhân vật nhỏ bé, bất hạnh.

Phần thân truyện, tác giả dân gian phản ánh hành trình người dũng sĩ đi kiếm tìm hạnh phúc gắn với những thử thách và chiến công phi thường. Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, chàng dũng sĩ Thạch Sanh phải trải qua bao khó khăn, thử thách: bị lừa, giết chằn tinh; giết đại bàng, bị lấp hang; bị vu oan và đánh thắng quân mười tám nước chư hầu. Tuy phải đối mặt với bao khó hhưng bằng sự dũng cảm, sức mạnh, lòng mưu trí của mình, chàng đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách và lập được nhiều chiến công: chiến công với xóm làng, với nhân dân, với đất nước. Độ khó của thử thách, mức độ nguy hiểm càng tăng thì chiến thắng cua người anh hùng càng vẻ vang. Qua những thử thách, người anh hùng bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của mình.

Trước tiên là chiến công củaThạch Sanh giết chằn tinh. Thạch Sanh giết chằn tinh trong hoàn cảnh bị lừa người anh kết nghĩa Lý Thông lừa đi canh miếu hộ để thế mạng. Thạch Sanh không hề có sự phòng bị, hoàn toàn bất ngờ. Thử thách làm nổi bật sự tốt bụng của Thạch Sanh (Lý Thông nhờ liền vui vẻ nhận lời), sự cả tin (Lý Thông nói liền tin) và sự dũng cảm, sức mạnh, tài phép phi thường (không núng, chỉ một lúc đã xả xác con quái vật ra làm hai). Chiến công giết chằn tinh của chàng đã mang lại sự bình yên cho xóm làng.

Tiếp theo là chiến công củaThạch Sanh giết đại bàng. Vẫn tiếp tục thể hiện sự dũng cảm, sức mạnh và tài phép; sự tốt bụng, cả tin của mình, nhưng ở thử thách này, Thạch Sanh còn cho người đọc thấy được việc chàng lập công hoàn toàn là vô tư, lập công vì chính nghĩa chứ không vì vụ lợi. Bởi vậy, chàng không tham lam, không nhận vàng bạc mà chỉ nhận một cây đàn của vua Thuỷ Tề rồi trở về sống dưới gốc đa.Việc nhận phần thưởng sau khi lập công là việc xứng đáng với người dũng sĩ. Nhưng Thạch Sanh không nhận vàng bạc, bình thản trở về gốc đa để sống một cuộc sống nghèo khó khiến chúng ta càng thêm khâm phục, yêu mến. Cây đàn mà Thạch Sanh mang theo còn khiến cho hình ảnh chàng dũng sĩ trở nên thơ mộng, lãng mạn. Phải chăng, qua thử thách này, nhân dân ta muốn ca ngợi: người dũng sĩ chân chính phải là người chiến đấu về công lý chứ không vì bất cứ mưu lợi cá nhân nào, và ngoài việc chiến đấu, họ cũng có một tâm hồn thật nghệ sĩ. Chi tiết cây đàn của vua Thuỷ Tề tặng Thạch Sanh cũng được khéo léo cài đặt để tạo sự sự tiếp nối ở cốt truyện ở phần sau.

Không màng danh lợi, trở về dưới gốc đa tiếp tục công việc kiếm củi kiếm sống qua ngày nhưng Thạch Sanh lại bị hồn của chằn tinh và đại bàng bày mưu vu oan.Lần này, Thạch Sanh không vượt qua thử thách bằng cung tên, bằng tài phép, chàng vượt qua bức tường ngục tù tưởng như không vượt qua nổi bằng chính tiếng đàn kì diệu của mình. Điều đó chứng tỏ dù trong hoàn cảnh tù ngục thì chàng Thạch Sanh vẫn thể hiện sự tài hoa, ung dung trước khó khăn, thử thách.Hẳn tiếng đàn của Thạch Sanh phải réo rắt, du dương, sống động, phải kể được mọi nỗi niềm của kẻ bị oan khuất mới có thể khiến cho công chúa nhận ra chàng dù cách mấy bức tường cung cấm. Thạch Sanh không chỉ là người dũng sĩ, chàng còn là một nghệ sĩ, người nghệ sĩ đích thực với tiếng đàn lay động lòng người. Hơn nữa, chàng có thể gẩy được đàn trong hoàn cảnh ngục tù cũng chỉ có thể là người vô cùng dũng cảm, hoặc là người vô cùng tin tưởng vào công lí, vào sự trong sạch của bản thân mình. Sau khi được giải oan, Thạch Sanh hiểu ra sự độc ác của Lí Thông. Nhưng chàng lại tha cho mẹ con Lí Thông. Chi tiết ấy giúp ta hiểu được lòng vị tha, bao dung vô cùng của Thạch Sanh.

Thạch Sanh còn phải vượt qua thử thạch cuối cùng để đem lại hoà bình cho đất nước, nhân dân đó là thử thách đánh lui quân mười tám nước chư hầu.Thạch Sanh dùng tiếng đàn để đánh tan ý chí chiến đấu và dùng niêu cơm để thu phục lòng người. Thạch Sanh  không dùng vũ khí mà chiến thắng quân giặc bằng lòng vị tha, nhân hậu. Khi đối diện với yêu quái, Thạch Sanh dũng mạch diệt trừ chúng. Nhưng khi đối diện với những con người, dù tham làm, độc ác như Lí Thông hay hung hăng như quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh đều không dùng đến vũ khí, không dùng sức mạnh. Giữa con người với con người, chàng luôn bao dung.

Cuối cùng, sau bao thử tháchthì hạnh phúc xứng đáng dành cho người dũng sĩ, còn cái ác bị trừng trị đích đáng. Thạch Sanh được cưới công chúa, lại được vua nhường ngôi cho; còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung. Đây là kết thúc có hậu thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời. Đồng thời kết thúc truyện còn thể hiện thái độ kiên quyết của nhân dân muốn trừng phạt cái ác: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi thì chưa đủ, hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật bẩn thỉu. Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con Lý Thông không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ.

Truyện cổ tích Thạch Sanh đã thành công đặc sắc về cả mặt nghệ thuật và nội dung. Để tạo nên sự hấp dẫn, ta không thể không nhắc đến những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật. *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích có cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính. Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập: Thạch Sanh đại diện cho cái thiện, mẹ con Lý Thông, hồn chằn tinh, đại bàng đại diện cho cái xấu cái ác. Thông qua việc xây dựng hai tuyến nhân vật này nhân dân ta còn khẳng định một đạo lí ngàn đời đó là *“Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”*. Các chi tiết nghệ thuật được sắp đặt khéo léo, có quan hệ mật thiết với nhau, đặc biệt là các chi tiết thần kì như *cung tên vàng, đàn thần, niêu cơmthần* không chỉ làm tăng sức hấp dẫn cho cốt truyện mà còn chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu xa, thể hiện mơ ước, khát vọng của nhân dân. Bằng những nghệ thuật đặc sắc, truyện đã ngợi ca những chiến công rực rỡ  và những phẩm chất cao đẹp của người anh hùng; thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, về chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh. Đồng thời, qua tác phẩm này, chúng ta còn hiểu được lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta.

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1**. Câu nào dưới đây **không** nói về hoàn cảnh của Thạch Sanh khi chàng lớn lên?

A. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong một túp lều dựng dưới gốc đa.

B. Được vợ chồng bá hộ thương tình nhận làm con nuôi.

C. Cuộc sống rất nghèo khổ, gia tài chỉ có một lưỡi búa do cha để lại.

D. Được Ngọc Hoàng sai người xuống dạy võ nghệ.

**Đáp án B**

**Câu 2.** Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?

A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.

B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.

D. Vì Lí Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.

**Đáp án C**

**Đáp án B**

**Câu 3**. Trong truyện Thạch Sanh, chi tiết nào sau đây không mang tính tưởng tượng?

A. Thạch Sanh được sinh ra là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai.

B. Người mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh, C. Khi Thạch Sanh lớn lên, các vị tiên trên trời xuống dạy võ nghệ và các phép biến hóa.

C. Thạch Sanh mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong một túp lều tranh cạnh cốc đa.

D. Tiếng đàn của Thạch Sanh vừa cất lên thì quân lính của 18 nước chư hầu bủn rủn chân tay, không còn nghĩ gì đến chuyện đánh nhau nữa.

**Đáp án C**

**Câu 4:** Trong truyện Thạch Sanh, mẹ Thạch Sanh mang thai chàng trong trường hợp nào?

A. Cha mẹ Thạch Sanh nghèo nhưng tốt bụng, được Ngọc Hoàng thương tình sai thái tử xuống đầu thai làm con.

B. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái sọ dừa, từ đó bà mang thai.

C. Người mẹ ra đồng thấy một bàn chân to liền ướm thử và mang thai.

D. Người mẹ nằm mộng thấy một vị tiên gõ đôi đũa thần vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.

**Đáp án A**

**Câu 5.** Trong truyện Thạch Sanh, mẹ con Lí Thông là người như thế nào?

A. Là người nông dân chất phát, thật thà nhưng tốt bụng.

B. Là người ti tiện, bủn xỉn, chỉ muốn lấy của người khác,

C. Là người gian xảo, có lòng dạ nham hiểm và độc ác.

D. Là người có phép thuật và thường xuyên sử dụng phép thuật ấy để làm hại người khác.

**Đáp án C**

**Câu 6**. Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hóa quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm thần có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta.

B. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta.

C. Thể hiện sự tài giỏi của Thạch Sanh.

D. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại, những người yêu chuộng hòa bình sẽ thắng lợi.

**Đáp án A**

**2. Bài tập Đọc – Hiểu**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Truyện Thạch Sanh là một trong những truyện cổ tích hay và đặc sắc nhất trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Cuộc đời và những chiến công của Thạch Sanh cùng với sự hấp dẫn của những chi tiết thần kì trong truyện sẽ còn mãi sức hấp dẫn, say mê với các thế hệ người đọc, người nghe.*  *có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.*  *Bấy giờ, trong vùng có con chằn tinh, có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bổ vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân phải lập cho nó miếu thờ, hằng năm nạp một mạng người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ phá phách.*  *Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:*  *- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh, đến sáng thì về.*  *Thạch Sanh thật thà, nhận lời đi ngay..*  *(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, trang 19 - 20)*  **Câu 1**. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.  **Câu 2.** Chỉ ra chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.  **Câu 3**. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh?  **Câu 4**. Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân trong cách ứng xử với mọi người? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Đoạn trích được trích từ truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:**

Chi tiết thần kì có trong đoạn trích là chi tiết về chằn tinh có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người.

**Câu 3:** Bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh thể hiện qua đoạn trích:

+ Lý Thông: gian xảo, ích kỉ, nham hiểm (kết nghĩa anh em với Thạch Sanh nhằm mưu lợi; lừa Thạch Sanh đi chết thay mình).

+ Thạch Sanh thật thà, vị tha, có phần cả tin .

Sự đối lập giữa hai nhân vật là sự đối lập giữa phe thiện và phe ác.

**Câu 4: HS nêu suy nghĩ của bản thân.**

Có thể nêu: Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học cho bản thân: Trong cách ứng xử với mọi người, ta không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà lợi dụng người khác; cần phải biết sống vì người khác. Bên cạnh đó, ta cũng cần đề phòng trước những kẻ xấu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  “*Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp ra hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đố họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước*  *Về sau, vua không có con trai, đã nhường ngôi cho Thạch Sanh*”.  *(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, tập 1, trang 21)*  **Câu 1**. Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại nào? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào?  **Câu 2a**.Xác định ít nhất 01 từ ghép có trong đoạn trích. Đặt 01 câu với từ ghép đó (Không viết lại câu đã có trong đoạn trích đọc hiểu).  **Câu 2b**. Phân loại các từ trong câu sau theo cấu tạo từ:  “*Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”*  **(GV chọn một trong 2 câu: 2a hoặc 2b)**  **Câu 3**.Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.  **Câu 4**. Nêu chủ đề của truyện “Thạch Sanh”. Kể tên những truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh” (Kể tối thiểu 03 truyện) |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**:

* Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại truyện cổ tích.
* Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật dũng sĩ.

**Câu 2a:** HS tự xác định 01 từ ghép có trong đoạn trích và đặt câu.

Ví dụ: từ ghép “niêu cơm”

Đặt câu: Hình ảnh niêu cơm thần kì là chi tiết đặc sắc, có giá trị thẩm mĩ cao trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

**Câu 2b:**

Câu văn: “*Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ ghép** | **Từ láy** |
| *Cả, mấy, vạn, thấy, chỉ, cho, dọn, ra, có, một, không, muốn* | *tướng lĩnh, quân sĩ, niêu cơm, tí xíu, bĩu môi, cầm đũa* | *vẻn vẹn* |

**Câu 3:**

- Chi tiết thần kì trong đoạn trích: niêu cơm thết đãi quân lính 18 nước chư hầu của Thạch Sanh cứ ăn hết lại đầy.

- Ý nghĩa của chi tiết niêu cơm thần kì: tượng chưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.

**Câu 4:**

- Chủ đề: phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện)

- Một số truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh”:

*+ Tấm Cám*

*+ Cây tre trăm đốt*

*+ Cây khế*

**3. Đề đọc hiểu ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**:  *“Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá kình nuốt chửng cô vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá cọ mạnh vào nhau, bật lửa lên, rồi xẻo thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa cảnh đảo hoang vắng.*  *Một hôm, có thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống nhìn thấy, gáy to ba lần:*  *Ò…ó…o*  *Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về*  *Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khấp khởi mừng thầm, chắc mẩm chuyến này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị thay nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai cô chị xấu hổ quá, lẻn ra về lúc nào không ai hay rồi bỏ đi biệt xứ.”*  (Theo *Sọ Dừa)*  **Câu 1:** Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.  **Câu 2: Phân loại từ đơn, từ ghép, từ láy có trong câu văn sau:**  “*Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo*”  **Câu 3a**. Cách ứng xử của Sọ Dừa từ khi đưa vợ về nhà trong đoạn trích trên cho thấy phẩm chất gì của chàng?  **Câu 3b:** Kết cục của truyện “Sọ Dừa” thể hiện mơ ước gì của nhân dân trong cuộc sống?  (GV chọn một trong hai câu 3a hoặc 3b)  **Câu 4a.** Theo em, lòng đố kị gây ra những hậu quả gì?  **Câu 4b.**Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người hay chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh? Vì sao?  (GV có thể chọn 1 trong hai câu 4a hoặc 4b). |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Chi tiết kì ảo:

- Vợ Sọ Dừa thoát khỏi bụng cá, sống sót trên đảo.

- Gà trống gáy thành tiếng người.

**Câu 2:**

Câu văn*: “Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo*”:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ đơn | Từ ghép | Từ láy |
| Sẵn, có, đâm, cá, nổi, trên, rồi, dạt, vào, một | Con dao, cô em, đâm chết, xác cá, hòn đảo. | Lềnh bềnh, mặt biển |

**Câu 3a.** Đoạn trích làm nổi bật khả năng, phẩm chất sau của Sọ Dừa:

- Lo lắng, thương yêu vợ và có trí tuệ sáng suốt khi dự đoán trước được sự việc vợ ở nhà sẽ bị hãm hãi.

- Trí tuê sáng suốt còn bộc lộ khi Sọ Dừa bố trí tiệc ăn mừng, cố ý để vợ trong buồng để hai cô chị tự mình thấy xấu hổ về hành động của mình.

- Sọ Dừa còn là người nhân đức và độ lượng: mặc dù biết rõ lòng dạ độc ác của hai người chị nhưng chàng không một lời trách cứ, chỉ lặng lẽ đưa vợ ra chào khiến hai người chị xấu hổ, nhục nhã mà âm thầm trốn đi biệt xứ.

**=>** Vẻ đẹp của Sọ Dừa chính là vẻ đẹp trí tuện và tấm lòng nhân hậu, độ lượng của nhân dân.

**Câu 3b:** Kết thúc của câu chuyện này đã thể hiện mong ước của dân gian: “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”: những con người nhỏ bé, thấp hèn, hình dạng xấu xí như Sọ Dừa hoặc con người tốt bụng, có lòng thương người như cô Út sẽ được hưởng hạnh phúc. Những kẻ xấu xa, có dã tâm độc ác như hai cô chị sẽ bị trừng phạt.

**Câu 4a:** HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:

- Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác.

- Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân.

- Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.

**Câu 4b:**

Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người chứ không chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh. Bởi vì truyện Sọ Dừa là câu chuyện thuộc kiểu người mang lốt vật, truyện luôn nhằm tập trung làm bật nổi phẩm chất ẩn bên trong hình hài dị dạng của nhân vật: nhân vật Sọ Dừa có sự đối lập giữa hình hài xấu xí bên ngoài với các phẩm chất cao quý bên trong. Sự đối lập giữa bề ngoài dị dạng và vẻ đẹp tài năng, phẩm chất cao quý thể hiện ước mơ của nhân dân về sự đổi đời (bù đắp) và đề cao, khẳng định giá trị chân chính của con người. Đó là giá trị tinh thần bên trong. Và khi đánh giá con người không chỉ nhìn ở góc độ bên ngoài mà phải nhìn ở phẩm chất bên trong mới thấy được vẻ đẹp thực sự.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Hồi đó, có một nước láng giềng lăm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đố làm sao xâu được sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.*  *Sau khi nghe xứ thần trình bày mục đích cuộc đi xứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vò đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút. Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ xâu, v.v… Nhưng, tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái đều được triệu vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.*  *Khi viên quan mang dụ chỉ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe nói việc xâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lê một câu:*  *Tang tình tang! Tang tình tang! Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng, Bên thời lấy giấy mà bưng, Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang*  *Tang tình tang….*  *rồi bảo:*  *- Cứ theo cách đó là xâu được ngay!*  *Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên, con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thán phục của sứ thần nước láng giềng.*  *Liền đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung để cho em ở, để tiện hỏi han”.*  *(*Theo *Em bé thông minh)*  **Câu 1**. Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích? **Câu 2**. Thử thách giải đố do ai đưa ra? Cách giải đố của nhân vật em bé có gì độc đáo?  **Câu 3.** Trong đoạn trích, việc giải đố đã thể hiện phẩm chất gì của nhân vật em bé?  **Câu 4.** Em có suy nghĩ gì về kết thúc truyện “Em bé thông minh”?  **Câu 5a:** Theo em, việc tích luỹ kiến thức từ đời sống có tác dụng gì đối với chúng ta?  **Câu 5b.** Nhớ lại và ghi ra những thử thách mà nhân vật em bé phải giải đố trong truyện “Em bé thông minh”. Em thấy thú vị với lần vượt qua thử thách nào nhất của nhân vật? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật thông minh.  
**Câu 2:**

- Thử thách giải đố do sứ thần nước láng giềng đưa ra.

- Cách giải đố của nhân vật em bé: Thay vì trả lời trực tiếp, em bé hát một câu, trong đó có chứa lời giải câu đố. Em bé đã vận dụng trí tuệ dân gian; câu đố với em cũng chỉ là một trò chơi.

**Câu 3:** Việc giải đố đã thể hiện sự thông minh, nhanh nhẹn, tài năng  của nhân vật em bé.

**Câu 4:** Truyện kết thúc có hậu, em bé được phong làm trạng nguyên, được tặng dinh thự. Đó là phẩn thưởng xứng đáng với tài năng, trí tuệ của em.

**Câu 5a. HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:**

**-** Việc tích luỹ kiến thức đời sống giúp ta có thể vận dụng vào những tình huống thực tế một cách nhạy bén, hợp lí mà đôi khi kiến thức sách vở chưa chắc đã dạy ta.

**-** Kiến thức đời sống phần lớn là kiến thức truyền miệng được ông cha ta đúc kết bao đời, truyền lại thế hệ sau nên đó là vốn trí tuệ nhân dân bao đời. Do đó kiến thức đời sống là kho kiến thức phong phú, vô tận mà ta có thể áp dụng linh hoạt, tuỳ từng hoàn cảnh.

**Câu 5b.**

**-** Trong truyện, em bé đã vượt qua 4 thử thách:

+ Lần thứ nhất: Trả lời câu hỏi phi lí của viên quan, khi viên quan hỏi cha cậu cày mỗi ngày được mấy đường.

+ Lần thứ hai: nhà vua bắt dân làng cậu bé nuôi trâu đực phải đẻ được con.

+ Lần thứ ba: Trả lời câu đố vua giao cho chính mình, làm sao thịt một con chim sẻ phải dọn thành ba cỗ bàn thức ăn

+ Lần thứ tư: câu đố hóc búa của sứ thần xâu sợi chỉ mềm qua đường ruột ốc xoắn dài.

- HS lựa chọn và lí giải thử thách nào bản thân thấy thú vị nhất.

**SỰ TÍCH HỒ GƯƠM**

**I. Tìm hiểu chung**

**-Thể loại:** Truyện truyền thuyết (Truyền thuyết về địa danh).

**- Phư­ơng thức biểu đạt chính:** Tự sự.

**- Bố cục văn bản**: *Văn bản chia làm 02 phần:*

- P1: Từ đầu đến *đất nước*: Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.

- P2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần

**1. Các sự việc chính**

- Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại.

- Long Quân quyết định cho mượn gươm thần.

- Lê Thận được lưỡi gươm dưới nước.

- Lê Lợi được chuôi gươm trên rừng, tra vào nhau vừa như in.

- Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm.

- Đât nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua, Long Quân cho đòi lại gươm thần.

- Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ hoàn kiếm.

**2. Tóm tắt truyện**

Nghĩa quân Lam Sơn chống giặc Minh nhưng nhiều lần bị thua. Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần. Lê Thận đánh cá ba lần đều bắt được thanh sắt, nhìn kĩ lại dưới mồi lửa mới nhận ra là thanh gươm. Một hôm Lê Lợi đến nhà Lê Thận, thanh gươm sáng rực lên, trên đố có khắc chữ “Thuận Thiên”, nhưng không ai biết đó là báu vật. Một lần bị giặc đuổi, Lê Lợi chạy vào rừng, bắt được chuôi gươm nạm ngọc trên cây đa. Ông đem về tra vào lưỡi ở nhà Lê Thận thì vừa như in, mới biết đó là gươm thần.Từ khi có gươm, nghĩa quân chiến thắng liên tiếp, đuổi hết quân xâm lược.Một năm sau khi thắng giặc, Lê Lợi đi thuyền chơi hồ Tả Vọng. Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại gươm. Lê Lợi trả gươm. Từ đó hồ mang tên Họ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

2. Sự tích Hồ Gươm ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa của nghĩa quân Lam Sơn. Nhờ có sức mạnh chính nghĩa, hợp lòng trời (thuận thiên) mà cuộc khởi nghĩa được nhân dân mọi miền ủng hộ, giúp đỡ và đã giành thắng lợi hoàn toàn.

- Việc trả gươm giải thích tên gọi mới của hồ Tả Vọng và nói lên mơ ước được sống trong hoà bình, không phải dùng vũ khí chiến tranh của nhân dân ta.

**3. Nội dung**

*a. Đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần vì:*

-Giặc Minh đô hộ nước ta, chúng làm nhiều điều bạo ngược, nhân dân ta căm thù chúng đến tận xương tuỷ.

-Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc nhưng thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua.

 -Đức Long Quân muốn cho nghĩa quân thắng giặc.

*b. Lê Lợi không trực tiếp nhận được thanh gươm.*

+ Đầu tiên là người đánh cá Lê Thận thả lưới bắt được gươm. Khi Lê Lợi đến nhà Lê Thận thì lưỡi gươm “sáng rực lên”. Trên gươm có hai chữ “Thuận Thiên”. Nhưng không ai biết đó là báu vật.

+ Khi Lê Lợi bị giặc đuổi, thấy “ánh sáng lạ”, ông bắt được chuôi gươm nạm ngọc trên cây đa.

+ Tra lưỡi gươm ở nhà Lê Thận vào chuôi gươm này thì “vừa như in”.

+ Lê Thận nâng gượm lên, dâng cho Lê Lợi.

-Cách Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm có ý nghĩa :

+ Sức mạnh của thanh gươm thần là sức mạnh tập hợp, từ vùng sông nước đến vùng rừng núi, từ miền xuôi đến miền ngược.

+ Mỗi bộ phận của gươm ở một nơi nhưng khi khớp lại thì “vừa như in”, thể hiện sự thống nhất nguyện vọng, ý chí chống giặc của toàn dân tộc.

+ Chữ “Thuận Thiên” trên lưỡi gươm nhấn mạnh tính chất chính nghĩa, hợp lòng người, hợp.lòng trời của nghĩa quán Lam Sơn.

*3.Sức mạnh của gươm thần thể hiện ở chỗ*

-Từ khi có gươm, nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng, quân Minh bạt vía.

-Từ bị động trốn tránh, nghĩa quân chủ động, xông xáo tìm giặc.

-Gươm thần mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, tiêu diệt và đuổi hết bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi đất nước.

*4. Long Quân đòi gươm*

Khi đất nước đã thanh bình, Lê Lợi đã lên ngôi vuạ và dời đồ về Thăng Long thì Long Quân đòi lại gươm.

-Cảnh đòi gươm và trả lại gươm diễn ra trên hồ Tả Vọng.

+ Nhà vua ngự thuyền rồng dạo chơi trên hồ, Long Quân sai Rùa Vàng, lên đòi lại gươm.

+ Khi Rùa Vàng nhô lên, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người động đậy. Rùa nổi tiếng người : “Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân”. Nhà vua trả gươm, Rùa Vàng đóp lấy lặn xuống nước. “Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hổ xanh”.

*5.Ý nghĩa của truyện Sự tích Hồ Gươm*

-Truyện ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Có chính nghĩa, được mọi người, mọi miền ủng hộ, cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn.

-Truyện đề cao, suy tồn vai trò của Lê Lợi, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã được Long Quân (tổ tiên của dân tộc) ủng hộ, được nghĩa quân suy tôn (lời Lê Thận), đã có công đuổi giặc, đem lại thái bình cho đất nước.

-Truyện giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, nhưng cũng nói lên nguyện vọng của nhân dân ta muốn sống trong hoà bình, hạnh phúc, không phải dùng vũ khí chiến tranh.

6. Truyền thuyết khác của nước ta cũng có hình ảnh Rùa Vàng là An Dương Vương (một phần của truyện này là truyện Mị Châu, Trọng Thuỷ).

Hình ảnh Rùa Vàng trong truyền thuyết của Việt Nam tượng trưng cho khí thiêng của sông núi, tình cảm và trí tuệ của nhân dân. Rùa Vàng trong truyện Sự tích Hồ Gươm là sứ giả của Long Quân, thể hiện tình cảm và trí tuệ, khát vọng hoà binh của dân tộc.

**4. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Xây dựng chi tiết các chi tiết tưởng tượng, kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện: *chi tiết Long Quân cho mượn gươm thần, Rùa Vàng đòi gươm,…,*

- Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

**\*Nội dung:**

- Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đề cao, suy tôn Lê Lợi và nhà Lê.

- Giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm.

**DÀN Ý BÀI VĂN**

**1. Nêu vấn đề:**

- Giới thiệu về thể loại truyền thuyết (khái niệm truyền thuyết, khái quát đặc trưng thể loại truyền thuyết…)

- Giới thiệu về truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” , khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…

**2. Giải quyết vấn đề:**

**a. Lạc Long Quân cho Lê Lợi và nghĩa quân mượn gươm thần để đánh giặc**

- Hoàn cảnh:

+ Giặc Minh đô hộ nước ta, làm nhiều điều bạo ngược, coi dân ta như cỏ rác

+ Nghĩa quân Lam Sơn thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua

→ Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần

- Đức Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm:

   + Lê Lợi: chủ tướng, nhặt được chuôi gươm ở trên ngọn cây đa trong một khu rừng

   + Lê Thận: người dân đánh cá, nhặt được lưỡi gươm

→ Trên lưỡi gươm có hai chữ “Thuận Thiên” nghĩa là theo ý Trời, qua đó khẳng đinh tính chất chính nghĩa của nghĩa quân Lam Sơn. Đồng thời, việc Lê Lợi nhặt được chuôi gươm và Lê Thận nhặt được lưỡi gươm cho chúng ta thấy đây là cuộc khởi nghĩa mang tính chất toàn dân

- Kết quả:

   + Nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng

   + Họ xông xáo đi tìm giặc chứ không phải trốn tránh như trước

   + Gươm thần mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, đến lúc không còn bóng giặc nào trên đất nước nữa

**b. Lê Lợi trả gươm**

- Thời gian: một năm sau khi đuổi giặc Minh

- Địa điểm: hồ Tả Vọng

- Nhân vật đòi gươm: Rùa Vàng – sứ giả của Đức Long Quân

- Hoàn cảnh đất nước:

   + Đất nước ta đã đánh tan giặc Minh xâm lược

   + Chủ tướng Lê Lợi lên ngôi vua

→ Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa. Đồng thời, lí giải tên gọi hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Gươm hiện nay.

**c. Đánh giá khái quát**

**\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**

**- Nghệ thuật**

+ Xây dựng chi tiết các chi tiết hoang đường, kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện: *chi tiết Long Quân cho mượn gươm thần, Rùa Vàng đòi gươm,…,*

+ Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

-**Nội dung:**

Truyền thuyết “”Sự tích Hồ Gươm” ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo ở đầu thế kỉ XV và giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, đồng thời thể hiện khát vọng hòa bình dân tộc

\***Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của bản thân.**

**Đề bài: Cảm nhận của em về truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm**

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Hồ Gươm là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội. Tên hồ gắn liền với truyền thuyết Rùa Vàng đòi lại gươm thần mà Long Quân đã cho Lê Lợi mượn để đánh tan quân xâm lược nhà Minh, đem lại thái bình cho đất nước. Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” là một trong những tác phẩm tiêu biểu có cốt lõi lịch sử ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đồng thời lí giải tên gọi hồ Gươm.  
  
 Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” có hai câu chuyện vừa lồng ghép vừa tách bạch với nhau: câu chuyện mượn gươm và câu chuyện trả gươm. Chúng có nội dung riêng nhưng đồng thời bổ sung ý nghĩa cho nhau để khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

**Ở câu chuyện mượn gươm, tác giả dân gian đã miêu tả hoàn cảnh mượn gươm vô cùng đặc biệt.** Vào thủa ấy, giặc Minh lấy cớ phù Trần diệt Hồ mà thực chất là sang xâm chiếm, đô hộ nước ta. Cuộc sống của nhân dân vô cùng khổ cực, bị quân Minh chèn ép, bức hại. Trước tình cảnh lầm than của nhân dân, một người tủ trưởng tên là Lê Lợi đã dấy binh khởi nghĩa. Nhưng buổi ban đầu nghĩa quân còn yếu, nhiều lần bị đánh lui. Thấy vậy, đức Long Quân bèn cho Lê Lợi mượn gươm thần. Nhưng cách Long Quân cho mượn gươm cũng hết sức đặc biệt, ngài không đưa tận tay cho Lê Lợi mà phải trải qua một quá trình gian nan.  Long Quân cho gươm mắc vào lưới đánh cá của Lê Thận (một người dưới trướng của Lê Lợi) ba lần, Lê Thận lần nào cũng gỡ lấy gươm rồi vứt trở lại sông, qua khúc sông khác thả lưới lại vẫn vớt được lưỡi gươm ấy. Thấy sự lạ, Lê Thận bèn mang gươm trở về. Còn chuôi gươm lại là do vị chủ tướng Lê Lợi lấy được trên ngọn cây đa. Cách cho mượn gươm của Long Vương cho thấy rằng đây là thanh gươm thần, bởi vậy không thể trao theo một cách thức dễ dàng mà phải vượt qua thử thách mới có được nó. Không chỉ vậy, hình ảnh lưỡi gươm và chuôi gươm được tìm thấy ở hai địa điểm khác nhau (dưới nước, trên rừng) cũng cho thấy muốn đánh lại kẻ thù thì toàn dân ta phải đoàn kết, hợp nhất, chỉ có như vậy mới tạo nên sức mạnh to lớn đánh đuổi kẻ thù. Gươm có chữ “Thuận thiên”, điều đó cho thấy cuộc khởi nghĩa chính nghĩa; hợp ý trời, lòng dân; được thần linh ủng hộ, cũng như lời của Lê Thận khẳng định: “*Đây là thần linh có ý phó thác cho mình làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công và thanh gươm này để báo đền xã tắc*”. Và quả nhiên, từ khi có được gươm thần, sức mạnh của nghĩa quân ngày càng lớn mạnh, chẳng mấy chốc đã đánh lui được quân địch, khiến chúng phải rút lui về nước. Sức mạnh của thanh kiếm cũng là minh chứng cho ta thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết. Dưới sự lãnh đạo anh minh, sáng suốt của Lê Lợi, sự đồng lòng nhất chí của toàn dân thử thách nào cũng có thể vượt qua, kẻ thù nào cũng có thể đánh thắng.

**Vậy còn câu chuyện Lê Lợi trả lại gươm thần diễn ra như thế nào?** Trước tiên là hoàn cảnh trả gươm. Khi quân Minh thảm bại phải trở về nước, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của chủ tướng Lê Lợi đã hoànn thành sứ mệnh cứu nước, nhân dân ta được hưởng cuộc sống ấm no, yên bình. Một năm sau, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm thần. Long Quân không đòi lại gươm ngay lúc quân ta giành chiến thắng mà phải một năm sau, bởi lúc này nước nhà mới ổn định, kinh tế quân sự đã được phục hồi và ngày càng vững mạnh. Chi tiết trả gươm đã thể hiện ước vọng hòa bình của dân tộc ta, đồng thời đây cũng là lời nhắc nhở, cảnh báo đối với những kẻ thù còn đang lăm le xâm lược nước ta. Hình ảnh Rùa Vàng hiện lên giữa hồ đớp lấy thanh kiếm rồi lặn xuống hồ sâu, mặt hồ vẫn le lói những ánh sáng. Đây là một chi tiết kì ảo mang tính thiêng liêng, huyền bí. Đồng thời chi tiết này cũng để giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm (hồ trả gươm). Hồ Hoàn Kiếm gắn liền với chi tiết mang tính huyền bí đã góp phần thiêng liêng hóa một địa danh lịch sử.

Với sự kết hợp hài hòa các yếu tố li kì, huyền bí với các yếu tố lịch sử, truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm* đã giải thích nguồn gốc ra đời của tên gọi Hồ Gươm. Truyền thuyết cũng ca ngợi, tôn vinh tính chất chính nghĩa, tính chất nhân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Tên hồ Hoàn Kiếm đồng thời cũng dùng để đánh dấu chiến thắng của dân tộc, thể hiện ước mơ, khát vọng hòa bình của nhân dân.

Đọc truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*, ta không chỉ được sống lại những năm tháng gian lao và anh dũng của ông cha ta thuở "bình Ngô” mà còn được bồi đắp, nâng cao thêm niềm tự hào dân tộc, được chiêm ngưỡng những di tích lịch sử, văn hóa trên cố đô Thăng Long. Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” sẽ sống mãi trong tâm thức người Việt với bao niềm tự hào, tự tôn dân tộc giống như lời thơ:

*“Hoàn Kiếm danh lừng rạng cõi mây  
Vua Lê gươm trả chính nơi này  
Giặc Minh bạo phát ngày xâm lược  
Nam quốc thanh bình buổi thoát vây  
Đuổi hết gian tà sông núi vững  
Gom về phước hạnh nước nhà xây  
Ngàn năm con cháu hoài ơn nghĩa  
Bình định sơn hà mãi nhớ đây”*

*(Khuyết danh)*

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng đề trắc nghiệm**

**Câu 1:** Địa bàn đầu tiên nơi nghĩa quân dấy nghĩa được nhắc đến trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm là thuộc tỉnh nào?

###### A. Thanh Hóa B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Hà Nội.

**Đáp án A**

**Câu 2.**  Ai là người cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần?

A. Long Vương B. Long Quân C. Âu Cơ D. Là một nhân vật khác

**Đáp án B**

**Câu 3:** Giặc xâm lược được nhắc đến trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm là:

A. Giặc Ân.               B. Giặc Tống.                       C. Giặc Thanh.                 D. Giặc Minh

**Đáp án D**

**Câu 4:** Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm có đề cập đến cuộc khởi nghĩa nào trong lịch sử dân tộc?

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

B. Khởi nghĩa Lí Bí.

###### C. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo**.**

D. Khởi nghĩa Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc lãnh đạo.

**Đáp án C**

**Câu 5:** Tại sao chúng ta khẳng định Sự tích Hồ Gươm là truyền thuyết?

A. Ghi chép hiện thực lịch sử cuộc kháng chiến chống quân Minh

B. Kể về hoạt động của Lê Lợi và nghĩa quân trong quá trình khởi nghĩa

C. Câu chuyện lịch sử về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa chống quân Minh được kể bằng trí tưởng tượng, bằng sự sáng tạo lại hiện thực lịch sử

D. Câu chuyện được sáng tạo nhờ trí tưởng tượng của tác giả.

**Đáp án C**

**Câu 6:**  Chi tiết Lê Lợi được trao gươm báu trong truyện Sự tích Hồ Gươm thể hiện:

A. Lê Lợi là người "nhà Trời" được cử xuống giúp dân ta đánh giặc.

B. Tính chất chính nghĩa, hợp lòng dân, ý trời của cuộc khởi nghĩa

C. Niềm tin vững chắc của nhân dân ta đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.

###### D. Do lực lượng nghĩa quân non yếu nên cần giúp đỡ.

###### **Đáp án B**

**Câu 7:** Hành động trả gươm của Lê Lợi trong Sự tích Hồ Gươm thể hiện điều gì?

A. Khát vọng hòa bình, yên ổn của dân tộc ta.

B. Lòng biết ơn vô hạn đối với những vi thần đã phù trợ cho cuộc kháng chiến.

C. Sự tin tưởng vào một nền hòa bình vĩnh viễn cho đất nước.

###### D. Truyền thống tôn trọng lẽ phải, sự công bằng "có mượn, có trả" của dân tộc ta.

**Đáp án D**

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc”.*  *(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – trang 25)*  **Câu 1**. Xác định ngôi kể của đoạn trích.  **Câu 2**. Nêu nội dung chính của đoạn trích.  **Câu 3.** Theo em, tại sao đức Long quân lại quyết định cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần?  **Câu 4.** Em hãy nhớ và ghi ra cách thức đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần. Thử nêu suy nghĩ về ý nghĩa của cách thức mượn gươm đó. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ 3.

**Câu 2:** Nội dung chính: Hoàn cảnh đức Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần.

**Câu 3:** Đức Long Quân cho mượn gươm thần vì:

- Giặc Minh đô hộ nước ta, chúng làm điều bạo ngược, nhân dân ta căm thù chúng đến tận xương tủy.

- Khởi nghĩa Lam Sơn là đội quân chính nghĩa chống lại kẻ thù bạo tàn nhưng thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua.

- Đức Long Quân muốn cho nghĩa quân chiến thắng quân giặc, mang lại cuộc sống hòa bình, yên ấm cho nhân dân.

=> Việc Long Quân cho mượn gươm thần chứng tỏ cuộc khởi nghĩa được tổ tiên, thần thiêng ủng hộ

**Câu 4:** Đức Long Quân cho chủ tướng Lê Lợi nhận được gươm báu với cách thức đặc biệt:

- Đức Long Quân không trực tiếp đưa cho Lê Lợi mà thông qua nhân vật Lê Thận. Việc Lê Thận 3 lần đều kéo lưới được 1 lưỡi gươm (dưới nước) còn Lê Lợi chạy giặc bắt được chuôi gươm (trên rừng) chứng tỏ sự hòa hợp giữa nhân dân và người đứng đầu (Lê Lợi); kết hợp sức mạnh miền ngược với miền xuôi.

- Các bộ phận của gươm báu khớp vào với nhau, lưỡi gươm phát sáng và có hai chữ "Thuận Thiên", tượng trưng cho sức mạnh trên dưới đồng lòng của nhân dân ta. Sức mạnh đó đà làm nên chiến thắng chống lại kẻ thù xâm lược. Cách trao gươm như vậy vừa có ý nghĩa kì lạ, vừa linh thiêng và sâu sắc.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền tiến ra giữa hồ, thì tự nhiên có một con rùa to lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng trên và nhận thấy lưỡi gươm đeo bên mình cũng đang động đậy. Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu cao lên nữa và tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:*  *- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!*  *Nghe nói thế, nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao, cung kính cảm tạ thần linh. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Cho đến khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước, người ta vẫn còn thấy vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh.*  *Khi thuyền của bá quan tiến kịp thuyền rồng, vua liền báo ngay cho họ biết:*  *- Đức Long Quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai Rùa lấy lại.*  *Từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.”*  *(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – trang 27)*  **Câu 1.** *Truyện “Sự tích Hồ Gươm” thuộc thể loại nào?*  **Câu 2.** Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần trong hoàn cảnh nào?  **Câu 3.** Nêu ý nghĩa của hình ảnh*vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh* sau khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước.  **Câu 4.**Có một du khách nước ngoài đến Việt Nam và muốn tìm hiểu về Hồ Gươm. Nếu em là hướng dẫn viên cho du khách đó thì em sẽ giới thiệu những điều gì về địa danh này? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Truyền thuyết về địa danh.

**Câu 2**: *Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm. Một hôm* nhà vua ngự thuyền rồng dạo chơi trên hồ, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm.

**Câu 3:** Ý nghĩa hình ảnh vệt sáng le lói phản lại trên mặt hồ:

+ Gợi ra cảnh đẹp, kì ảo và thiêng liêng, tăng thêm chất thơ cho tác phẩm truyện.

+ Đó là ánh hào quang, niềm tự hào về chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước.

**Câu 4:** HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Có thể nêu: Em sẽ giới thiếu lịch sử tên gọi, đặc điểm quang cảnh của hồ,…

- Hồ Gươm không chỉ là danh lam thắng cảnh đẹp của Hà Nội, nó còn là di tích lịch sử của Việt Nam.

- Trước hết, Hồ Gươm được gắn với truyền thuyết Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ của Đức Long Quân đã giúp nước ta thoát khỏi ách đô hộ của giặc Minh xâm lược. Sự tích trả gươm rùa thần của Lê Lợi đã làm nên cái tên "Hồ Gươm" hay Hồ Hoàn Kiếm.

- Ngày nay, Hồ Gươm cũng với Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc trở thành biểu tượng của thủ đô Hà Nội, là thắng cảnh thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

**3. Dạng Đề đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**  *Ngày đó, vua Hùng trị vì [3]đất nước. Thấy mình đã gìa, sức khỏe ngày một suy yếu, vua có ý định chọn người nối ngôi [4]. Vua có cả thảy hai mươi hai người con trai, người nào cũng đã khôn lớn và tài trí hơn người. Vua bèn quyết định mở một cuộc thi để kén chọn.*  *Vua Hùng cho hội họp tất cả các hoàng tử [5] lại. Vua truyền bảo:*  *- Cha biết mình gần đất xa trời [6]. Cha muốn truyền ngôi cho một trong số anh em các con. Bây giờ mỗi con hãy làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên [7]. Ai có món ăn quý vừa ý ta thì sẽ được ta chọn.*  *Nghe vua cha phán truyền thế, các hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi lùng kiếm thức ăn quý. Họ lặn lội lên ngàn [8], xuống biển không sót chỗ nào.*  *Trong số hai mươi hai hoàng tử, có chàng Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Mồ côi mẹ từ nhỏ, chàng Liêu từng sống nhiều ngày cô đơn. Chẳng có ai giúp đỡ chàng trong việc lo toan tìm kiếm món ăn lạ. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm hôm đó, Liêu nằm gác tay lên trán lo lắng, suy nghĩ rồi ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy có một vị nữ thần [9] từ trên trời bay xuống giúp chàng. Nữ thần bảo:*  *- To lớn trong thiên hạ [10] không gì bằng trời đất, của báo nhất trần gian [11] không gì bằng gạo. Hãy đem vo [12] cho tôi chỗ nếp này, rồi kiếm cho tôi một ít đậu xanh.*  *Rồi Liêu thấy thần lần lượt bày ra những tàu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải:*  *- Bánh này giống hình mặt đất. Đất có cây cỏ, đồng ruộng thì màu phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải cho thịt, cho đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú [13], cỏ cây… Rồi đem thứ nếp trắng đồ [14] lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh giống hình trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời…*  *Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.*  *(Trích Bánh chưng bánh giầy)*  **Câu 1**. Nêu thể loại và nhân vật chính của văn bản.  **Câu 2.** Theo đoạn trích, Lang Liêu là người như thế nào? Câu 3. Tại sao trong các hoàng tử, chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ? Chi tiết Lang Liêu được thần báo mộng đã thể hiện quan niệm và ước mơ gì của nhân dân ta trong cuộc sống? **Câu 4.** Hiện nay, để chào đón Tết Nguyên đán, nhiều trường học tổ chức cho học sinh thi gói bánh chưng. Em có suy nghĩ gì về hoạt động này.  **Câu 5.**  Hiện nay, đặc biệt ở các thành phố, nhiều gia đình Việt không còn duy trì tục gói bánh chưng ngày Tết. Em có suy nghĩ gì về thực trạng này?  **(GV chọn một trong hai câu)** |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Đoạn văn nằm trong tác phẩm truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy.* Nhân vật chính là Lang Liêu.

**Câu 2:**

Theo đoạn trích, Lang Liêu là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, rất mực hiếu thảo.

**Câu 3:**

Lí do chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ là:

- Chàng sớm mồ côi mẹ, so với anh em, chàng là người thiệt thòi nhất.

- Tuy là con vua nhưng chàng rất mực chăm chỉ, lại hiền hậu, hiếu thảo.

- Đồng thời, chàng là người có trí sáng tạo, hiểu được ý thần: “*Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo*” và lấy gạo làm bánh để lễ Tiên vương. (Thần chỉ mách nước cho Lang Liêu nguyên liệu chứ không làm lễ vật giúp Lang Liêu. Tự Lang Liêu phải sáng tạo ra 2 thứ bánh đẻ dâng lên Tiên Vương).

=>Truyện đã thể hiện ý nguyện của nhân dân lao động: những người hiền lành, chăm chỉ sẽ luôn nhận được sự giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn.

# **Câu 4**

# Theo em, hoạt động thi gói bánh chưng ở các trường học là một hoạt động bổ ích, hay và sáng tạo, cần được tổ chức rộng rãi hơn nữa. Hoạt động này có nhiều ý nghĩa:

# - Là cuộc thi bổ ích hướng HS nhớ về những phong tục tập quán của ngày Tết cũng như lưu giữ nét đẹp cổ truyền của dân tộc ta.

- Tạo ra một sân chơi lành mạnh, giúp các bạn HS thể hiện sự tài năng, khéo léo của mình .

- Đây còn là cơ hội quý giá để trải nghiệm một trong những hoạt động nổi bật của dịp Tết cổ truyền, giúp xây dựng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa học sinh trong trường với nhau; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm, kĩ năng trong các hoạt động tập thể.

**Câu 5**

-  Ở nhiều thành phố, do tính chất công việc quá bận rộn, nhiều người bỏ qua không gói bánh trưng nữa mà thay vào đó họ chọn hình thức nhanh gọn hơn đó là mua trực tiếp từ những người bán hàng để về thờ cúng.

- Tuy nhiên, tục gói bánh trong mỗi gia đình nên được giữ gìn và phát huy, bởi thông qua hoạt động này sẽ tăng thêm tình cảm gia đình khi mọi người quây quần bên nhau cùng trải qua các công đoạn để có những chiếc bánh ngon đẹp. Hơn nữa, thông qua hoạt động này, thế hệ trước còn giáo dục thế hệ sau về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, hướng đến tổ tiên mỗi dịp Tết đến xuân về.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*“...Về phần Vua Hùng, từ ngày đầy cả gia đình An Tiêm ra đảo hoang, vua luôn nghĩ rằng An Tiêm đã chết rồi, đôi khi nghĩ tới vua cũng bùi ngùi thương xót. Cho đến một ngày, được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng, vua rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà. An Tiêm rất mừng rỡ, thu lượm hết những quả dưa chín đem về tặng cho bà con lối xóm. Còn một số quả An Tiêm giữ lại lấy hạt để gieo trồng. Đó chính là nguồn gốc giống dưa hấu mà chúng ta vẫn ăn ngày nay.*

*Về sau khắp nước ta đều có giống dưa hấu. Nhưng người ta nói chỉ có huyện Nga Sơn là trồng được những quả ngon hơn cả, vì nơi ấy xa là hòn đảo An Tiêm ở, trải qua mấy nghìn năm nước cạn, cát bồi nay đã liền vào với đất.”*

*(Trích truyền thuyết Mai An Tiêm)*

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

**Câu 2**: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với nhân vật và địa danh nào?

**Câu 3**: Việc vua Hùng “*rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà”* sau khi đã đầy họ ra đảo nói lên điều gì*?*

**Câu 4**: Hãy thử *tưởng tượng, nếu rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc, em sẽ làm gì?*

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên: Tự sự

**Câu 2**: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với người anh hùng Mai An Tiêm và địa danh huyện Nga Sơn (Thanh Hóa).

**Câu 3**: Việc vua Hùng “*rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà” sau khi đã đầy họ ra đảo vì:*

+ Khi vua *được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng.*

+ Nhà vua nhận ra sai lầm của mình, đồng thời vua trân trọng, khâm phục giá trị của tinh thần tự lực, tự cường, biết vượt lên hoàn cảnh, chăm chỉ lao động của Mai An Tiêm.

**Câu 4**: HS biết đặt mình vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc và chia sẻ hướng giải quyết.

- HS đưa ra cách giải quyết khó khăn nếu thuyết phục là cho điểm. GV cần linh hoạt để đánh giá kĩ năng giải quyết vấn đề của HS:

Gợi ý: Nếu chẳng may rơi vào hoàn cảnh khó khăn, em cần bình tĩnh, không được hoang mang sợ hãi. Tìm cách giải quyết khó khăn như tìm người giúp, chủ động, tập suy nghĩ theo hướng tích cực, tập thích nghi với khó khăn, tuyệt đối không được bi quan...

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI CHO HỌC SINH**

**(Viết bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích)**

**I. Lí thuyết**

**1. Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích** thuộc loại văn kể chuyện – văn tự sự.

Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích là dùng lời văn của mình kể lại nội dung một truyện truyền thuyết hoặc có tích đã học (hoặc đã đọc, đã nghe)

**2. Yêu cầu đối với kiểu bài.**

- Người kể sử dụng ngôi thứ 3.

- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.

- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.

**3. Các bước**

**\*Bước 1: Chuẩn bị**

- Đọc lại tác phẩm truyện cần kể lại.

- Xem xét các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).

**\*Bước 2:Tìm ý và lập dàn ý**

**- Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi như**:

+ Truyền thuyết/truyện cổ tích kể về chuyện gì?

+ Truyện có những sự kiện và nhân vật chính nào?

+ Diễn biến của câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao?

+ Có thể thêm, bớt những chỉ tiết, hình ảnh,... của truyện này như thế nào?

+ Truyện gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?

**- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

**+ Mở bài:** Giới thiệu truyện truyền thuyết/truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do kể).

**+ Thân bài:** Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

**+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

**\*Bước 3: Viết**

Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về truyền thuyết/truyện cổ tích.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

**II. Thực hành viết**

**Đề 1: Kể lại truyền thuyết Thánh Gióng.**

**a.Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

- Đọc lại truyền thuyết *Thánh Gióng*; ghi lại những sự kiện chính; tưởng tượng về nhân vật Thánh Gióng.

+ Các sự việc chính:

+ Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng.

+ Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thối.

+ Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời.

+ Vua và dân làng ghi nhớ công ơn của Gióng; những dấu tích Gióng để lại..

- Suy nghĩ về những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).

**b. Bước 2:Tìm ý, lập dàn ý**

**\* Tìm ý:**

+ Truyền thuyết Thánh Gióng kể lại truyện về người anh hùng làng Gióng một mình đánh đuổi giặc Ân bảo vệ nước nhà

+ Diễn biến của cân chuyện (mở đâu, phát triển, kết thúc) dựa theo các sự kiện chính như đã nêu ở phần chuẩn bị

+ Có thể thêm bớt, thay đổi từ ngữ, cách đặt cây, thêm một vài chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc tưởng tượng thêm cái kết khác cho câu chuyện hấp dẫn hơn

+ Truyện cho em lòng biết ơn những người anh hùng đã xả thân bảo vệ hòa bình đất nước, tinh thần yêu nước quyết tâm xây dựng và bảo vệ non sông đất Việt

**\*Lập dàn ý:**  Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu việc em kê lại truyền thuyết Thánh Gióng.

**2. Thân bài:**

- Dựa vào các sự kiện chính trong truyện Thánh Gióng đã học, hãy kể bằng lời văn của em. Ví dụ, kẻ theo trình tự sau:

+ Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng.

+ Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thối.

+ Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời

+ Vua và dân làng ghi nhớ công ơn của Gióng; những dấu tích Gióng để lại.

**3. Kết bài:**

- Nêu cảm nghĩ của em về truyện hoặc nhân vật chính trong truyện Thánh Gióng.

**c. Bước 3: Viết bài :**

**- HS dựa vào dàn ý để viết.**

**BÀI LÀM THAM KHẢO**

Tuổi thơ em lớn lên êm đềm bên những câu chuyện dân gian mà ông nội vẫn kể mỗi tối. Qua những câu chuyện ông kể, em như đắm chìm vào thế giới đầy mơ và mộng của cha ông, hiểu thêm về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Một trong những câu chuyện em ấn tượng nhất đó là truyền thuyết *Thánh Gióng*. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người anh hùng đánh giặc giữ nước.

Câu chuyện ấy xảy ra từ đời Hùng Vương thứ sáu". Ở làng Gióng có hai ông bà già nổi tiếng là sống phúc đức. Hai ông bà rất mong có một đứa con. Thế rồi, một hôm, bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, bà ngạc nhiên kêu lớn: “Chao ôi! Bàn chân ai mà to thế này!”. Tò mò nên bà đưa chân vào ướm thử , không ngờ về nhà bà mang thai. Điều kì lạ là mãi 12 tháng sau bà mới sinh được một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng rỡ vô cùng. Nhưng kì lạ hơn nữa là đứa trẻ đã lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ giặc Ân thế mạnh như chẻ tre tràn vào xâm lược nước ta. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi lại chúng. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm tướng tài để giúp vua cứu nước.Đứa bé nghe tiếng rao của sứ giả, bỗng cựa mình và cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu với nhà vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé.

Càng lạ hơn nữa, kể từ hôm gặp sứ giả, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn không biết no, áo vừa mới mặc đã chật. Hai vợ chồng làm lụng cực nhọc , chạy ngược chậy xuôi mà không đủ nuôi con bèn cậy nhờ hàng xóm. Bà con *ai cũng mong cậu đi giết giặc cứu nước nên chẳng nề hà gì, cùng góp gạo nuôi cậu bé.*  Khi ăn đến mười nong cơm, ba nong cà, mỗi lần ăn xong một nong lại vươn vai và vụt lớn lên như thổi. Vải vóc do dân làng mang đến rất nhiều để may quần áo mà vẫn không đủ

Ngày ấy, giặc vừa đến sát chân núi Trâu thì sứ giả cũng kịp mang vũ khí tới. Gióng bèn vươn vai đứng dậy, lập tức trở thành một tráng sỹ, khoác áo giáp, cầm roi sắt, chào mẹ và dân làng rồi nhảy lên ngựa. Cả người cả ngựa lao vun vút ra trận. Trên chiến trường, Gióng tung hoành ngang dọc, tả đột hữu xung, giặc chết dưới tay như ngả rạ. Bỗng gậy sắt gãy, Gióng nhanh như chớp nhổ tre bên đường làm vũ khí mới. Giặc sợ hãi chạy trốn, dẫm đạp lên nhau mà chết. Dẹp giặc xong, cậu Gióng không quay về kinh để nhận công ban thưởng mà thúc ngựa đến núi Sóc, bỏ lại áo giáp sắt, một người một ngựa bay thẳng về trời.

Đất nước đã sạch bóng thù. Nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ngay tại quê nhà, phong Gióng làm Phù Đổng Thiên Vương, phong mẹ Gióng là Thánh Mẫu Bảo Vương. Nhiều đời sau người ta còn kể, những nơi ngựa của Giong đi qua để lại trăm ao hồ. Rặng tre bị ngựa phun lửa cháy trở nên vàng óng, còn có một làng bị ngựa phun lửa cháy được gọi là làng Cháy.

Câu chuyện về người anh hùng Thánh Gióng đã khơi dậy trong em lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm sâu sắc với đất nước. Em tự nhủ sẽ học tập, rèn luyện tốt để mai sau có thể tô điểm cho đất nước ngày thêm đẹp tươi.

**d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.

- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

**Đề 02: Kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh”**

**Các bước tương tự như đề 1**

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

*“Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu sa”*

*(Lâm Thị Mỹ Dạ)*

Thật vậy, truyện cổ tích đã đưa ta đến với thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học sâu sắc mà người xưa gửi gắm. Những bài học của người xưa đã thấm sâu trong từng lời truyện nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta từ ấu thơ, trở thành hành trang nâng bước ta trưởng thành.

Một trong những truyện cổ tích mà tôi ấn tượng nhất đó là Thạch Sanh. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng để cứu người.

Xưa có đôi vợ chồng tuy đã già nhưng chưa có con. Họ rất tốt bụng, nhân ái, hay giúp đỡ người khác nên được Ngọc Hoàng thương, bèn phái Thái tử đầu thai làm con của họ. Không lâu sau thì người vợ có thai, nhưng đau buồn thay, người chồng bệnh nặng qua đời. Bà vất vả một mình sinh con. Con trai ra đời, thông minh và kháu khỉnh nên bà đặt tên cho cậu là Thạch Sanh. Chẳng được bao lâu sau, thì bà cũng bệnh nặng mà qua đời,từ đó Thạch Sanh sống một mình côi cút trong túp lều nhỏ dưới gốc đa, tài sản chỉ có một chiếc khố che thân và một chiếc rìu để đốn củi kiếm cơm. Năm Thạch Sanh 13 tuổi, Ngọc Hoàng sai người xuống dậy cho Thạch Sanh võ nghệ và nhiều phép thần thông biến hóa.

Một ngày nọ, có người bán rượu tên là Lý Thông đi ngang qua đó ghé lại nghỉ chân. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh lại mồ côi, Lý Thông ngẫm nghĩ: “Tên này khỏe mạnh lại khù khờ thế này, mang nó về nhà giúp việc chắc hẳn đỡ được bao nhiêu”. Hắn ngỏ ý kết nghĩa anh em với Thạch Sanh. Thạc Sanh thấy có người thương mình thì vui vẻ nhận lời. Kết nghĩa xong, Lý Thông mời Thạch Sanh về nhà ở để dễ bề lợi dụng.

Bấy giờ trong vùng có con Chằn tinh biết phép lạ thường ăn thịt người. Quan quân không làm gì được, dân làng phải lập miếu thờ cho nó, hằng năm phải nộp một người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ quấy phá. Năm ấy, đển lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ cách lừa Thạch Sanh đi canh miếu thần để chết thay. Lý Thông dùng lời ngon ngọt nhờ vả:

Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.  
 Thạch Sanh không nghi ngờ mà nhận lời đi ngay. Nửa đêm, chằn tinh hiện ra, xông đến vồ mồi. Hai bên đánh nhau, Thạch Sanh dùng búa chém chết chằn tinh, xả xác nó làm hai. Chàng lấy được một bộ cung tên bằng vàng mà chằn tinh chết hoá thành, xách đầu chằn tinh mang về. Mẹ con Lý Thông nghe tiếng đập cửa hoảng sợ vô cùng tưởng oan hồn Thạch Sanh về đòi mạng, sau chúng hoàn hồn, thấy đầu chằn tinh, Lý Thông bèn nghĩ kế để cướp công Thạch Sanh: Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn đi ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu”  
 Thạch Sanh vẫn thật thà, tin ngay, trở lại gốc đa cũ. Còn Lý Thông hí hửng đem đầu con yêu quái vào kinh đô nộp cho vua, được vua phong tước Quận công.

Năm ấy, nhà vua mở hội lớn để chọn chồng cho công chúa nhưng trong lễ kén phò mã, nàng bị con đại bàng khổng lồ quắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh, Thạch Sanh nhìn thấy, giương cung vàng bắn nó bị thương, lần theo dấu máu, tìm được chỗ ở của đại bàng.

Công chúa bị mất tích, vua vô cùng đau khổ, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho ai cứu được nàng. Lý Thông liền tìm gặp Thạch Sanh và được chàng cho biết chỗ ở của đại bàng. Thạch Sanh xuống hang đại bàng để cứu công chúa. Chàng dùng búa thần chém đứt vuốt sắc, giết chết đại bàng rồi lấy dây buộc vào người công chúa, ra hiệu cho Lý Thông ở bên trên kéo lên. Không ngờ, công chúa vừa được cứu lên, Lý Thông lệnh cho quân sĩ dùng dá lấp kín cửa hang lại, lần nữa hãm hại Thạch Sanh. Thạch Sanh lần tìm lối ra và tình cờ cứu được con trai vua Thủy Tề. Thái tử mời chàng xuống thủy phủ chơi.  Để đền ơn ân nhân, vua Thủy tề tặng Thạch Sanh nhiều vàng ngọc, nhưng chàng từ chối, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật rồi trở về gốc đa.

Hồn chằn tinh và đại bàng gặp nhau, tìm cách báo thù Thạch Sanh. Chúng ăn trộm của cải trong kho nhà vua, đem tới giấu ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.

Lại nói về công chúa, từ khi về cung lại trở nên buồn rầu, chẳng nói chẳng cười. Các quan ngự y đều bó tay. Một hôm, ở trong ngục, Thạch Sanh đem đàn ra gảy, tiếng đàn lúc ai oán não nùng, lúc  hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa tự nhiên nói cười vui vẻ, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn. Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết. Vua khi ấy mới rõ sự tình, bắt mẹ con Lý Thông vào ngục, giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng tha tội, cho cả hai mẹ con về quê làm ăn. Nhưng đến giữa đường, chúng bị sét đánh chết, hóa kiếp thành bọ hung.

Vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Hoàng tử 18 nước chư hầu đến cầu hôn không được, bất bình mang binh lính sang vây đánh. Thạch Sanh lấy cây đàn thần ra gảy. Binh lính bủn rủn tay chân, không đánh nhau được nữa, các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh thết đãi những kẻ thua trận bằng một niêu cơm tí xíu vậy mà quân sĩ mười tám nước ăn mãi không hết. Bọn chúng bái phục và kéo nhau về nước. Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.

Truyện“Thạch Sanh” là một câu chuyện cổ tích nhiều ý nghĩa của dân tộc ta, không chỉ ngợi ca người dũng sĩ thật thà, nhân hậu mà còn nhắc nhở chúng ta đạo lý từ ngàn đời “ở hiền gặp lành”, ác giả ác báo. Câu chuyện cũng đem đến cho em bài học trong cuộc sống phải biết đấu tranh đến cùng với cái ác để đem lại hạnh phúc cho người lương thiện.

**\* KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE**

**Các bước xây dựng bài nói kể lại truyện truyền thuyết/truyện cổ tích**

**1. Bước 1: Chuẩn bị**

**-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).

- Đọc lại truyện.

- Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).

**2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**

- Xem lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần Viết đề bổ sung, chỉnh sửa.

- Chú ý kiểm tra các sự kiện chính, các yếu tố sáng tạo trong nội dung và cách kể lại câu chuyện.

**3. Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại truyện trước tổ hoặc lớp. (có thể luyện tập kể trước gương khi ở nhà).

- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn

**4**.**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra. |  | | - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ ba để kể lại câu chuyện. |  | | - Yếu tố sáng tạo trong nội dung, chi tiết, lời kể và cách kể. |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc, giọng kể, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ phù hợp với nội dung được kể. |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; - Cần có |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện |  | |

**THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE:**

Hướng dẫn chung:

**\*Với người nói:**

*-* HS dựa vào dàn ý phần Viết để lập dàn ý cho bài nói.

- Bám sát sự kiện chính nhưng có thể sáng tạo thêm những chi tiết hình ảnh, cách kết thúc truyện

- Trong quá trình trình bày bài nói, cần chú ý cách kể, giọng kể, kết hợp với ngôn ngữ hình thể ( *cử chỉ, ánh mắt, nét mặt,...)* phù hợp với nội dung câu chuyện. Người kể có thể sử dụng các thiết bị hỗ trợ khác (*tranh, ảnh, video,..*.)

**\*Với người nghe:**

**-** Chú ý lắng nghe bạn trình bày đểnắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; có đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn.

- Cần có thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, đúng mực, động viên khi nghe bạn kể chuyện.

**Bài nói tham khảo:**

**Đề 01:Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.**

*Lời chào, giới thiệu….*

*Chào hỏi và giới thiệu lí do chọn kể câu chuyện Thánh Gióng:*

Xin chào các bạn!

Tuổi thơ tôi lớn lên êm đềm bên những câu chuyện dân gian mà ông nội vẫn kể mỗi tối. Qua những câu chuyện ông kể, tôi như đắm chìm vào thế giới đầy mơ và mộng của cha ông, hiểu thêm về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Một trong những câu chuyện mà tôi ấn tượng nhất đó là truyền thuyết *Thánh Gióng*. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người anh hùng đánh giặc giữ nước.

(Kể bằng giọng vừa phải, rõ ràng, chú ý phân biệt lời nói của các nhân vật với lời của người kể chuyện) Câu chuyện ấy xảy ra từ đời Hùng Vương thứ sáu. Ở làng Gióng có hai ông bà già nổi tiếng là sống phúc đức. Hai ông bà rất mong có một đứa con. Thế rồi, một hôm, bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, bà ngạc nhiên kêu lớn: “Chao ôi! Bàn chân ai mà to thế này!”. Tò mò nên bà đưa chân vào ướm thử , không ngờ về nhà bà mang thai. Điều kì lạ là mãi 12 tháng sau bà mới sinh được một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng rỡ vô cùng. Nhưng kì lạ hơn nữa là đứa trẻ đã lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ giặc Ân thế mạnh như chẻ tre tràn vào xâm lược nước ta. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi lại chúng. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm tướng tài để giúp vua cứu nước.Đứa bé nghe tiếng rao của sứ giả, bỗng cựa mình và cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu với nhà vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé.

(Kể bằng giọng rõ ràng, xen lẫn ngạc nhiên, thích thú)Càng lạ hơn nữa, kể từ hôm gặp sứ giả, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn không biết no, áo vừa mới mặc đã chật. Hai vợ chồng làm lụng cực nhọc , chạy ngược chậy xuôi mà không đủ nuôi con bèn cậy nhờ hàng xóm. Bà con *ai cũng mong cậu đi giết giặc cứu nước nên chẳng nề hà gì, cùng góp gạo nuôi cậu bé.*  Khi ăn đến mười nong cơm, ba nong cà, mỗi lần ăn xong một nong lại vươn vai và vụt lớn lên như thổi. Vải vóc do dân làng mang đến rất nhiều để may quần áo mà vẫn không đủ

(Kể bằng giọng rõ ràng, sôi nổi, xen lẫn niềm tự hào) Ngày ấy, giặc vừa đến sát chân núi Trâu thì sứ giả cũng kịp mang vũ khí tới. Gióng bèn vươn vai đứng dậy, lập tức trở thành một tráng sỹ, khoác áo giáp, cầm roi sắt, chào mẹ và dân làng rồi nhảy lên ngựa. Cả người cả ngựa lao vun vút ra trận. Trên chiến trường, Gióng tung hoành ngang dọc, tả đột hữu xung, giặc chết dưới tay như ngả rạ. Bỗng gậy sắt gãy, Gióng nhanh như chớp nhổ tre bên đường làm vũ khí mới. Giặc sợ hãi chạy trốn, dẫm đạp lên nhau mà chết. Dẹp giặc xong, cậu Gióng không quay về kinh để nhận công ban thưởng mà thúc ngựa đến núi Sóc, bỏ lại áo giáp sắt, một người một ngựa bay thẳng về trời.

(Kể bằng giọng trầm lắng) Đất nước đã sạch bóng thù. Nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ngay tại quê nhà, phong Gióng làm Phù Đổng Thiên Vương, phong mẹ Gióng là Thánh Mẫu Bảo Vương. Nhiều đời sau người ta còn kể, những nơi ngựa của Giong đi qua để lại trăm ao hồ. Rặng tre bị ngựa phun lửa cháy trở nên vàng óng, còn có một làng bị ngựa phun lửa cháy được gọi là làng Cháy.

1. **Kết thúc bài nói**

Các bạn ạ!

Truyền thuyết “*Thánh Gióng”* cùng hình tượng người anh hùng làng Gióng đã in đậm dấu ấn trong đời sống tinh thần người Việt từ bao đời nay*.* Câu chuyện đã khơi dậy trong tôi lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm sâu sắc với đất nước. Tôi tự nhủ sẽ học tập, rèn luyện tốt để mai sau có thể tô điểm cho đất nước ngày thêm đẹp tươi.

Cảm ơn các bạn đã chú ý lắng nghe câu chuyện tôi kể. Rất mong các bạn đóng góp ý kiến để bài nói của tôi thêm hoàn thiện.

**Đề 02: Kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh” bằng lời văn của em.**

1. **Chào hỏi và giới thiệu lí do chọn kể câu chuyện *Thạch Sanh:***

Xin chào các bạn!

Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ) từng viết:

“*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu sa*”

Thật vậy, truyện cổ tích đã đưa ta đến với thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học sâu sắc mà người xưa gửi gắm. Những bài học của người xưa đã thấm sâu trong từng lời truyện nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta từ ấu thơ, trở thành hành trang nâng bước ta trưởng thành. Một trong những truyện cổ tích mà tôi ấn tượng nhất đó là ***Thạch Sanh.*** Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng để cứu người.

**(2)Kể lại nội dung câu chuyện**

**(Kể bằng giọng vừa phải, rõ ràng, chú ý phân biệt lời nói của các nhân vật với lời của người kể chuyện)**

Xưa có đôi vợ chồng tuy đã già nhưng chưa có con. Họ rất tốt bụng, nhân ái, hay giúp đỡ người khác nên được Ngọc Hoàng thương, bèn phái Thái tử đầu thai làm con của họ. Không lâu sau thì người vợ có thai, nhưng đau buồn thay, người chồng bệnh nặng qua đời. Bà vất vả một mình sinh con.Con trai ra đời, thông minh và kháu khỉnh nên bà đặt tên cho cậu là Thạch Sanh. Chẳng được bao lâu sau, thì bà cũng bệnh nặng mà qua đời,từ đó Thạch Sanh sống một mình côi cút trong túp lều nhỏ dưới gốc đa, tài sản chỉ có một chiếc khố che thân và một chiếc rìu để đốn củi kiếm cơm. Năm Thạch Sanh 13 tuổi, Ngọc Hoàng sai người xuống dậy cho Thạch Sanh võ nghệ và nhiều phép thần thông biến hóa.

Một ngày nọ, có người bán rượu tên là Lý Thông đi ngang qua đó ghé lại nghỉ chân. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh lại mồ côi, Lý Thông ngẫm nghĩ: “Tên này khỏe mạnh lại khù khờ thế này, mang nó về nhà giúp việc chắc hẳn đỡ được bao nhiêu”. Hắn ngỏ ý kết nghĩa anh em với Thạch Sanh. Thạc Sanh thấy có người thương mình thì vui vẻ nhận lời. Kết nghĩa xong, Lý Thông mời Thạch Sanh về nhà ở để dễ bề lợi dụng.

Bấy giờ trong vùng có con Chằn tinh biết phép lạ thường ăn thịt người. Quan quân không làm gì được, dân làng phải lập miếu thờ cho nó, hằng năm phải nộp một người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ quấy phá. Năm ấy, đển lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ cách lừa Thạch Sanh đi canh miếu thần để chết thay. Lý Thông dùng lời ngon ngọt nhờ vả:

- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.  
Thạch Sanh không nghi ngờ mà nhận lời đi ngay.

Nửa đêm, chằn tinh hiện ra, xông đến vồ mồi. Hai bên đánh nhau, Thạch Sanh dùng búa chém chết chằn tinh, xả xác nó làm hai. Chàng lấy được một bộ cung tên bằng vàng mà chằn tinh chết hoá thành, xách đầu chằn tinh mang về. Mẹ con Lý Thông nghe tiếng đập cửa hoảng sợ vô cùng tưởng oan hồn Thạch Sanh về đòi mạng, sau chúng hoàn hồn, thấy đầu chằn tinh, Lý Thông bèn nghĩ kế để cướp công Thạch Sanh:

- Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn đi ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu”  
Thạch Sanh vẫn thật thà, tin ngay, trở lại gốc đa cũ. Còn Lý Thông hí hửng đem đầu con yêu quái vào kinh đô nộp cho vua, được vua phong tước Quận công.

Năm ấy, nhà vua mở hội lớn để chọn chồng cho công chúa nhưng trong lễ kén phò mã, nàng bị con đại bàng khổng lồ quắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh, Thạch Sanh nhìn thấy, giương cung vàng bắn nó bị thương, lần theo dấu máu, tìm được chỗ ở của đại bàng.

Công chúa bị mất tích, vua vô cùng đau khổ, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho ai cứu được nàng. Lý Thông liền tìm gặp Thạch Sanh và được chàng cho biết chỗ ở của đại bàng. Thạch Sanh xuống hang đại bàng để cứu công chúa. Chàng dùng búa thần chém đứt vuốt sắc, giết chết đại bàng rồi lấy dây buộc vào người công chúa, ra hiệu cho Lý Thông ở bên trên kéo lên. Không ngờ, công chúa vừa được cứu lên, Lý Thông lệnh cho quân sĩ dùng dá lấp kín cửa hang lại, lần nữa hãm hại Thạch Sanh. Thạch Sanh lần tìm lối ra và tình cờ cứu được con trai vua Thủy Tề. Thái tử mời chàng xuống thủy phủ chơi.  Để đền ơn ân nhân, vua Thủy tề tặng Thạch Sanh nhiều vàng ngọc, nhưng chàng từ chối, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật rồi trở về gốc đa.

Hồn chằn tinh và đại bàng gặp nhau, tìm cách báo thù. Chúng ăn trộm của cải trong kho nhà vua, đem tới giấu ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.

Lại nói về nàng công chúa, kể từ khi về cung lại trở nên buồn rầu, chẳng nói chẳng cười. Các quan ngự y đều bó tay. Một hôm, ở trong ngục, Thạch Sanh đem đàn ra gảy, tiếng đàn lúc ai oán não nùng, lúc  hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa tự nhiên nói cười vui vẻ, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn. Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết. Vua khi ấy mới rõ sự tình, bắt mẹ con Lý Thông vào ngục, giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng tha tội, cho cả hai mẹ con về quê làm ăn. Nhưng đến giữa đường, chúng bị sét đánh chết, hóa kiếp thành bọ hung.

***(Kể bằng giọng sôi nổi, xen lẫn tự hào)*** Vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Hoàng tử 18 nước chư hầu đến cầu hôn không được, bất bình mang binh lính sang vây đánh. Thạch Sanh lấy cây đàn thần ra gảy. Binh lính bủn rủn tay chân, không đánh nhau được nữa, các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh thết đãi những kẻ thua trận bằng một niêu cơm tí xíu vậy mà quân sĩ mười tám nước ăn mãi không hết. Bọn chúng bái phục và kéo nhau về nước. Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.

**(3)Kết thúc bài nói**

***(Giọng điệu trầm lắng)***

Các bạn ạ!

“Thạch Sanh” là một câu chuyện cổ tích nhiều ý nghĩa của dân tộc ta, không chỉ ngợi ca người dũng sĩ thật thà, nhân hậu mà còn nhắc nhở chúng ta đạo lý từ ngàn đời “ở hiền gặp lành”, ác giả ác báo. Câu chuyện cũng đem đến cho tôi bài học trong cuộc sống phải biết đấu tranh đến cùng với cái ác để đem lại hạnh phúc cho người lương thiện.

**Luyện đề tông hợp**

**ĐỀ SỐ 01:**

**ĐỀ BÀI**

**I. Đọc hiểu văn bản (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa bé bảo.*

*- Mẹ ơi! Con là người đấy! Mẹ đừng vứt con mà tội nghiệp.*

*Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.*

*Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền:*

*- Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.*

*Sọ Dừa nói:*

*- Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.*

*Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông.Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người, không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!*

*Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.*

*Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm hết cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa, còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.*

*Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi đã nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như vậy, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần.Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.*

**(**Theo**Nguyễn Khắc Phi, truyện cổ tích Sọ Dừa)**

**Câu 1.** ( 0.5 điểm). Nhân vật Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào của truyện cổ tích?

**Câu 2. (0.75 điểm). Nhận xétvề**ngoại hình và phẩm chất của Sọ Dừa qua đoạn trích.

**Câu 3. (1.0 điểm). Chỉ ra và nêu vai trò của yếu tố kì ảo trong đoạn trích trên.**

**Câu 4. (0.75 điểm). Kể tên thêm một số truyện cổ tích có cùng kiểu nhân vật với truyện “Sọ Dừa” mà em biết. (Tối thiểu 03 tác phẩm)**

**II. Làm văn (7.0 điểm)**

**Câu 1.** (2.0 điểm) Từ đoạn trích đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) nêu suy nghĩ về cách nhìn nhận, đánh giá con người cần có trong cuộc sống.

**Câu 2.** (5.0 điểm) Em hãy đóng vai một nhân vật trong truyện để kể lại một truyền thuyết mà em đã học hoặc đã đọc.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần I. Đọc – hiểu văn bản (3.0 điểm)** | | | |
| **Câu 1** | Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật bất hạnh | | 0.5 |
| **Câu 2** | - Ngoại hình: xấu xí, dị biệt (bé không chân không tay, tròn như một quả dừa)  - Phẩm chất:  + Tự tin xin mẹ được ở chăn bò cho phú ông.  + Chàng chăn bò rất giỏi: ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng.  + Tài thổi sáo rất hay (tiếng sáo véo von).  🡪 Sọ Dừa chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ; tự tin vào bản thân; thông minh và tài giỏi.  Trả lời như đáp án (chấp nhận cách diễn đạt tương đương), không bắt buộc nêu dẫn chứng: 0.75 đ  Trả lời đúng 01 ý (ngoại hình hoặc phẩm chất): 0.5 đ | | 0.75 |
| **Câu 3** | \*Các chi tiết kì ảo trong đoạn trích (0.5 đ)  + Sinh ra Sọ Dừa không có tay chân, tròn như quả dừa.  + Chàng đi chăn bò cho phú ông, không có chân tay nhưng chăn bò rất giỏi.  + Sọ Dừa biến thành chàng trai khôi ngô, thổi sáo chăn bò, có tiếng động chàng trai biến mất, chỉ còn lại Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy.  \*Vai trò của các yếu tố kì ảo (0.5 đ):  + Làm cho cốt truyện hay hơn, ly kỳ, hấp dẫn hơn.  + Thể hiện ước mơ của nhân dân: người bất hạnh được bù đắp, có được khả năng kỳ diệu, có được hạnh phúc,…. | | 1.0 |
| **Câu 4** | Một số truyện cổ tích cùng kiểu nhân vật bất hạnh (người mồ côi, người mang lốt vật,…) với truyện Thạch Sanh:  + Tấm Cám  + Cây tre trăm đốt  + Cây khế  + Lấy vợ Cóc  + Lấy chồng Dê  Kể được 03 truyện trở lên: 0.75 đ  Kể được 02 truyện:: 0.5 đ  + Kể được 01 truyện: 0.25 đ | | 0.75 |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | | |
| **Câu 1**  **(1.5 điểm)** | a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn . | 0,25 | |
| b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: suy nghĩ về cách nhìn nhận, đánh giá con người cần có trong cuộc sống. | 0,25 | |
| c.Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là gợi ý  - Không nên nhìn nhận, đánh giá con người chỉ qua vẻ bề ngoài mà cần coi trọng phẩm chất, tính cách, vẻ đẹp bên trong tâm hồn của họ.  - Không nên đánh giá con người qua định kiến hẹp hòi mà phủ nhận toàn bộ năng lực của họ.  - Cần tạo cơ hội để ta có thời gian tiếp xúc lâu để hiểu nhau hơn. | 0,5 | |
| d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, sâu sắc | 0,25 | |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 | |
| **Câu 2**  **(4.5 điểm)** | **a.** Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự : Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 | |
| **b.** Xác định đúng yêu cầu bài viết: Nhập vai một nhân vật để kể lại một truyền thuyết đã được học hoặc đã đọc. | 0.25 | |
| c.Triển khai bài viết: Có thể triển khai theo hướng sau:  **Mở bài:** Giới thiệu nhân vật muốn hoá thân và câu chuyện định kể.  Chú ý lựa chọn ngôi kể thứ nhất.  **Thân bài**:  - Kể câu chuyện theo một trình tự của chuỗi sự việc (có mở đầu, có diễn biến có kết thúc). Chú ý: Cần chọn từ, đặt câu, chọn chi tiết,…và có thể sử dụng cả văn đối thoại để làm câu chuyện thêm phần sinh động.  **Kết bài:**  - Kết cục sự việc, cảm nghĩ của nhân vật kể chuyện | 3.5 | |
| **d.** Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ. | 0,25 | |
| **e.** Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 | |

**Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

**Câu 1:**Từ phức bao gồm những loại nào dưới đây?

A. Từ đơn và từ ghép B. Từ đơn và từ láy

C. Từ đơn D. Từ ghép và từ láy

**Câu 2**: Từ phức gồm mấy tiếng?

A. Hai hoặc nhiều hơn hai B. Ba C. Bốn D. Nhiều hơn hai

**Câu 3:** Trong các từ dưới đây, từ nào là từ ghép?

A. quần áo B. sung sướng C. ồn ào D. rả rích

**Câu 4**: Tìm từ láy trong các từ dưới đây?

A. Tươi tốt B. Tươi đẹp C. Tươi tắn D. Tươi thắm

**Câu 5:**Từ ghép nào sau đây được tạo ra bằng cách ghép các yếu tố có nghĩa gần nhau hoặc giống nhau:

A. Ngược xuôi B. Trắng đen C. Giàu nghèo D. Làng xóm

**Câu 6**: Từ ghép nào sau đây được tạo ra bằng cách ghép các yếu tố có nghĩa trái ngược nhau:

A. Thương yêu B. Vững chắc C. Vui buồn D. Núi non

**Câu 7:** Từ láy nào sau đây gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật?

A. Róc rách B. Khúc khuỷu C. Ha hả D. Ào ào

**Câu 8:**Từ láy nào sau đây gợi âm thanh?

A. Soàn soạt B. Heo hút C. Lom khom D. Cứng cỏi

**Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)**

**Đọc *văn bản sau và thực hiện các yêu cầu::***

*" Sáng sớm hôm sau,*[*Sơn Tinh*](http://truyencotich.vn/)*đã đem đầy đủ lễ vật đến trước và được phép đưa dâu về núi. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo, một hai đòi cướp lại Mỵ Nương.*

*Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão đùng đùng rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn tiến đánh Sơn Tinh. Nước ngập lúa, ngập đồng rồi ngập nhà, ngập cửa.*

*Sơn Tinh không hề nao núng, dùng phép màu bốc từng quả đồi, di từng dãy núi chặn đứng dòng nước lũ. Nước dâng lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời liền, cuối cùng*[*Thủy Tinh*](http://truyencotich.vn/)*đuối sức phải rút quân về.*

*Từ đó, oán ngày càng thêm nặng, thù ngày càng thêm sâu, không năm nào*[*Thủy Tinh*](http://truyencotich.vn/)*không làm mưa làm bão, dâng nước lên đánh*[*Sơn Tinh*](http://truyencotich.vn/)*và lần nào Thủy Tinh cũng thua, phải bỏ chạy.*”

(Theo [Truyện cổ tích](http://truyencotich.vn/) Tổng hợp).

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.

**Câu 2.** Chỉ ra các yếu tổ tưởng tượng, kì ảo trong văn bản trên.

**Câu 3**. Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh tượng trưng cho điểu gì? Qua chiến thắng của Sơn Tinh trước Thuỷ Tinh, tác giả dân gian ngầm thể hiện mong muốn gì của nhân dân?

**Câu 4.**Hãy viết tên một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng mà em biết.  
**Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)**

**Câu 1 (1.5 điểm):** Từ văn bản đọc hiểu, em viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) nêu suy nghĩ về những việc làm cần thiết để góp phần giảm thiểu thiên tai, lũ lụt hằng năm.   
 **Câu 2 (4.5 điểm):** Kể lại một truyện truyền thuyết đã học trong bài học 1.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

**Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** |
| **D** | **A** | **A** | **C** | **D** | **C** | **B** | **A** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)** | | |
| **Câu 1** | Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  Ngôi kể: ngôi thứ 3  Mỗi ý đúng được 0.25 đ | 0.5 |
| **Câu 2** | Các yếu tổ tưởng tượng, kì ảo trong văn bản chủ yếu dùng để miêu tả sức mạnh của Sơn Tinh và Thuỷ Tinh trong cuộc giao tranh:  + Thủy Tinh hô mưa, gọi gió làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh  + Sơn Tinh: Dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi dâng lên bấy nhiêu.  Trả lời được 02 ý như đáp án được 0.5 đ  Trả lời đúng 01 ý được 0.25 đ | 0.5 |
| **Câu 3** | - Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh giải thích các hiện tượng tự nhiên lũ lụt hằng năm.  - Qua chiến thắng của Sơn Tinh trước Thuỷ Tinh, tác giả dân gian ngầm thế hiện ước mơ chế ngự thiên tai của người Việt.  Trả lời đầy đủ 02 ý: 0.5 đ  Trả lời được 01 ý: 0.25 đ | 0.5 |
| **Câu 4** | Một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng :  - Con Rồng, cháu Tiên  - Bánh chưng, bánh giầy  - Thánh Gióng  - Chử Đồng Tử |  |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| **Câu 1**  **(1.5 điểm)** | a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn . | 0,25 |
| b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: những việc làm cần thiết để góp phần giảm thiểu thiên tai, lũ lụt hằng năm. | 0,25 |
| c.Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là một số gợi ý:  - Hằng năm, nước ta xảy ra nhiều thiên tai, lũ lụt gây thiệt hại nặng nề về người và của.  - Chúng ta cần phải hành động để góp phần ngăn chặn, giảm bớt thiên tai, lũ lụt:  + Đắp đê ngăn lũ  + Trồng cây gây rừng  + Bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn; xử phạt nghiêm những hành vi chặt phá rừng, buôn bán gỗ lậu, trái phép.  + Giáo dục ý thức mọi người về bảo vệ môi trường sống xung quanh, góp phần vào chống biến đổi khí hậu  - Liên hệ bản thân. | 0,5 |
| d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có cảm nghĩ riêng, sâu sắc | 0,25 |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |
| **Câu 2**  **(4.5 điểm)**  **Tham khảo phần Viết** | **a.** Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự : Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 |
| **b.** Xác định đúng yêu cầu bài viết: Kể lại một truyền thuyết đã được học trong bài 1. | 0.25 |
| c. Triển khai bài viết: Có thể theo gợi ý sau:  **-** Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật (chuyện xảy ra ở đâu? Bao giờ? Có những nhân vật nào?  - Kể lại toàn bộ diễn biến của câu chuyện theo cốt chuyện đã đã học. (Cần chọn từ, đặt câu, chọn chi tiết,…và có thể sử dụng cả văn đối thoại để làm câu chuyện thêm phần sinh động). - Nêu phần kết của câu chuyện (Câu chuyện kết thúc ra sao? Có chiều hướng tốt hay xấu? Gợi cho em cảm giác gì? Bài học rút ra từ câu chuyện là gì?) | 3.5 |
| d. Sáng tạo: HS có cách kể chuyện độc đáo, linh hoạt. | 0,25 |
| e. Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV. | 0,25 |

**BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Đề bài: Tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ với một nhân vật trong truyền thuyết mà em đã học.**

**Gợi ý làm bài**

**B1. Hướng dẫn HS lập dàn ý :**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về hoàn cảnh của cuộc gặp gỡ.   
- Giới thiệu nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng*.

**2. Thân bài**

- Quang cảnh nơi gặp gỡ  
- Cảnh gặp gỡ Thánh Gióng  
- Cuộc đối thoại với Thánh Gióng  
**3.** **Kết Bài**

- Kết thúc cuộc gặp gỡ.

- Nêu cảm xúc của bản thân.

**B2. Bài viết tham khảo**:

Từ khi còn nhỏ, tôi đã rất thích được nghe ông nội kể những câu chuyện cổ tích, những truyền thuyết xa xưa. Khi lớn lên, bắt đầu đi học tôi lại càng thêm ưa thích môn Văn, đặc biệt trong năm học lớp 6 được học lại những câu chuyện dân gian thật hay, tôi lại càng thêm thích thú. Tôi say mê, yêu thích và đắm chìm trong thế giới của trí tưởng tượng bay bổng và có lần tôi nằm mơ thấy mình được lên Thiên đình, ở đó tôi đã được gặp Thánh Gióng. Cuộc gặp gỡ trong mơ đầy thú vị đó đã để lại trong tôi ấn tượng khó phai.

Lần ấy, tôi mải mê đọc những truyện truyền thuyết và đến lúc mệt quá rồi tôi vẫn không chịu đi ngủ. Đến khi vừa đọc đến những dòng chữ cuối cùng của truyện *Thánh Gióng* thì tôi bỗng thấy mình lạc đến một nơi rất xa lạ, xung quanh mây phủ trắng, một mùi thơm như của các loài hoa toả ra ngào ngạt. Khung cảnh rất giống thiên đình nơi có các vị thần tiên mà tôi thường thấy trong các câu chuyện cổ hay trong các bộ phim. Tôi đang ngơ ngác không hiểu mình đã lạc bước vào đâu, bỗng trước mắt một tráng sĩ vóc dáng cao lớn, bình thản tiến về phía tôi. Tôi vô cùng ngạc nhiên vì đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một người to lớn đến như vậy. Tôi vẫn chưa hết ngỡ ngàng thì người đó đã đứng ngay trước mặt tôi và nở một nụ cười thân thiện:

- Chào cháu bé. Cháu từ đâu đến vậy?  
Tôi càng ngạc nhiên hơn khi người đứng trước mặt tôi lúc này giới thiệu mình là Thánh Gióng. Tôi sung sướng reo lên:

- A! Ông chính là ông Gióng – người đã đánh tan lũ giặc Ân để giữ nước thuở trước đúng không ạ?  
Tráng sĩ nhìn tôi, mỉm cười đáp:

- Ta đúng là người đó đây! Sao cháu biết ta?

- Chúng cháu đang học về truyền thuyết *Thánh Gióng* đấy ông ạ. May quá hôm nay cháu được gặp ông ở đây, cháu có thể hỏi ông vài điều mà cháu đang thắc mắc được không ạ?  
Ông Gióng nhìn tôi mỉm cười:

- Được cháu cứ hỏi đi.

- Ông ơi! Vì sao khi đánh thắng giặc Ân xong ông không trở về quê nhà mà lại bay lên trời? Hay ông chê quê cháu nghèo không bằng xứ thần tiên này?

- Không! Ta cũng muốn được ở lại cùng người dân dưới hạ giới, nhưng vì ta vốn là con trưởng của Ngọc Hoàng nên phải trở về thiên đình sau khi đã hoàn thành sứ mệnh.

- Thế ông có nhớ cha mẹ ông ở dưới kia không?

- Có chứ, họ đã từng mang nặng đẻ đau ra ta, ta rất biết ơn họ, nhất là những ngày tháng ta không biết đi, biết nói, họ vẫn yêu thương mà không hề ghét bỏ ta. Ta rất muốn có ngày nào đó trở về đền ơn đáp nghĩa mẹ cha ta. Cũng chính vì lẽ đó mà ta đã cố gắng đánh tan quân xâm lược để cha mẹ ta được sống trong tự do thanh bình.

- Dạ ông. Giờ thì cháu hiểu rồi, ông đã báo đáp công nuôi dưỡng của cha mẹ mình bằng chính sự cố gắng chiến thắng quân xâm lược.

- Ừ, đó là một trong những cách thể hiện lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ đấy cháu ạ.Ta không chỉ muốn báo đáp công ơn cha mẹ ta mà ta còn muốn báo đáp cả bà con làng xóm đã tin tưởng và góp gạo nuôi ta lớn.

- Vậy từ bấy đến giờ, có khi nào ông về lại hạ giới không ạ?

- Có chứ. Hằng năm, ta vẫn về thăm làng ta vào mỗi dịp người dân mở hội và rất cảm động vì mọi người vẫn luôn nhớ đến ta. Hơn nữa, ta phải xuống hạ giới để còn coi xem thế hệ các cháu giữ nước và xây dựng đất nước ra sao chứ.

- Cháu hứa với ông sẽ cố gắng học tập và rèn luyện để có thể góp phần nhỏ bé của mình xây dựng và bảo vệ đất nước trong tương lai ạ.

Ông xoa đầu tôi, mỉm cười thật gần gũi:

- Cố lên cháu bé! Ta tin cháu sẽ làm được.

Tôi choàng tỉnh sau cơn mộng dài. Hoá ra đó là một giấc mơ, một giấc mơ thật đẹp và ý nghĩa. Hình ảnh ông Gióng trong giấc mơ vẫn còn nguyên trong trí nhớ của tôi. Tôi khẽ mỉm cười và tự nhủ sẽ thực hiện bằng được lời hứa với ông.

**===============================================**

**CHUYÊN ĐỀ 2: THƠ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 2:

- Nắm vững các đặc điểm về thơ lục bát: yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ,…), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa,…)

- Ôn tập về biện pháp tu từ ẩn dụ.

- Tập làm thơ lục bát.

- Ôn tập cách kể về một trải nghiệm đáng nhớ.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** HS hiểu và trân trọng tình cảm gia đình.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. NỘI DUNG**

**1. Kiến thức chung về thơ lục bát**

- Dòng thơ gồm các tiếng được sắp xếp thành hàng; các dòng thơ có thể giống hoặc khác nhau về độ dài, ngắn.

- Vần là phương tiện tạo tính nhạc cơ bản của thơ dựa trên sự lặp lại (hoàn toàn hoặc không hoàn toàn) phần vần của âm tiết. Vân có vị trí ở cuối dòng thơ gọi là vần chân, ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng.

- Nhịp là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ. Ngắt nhịp tạo ra sự hài hoà, đồng thời giúp hiểu đúng ý nghĩa của dòng thơ.

**2. Đặc điểm của thơ lục bát**

- Lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc Việt Nam, có sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam.

**- Số câu, số chữ mỗi dòng:** Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).

**- Gieo vần:**

+ Gieo vần chân và vần lưng.

+ Tiếng thứ sáu của dòng lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng bát, tiếng thứ tám của dòng bát gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo

**- Ngắt nhịp:**  thường ngắt nhịp chẵn (mỗi nhịp hai tiếng)

**3. Cách đọc hiểu tác phẩm thơ lục bát**

Câu hỏi ôn tập: Em cần lưu ý những điểu gì khi đọc hiểu một bài thơ lục bát?

**Gợi ý trả lời**

Khi đọc hiểu một tác phẩm thơ lục bát, ta cần tuân thủ những yêu cầu dưới đây:

- Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tập thơ, tên tác giả, năm xuất bản, tìm hiểu những thông tin liên quan đến hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- **Cần hiểu được bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì?**

- Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua **các yếu tố hình thức của bài thơ lục bát: nhan đề, dòng thơ, số khổ thơ, vần và nhịp, các hình ảnh đặc sắc, các biện pháp tu từ,…**. Ý thơ ở đây là cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, những sự việc, sự vật,… Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng, phân tích khả năng biểu hiện của từng từ ngữ, chi tiết, vần điệu,… mới cảm nhận được ý thơ, thấu hiểu hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình

**- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.**

**-**Từ những câu thơ đẹp, lời thơ lạ, ý thơ hay, từ hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, hãy lùi xa ra và nhìn lại để lí giải, đánh giá toàn bài thơ cả về nội dung và nghệ thuật. Cần chỉ ra được những nét độc đáo, sáng tạo trong hình thức biểu hiện; những đóng góp về nội dung tư tưởng.

**A. VĂN BẢN À ƠI TAY MẸ**

***(Bình Nguyên)***

**I. Tác giả**

- Tên thật là Nguyễn Đăng Hào, sinh ngày 25 tháng 1 năm 1959.

- Quê quán: xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ông vừa là nhà thơ, vừa là nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam.

- Hiện nay tác giả Bình Nguyên đang làm Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình.

- Sự nghiệp:

+ Đã nhận tới hai giải “Thơ lục bát” (Giải A-2003; Giải Ba-2010) trên báo Văn Nghệ.

+ Các tác phẩm thơ chính:Hoa Thảo Mộc (2001); Trăng đợi (2004); Đi vè nơi không chữ (2006); Lang thang trên giấy (2009); Những ngọn gió đồng (2015); Trăng hẹn một lần thu (2018)…

**II. Nội dung**

**- Xuất xứ :** 2003, bài thơ được tác giả gửi dự thi Thơ lục bát trên báo Văn Nghệ

**- Thể loại: Thơ lục bát**

- Thơ lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc. Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).

- Bài thơ mang âm hưởng ca dao dân ca Việt Nam, giúp tác giả bộc lộ được tình mẫu tử giản dị mà sâu lắng, tha thiết.

**+ Bố cục văn bản**: 02 phần:

**- Phần 1**: từ đầu… “À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”: Vẻ đẹp đôi bàn tay mẹ

**- Phần 2:** Còn lại: Ý nghĩa lời ru của mẹ

**1. Nội dung chính**

- Bài thơ À ơi tay mẹ (Bình Nguyên) là bài thơ bày tỏ tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình.

- Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho HS về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống.

**2. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con.

- Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.

**III. Phân tích**

|  |
| --- |
| **1. Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ**  **\**Bàn tay mẹ trước giông bão cuộc đời*:**  Bàn tay mẹ chắn mưa sa  Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.  - Các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng:  + **Hình ảnh hoán dụ:** “Bàn tay mẹ” để chỉ mẹ với bao phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hi sinh vì con.  + **Các hình ảnh ẩn dụ**: " mưa sa"; " bão qua mùa màng". Đây là những hình ảnh thiên nhiên thường gặp trong cuộc sống thường ngày, song cũng là hình ảnh biểu tượng cho những vất vả, khó khăn, thử thách trong cuộc đời.  **+ Các động từ mạnh: “chắn”, “chặn**”đã diễn tả sự mạnh mẽ, kiên cường của mẹ trước bão giông, thử thách của cuộc đời.  Ở hai câu thơ đầu đã vẽ ra hai thế giới đối lập nhau: thế giới bên ngoài bàn tay mẹ với bao bão gió, mưa sa dữ dội; còn thế giới bên trong bàn tay mẹ là thế giới của bình yên, dịu êm khi có mẹ che chở.  → Bàn tay mẹ đã chống đỡ lại mọi giông bão cuộc đời để con được bình an trưởng thành: mẹ “chắn mưa sa”; mẹ “chặn bão qua mùa màng”. Bàn tay mẹ chính là vòm trời bình yên của con. Ở hai câu thơ đầu, người đọc còn thấy sự đối lập giữa bàn tay nhỏ bé của mẹ với bao bão giông, mưa sa dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, cuộc đời. Mẹ vượt qua tất thảy vì lòng yêu thương con lớn lao, vô bở.  => Như vậy, qua hai câu thơ đầu, người đọc thấy hình ảnh mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Đó chính là sức mạnh phi thường, bản năng của người làm mẹ.  **\* *Bàn tay mẹ dịu dàng nuôi nấng con:***  Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon À ơi này cái trăng tròn À ơi này cái trăng còn nằm nôi...  **+ Phó từ “vẫn”** cho thấy bàn tay mẹ thật diệu kì: Trước bão giông cuộc đời, bàn tay mẹ mạnh mẽ, quyết liệt “chắn”, “chặn”; vậy mà trước con vẫn bàn tay ấy của mẹ lại dịu dàng biết bao.  **+Từ láy “dịu dàng**”: diễn tả hành động nhẹ nhàng, có thể gợi ra nhịp đưa nôi khẽ khàng, đem đến cảm giác dễ chịu. Trong vòng tay mẹ, con được vỗ về, yêu thương.  **+ Từ láy “à ơi**” được lặp lại 3 lần, đứng đầu 3 dòng thơ tạo điệp khúc ngân nga, khiến cho giai điệu lời ru thêm ngọt ngào, thơ thiết, đưa con vào giấc ngủ say nồng.  **+ Mẹ gọi con** là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi. Đây là cách gọi đưa con bé bỏng đầy yêu thương, trìu mến, chứa đựng sự trân quý, nâng niu của mẹ. Có con, cuộc đời của mẹ trở nên trọn vẹn, hạnh phúc.  → Như vậy, trái ngược với vẻ cứng rắn khi đối mặt với cuộc đời, mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con.  **2. Bàn tay mẹ nhiệm màu, hi sinh vì con**  Bàn tay mẹ thức một đời À ơi này cái mặt trời bé con... Mai sau bể cạn non mòn À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.  Và  Bàn tay mang phép nhiệm mầu Chắt chiu tự những dãi dầu (2) đấy thôi.  + Nếu như ở khổ thơ trên (ý b), mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi thì đến khổ thơ này, mẹ gọi con là “cái mặt trời bé con”. Hình ảnh ẩn dụ “cái mặt trời bé con” đã khẳng định một điều con chính là ánh sáng cuộc đời mẹ, là mặt trơi, là nguồn sống của mẹ. Hình ảnh thơ khiến ta nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng” ( Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ). Lời thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu thương con bao la của mẹ.  + Thành ngữ “bể cạn non mòn" gợi sự thay đổi lớn lao của thiên nhiên, của cuộc đời. Dù cho vũ trụ có xoay vần, đời người dâu bể thì tình yêu của mẹ với con sẽ mãi luôn đong đầy trời bể, “à ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”.  + Hình ảnh “Bàn tay mang phép nhiệm màu” cho thấy bàn tay mẹ như bàn tay của bà tiên trong cổ tích, đem lại bao điều tốt đẹp cho cuộc đời con. Nhưng bàn tay của mẹ không phải trong cổ tích mà tồn tại ngay giữa đời thường, "chắt chiu từ những dãi dầu" của cuộc đời. Từ láy “chắt chiu” đã diễn tả sự giữ gìn, nâng niu của mẹ. Mẹ nhận hết về mình bao cay đắng, đối mặt với bao mưa sa, bão giông, trải qua bao dãi dầu, nhọc nhằn, “thức một đời” để chắt chiu những gì đẹp đẽ, an lành nhất cho con, bao bọc, vỗ về và chở che cho con.  → Người mẹ vất vả, chắt chiu một đời để nuôi nấng con dù cho bất cứ điều gì xảy ra.  **=> Ở phần đầu của bài thơ, tác giả Bình Nguyên đã tinh tế lựa chọn hình ảnh “bàn tay mẹ” để khắc hoạ hình ảnh mẹ. Bằng thể thơ lục bát với nhịp thơ tựa như lời hát ru, các biện pháp ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, hình ảnh đôi bàn tay mẹ hiện lên thật đẹp đẽ, là nơi hội tụ vẻ đẹp của sự kiên cường, mạnh mẽ vượt qua mọi thử thách, gian lao trong cuộc sống; song cũng vô cùng ấm áp, dịu dàng. Hình ảnh đôi bàn tay tảo tần mạnh mẽ mà ấm áp trở thành biểu tượng cho người mẹ hết lòng vì con, hình ảnh này đã nhiều lần đi vào các tác phẩm văn học, âm nhạc. Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thường để bảo vệ con trước giông bão cuộc đời.**  **3. Ý nghĩa lời ru của mẹ**  ***\*Lời ru thể hiện nỗi niềm của mẹ lo nghĩ cho tất cả mọi người:***  **Các hình ảnh thơ thể hiện nỗi niềm lo nghĩ của mẹ:**  + "mềm ngọn gió thu", "tan đám sương mù lá cây" → Mẹ muốn xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết để con được khoẻ mạnh lớn lên → Sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.  + "cái khuyết tròn đầy", "cái thương cái nhớ" → Lời ru thể hiện tình thương của mẹ cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ. Lời ru cũng thể hiện mong muốn con ngày một trưởng thành, mẹ con không phải xa cách nhau.  + "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu"🡪 Lời ru chan chứa niềm canh cánh, niềm yêu thương với bà ngoại; mong mỏi bà luôn được khoẻ mạnh, bình an.  + Mẹ nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Mẹ mong cuộc đời là những tháng ngày bình yên, hạnh phúc.  **\*Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình:**"À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình".  → Câu thơ cho ta thấy được đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ.  -**Nghệ thuật:**  **+** Điệp cấu trúc: "Ru cho" giúp bài thơ mang âm điệu như lời ru, thể hiện tình cảm chan chứa của mẹ dành cho con.  + Ẩn dụ "cái khuyết tròn đầy", nhân hóa "đời nín cái đau".  + Nhịp thơ như lời hát, uyển chuyển, sâu lắng.  →**Tác dụng:**  + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  + Thể hiện sự hi sinh cao cả của mẹ không chỉ với con mà là với người thân, với cả cộng đồng.  **3. Tổng kết** |
| **a. Nghệ thuật**  + Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con.  + Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.  + Ngôn ngữ thơ giản dị; nhịp điệu thơ tha thiết, trìu mến.  **b. Nội dung:**  Bài thơ À ơi tay mẹ của tác giả Bình Nguyên là bài thơ bày tỏ tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình vì con. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho mỗi chúng ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống. |

**2. Định hướng phân tích**

**DÀN Ý THAM KHẢO**

Tình mẫu tử là một trong những đề tài quen thuộc của thơ ca, nghệ thuật. Viết về tình mẫu tử thiêng liêng đã có biết bao áng thơ hay, bài hát đẹp. Tìm đến đề tài đã quá quen thuộc nhưng những sáng tác của tác giả Bình Nguyên vẫn gieo vào lòng người đọc những nỗi rung động đầy chất thơ về tình mẫu tử đơn sơ mà thấm thía, giản dị mà sâu sắc.

Nói đến nhà thơ Bình Nguyên, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình, bạn đọc nhớ ngay đến những câu thơ lục bát hay của ông. Nhà thơ của cố đô Hoa Lư này đã nhận tới hai giải “Thơ lục bát” (Giải A-2003; Giải Ba-2010) trên báo Văn Nghệ. Qua những tập thơ của nhà thơ Bình Nguyên đã xuất bản trong hơn 15 năm qua, bạn đọc khá quen thuộc với sự hồn hậu, dịu dàng và tài hoa của ông. Một trong những bài thơ lục bát viết về tình mẫu tử để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người yêu thơ là bài thơ “À ơi tay mẹ”, đã được nhạc sĩ Trần Viết Tân phổ nhạc thành bài hát cùng tên.

Trước tiên, ba khổ đầu của bài thơ đã cho người đọc thấy được vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ. Đó là đôi bàn tay vừa mạnh mẽ, kiên cường để bao bọc, chở che cho con trước giông bão cuộc đời, vừa vô cùng ấm áp dịu dàng, đầy yêu thương. Hai câu thơ đầu đã tô đậm vẻ đẹp của đôi bàn tay mẹ **trước giông bão cuộc đời:**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Tác giả sử dụng hình ảnh hoán dụ: “Bàn tay mẹ” để chỉ mẹ với bao phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hi sinh vì con. Các hình ảnh ẩn dụ" mưa sa", " bão qua mùa màng” là những hình ảnh thiên nhiên thường gặp trong cuộc sống thường ngày, song cũng là hình ảnh biểu tượng cho những vất vả, khó khăn, thử thách trong cuộc đời. Bên cạnh đó, c**ác động từ mạnh: “chắn”, “chặn**”đã diễn tả sự mạnh mẽ, kiên cường của mẹ trước bão giông, thử thách của cuộc đời. Như vậy, chỉ với hai câu thơ đầu đã vẽ ra hai thế giới đối lập nhau: thế giới bên ngoài bàn tay mẹ với bao bão gió, mưa sa dữ dội; còn thế giới bên trong bàn tay mẹ là thế giới của bình yên, dịu êm khi có mẹ che chở. Bàn tay mẹ đã chống đỡ lại mọi giông bão cuộc đời để con được bình an trưởng thành: mẹ “chắn mưa sa”; mẹ “chặn bão qua mùa màng”. Bàn tay mẹ chính là vòm trời bình yên của con. Ở hai câu thơ đầu, người đọc còn thấy sự đối lập giữa bàn tay nhỏ bé của mẹ với bao bão giông, mưa sa dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, cuộc đời. Mẹ vượt qua tất thảy vì lòng yêu thương con lớn lao, vô bở. Qua hai câu thơ đầu, người đọc thấy hình ảnh mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Đó chính là sức mạnh phi thường, bản năng của người làm mẹ.

**Không chỉ miêu tả vẻ mạnh mẽ, kiên cường của đôi bàn tay mẹ trước , tác giả đã gợi ra vẻ dịu dàng của đôi bàn tay mẹ, luôn vỗ về, yêu thương con:**

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Câu thơ thứ 3 của bài sử dụngphó từ “vẫn” cho thấy bàn tay mẹ thật diệu kì. Trước bão giông cuộc đời, bàn tay mẹ mạnh mẽ, quyết liệt “chắn”, “chặn”; vậy mà trước con vẫn bàn tay ấy của mẹ lại dịu dàng biết bao.Từ láy “dịu dàng” diễn tả hành động nhẹ nhàng, có thể gợi ra nhịp đưa nôi khẽ khàng, đem đến cảm giác dễ chịu. Trong vòng tay mẹ, con được vỗ về, yêu thương. Không chỉ vậy, từ láy “à ơi” được lặp lại 3 lần, đứng đầu 3 dòng thơ tạo điệp khúc ngân nga, khiến cho giai điệu lời ru thêm ngọt ngào, thơ thiết, đưa con vào giấc ngủ say nồng. Mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi. Đây là cách gọi đưa con bé bỏng đầy yêu thương, trìu mến, chứa đựng sự trân quý, nâng niu của mẹ. Có con, cuộc đời của mẹ trở nên trọn vẹn, hạnh phúc. Như vậy, trái ngược với vẻ cứng rắn khi đối mặt với cuộc đời, mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con.

***Bàn tay mẹ còn chất chứa bao tảo tần, hi sinh vì con:***

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

Nếu như ở khổ thơ thứ hai, mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi thì đến khổ thơ này, mẹ gọi con là “cái mặt trời bé con”. Hình ảnh ẩn dụ “cái mặt trời bé con” đã khẳng định một điều con chính là ánh sáng cuộc đời mẹ, là mặt trơi, là nguồn sống của mẹ. Hình ảnh thơ khiến ta nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng” (*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*). Lời thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu thương con bao la của mẹ. Bên cạnh đó, vệc sử dụng thành ngữ “bể cạn non mòn" gợi sự thay đổi lớn lao của thiên nhiên, của cuộc đời, qua đó khẳng định một điều chắc chắn: dù cho vũ trụ có xoay vần, đời người dâu bể thì tình yêu của mẹ với con sẽ mãi luôn đong đầy trời bể, “à ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu tự những dãi dầu đấy thôi.

Hình ảnh “Bàn tay mang phép nhiệm màu” cho thấy bàn tay mẹ như bàn tay của bà tiên trong cổ tích, đem lại bao điều tốt đẹp cho cuộc đời con. Nhưng bàn tay của mẹ không phải trong cổ tích mà tồn tại ngay giữa đời thường, "chắt chiu từ những dãi dầu" của cuộc đời. Từ láy “chắt chiu” đã diễn tả sự giữ gìn, nâng niu của mẹ. Mẹ nhận hết về mình bao cay đắng, đối mặt với bao mưa sa, bão giông, trải qua bao dãi dầu, nhọc nhằn, “thức một đời” để chắt chiu những gì đẹp đẽ, an lành nhất cho con, bao bọc, vỗ về và chở che cho con.

**Tóm lại tác giả Bình Nguyên đã tinh tế lựa chọn hình ảnh “bàn tay mẹ” để khắc hoạ hình ảnh mẹ. Bằng thể thơ lục bát với nhịp thơ tựa như lời hát ru, các biện pháp ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, hình ảnh đôi bàn tay mẹ hiện lên thật đẹp đẽ, là nơi hội tụ vẻ đẹp của sự kiên cường, mạnh mẽ vượt qua mọi thử thách, gian lao trong cuộc sống; song cũng vô cùng ấm áp, dịu dàng. Hình ảnh đôi bàn tay tảo tần mạnh mẽ mà ấm áp trở thành biểu tượng cho người mẹ hết lòng vì con, hình ảnh này đã nhiều lần đi vào các tác phẩm văn học, âm nhạc. Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thường để bảo vệ con trước giông bão cuộc đời.**

**Phần sau bài thơ tác giả tập trung làm nổi bật ý nghĩa lời ru của mẹ:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

***Lời ru chất chưa bao nỗi niềm của mẹ lo nghĩ cho tất cả mọi người.* Các hình ảnh thơ thể hiện nỗi niềm lo nghĩ của mẹ:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây

Mẹ muốn xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết để con được khoẻ mạnh lớn lên. Đó là sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.

Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau

Lời ru thể hiện tình thương của mẹ cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ. Lời ru cũng thể hiện mong muốn con ngày một trưởng thành, mẹ con không phải xa cách nhau.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

Lời ru chan chứa niềm canh cánh, niềm yêu thương với bà ngoại: "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu “, mong mỏi ngoại luôn được khoẻ mạnh, bình an. Mẹ không chỉ lo cho con bé bỏng, lo cho người thân mà mẹ còn lo nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Mẹ mong cuộc đời là những tháng ngày bình yên, hạnh phúc. **Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình:  "**À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình". Câu thơ cho ta thấy được đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ. Điệp cấu trúc: "Ru cho" giúp bài thơ mang âm điệu như lời ru, thể hiện tình cảm chan chứa của mẹ dành cho con.

**Tóm lại ,** với thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con, phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc; ngôn ngữ thơ giản dị; nhịp điệu thơ tha thiết, trìu mến, qua bài thơ À ơi tay mẹ, tác giả Bình Nguyên đã thể hiện sâu sắc  tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình vì con. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho mỗi chúng ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống

**II. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  Bàn tay mẹ chắn mưa sa  Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.  Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon À ơi này cái trăng tròn À ơi này cái trăng còn nằm nôi...  Bàn tay mẹ thức một đời À ơi này cái mặt trời bé con... Mai sau bể cạn non mòn À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.  (Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)  **Câu 1:** Xác định phương thức biều đạt chính trong đoạn trích trên.  **Câu 2:** Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ nào?  **Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:  Bàn tay mẹ thức một đời À ơi này cái mặt trời bé con…  **Câu 4:** Qua đoạn thơ, em có cảm nhận gì về tình cảm của người mẹ dành cho con. |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:**Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ: *cái trăng vàng; cái trăng tròn; cái trăng còn nằm nôi; cái mặt trời bé con.*

**Câu 3:**

- Hình ảnh ẩn dụ: *cái mặt trời bé con*, Chỉ người con

- Tác dụng:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh sự quan trọng của người con đối với mẹ.

+ Thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ của người mẹ với con: với mẹ, con là Mặt Trời, là điều quan trọng nhất.

**Câu 4:** Qua đoạn thơ, ta thấy được tình yêu thương lớn lao của mẹ dành cho con**.** Mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Song với con, lúc nào mẹ cũng dịu dàng, dành tình yêu thương cho con suốt một đời dù cho bất cứ điều gì xảy ra.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  Ru cho mềm ngọn gió thu Ru cho tan đám sương mù lá cây Ru cho cái khuyết tròn đầy Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.  Bàn tay mang phép nhiệm mầu Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.  Ru cho sóng lặng bãi bồi Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu Ru cho đời nín cái đau  À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.  (Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)  **Câu 1:** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.  **Câu 2:** Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích gì?  **Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:  Ru cho cái khuyết tròn đầy Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.  **Câu 4:**“*Bàn tay mang phép nhiệm mầu / Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.”.* Em có đồng ý với tác giả không? Vì sao? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**: Thể thơ lục bát.

**Câu 2**: Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích sau:

+ Mềm ngọn gió thu, tan đám sương mù lá cây.

+ Ru cho con mau lớn khôn, trưởng thành (Cái khuyết tròn đầy)

+ Ru cho nỗi thương nhớ được lấp đầy (cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau)

+ Sóng lặng bãi bồi, mưa không dột cho bà ngồi

+ Đời nín cái đau

**Câu 3**:

- Hình ảnh ẩn dụ: “*Cái khuyết* ” chỉ người con bé bỏng, chưa phát triển toàn diện.

- Tác dụng:

+ Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cách diễn đạt thêm gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, nâng niu của mẹ dành cho con.

+ Thể hiện tình cảm ca ngợi, trân trọng của tác giả với tình mẫu tử thiêng liêng.

**Câu 4:** HS nêu quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý. Nêu lí do.

Ví dụ: HS đồng ý với tác giả. *Bởi vì:* Đôi bàn tay mẹ làm nên bao điều kì diệu, phi thường. Cả đời mẹ vất vả vì con, lam lũ nhọc nhằn chịu mọi đắng cay, nguyện hi sinh cả cuộc đời để cho con có cuộc sống tốt đẹp. Chính vì thế nói rằng đôi bàn tay mẹ đã chịu những dãi dầu nắng mưa là đúng.

**2. Đề đọc hiểu văn bản thơ ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *Lặng rồi cả tiếng con ve*  *Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.*  *Nhà em vẫn tiếng ạ ời*  *Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.*  *Lời ru có gió mùa thu*  *Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.*  *Những ngôi sao thức ngoài kia*  *Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.*  *Đêm nay con ngủ giấc tròn*  *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*  (*Mẹ*, Trần Quốc Minh)  **Câu 1:** Bài thơ viết theo thể thơ nào?  **Câu 2**: Nêu nội dung chính của bài thơ.  **Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:  *Đêm nay con ngủ giấc tròn,*  *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*  **Câu 4:** Theo em, tình cảm của của tác giả được thể hiện trong bài thơ trên là gì? Từ đó em rút ra bài học gì cho bản thân ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**Thể thơ : Lục bát

**Câu 2:**

Đoạn thơ đã nói lên tình yêu bao la, sự hi sinh và những công lao vĩ đại mẹ đã dành cho con

**Câu 3:**

* Biện pháp tu từ :

+ So sánh

*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ****là****ngọn gió của con suốt đời.*

+ Ẩn dụ: "giấc tròn": "giấc tròn" không phải chỉ là giấc ngủ của con mà còn mang ý nghĩa cuộc đời con luôn có mẹ theo sát bên nâng bước con đi, che chở cho con, dành tất thảy yêu thương.

* Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Làm cho cách diễn thêm thêm sinh động, gợi hình gợi cảm.

+ Nhấn mạnh được tình yêu thương vô bờ mà mẹ dành cho con, mẹ theo sát, bên con suốt cuộc đời.

**Câu 4:**HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình.

- Thái độ tác giả : thấy thương mẹ, cảm nhận được bao nỗi nhọc nhằn của mẹ; biết ơn tình yêu thương bao la của mẹ.

- Bài học cho bản thân: Tình mẫu tử là nguồn sống vô giá, giúp ta vững vàng trong cuộc sống. Do đó, mỗi người cần biết yêu thương mẹ nhiều hơn, cố gắng trở thành học sinh ngoan, học giỏi để cha mẹ vui lòng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  […]*Nhưng còn cần cho trẻ Tình yêu và lời ru Cho nên mẹ sinh ra Để bế bồng chăm sóc Mẹ mang về tiếng hát Từ cái bống cái bang Từ cái hoa rất thơm Từ cánh cò rất trắng Từ vị gừng rất đắng Từ vết lấm chưa khô Từ đầu nguồn cơn mưa Từ bãi sông cát vắng... (Trích Chuyện cổ tích về loài người, Xuân Quỳnh)*  **Câu 1:** Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ.  **Câu 2:**Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh nào được gợi ra?  **Câu 3:**Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ trên.  **Câu 4:**Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này sẽ thay thế cho lời ru của mẹ. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả.

**Câu 2:** Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh hiện ra: cái bống cái bang, cái hoa, vị gừng, cơn mưa, bãi sông, vết lấm.

**Câu 3:**

- Điệp ngữ trong đoạn thơ là các từ ngữ như: *“rất”, “Từ cái...”, “Từ...”*được lặp đi lặp lại

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp của những hình ảnh trong lời ru của mẹ.

+ Ca ngợi ý nghĩa của lời ru: Lời ru kết thành những giá trị cao quý nhất trong kho tàng văn hóa dân tộc; thắm đượm trong lời ru của mẹ là tình cảm thiết tha, là trí tuệ, tâm hồn người Việt. Vì vậy nó trở thành nguồn dinh dưỡng quý giá nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.

+ Khẳng dịnh tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con.

+ Làm cho câu thơ hấp dẫn, giọng thơ tha thiết.

**Câu 4:** Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này có thể thay thế cho lời ru của mẹ.

HS bày tỏ quan điểm **đồng ý** hoặc **không đồng ý** với quan điểm trên

**Nếu đồng ý.** HS phải lí giải được:

+ Tầm quan trọng của công nghệ thay thế con người, phục vụ cuộc sống. Việc ru con cũng vậy.

+ Nhiều ngươi mẹ phải đi làm việc khi con còn bé, nên không thể trực tiếp ru con...

**Nếu không đồng ý.** HS phải lí giải được”

+ Không có một thiết bị nào có thể thay thế được lời ru của mẹ vì mẹ ru con là truyền cho con hơi ấm, tình thương, ước mơ, khát vọng của mẹ cho con.

+ Lời ru trở thành dòng sữa tinh thần để con khôn lớn, lời ru bồi đắp tâm hồn con.

+ Lời ru kết gắn tình mẹ con, giúp con cảm nhận được sự chở che, yêu thương của mẹ.

**B. VỀ THĂM MẸ - ĐINH NAM KHƯƠNG**

**I. Tác giả**

**-** Tác giả Đinh Nam Khương (1949 - 2018)

- **Quê quán**: Thôn Đục Khuê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

- **Chức danh**: Từng là phó chủ tịch Hội Đông y Mỹ Đức, Hà Nội; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

- **Giải thưởng**:  
+ Giải A cuộc thi thơ 1981 - 1982 - Báo Văn nghệ.  
+ Tặng thưởng bài thơ hay nhất 1992 - Báo Văn nghệ Quân đội.  
+ Tặng thưởng chùm thơ hay nhất 2001 - Báo Văn nghệ.  
+ Giải B cuộc thi thơ Lục bát 2002 - 2003.

**II. VĂN BẢN “VỀ THĂM MẸ”**

**1.Xuất xứ**: Trích Mẹ (Tuyển thơ) - 2002.

**2.Thể thơ** : Bài thơ viết theo thể thơ lục bát.

**3**. **Bố cục văn bản:** Chia làm 3 phần:

**- Phần 1:** Khổ 1( 4 câu đầu): Hoàn cảnh về thăm mẹ và tâm trạng của người con.

- Phần 2: + Khổ 2 và Khổ 3 (8 câu tiếp): Hình ảnh ngôi nhà của mẹ.

- Phần 3: Khổ cuối (2 câu cuố): Tình cảm, cảm xúc của người con.

**4. Đặc sắc nghệ thuật**

- Thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm.

- Kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê.

**5. Đặc sắc nội dung**

Bài thơ *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương) là tâm sự của người con xa ngày về thăm mẹ, qua đó người đọc thấy được sự tảo tần, lam lũ, đức hi sinh của mẹ và thấy được tình yêu thương, trân trọng của người con dành cho người mẹ thân thương.

**III. Phân tích văn bản**

|  |
| --- |
| **a. Hoàn cảnh về thăm mẹ và tâm trạng của người con**  **\* Hoàn cảnh người con về thăm mẹ được gợi lên qua hai câu thơ đầu tiên:**  *“Con về thăm mẹ chiều đông*  *Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”*  *-* Cụm từ “Chiều đông”là thời gian thường gợi buồn, gợi nhớ, gieo vào lòng người niềm khao khát đoàn tụ sum họp gia đình. Người con xa nhà lâu ngày, nay trở về, mong được gặp mẹ sau bao xa cách. Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà. Trong cảnh chiều đông buốt lạnh thì nỗi nhớ mẹ càng nhân lên gấp bội.  - Nhưng khi con về tới nhà thì lại bắt gặp cảnh tượng “*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”:*  + Hình ảnh “bếp chưa lên khói” là hình ảnh thơ giàu ý nghĩa. Hình ảnh “bếp lửa” thường gắn liền với mẹ bởi mẹ là người nội trợ, chính mẹ mang lại hơi ấm cho căn bếp. Mẹ giữ ngọn lửa ấm trong căn bếp cũng chính là ngọn lửa yêu thương cho gia đình. Mẹ đồng nghĩa với sự ấm áp, thảo thơm trong ngôi nhà mình. Nhớ về mẹ, có lẽ trong lòng người con xa quê luôn thường trực hình ảnh của mẹ đảm đang, chu toàn, vun vén cho ngôi nhà, luôn nhớ về hình ảnh mẹ nhóm bếp nấu cơm chiều.  “Bếp chưa lên khói” báo hiệu mẹ vắng nhà. Nhà thơ nhớ về ngọn khói lam la đà toả ấm mỗi chiều hôm cũng chính là lòng con nhớ về người mẹ yêu dấu đấy thôi.  + Hai từ phủ định “chưa”, “không” được dùng trong cùng một câu thơ“Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà” gợi lên một quang cảnh trống vắng, hiu quạnh, lạnh lẽo.  **\*Tâm trạng của con:**  - Mang trong mình nỗi khát khao được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách, nhưng lại gặp lúc mẹ không có nhà, người con không khỏi hụt hẫng:  *Mình con thơ thẩn vào ra Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi.*  + Tâm trạng con được diễn tả qua từ láy “thơ thẩn”, đó là sự bâng khuâng, mang nét buồn, nét thương. Con “vào ra” để chờ mẹ, ngóng mẹ với tâm trạng bồn chồn, nhớ nhung, khao khát sớm được gặp mẹ.  - Trở về nhà khi mẹ đi vắng, cảnh vật thật tĩnh lặng, thiếu hơi ấm của mẹ. Người con ngắm nhìn cảnh vật xung quanh với cảm giác bâng khuâng khó tả, nhớ nhung da diết. Dường như vắng bóng mẹ, tất cả trở thành hư vô. Không thấy bóng dáng thân thương, quen thuộc của mẹ, trong lòng con thấy thiếu vắng, trống trải như có bão táp nổi lên, cuộn xoáy trong lòng mà thành “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi”.  + Hình ảnh “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” gợi nhiều hơn tả. Đây là một hình ảnh đa nghĩa: bên cạnh việc khắc họa khung cảnh thực thì còn có thể là cảm xúc nhân vật: òa khóc (khóc trong lòng hoặc khóc thành tiếng). Tình cảm của con dồn nén bấy lâu, nay vỡ oà. Trời đổ mưa hay giọt nước mắt con khóc, đi xa rồi mới thấy nhớ, thấy quý trọng những ngày bên mẹ.  *\*Tóm lại:* Qua khổ thơ thứ nhất, nhà thơ đã cho người đọc thấy hoàn cảnh về thăm mẹ và nỗi lòng của con khi về thăm mẹ mà mẹ không có nhà. Cái khéo léo của nhà thơ là tạo ra được sự đồng điệu giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Cái lặng lẽ, quạnh vắng của chiều đông, cái ảm đạm, hiu hắt của mái tranh quê thiếu mùi khói bếp đồng điệu với nỗi niềm thơ thẩn, trống vắng, mênh mang trong tâm hồn con.  **b. Hình ảnh người mẹ tảo tần thương con**  - **Trước tiên, hình ảnh mẹ gắnvới những sự vật gần gũi đời thường**:  Tìm về với mẹ trong hoàn cảnh mẹ vắng nhà, tuy buồn nhưng đó cũng là cơ hội để người con tĩnh tâm, quan sát kĩ hơn quang cảnh ngôi nhà gắn với những vật dụng đơn sơ đã gắn bó với cuộc đời tảo tần, lam lũ, thảo thơm của mẹ.  + Bằng nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã vẽ ra ngôi nhà của mẹ hiện lên với các hình ảnh vô cùng quen thuộc, đơn sơ, bình dị: “nón mê ngồi dầm mưa”, “áo tơi lưn củn”, “chiếc nơm hỏng vành”, “chum tương đã đậy”, “đàn gà mới nở”. Các hình ảnh thơ đã làm nổi bật bức tranh ngôi nhà của mẹ với nhiều màu sắc: màu nâu trầm của những đồ vật đã cũ của chum tương đồng, của nón mê rách, của đất đai, của hồn quê; có màu vàng của đàn gà mới nở. có màu xanh của cây cối trong vườn,… Tất cả những màu sắc quen thuộc đó hoà quyện tạo nên một bức tranh giản dị, đời thường, bình yên và rất đỗi thâ thuộc với mọi làng quê, ruộng vườn.  + Các hình ảnh ẩn dụ "nón mê", "áo tơi" gợi lên hình ảnh người mẹ với sự lam lũ, tảo tần. Tất cả các sự vật quanh ngôi nhà của mẹ đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, không trọn vẹn. Điều đó cho thấy sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. Đó là tình yêu của mẹ đối với con trọn vẹn.  + Biện pháp nhân hoá “nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa” gợi lên dáng vẻ lam lũ, tảo tần cả một đời của mẹ.  =>Như vậy, qua những vật dụng đời thường tuy cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn xung quanh ngôi nhà của mẹ, nhà thơ đã khắc hoạ tọn vẹn hình ảnh người mẹ mộc mạc, giản dị, tảo tần, một đời hi sinh lặng thầm vì con. Tuy mẹ đi vắng nhưng hình bóng, hơi thở của mẹ hiện hữu trong từng góc nhỏ của ngôi nhà, qua từng sự vật. Hình ảnh mẹ hiện lên qua cả những sự vật đang tồn tại và cả trong kí ức của con thật cảm động.  **- Tình thương của mẹ kết lại bởi hình ảnh:** "Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." Chỉ là một trái na nhỏ bé nhưng lại thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương, chi chút của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để dành cho con. Cả đời mẹ chịu đựng bao vất vả, luôn nhận về mình thiệt thòi, để nhường cho con những gì tốt đẹp, trọn vẹn nhất. Tình yêu thương mẹ dành cho con khó có gì sánh được. Đó là sự vi tha, đức hi sinh của mẹ, cả đời tần tảo, vất vả, tiết kiệm, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình.  Bằng ngôn ngữ giản dị, quen thuộc, hình ảnh thơ giàu sức gợi, nhà thơ đã làm hiện lên hình ảnh người mẹ mang những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mà ca dao đã nhiều lần ca ngợi:  *- Mênh mông bát ngát đại dương*  *Cũng không sánh được tình thương mẹ hiền*  *- Mẹ nằm chỗ ướt canh sương*  *Chỗ khô lót tiếng ru nhường con thơ*  *- Mẹ là ngọn gió đưa êm*  *Mẹ là dòng suối mơ huyền bao la.*  *- Bao la bóng nước biển đông*  *Không bằng một nửa tấm lòng mẹ tôi*  **c. Tình cảm của người con với mẹ**  **- Về thăm mẹ vào một buổi chiều đông lạnh giá, mẹ lại không có nhà nhưng nhin đâu nhà thơ cũng thấy bóng dáng thân thuộc của mẹ, thấy sự tảo tần in dấu trên những đồ vật quen thuộc xung quanh ngôi nhà của mẹ, thấu hiểu những hi sinh thầm lặng của mẹ. Từ tận đấy lòng, cảm xúc trào dâng khiến người con bật khóc:**  ***“Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…***  ***Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”***  Từ láy: "nghẹn ngào", "rưng rưng".  - "nghẹn ngào"  thể hiện tâm trạng xúc động mãnh liệt, cố kìm nén, cảm động không nói nên lời.  - "rưng rưng" → thể hiện cảm xúc dâng trào, không thể kìm nén, nước mắt chỉ trực trào rơi.  Người con nghẹn ngào, rưng rưng vì:  + Cảm nhận được tình yêu thương của mẹ và thấy thương mẹ nhiều hơn. Động từ “thương” diễn tả tình cảm yêu quý, tự hào,biết ơn, trân trọng của người con dành cho mẹ.  + Thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, khi nhìn thấy chiếc nón mê tàn, cái áo tơi lủn củn...  Dấu ba chấm cuối dòng thơ “Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…” như kéo dài niềm thương, nỗi xúc động của con, biết bao cảm xúc yêu thương mẹ trong con chẳng thể nói ra thành lời, chất chứa trong lòng không thể nói ra hết. Dấu ba chấm cũng như một nhịp nấc nghẹn ngào của người con, một thoáng lắng đọng của dòng cảm xúc mãnh liệt đang trào dâng trong con, tạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả.  - Kết nối với câu thơ thứ tư của bài thơ: “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” thì "nghẹn ngào", "rưng rưng" có thể để chỉ tiếng nấc sau khi người con đã bình tâm trở lại.  Hai câu thơ đã diễn tả những cảm xúc chân thành của người con khi thấu hiểu đươc sự tảo tần, vất vả của mẹ, cảm nhận sâu sắc tình yêu thương mẹ giành cho mình. Con đã lớn lên từ những giản đơn thường ngày, từ chiếc nón mê rách tàn, từ cái áo tơi cũ mòn, từ cái nơm hỏng vành, tất cả đều chứa đựng những tĩnh cảm mẫu tử thiêng liêng. Khép lại bài thơ, hai câu thơ cuối đã thể hiện lòng biết ơn, sự trân trọng của người con đối với mẹ. Qua đó, bài thơ nhắc nhở người đọc thái độ trân trọng, kính yêu đối với cha mẹ, những người đã có công ơn sinh thành, dưỡng dục thầm lặng, đã hi sinh cả một đời vì chúng ta. |
| **3. Tổng kết**  **a. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm.  - Kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê.  **b. Nội dung:**  Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương) là bài thơ thể hiện tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ mình. Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiễn hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. |

**2. Định hướng phân tích**

Không ít người cầm bút nói rằng: “*Muốn biết người ấy có thực sự là thi sĩ hay không? Xin hãy đọc đôi ba câu lục bát của họ*.” Với Đinh Nam Khương, ngay từ năm 1982, ở cuộc thi thơ Tuần Báo Văn nghệ, Hội Nhà văn Việt Nam, chùm lục bát đoạt giải A, đã vinh danh tên tuổi chàng thi sĩ trẻ tuổi lúc bấy giờ trước niềm quý yêu, hẹn đợi của đông đảo công chúng. Và rồi cả cuộc đời cầm bút, khi giã từ cõi tạm, người thi sĩ ấy đã kịp để lại cho đời sự nghiệp thơ văn với rất nhiều đầu sách. Trong đó, nơi hội tụ tài năng của nhà thơ Đinh Nam Khương chính là mảng thơ lục bát với rất nhiều tác phẩm hay, ấn tượng. Một trong số tác phẩm thơ lục bát đặc sắc nhất của nhà thơ họ Đinh chính là **bài thơ “Về thăm mẹ”**. Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ trong một lần về thăm mẹ sau một thời gian dài xa quê.

“*Con về thăm mẹ chiều đông*

*[…]*

*Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”*

Viết về tình mẫu tử, Đinh Nam Khương đã hoá thân vào một người con xa quê lâu ngày mới có dịp về thăm mẹ, hoàn cảnh đó trở thành cái cớ để khơi gợi cảm xúc trong lòng nhân vật trữ tình. **Khổ thơ đầu tiên của bài cho thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con khi về thăm mẹ** . **Hoàn cảnh về thăm mẹ được gợi lên qua hai câu thơ đầu tiên:**

*“Con về thăm mẹ chiều đông”*

*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”*

“Chiều đông”là thời gian thường gợi buồn, gợi nhớ, gieo vào lòng người niềm khao khát đoàn tụ sum họp gia đình. Người con xa nhà lâu ngày, nay trở về, mong được gặp mẹ sau bao xa cách. Bởi vậy, trong cảnh chiều đông buốt lạnh thì nỗi nhớ mẹ càng nhân lên gấp bội. Hình ảnh “bếp chưa lên khói” ở câu thơ thứ hai là hình ảnh thơ giàu ý nghĩa. Hình ảnh “bếp lửa” thường gắn liền với mẹ bởi mẹ là người nội trợ, chính mẹ mang lại hơi ấm cho căn bếp. Mẹ giữ ngọn lửa ấm trong căn bếp cũng chính là ngọn lửa yêu thương cho gia đình. Mẹ đồng nghĩa với sự ấm áp, thảo thơm trong ngôi nhà mình. Nhớ về mẹ, có lẽ trong lòng người con xa quê luôn thường trực hình ảnh của mẹ đảm đang, chu toàn, vun vén cho ngôi nhà, luôn nhớ về hình ảnh mẹ nhóm bếp nấu cơm chiều. Nhà thơ nhớ về ngọn khói lam la đà toả ấm mỗi chiều hôm cũng chính là lòng con nhớ về người mẹ yêu dấu đấy thôi. Hai từ phủ định “chưa”, “không” được dùng trong cùng một câu thơ “*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà*” gợi lên một quang cảnh trống vắng, hiu quạnh, lạnh lẽo.

**Mang trong mình nỗi khát khao được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách, nhưng khi về lại gặp lúc mẹ vắng nhà, người con không khỏi hụt hẫng**:

*Mình con thơ thẩn vào ra  
Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi.*

Tâm trạng con được diễn tả qua từ láy “thơ thẩn”, đó là sự bâng khuâng, mang nét buồn, nét thương. Con “vào ra” để chờ mẹ, ngóng mẹ với tâm trạng bồn chồn, nhớ nhung, khao khát sớm được gặp mẹ. Người con ngắm nhìn cảnh vật xung quanh với cảm giác bâng khuâng khó tả, nhớ nhung da diết. Dường như vắng bóng mẹ, tất cả trở thành hư vô. Không thấy bóng dáng thân thương, quen thuộc của mẹ, trong lòng con thấy thiếu vắng, trống trải như có bão táp nổi lên, cuộn xoáy trong lòng mà thành “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi”. Hình ảnh “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” gợi nhiều hơn tả. Đây là một hình ảnh đa nghĩa: bên cạnh việc khắc họa khung cảnh thực thì còn có thể là cảm xúc nhân vật: òa khóc (khóc trong lòng hoặc khóc thành tiếng). Tình cảm của con dồn nén bấy lâu, nay vỡ oà. Trời đổ mưa hay giọt nước mắt con khóc, đi xa rồi mới thấy nhớ, thấy quý trọng những ngày bên mẹ. Tóm lại, qua khổ thơ thứ nhất, nhà thơ đã cho người đọc thấy hoàn cảnh về thăm mẹ và nỗi lòng của con khi về thăm mẹ mà mẹ không có nhà. Cái khéo léo của nhà thơ là tạo ra được sự đồng điệu giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Cái lặng lẽ, quạnh vắng của chiều đông, cái ảm đạm, hiu hắt của mái tranh quê thiếu mùi khói bếp đồng điệu với nỗi niềm thơ thẩn, trống vắng, mênh mang trong tâm hồn con.

**Hai khổ thơ tiếp theo đã gián tiếp dựng lên hình ảnh của hình ảnh người mẹ tảo tần thương con qua cảm nhận của con:**

*Chum tương mẹ đã đậy rồi  
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa  
Áo tơi qua buổi cày bừa  
Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.*

*Đàn gà mới nở vàng ươm  
Vào ra quanh một cái nơm hỏng vành  
 Bất ngờ rụng ở trên cành  
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

Trước tiên, hình ảnh mẹ gắn**với những sự vật gần gũi đời thường.** Tìm về với mẹ trong hoàn cảnh mẹ vắng nhà, tuy buồn nhưng đó cũng là cơ hội để người con tĩnh tâm, quan sát kĩ hơn quang cảnh ngôi nhà gắn với những vật dụng đơn sơ đã gắn bó với cuộc đời tảo tần, lam lũ, thảo thơm của mẹ. Bằng nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã vẽ ra ngôi nhà của mẹ hiện lên với các hình ảnh vô cùng quen thuộc, đơn sơ, bình dị: “nón mê ngồi dầm mưa”, “áo tơi lưn củn”, “chiếc nơm hỏng vành”, “chum tương đã đậy”, “đàn gà mới nở”. Các hình ảnh thơ đã làm nổi bật bức tranh ngôi nhà của mẹ với nhiều màu sắc: màu nâu trầm của những đồ vật đã cũ của chum tương đồng, của nón mê rách, của đất đai, của hồn quê; có màu vàng của đàn gà mới nở. có màu xanh của cây cối trong vườn,… Tất cả những màu sắc quen thuộc đó hoà quyện tạo nên một bức tranh giản dị, đời thường, bình yên và rất đỗi thâ thuộc với mọi làng quê, ruộng vườn. Các hình ảnh ẩn dụ "nón mê", "áo tơi" gợi lên hình ảnh người mẹ với sự lam lũ, tảo tần. Tất cả các sự vật quanh ngôi nhà của mẹ đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, không trọn vẹn. Điều đó cho thấy sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. Đó là tình yêu của mẹ đối với con trọn vẹn. Biện pháp nhân hoá “nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa” gợi lên dáng vẻ lam lũ, tảo tần cả một đời của mẹ. Như vậy, qua những vật dụng đời thường tuy cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn xung quanh ngôi nhà của mẹ, nhà thơ đã khắc hoạ tọn vẹn hình ảnh người mẹ mộc mạc, giản dị, tảo tần, một đời hi sinh lặng thầm vì con. Tuy mẹ đi vắng nhưng hình bóng, hơi thở của mẹ hiện hữu trong từng góc nhỏ của ngôi nhà, qua từng sự vật. Hình ảnh mẹ hiện lên qua cả những sự vật đang tồn tại và cả trong kí ức của con thật cảm động.

**Tình thương của mẹ kết lại bởi hình ảnh:** "Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." Chỉ là một trái na nhỏ bé nhưng lại thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương, chi chút của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để dành cho con. Cả đời mẹ chịu đựng bao vất vả, luôn nhận về mình thiệt thòi, để nhường cho con những gì tốt đẹp, trọn vẹn nhất. Tình yêu thương mẹ dành cho con khó có gì sánh được. Đó là sự vi tha, đức hi sinh của mẹ, cả đời tần tảo, vất vả, tiết kiệm, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình. Bằng ngôn ngữ giản dị, quen thuộc, hình ảnh thơ giàu sức gợi, nhà thơ đã làm hiện lên hình ảnh người mẹ mang những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mà ca dao đã nhiều lần ca ngợi:

Hai câu thơ khép lại tác phẩm đã diễn tả thật cảm động t**ình cảm của người con với mẹ:**

***“Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…***

***Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”***

**Về thăm mẹ vào một buổi chiều đông lạnh giá, mẹ lại không có nhà nhưng nhin đâu nhà thơ cũng thấy bóng dáng thân thuộc của mẹ, thấy sự tảo tần in dấu trên những đồ vật quen thuộc xung quanh ngôi nhà của mẹ, thấu hiểu những hi sinh thầm lặng của mẹ. Từ tận đấy lòng, cảm xúc trào dâng khiến người con bật khóc.** Từ láy: "nghẹn ngào", "rưng rưng" đã diễn tả những lớp sóng tâm trạng đang trào dâng trong con. Nếu như "nghẹn ngào"  thể hiện tâm trạng xúc động mãnh liệt, cố kìm nén, cảm động không nói nên lời thì "rưng rưng" lại thể hiện cảm xúc dâng trào, không thể kìm nén, nước mắt chỉ trực trào rơi.Cảm nhận được tình yêu thương của mẹ, thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, nhà thơ càng thấy thương mẹ nhiều hơn. Động từ “thương” diễn tả tình cảm yêu quý, tự hào,biết ơn, trân trọng của người con dành cho mẹ. Dấu ba chấm cuối dòng thơ “Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…” như kéo dài niềm thương, nỗi xúc động của con, biết bao cảm xúc yêu thương mẹ trong con chẳng thể nói ra thành lời, chất chứa trong lòng không thể nói ra hết. Dấu ba chấm cũng như một nhịp nấc nghẹn ngào của người con, một thoáng lắng đọng của dòng cảm xúc mãnh liệt đang trào dâng trong con, tạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả. Hai câu thơ cuối đã diễn tả những cảm xúc chân thành của người con khi thấu hiểu đươc sự tảo tần, vất vả của mẹ, cảm nhận sâu sắc tình yêu thương mẹ dành cho mình. Con đã lớn lên từ những giản đơn thường ngày, từ chiếc nón mê rách tàn, từ cái áo tơi cũ mòn, từ cái nơm hỏng vành, tất cả đều chứa đựng những tĩnh cảm mẫu tử thiêng liêng. Khép lại bài thơ, hai câu thơ cuối đã thể hiện lòng biết ơn, sự trân trọng của người con đối với mẹ.

Bằng thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm; kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê, bài thơ Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương) đã thể hiện tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ mình. Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiễn hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. Qua đó, bài thơ nhắc nhở người đọc thái độ trân trọng, kính yêu đối với cha mẹ, những người đã có công ơn sinh thành, dưỡng dục thầm lặng, đã hi sinh cả một đời vì chúng ta.

**II. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Chum tương mẹ đã đậy rồi Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa Áo tơi qua buổi cày bừa Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.*  *Đàn gà mới nở vàng ươm Vào ra quanh một cái nơm hỏng vành Bất ngờ rụng ở trên cành Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*  *Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn… Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày.*  *(Trích “Về thăm mẹ” – Đinh Nam Khương)*  **Câu 1.** Nhận xét cách gieo vần lục bát trong hai câu thơ: “*Áo tơi qua buổi cày bừa / Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm."*  **Câu 2.Cảnh vật quanh ngôi nhà của người mẹ hiện lên qua những hình ảnh nào?**Những sự vật đó có đặc điểm chung nào? .  **Câu 3.** Chỉ ra các từ láy trong hai câu thơ cuối đoạn trích và nêu ý nghĩa tu từ của các từ láy đó.  **Câu 4**. Từ tình cảm của người con dành cho mẹ trong đoạn trích trên, em hãy rút ra thông điệp cho bản thân. |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Hai câu thơ gieo vần chưa chuẩn: Trong thơ lục bát, thông thường tiếng thứ 6 câu lục sẽ hiệp vần với tiếng thứ 6 câu bát, nhưng ở trong hai câu thơ thì chưa có sự hiệp vần.

*Áo tơi qua buổi cày* ***bừa*** *Giờ còn lủn củn khoác* ***hờ*** *người rơm.*

**Câu 2:** Cảnh vật của ngôi nhà được hiên lên qua những hình ảnh:

+ chum tương đã đậy.

+ áo tơi lủn củn.

+ nón mê ngồi dầm mưa.

+ đàn gà, cái nơm hỏng vành.

→ Tất cả các sự vật đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn.

**Câu 3:**

- Các từ láy: *nghẹn ngào, rưng rưng*

- Ý nghĩa: Diễn tả tinh cảm xúc động, chan chứa yêu thương của người con xa nhà khi về thăm mẹ.

**Câu 4:**

- Tình cảm của người con: yêu thương, trân trọng, biết ơn khó nói ra hết thành lời. Đó là tình cảm mẫu tử thiêng liêng cao đẹp trong cuộc sống thường ngày mà con người thường không dễ nhận ra trong những vòng xoay hối hả của cuộc sống.

- Qua đoạn trích, em thấy bản thân mình cần phải biết quý trọng quãng thời gian được sống bên gia đình, bố mẹ. Bản thân em cũng sẽ cố gắng trở thành người con ngoan để bố mẹ vui lòng.

**2. Đọc hiểu văn bản thơ cùng chủ đề ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  Bao giờ cho tới mùa thu  trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm  bao giờ cho tới tháng năm  mẹ ra trải chiếu ta nằm đếm sao  Ngân hà chảy ngược lên cao  quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thằng Bờm  bờ ao đom đóm chập chờn  trong leo lẻo những vui buồn xa xôi  Mẹ ru cái lẽ ở đời  sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn  bà ru mẹ... mẹ ru con  liệu mai sau các con còn nhớ chăng  *(Trích****Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa****- Theo Thơ Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 2010)*  Thực hiện các yêu cầu sau:  **Câu 1**: Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào? Xác định phương thức biểu đạt chính.  **Câu 2**: Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu.  **Câu 3**: **Em hiểu như thế nào về hai câu**thơ: *Mẹ ru cái lẽ ở đời/ sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn* ?  **Câu 4**: Theo em, tác giả muốn nhắn nhủ chúng ta điều gì trong hai câu thơ “bà ru mẹ... mẹ ru con - liệu mai sau các con còn nhớ chăng”? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Đoạn trích trên được viết theo thể thơ là: Lục bát

Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2**:

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu là:

- Lặp cấu trúc/điệp ngữ: Bao giờ cho tới…

- Nhân hóa: trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm

- Hiệu quả:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gợi hình ảnh, tạo giọng điệu thiết tha cho khổ thơ.

+ Nhấn mạnh, khơi gợi khao khát về kỉ niệm thời thơ ấu với những hình ảnh gần gũi, thân quen.

**Câu 3:** Hai câu thơ ngợi ca công lao to lớn của mẹ, không chỉ nuôi dưỡng thể xác mà con nuôi dưỡng tâm hồn con từ khi tấm bé. Qua đó hai câu thơ khuyên mỗi người làm con phải luôn ghi nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ, đừng làm mẹ phải buồn mà hãy luôn sống xứng đáng với niềm tin, sự kì vọng của mẹ.

**Câu 4:** Qua hai câu thơ, tác giả muốn nhắn nhủ người đọc phải luôn biết ghi nhớ công ơn sinh thành của cha mẹ, phải giữ trọn truyền thống gia đình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“...Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn. Con là sóng, mẹ sẽ là bến bờ kì lạ. Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”.*  *(Trích Mây và sóng, Ta- go)*  **Câu 1:**Đoạn thơ trên là lời của ai nói với ai, nói về điều gì?  **Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ so sánh và tác dụng của phép so sánh trong đoạn thơ trên?  **Câu 3:** Em hiểu câu thơ *“Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”* như thế nào?  **Câu 4**: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp nào? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời em bé (người con) nói với mẹ về những trò chơi do em bé sáng tạo ra.

**Câu 2:**

- phép tu từ so sánh: *“Con”* được so sánh với *“sóng*”, “*mẹ*” được ví như “*bến bờ kì lạ”* ; quan hệ *“mẹ và con”* được so sánh với quan hệ giữa *“sóng và bến bờ”*

- Tác dụng:

+ Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

+ Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Hình ảnh người mẹ hiện lên trở thành nguồn vui ấm áp, liêng liêng vô cùng đối với em. Cách so sánh “mẹ là bến bờ kì lạ” để ca ngợi tình yêu thương bao la,tấm lòng bao dung, rộng mở của mẹ, mẹ là vành nôi ấm áp trở che cho con.

+ Quan hệ “mẹ-con” được nâng lên giống như quan hệ giữa “sóng- bến bờ” khẳng định, ngợi ca tình mẹ con là tình cảm tự nhiên, trường tồn, vĩnh hằng.

**Câu 3:** Em hiểu câu thơ *“Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”* nghĩa là tình mẹ con được nâng lên kích cỡ vũ trụ, lớn lao, bất diệt. Câu thơ khẳng định, nâng tình mẹ con lên tầng cao của vũ trụ, tình mẹ con xuất hiện ở khắp mọi nơi, không ai có thể chia tách được.

**Câu 4**: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp

- Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, là cội cuồn sức mạnh giúp con người vượt qua mọi cám dỗ trong cuộc đời. Sống có trách nhiệm với bản thân và gia đình.

- Có mẹ là có cả thế giới. Cần trân trọng, biết ơn, yêu thương mẹ nhiều hơn,vì mẹ đã vất vả, hi sinh cuộc đời mình cho con. Cuộc đời có bao sự đổi thay nhưng tình yêu thương vô bờ bến của mẹ dành cho con thì không bao giờ thay đổi được.

**CA DAO**

**I. Kiến thức chung về ca dao**

**1. Định nghĩa**: Ca dao là một hình thức thơ ca dân gian truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam.

**2. Đặc điểm hình thức**:

+ Ca dao sử dụng nhiều thể thơ, trong đó nhiều bài viết theo thể lục bát. Mỗi bài ca dao ít nhất có hai dòng.

+ Thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ, phép lặp hình ảnh, từ ngữ; lời ca dao thường ngắn gọn, dễ thuộc, dễ nhớ (2- 4 ḍòng)

**3. Đặc điểm nội dung**: Chủ yếu phản ánh tâm tư, tình cảm trong tâm hồn của con người (*tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu nam nữ, tình bạn, tình vợ chồng, than thân trách phận..*.). Tình cảm gia đình là 1 trong những chủ đề góp phần thể hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người Việt Nam

**VĂN BẢN “CA DAO VIỆT NAM”**

**I. Tìm hiểu chung**

**- Thể thơ:** Lục bát

**- Chủ đề:** Tình cảm gia đình

**- Nghệ thuật**

-Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.

- Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng.

**- Nội dung**

- Ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội.

- Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống.

**1. Dàn ý:**

**a. Nêu vấn đề:**

- Giới thiệu về đặc trưng thể loại ca dao: Là thể loại trữ tình diễn tả tâm trạng, cảm xúc của con người, gắn với các hình thức sinh hoạt.

- Giới thiệu về chùm ca dao về tình cảm gia đình là bộ phận phong phú trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam. Nó ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội. Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống.

**2. Giải quyết vấn đề:**

**Bài 1:**

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

**\*Hai câu đầu:**

* **Hình ảnh**

+ Núi ngất trời là núi cao chọc trời, cao ngất đến 9 tầng mây xanh.  
+ Nước ở ngoài biển Đông thì bao la, mênh mông không kể xiết.

**Ca ngợi công lao to lớn không thể đo đếm của cha mẹ**

* **Nghệ thuật:**

**+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc:**

***Công cha – như – núi ngất trời***

***Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông***

- Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ. Chỉ có những hình ảnh to lớn vĩ đại ấy mới diễn tả hết công lao tình cảm to lớn của cha mẹ đối với con

**- Tác dụng của biện pháp so sánh:**

+ Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.

+ Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao của cha mẹ dành cho con cái, tình yêu bao la.

\***Hai câu cuối:**

+ Cù lao chín chữ: Là những công lao to lớn khó nhọc của cha mẹ đối với con cái như sinh đẻ, nuôi nấng, dậy bảo…

+ Giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình: Phải biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ.

**Tóm lại**: Bài ca dao 1 dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (núi ngất trời, núi cao, biển rộng…). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng… không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái.

**Bài 2:**

Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.

* ***Con người có cố, có ông:* nhờ** có tổ tiên, ông bà mới có cha mẹ, con cháu.
* *Cây có cội có gốc, sông có nguồn*: Cây có gốc thì mới bén rễ phát triển thành một cái cây xanh tốt; sông có nước từ suối nguồn chảy ra thì mới có nước.
* Chữ "có" được điệp lại bốn lần khẳng định một chân lí, một sự thật hiển nhiên về nguồn gốc của mọi sự thật, nhắc nhở chúng ta rằng đi đâu đi xa cách mấy chăng nữa thì hãy nhớ về nguồn gốc của mình, **phải ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha ông.**
* **Nghệ thuật so sánh:**

**Con người có tổ tiên, quê hương – giống như- cây có cội, sông có nguồn**

**- Tác dụng:**

+ Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.

+ Nhấn mạnh mỗi con người đều có cội nguồn, phải biết ơn và trân trọng.

-Tóm lại: Bài ca dao 2 nhắn nhủ con cháu phải biết ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha mẹ ông bà. Phải biết chung thủy hiếu thuận không được vong ơn bội nghĩa.

**Bài 3:**

Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

- Đây có thể là lời người trên nói với con cháu.  
hoặc lời của anh em nói với nhau.

=>Tiếng hát về tình cảm gắn bó của anh em trong gia đình:

+ *Nào phải người xa.  
+ Cùng chung bác mẹ  
+ Một nhà cùng thân*

=> Các từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất: Anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà.

**- Nghệ thuật so sánh:**

Sự gắn bó của nh em một nhà – giống như – sự gắn bó giữa tay với chân (các bộ phận trên cùng một cơ thể, không thể tách rời)

Tác dụng:

+ Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.

+ Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em.  
- *Anh em… hai thân vui vầy.*

=> Nhắn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau.

|  |
| --- |
| **c. Đánh giá vấn đề**  **\*Khái quát đặc sắc vè nội dung, nghệ thuật của chùm ca dao Việt Nam:**  - Nghệ thuật:  + Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm.  + Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.  + Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng   * Nội dung: Tình cảm đối với ông bà, cha mẹ, anh em và tình cảm của ông bà, cha mẹ đối với con cháu luôn là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người.   **\*Bày tỏ thái độ của bản thân**: Thêm hiểu về con người Việt Nam xưa, yêu và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc qua các bài ca dao ấy. |

**2.Định hướng phân tích**

Ca dao là thể loại văn học dân gian diễn tả chi tiết đầy đủ nhất đời sống tư tưởng, tình cảm của nhân dân ta. Ca dao đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau trong cuộc sống, nhưng nổi bật hơn cả là chùm ca dao ca ngợi tình cảm gia đình. Đó là những tình cảm thiêng liêng đối với mỗi người: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội. Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống.

**Trước tiên, bài ca dao thứ nhất là lời nhắn nhủ mỗi người về lòng biết ơn đối với công lao to lớn của cha mẹ:**

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông. Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Trong hai câu ca dao đầu, *công cha, nghĩa mẹ* chỉ công sinh thành và giáo dưỡng của cha mẹ.*Núi ngất trời, nước ở ngoài biển Đông* là những hình ảnh thiên nhiên vũ trụ rộng lớn, vĩnh hằng.Cáchình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ.Chỉ có những hình ảnh to lớn vĩ đại ấy mới diễn tả hết công lao tình cảm to lớn của cha mẹ đối với con

Đến hai câu ca dao sau, tác giả dân gian đã dùng cụm từ “ Cù lao chín chữ” để chỉ công lao to lớn khó nhọc nhiều bề của cha mẹ đối với con cái. Từ đó nhắn nhủ con cái phải biết ghi tạc công ơn trời biển của cha mẹ mà đền đáp, làm tròn bổn phận của mình qua giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình.

**Tóm lại**, bài ca dao thứ nhất đã dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (*núi ngất trời, núi cao, biển rộng*…). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng… không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái là vô bờ.

**Tiếp theo, bài ca dao thứ hai lại là lời nhắn nhủ con cháu về lòng biết ơn với cội nguồn:**

Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.

Cây thì có cội có gốc, sông thì có nguồn. Nhờ có gốc bền rễ sâu mà cành lá mới xanh tươi, đơm hoa kết trái. Nhờ có nguồn mà sông mới có nước không bao giờ cạn. Con người cũng vậy, phải "có cố, có ông", có tổ tiên, ông bà mới có cha mẹ, con cháu.  Hình ảnh so sánh giúp cho ý thơ trở nên giản dị, dễ hiểu. Chữ "có" được điệp lại bốn lần không chỉ tạo nhịp điệu cho bài thơ mà còn khẳng định một chân lí, một sự thật hiển nhiên về nguồn gốc của mọi sự vật. Qua đây, bài ca dao nhắc nhở chúng ta rằng đi đâu đi xa cách mấy chăng nữa thì hãy nhớ về nguồn gốc của mình, **phải ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha ông.**

**Cuối cùng, bài ca dao thứ 3 đem đến cho chúng ta lời nhắn nhủ về tình cảm anh em ruột thịt:**

Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

Đây có thể là lời người trên nói với con cháu hoặc lời của anh em nói với nhau.Các cụm từ “*nào phải người xa”, “cùng chung bác mẹ”, “một nhà cùng thân”* kết hợp với điệp từ “*cùng*” nhấn mạnh sự gắn kết thống nhất: anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà.**Nghệ thuật so sánh trong câu ca dao thứ 3**càng tô đậm hơn sự gắn bó của anh em một nhà giống như sự gắn bó giữa tay với chân (các bộ phận trên cùng một cơ thể, không thể tách rời. Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. Từ đó, bài ca dao nhắn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau.

Các bài ca dao sử dụng thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm; ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm; sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh giúp cho lời thơ thêm giàu sức gợi hình gợi cảm.

Tình cảm đối với ông bà, cha mẹ, anh em và tình cảm của ông bà, cha mẹ đối với con cháu luôn là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người. Các bài ca dao trong chùm ca dao Việt Nam giúp chúng ta thêm trân trọng vẻ đẹp tâm hồn người Việt, nhận thức được ý nghĩa thiêng liêng của tình cảm gia đình. Chúng ta cần biết trân trọng, vun đắp tình cảm ấy ngày càng sâu sắc, bền chặt.

**II. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU**

**1. Ngữ liệu đọc hiểu trong chương trình**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc các bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu:**   * Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi! * Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn. * Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.   **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của các văn bản trên.  **Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong một bài ca dao.  **Câu 3.**Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện như thế nào trong ba bài ca dao trên?  **Câu 4.**Từ những lời nhắn nhủ trong các bài ca dao, em hãy kể ra những việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình. ( Kể tối thiểu 02 việc làm của em)  **Câu 5.** Viết theo trí nhớ các bài ca dao khác cũng viết về chủ đề tình cảm gia đình |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

**Câu 2.**

- Biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao 1:

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.

- Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ.

**- Tác dụng của biện pháp so sánh:**

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Nhấn mạnh sự hi sinh , công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.

+ Nhấn mạnh hơn lời khuyên của tác giả dân gian đối với thế hệ con cháu muôn đời.

**Câu 3.** Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện qua 3 bài ca dao:

* Trân trọng, đề cao tình cảm gia đình: tình mẫu tử, tình anh em, hướng về cội nguồn,
* Sống ân nghĩa, thủy chung.

**Câu 4.** HS nêu được các việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình, vun đắp tình cảm gia đình.

Có thể như:

*- Ngoan ngoãn, vâng lời dạy bảo của ông bà, cha mẹ.*

*- Phụ giúp ông bà, cha mẹ các việc nhỏ phù hợp với sức mình.*

*- Thường xuyên hỏi thăm tình hình sức khoẻ ông bà, cha mẹ khi ở xa;*

*- Chăm sóc, phụng dưỡng khi ông bà, cha mẹ đau ốm,*

*- Tranh thủ thời gian về đoàn tụ với gia đình vào các dịp nghỉ lễ.*

**Câu 5.** Các bài ca dao khác cũng viết về chủ đề tình cảm gia đình:

**\*Ca ngợi công ơn cha mẹ:**

*+ Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra…  
+ Ơn cha nặng lắm ai ơi,  
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang*

*+Cá không ăn muối cá ươn,  
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.  
  
+ Ai về tôi gửi buồng cau,  
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.  
Ai về tôi gửi đôi giày,  
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.*

*+ Ba năm bú mớm con thơ,  
Kể công cha mẹ, biết cơ ngần nào.  
Dạy rằng chín chữ cù lao,  
Bể sâu không ví, trời cao không bì.*

**\*Ca ngợi lòng biết ơn cội nguồn ông bà, tổ tiên:**

*Con chim có tổ, con người có tông.*

*Con chim tìm tổ, con người tìm tông.*

*Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*

*Ăn gạo, nhớ kẻ đâm xay giần sàng.*

*Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*

*Ăn khoai, nhớ kẻ cho dây mà trồng.*

**\*Ca ngợi tình nghĩa anh em ruột thịt:**

*Anh em cốt nhục đồng bào,  
Kẻ sau người trước phải hào cho vui.*

*Anh em như chân với tay  
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần*

**2. Đề đọc hiểu văn bản ca dao ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc các bài ca dao sau và trả lời các câu hỏi:**   1. *“Chiều chiều ra đứng ngõ sau*   *Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”*   1. *Ngó lên nuộc lạt mái nhà*   *Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.*  **Câu 1:** Lời của từng bài ca dao là lời của ai nói với ai?  **Câu 2:**Trong bài ca dao thứ nhất, nhân vật trữ tình bộc lộ tình cảm trong thời gian và không gian nào? Nhân vật trữ tình bộc lộ tình cảm gì?  **Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao thứ 2.  **Câu 4:** Theo em, bổn phận của người con, người cháu trong gia đình cần làm gì để đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của ông bà, cha mẹ? Bản thân em đã làm những gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Bài 1: Lời của người con gái lấy chồng xa quê nói với mẹ và quê mẹ.

- Bài 2: Lời của cháu con nói với ông bà (hoặc nói với người thân) về nỗi nhớ ông bà.

**Câu 2:**

- Thời gian: *chiều chiều*

- Không gian: *ngõ sau*

- Tâm trạng: nỗi nhớ mẹ cùng bao nỗi niềm của cô gái lấy chồng xa quê.

**Câu 3:**

Bài ca dao 2 sử dụng biện pháp so sánh**:** nỗi nhớ ông bà của con cháu được so sánh với nuộc lạt buộc trên mái nhà. Mà như chúng ta biết, so sánh với nuộc lạt mái nhà là so sánh với sự vô cùng, vô kể bởi nuộc lạt có rất nhiều.

⟹ Tác dụng:

+ Nhấn mạnh  tình cảm, nỗi nhớ của con cháu với ông bà là không đếm được.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm ấn tượng, gợi hình, gợi cảm hơn.

**Câu 4: HS chia sẻ suy nghĩ.**

* Con cháu cần biết kính trọng, biết ơn, yêu thương ông bà, cha mẹ. Cháu con có bổn phận phụng dưỡng ông bà, cha mẹ, làm tròn chữ hiếu.
* HS chia sẻ việc đã làm được, ví dụ như: nghe lời ông bà, cha mẹ; giúp đỡ những việc vừa sức mình; chăm sóc khi ông bà, cha mẹ ốm; học giỏi chăm ngoan,…

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *Bình Định có núi Vọng Phu, Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh. Em về Bình Định cùng anh, Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.*  *(Ca dao)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.  **Câu 2.** Hãy chọn và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong một bài ca dao trên.  **Câu 3.** Viết theo trí nhớ 2 bài ca dao cùng chủ đề với bài ca dao trên.  **Câu 4.** Nếu được giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương em cho một người bạn ở nơi khác, em sẽ giới thiệu một vẻ đẹp của quê hương mà em tự hào nhất. *(câu hỏi này GV nên giao ngay sau tiết học buổi sáng của VB để HS có sự tìm hiểu tốt nhất- áp dụng kĩ thuật dạy học dự án)* |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

**Câu 2.**

- Biện pháp tu từ điệp từ *“có”* trong câu lục bát *“Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh”*

**- Tác dụng của biện pháp điệp từ (điệp ngữ)**

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Điệp từ này đã góp phần nhấn mạnhsự phong phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương Bình Định yêu dấu.

+ Làm cho bài ca dao có âm hưởng nhịp nhàng, du dương, trầm bổng, tạo sự liên kết giữa các câu thơ trong bài.

**Câu 3.** HS có viết ra 2 bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước trong hoặc ngoài sách giáo khoa.

**Câu 4.** Nếu được giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương em cho một người bạn ở nơi khác, em sẽ giới thiệu về:

Hs đưa ra quan điểm cá nhân: có thể giới thiệu về vẻ đẹp quê hương với nét đẹp riêng. Có thể về tên các danh lam thắng cảnh, món ăn, lịch sử, văn hóa, phong tục...

*(Chỉ cần HS nêu tên và nét đẹp nổi bật đối tượng được giới thiệu. Tuy nhiên GV nên khuyến khích HS có sự chuẩn bị chu đáo, thậm chí các em có thể làm một bài giới thiệu ngắn có tranh, ảnh, clip minh hoạ*)

*Ví dụ: Nam Định quê mình có di tích Đền Trần.*

Di tích đền Trần và chùa Phổ Minh (thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định) gắn liền với những nhân vật lịch sử thời Trần. Triều đại nhà Trần tồn tại hơn 175 năm (1225 – 1400), đã để lại cho dân tộc ta những thành tựu to lớn về nhiều lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, quân sự…  
- Đền Trần và chùa Phổ Minh cũng là một trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng lớn ở khu vực châu thổ sông Hồng. Hàng năm, tại đây diễn ra một số lễ hội, với nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian đặc sắc, mang ý nghĩa ghi nhớ và tôn vinh thời đại nhà Trần. Trong đó, có hai kỳ lễ hội quan trọng nhất là lễ Khai ấn đầu Xuân và lễ hội tháng Tám – kỷ niệm ngày mất của vị anh hùng dân tộc, Đức thánh Trần Hưng Đạo.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *Ðường lên xứ Lạng bao xa, Cách ba quả núi với ba quãng đồng. Ai ơi đứng lại mà trông, Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.*  *(Ca dao)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. Văn bản trên do ai sáng tác?  **Câu 2**. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh nào?  **Câu 3.**Cụm từ “Ai ơi” trong bài ca hướng đến ai và để làm gì?  **Câu 4.**Thông điệp nào có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước? Lí giải tại sao? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: Biểu cảm

Tác giả: nhân dân lao động.

**Câu 2**. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh :Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: *“Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.* Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn

**Câu 3.**

+ Hai chữ*“ai ơi”*hướng tới ai đó, nó không cụ thể, là tất cả những con người Việt Nam ta.

+ Hai chữ*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời thiết tha, chân thành của tác giả.

**Câu 4.**Thông điệp có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước là:

+ Mỗi người cần có trách nhiệm với quê hương đất nước, có ý thức bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp của đất nước.

+ Tình yêu quê hương, đất nước là tình cảm vô cùng cao đẹp, rộng lớn và rất quan trọng với mỗi người.

+ Bài học về việc gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc

(HS có thể đưa ra một thông điệp có ý nghiã nhất là được, nếu HS nêu 2 thông điệp thì không cho điểm)

Lí giải tại sao?

(HS có thể bày tỏ quan điểm phù hợp)

**3. Đọc hiểu văn bản thơ lục bát chủ đề khác ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Việt Nam đất nắng chan hoà*  *Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh*  *Mắt đen cô gái long lanh*  *Yêu ai yêu trọn tấm tình thuỷ chung*  *Đất trăm nghề của trăm vùng*  *Khách phương xa tới lạ lùng tìm xem*  *Tay người như có phép tiên*  *Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*  (Trích*Bài thơ Hắc Hải –*Nguyễn Đình Thi)  **Câu 1**.  Đoạn thơ được viết theo[thể thơ](http://vanhay.edu.vn/cac-tho-thuong-gap-va-cach-don-gian-de-nhan-biet)nào? **Câu 2.**  Chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong đoạn thơ trên. **Câu 3**.  Nêu tác dụng của[biện pháp tu từ](http://vanhay.edu.vn/mot-bien-phap-tu-tu-co-xuat-hien-trong-de-doc-hieu-ngu-van) được sử dụng trong hai câu thơ *“Tay người như có phép tiên*– *Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ”.*  **Câu 4**. Từ đoạn thơ trên, em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam? |

**Gợi ý trả lời :**  
**Câu 1.**  thể thơ lục bát  
**Câu 2.** HS chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong các hình ảnh sau: *mắt đen cô gái long lanh; yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung; tay người như có phép tiên; trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

( Lưu ý HS có thể diễn đạt cách khác nhưng phải hợp lý)  
**Câu 3.** Biện pháp so sánh:*Tay người như có phép tiên*  
Tác dụng : *gợi ra niềm tự hào về vẻ đẹp tài hoa của con người Việt Nam trong lao động; làm cho câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm…*  
**Câu 4.** HS có thể nêu cảm nhận về hai đặc điểm sau: *đất nước Việt Nam tươi đẹp, trù phú; con người Việt Nam thủy chung, tình nghĩa, khéo léo, tài hoa…*  
**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Việt Nam đất nước ta ơi*  *​Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*  *Cánh cò bay lả rập rờn*  *​Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.*  (Trích*Bài thơ Hắc Hải –*Nguyễn Đình Thi)  **Câu 1**.  Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên? **Câu 2.**  Nêu nội dung chính của đoạn thơ. **Câu 3.**  Chỉ ra và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn thơ trên?  **Câu 4.** Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến bài ca dao nào? Dựa vào đâu mà em có được liên tưởng đó? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên: Biểu cảm  
**Câu 2.**  Nêu nội dung chính của đoạn thơ:

Đoạn thơ khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam, đồng thời tác giả gửi gắm tình yêu và niềm tự hào của mình về đất nước quê hương.  
**Câu 3.**  Chỉ ra từ láy: mênh mông, rập rờn

- Tác dụng của việc sử dụng các từ láy trong đoạn thơ trên:

+ Những từ láy trên góp phần khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước. Từ láy “mênh mông” gợi ra không gian bao la bát ngát của cánh đồng lúa. Từ láy “rập rờn” gợi sự chuyển động mềm mại, uyển chuyển của cánh cò đang sải cánh bay.

+ Từ láy đó đã góp phần tả cảnh đẹp thiên nhiên quê hương,làm cho những cảnh vật hiện lên chân thực, gần gũi, thanh bình, giản dị, mộc mạc; đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả đối với những vẻ đẹp bình dị, dân dã của đất nước.

**Câu 4.** Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến bài ca dao nào? Dựa vào đâu mà em có được liên tưởng đó?  
Ý 1: Đoạn thơ trên giúp HS liên tưởng đến bài ca dao cụ thể; HS viết được theo trí nhớ

Y2: HS phải đưa ra lí do thuyết phục về mối liên hệ giữa VB Việt Nam quê hương tôi với bài ca dao mà HS chọn đưa ra:

Có thể có các cơ sở để HS tìm bài cao dao:

- Cùng chủ để tình yêu quê hương đất nước.

- Cùng xuất hiện một trong những hình ảnh khá tương đồng như: hình ảnh cánh đồng lúa, cánh cò trắng, ...gợi đến vẻ đẹp của làng quê.

(HS đưa ra bài ca dao mà không tìm được mối liên quan về chủ đề, hình ảnh, cảm xúc thì không cho điểm)

Ví dụ:

*- Con cò bay lả bay la*

*Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng.*

* *Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng mênh mông bát ngát....*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương người rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*  *Ở hiền thì lại gặp hiền*  *Người ngay thì được phật, tiên độ trì.*  *Mang theo truyện cổ tôi đi*  *Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa*  *Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa*  *Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*  *Đời cha ông với đời tôi* *Như con sông với chân trời đã xa* *Chỉ còn chuyện cổ thiết tha* *Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*            (Trích *Chuyện cổ nước mình,*Lâm Thị Mỹ Dạ,Thơ Tình Việt Nam chọn lọc, NXB Văn học, 2014, tr36-37)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. **Câu 2.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ. **Câu 3.**  Hãy liệt kê ít nhất hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ. **Câu 4.** Em có đồng tình với quan niệm của tác giả trong hai câu thơ: “*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*/*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”* không?Vì sao ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm  
**Câu 2** : Nội dung chính của đoạn thơ: Tình cảm yêu mến của tác giả đối với truyện cổ dân gian, cảm nhận thấm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những truyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy.  
**Câu 3** : Các câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ:

*- Ở hiền gặp lành*

*- Thương người như thể thương thân*

*- Yêu nhau mấy núi cũng leo- mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.*

**Câu 4** : Hướng HS theo quan niệm **đồng tình** vì:

+ Giữa thế hệ cha ông và con cháu thời nay cách nhau rất xa về thời gian, do đó để hiểu được đời sống tâm hồn, lời dạy của cha ông thì phải tìm hiểu qua những giá trị tinh thần mà cha ông để lại.

+ Chuyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của cha ông xưa, là những lời dạy mà cha ông gửi gắm lại.  
+ Chuyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ, nối quá khứ và hiện tại để thế hệ sau noi theo những đạo lí từ người xưa đúc kết.   
**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  Thị thơm thì giấu người thơm  Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà  Đẽo cày theo ý người ta  Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì  Tôi nghe chuyện cổ thầm thì  Lời cha ông dạy cũng vì đời sau  Đậm đà cái tích trầu cau  Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người  Sẽ đi qua cuộc đời tôi  Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi  Nhưng bao chuyện cổ trên đời  Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.  (Chuyện cổ nước mình - Lâm Thi Mỹ Dạ, Thơ Tình Việt Nam chọn lọc, NXB Văn học, 2014, tr36-37)  **Thực hiện các yêu cầu sau**  **Câu 1.** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.  **Câu 2.** Những truyện cổ nào được gợi ra trong đoạn trích trên?  **Câu 3.**  “Người thơm” được tác giả nhắc đến là ai trong các dòng thơ?  Thị thơm thị giấu người thơm  Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà  **Câu 4.** Rút ra bài học ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên. Lí giải lựa chọn. |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Thể thơ lục bát.

**Câu 2:** Những truyện cổ được gợi ra từ đoạn trích:

+ Tấm Cám

+ Đẽo cày giữa đường

+ Sự tích trầu cau

**Câu 3:**

“Người thơm” được nhắc đến trong các dòng thơ là nhân vật cô Tấm trong truyện cổ tích “Tấm Cám”

**Câu 4:** HS lựa chọn một bài học ý nghĩa cho bản thân và lí giải.

Có thể nêu:

- Phải chăm chỉ, siêng năng làm việc. Vì nhưng người chăm chỉ, siêng năng mới tạo ra nhiều giá trị của cuộc đời, được mọi người yêu quý, kính trọng,…

- Hoặc trong cuộc sống, cần phải có *chính kiến riêng của bản thân, không nên chỉ làm* theo ý người khác vì chỉ bản thân ta mới hiểu rõ mình mong muốn gì nhất và lựa chọn nào phù hợp với mình nhất. Nếu bị động nghe theo lời người khác thì cuối cùng không làm nên việc gì.

- Hoặc cần tôn trọng những bài học ông cha gửi gắm trong những câu chuyện cổ vì đó là những bài học được đúc kết ngàn đời, luôn mới mẻ, không bao giờ cũ mòn.

**\* Kĩ năng nói và nghe**

**THAM KHẢO LÀM VĂN**

**Câu 2: Tham khảo bài viết : Kể về trải nghiệm một  lần nói dối mẹ**

Tuổi thơ bồng bột nông nổi đã để lại cho chúng ta nhiều kỷ niệm và cũng là những lần phạm lỗi rất ngây thơ và đáng nhớ, bởi chúng ta luôn nghĩ người lớn không biết nhưng thực tế chỉ cần liếc sơ họ đã biết chúng ta làm sai rồi. Bản thân tôi cũng đã từng như thế, tôi đã từng phạm phải một lỗi mà đến giờ nghĩ lại thấy bản thân sao ấu trĩ và trẻ con thế.

Ngày ấy, tôi đang học lớp 4 tuy gia đình chưa được coi là khá giả nhưng tôi cũng được mẹ cho đi học thêm ở nhà cô. Tôi đi học được vài tháng đầu tiên, ngày nào tôi cũng đến lớp đầy đủ, tuần ba buổi, mỗi buổi hai tiếng. Tôi vốn có tiếng là đứa chăm chỉ, ngoan và học giỏi, nên rất được thầy cô bạn bè yêu quý, kể cả cô giáo dạy thêm cũng quý tôi lắm, thế nên mẹ lại càng tin tưởng tôi hơn, tôi biết mẹ tự hào vì tôi nhiều lắm. Thế nhưng tôi lại có lỗi với cả mẹ và cô, tôi đã phụ sự tin tưởng của họ dành cho tôi.

Nhà tôi nghèo thế nên tôi không có được những thú vui như chúng bạn, tôi không bao giờ có tiền tiêu vặt, những lúc tôi ở lại trường để học cả ngày mẹ sắm cho tôi chiếc cặp lồng để mang cơm ở nhà đi theo. Nhìn những đứa bạn trưa trưa được đi ra quán ăn vặt, mua này mua nọ, đôi lúc tôi thấy tủi thân lắm, tôi càng thu mình lại hơn. Đỉnh điểm là việc tôi rất thích đọc truyện, những cuốn truyện tranh Đô-rê-mon mà mấy đứa trẻ chúng tôi ham vô cùng, một đứa có là chuyền tay nhau đọc đến cũ mèm. Và vì quá thích, tôi đã lén lấy tiền đóng học thêm mẹ cho tôi, khi ấy là 150 ngàn đồng, để đi mua những cuốn truyện mà tôi hằng ao ước, tôi muốn một lần được hãnh diện với bè bạn. Thế nhưng khi cầm những cuốn sách mới coóng trên tay, và số tiền lẻ còn thừa tôi thấy hối hận vô cùng, và cũng sợ hãi nữa, rồi tiền đâu để đóng học, rồi lỡ mẹ biết thì phải làm sao,... Bao nhiêu câu hỏi hiện lên trong đầu khiến tôi vô cùng hoang mang và mệt mỏi.

Sự thay đổi thái độ của tôi đã khiến mẹ tôi nghi ngờ, bởi mẹ tôi vô cùng nhạy cảm, một buổi tối tôi đang ngồi học bài mẹ nhẹ nhàng bước đến rồi đặt cuốn truyện mà tôi mua lên bàn. Tôi giật nảy mình, nghĩ rằng đợt này kiểu gì cũng ăn một trận đòn nên thân, tôi chỉ biết cúi gằm mặt xuống bàn. Nhưng mẹ tôi không quát tháo, cũng không nói gì, tôi chỉ thấy mắt mẹ đỏ lên và hình như có những giọt nước mắt mẹ đang chảy trên đôi gò má đã sạm đi vì nắng gió, rớt trên đôi tay thô sần vì quanh năm làm lụng vất vả. Tôi biết tôi sai thật rồi, tôi có lỗi với mẹ nhiều lắm, tôi bật khóc hu hu vì tủi thân vì thương mẹ, nghĩ ghét cái sự ngu xuẩn của mình, khiến mẹ đau lòng. Những đồng tiền ấy không phải để tôi phung phí, không phải để tôi làm mẹ tôi buồn như vậy, miệng tôi lí nhí xin lỗi mẹ trong tiếng sụt sùi. Mẹ nhìn tôi, rồi nói một câu mà tôi nhớ mãi: “Mẹ vẫn luôn tin tưởng con như vậy, mẹ chỉ mong con học thật tốt mà chưa nghĩ đến việc con cũng có những thú vui và sở thích, nhưng gia đình mình…”

Chuyện đã qua thật lâu nhưng tôi vẫn nhớ mãi, nó là một bài học vô cùng sâu sắc khiến tôi nhớ mãi không quên, vì vậy tôi càng cố gắng học tập để bù đắp lại những lỗi lầm mà mình đã gây ra. Tôi luôn nghĩ rằng lỗi lầm là để khiến chúng ta trưởng thành chứ không phải là để khiến chúng ta phải sống trong tội lỗi, tương lai còn ở phía trước mong rằng các bạn đã từng phạm lỗi hãy sống tốt hơn, đừng bao giờ để cha mẹ phải khóc vì bạn nhé, vì học đã quá cực khổ rồi.

=======================================================

**CHUYÊN ĐỀ 3: ÔN TẬP KÍ, HỒI KÍ, DU KÍ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 3:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản hồi kí, du kí: một số yếu tố hình thức (ngôi kể thứ nhất, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép,...), nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc người viết,...) của văn bản hồi kí hoặc du kí.

- Ôn tập kiến thức về từ ngữ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn trong đọc, viết, nói và nghe.

- Ôn tập kể về một kỉ niệm của bản thân bằng hình thức viết và nói.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** Trân trọng tình mẫu tử và những kỉ niệm thời thơ ấu;

- Yêu thiên nhiên, thích khám phá,..

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. NỘI DUNG**

**I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ KÍ**

**1. Định nghĩa**: **Kí**là một thể loại văn xuôi thường ghi lại sự việc và con người một cách xác thực.

**2.Phân loại:** Kí bao gồm nhiều thể, nhiều tiểu loại phong phú như: *kí sự, phóng sự, hồi kí, du kí, nhật kí, tuỳ bút, bút kí,…*

**+ Hồi kí** là một thể của kí dùng để ghi chép lại những sự việc, những quan sát, nhận xét và tâm trạng có thực mà tác giả đã trải qua.

**+ Du kí** là một thể của kí dùng để ghi lại những điều đã chứng kiến trong một chuyến đi diễn ra chưa lâu của bản thân tới một miền đất khác.

**3.Tính xác thực** của sự việc mà kí ghi chép được thể hiện qua một hoặc nhiều yếu tố cụ thể như thời gian (ngày, tháng, năm,...); địa điểm diễn ra sự việc; sự có mặt của người khác như người thân trong gia đình, bạn bè cùng tham gia vào một sự việc.

**4.Ngôi kể**: Người kể trong kí thường kể theo ngôi thứ nhất (người kể xưng *tôi*)

**5. Cách đọc hiểu một văn bản kí**

***\*Yêu cầu chung:***

- Nhận biết được văn bản kể về ai và sự việc gì; những chi tiết nào của bài kí mang tính xác thực;...

- Chỉ ra được hình thức ghi chép của bài kí; ngôi kể và tác dụng của ngôi kể thường dùng trong kí.

- Chỉ ra những câu, đoạn trong bài kí thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của tác giả, nhận biết được tác dụng của những suy nghĩ và cảm xúc ấy đối với người đọc.

***\*Yêu cầu riêng***:

- Văn bản Hồi kí:

+ Nhận biết người kể lại sự việc đã xảy ra trong quá khứ là ai. Người ấy có trực tiếp tham dự và chứng kiến sự việc hay không?

+ Hiểu được vì sao sự việc được kể mang tính cá nhân nhưng lại có ý nghĩa đối với người đọc.

* Văn bản du kí:

+ Nhận biết được văn bản ghi lại những điều có thật hay do tưởng tượng.

+ Chỉ ra được những thông tin độc đáo, mới lạ, hấp dẫn về sự vật, con người, phong tục, cảnh sắc… trong bài du kí

**VĂN BẢN: TRONG LÒNG MẸ**

*(Nguyên Hồng)*

1. **TÁC GIẢ NGUYÊN HỒNG**
2. **Vị trí**: Là cây bút xuất sắc của văn học hiện đại Việt Nam.
3. **Cuộc đời**

- Nguyên Hồng (1918 – 1982). Tên khai sinh của ông là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Nguyên Hồng sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng, trong một xóm lao động nghèo.

- Ông có tuổi thơ thiếu thốn tình cảm và vật chất, sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh bất hạnh. Ông mồ côi cha từ nhỏ, phải sống với những người cô ruột cay nghiệt. Ngay từ khi còn bé, Nguyên Hồng đã phải lưu lạc, bôn ba cùng mẹ đi khắp nơi để bán hàng kiếm sống.

**3. Sự nghiệp văn học**

**a. Tác phẩm chính**

- Ông viết nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ.

- Các tác phẩm chính: Bỉ vỏ (tiểu thuyết, 1938); Những ngày thơ ấu (hồi kí, 1938); Trời xanh (tập thơ, 1960); Cửa biển (bộ tiểu thuyết 4 tập: 1961, 1967, 1973, 1976); Núi rừng Yên Thế (bộ tiểu thuyết lịch sử nhiều tập chưa viết xong); Bước đường viết văn (hồi kí, 1970).  
- Trong những tác phẩm của Nguyên Hồng, hình ảnh người phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ được nhà văn dành nhiều niềm yêu thương, đồng cảm.

- Văn bản Trong lòng mẹ được trích từ tập hồi kí Những ngày thơ ấu. Đây được coi là những dòng hồi ức sinh động, chân thực đầy cay đắng về tuổi thơ không êm đềm của nhà văn.

**b. Phong cách nghệ thuật**

- Đối tượng sáng tác: những con người nhỏ bé, những lớp người dưới đáy của xã hội thành thị.Ông xứng đáng được coi là nhà văn chân chính của những người khốn khổ. Một tình cảm nhân đạo thiết tha đối với quần chúng lao động nghèo thấm đượm trong toàn bộ sáng tác của nhà văn.

- Được mệnh danh là nhà văn của những người cùng khổ với biệt hiệu “Nhà văn của phụ nữ và trẻ em”.

- Là nhà văn của niềm tin và ánh sáng, luôn đi tìm vẻ đẹp của con người trong khổ đau, khám phá chất thơ của đời sống cần lao.

- Giọng điệu trữ tình vừa bồng bột thiết tha, vừa sôi nổi mãnh liệt.

**c. Giải thưởng**

- Với những đóng góp của Nguyên Hồng dành cho nền văn học dân tộc, ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.

**II. VĂN BẢN “TRONG LÒNG MẸ”**

**I. Vài nét về tác giả, tác phẩm**

**1. Tác giả**:

- Nguyên Hồng (1918 - 1982) ở Nam Định.

- Mồ côi bố vì bố bị ho lao nên mất sớm, nghà nghèo, người mẹ trẻ nghèo khổ bị khinh rẻ phải tha phương cầu thực. Nguyên Hồng phải thôi học khi vừa đậu xong tiểu học và bắt đầu cuộc đời đói khổ, lam lũ, lang thang đầu đường xó chợ, chung đụng với đủ các hạng trẻ em nghèo đói, du đãng … trong xã hội cũ.

- Lớn lên lại bị đày đoạ, tù tội, lại thêm cảnh đói khổ do thất nghiệp kéo dài, Nguyên Hồng tưởng như là sẽ chết đau đớn ở cái tuổi 16. Nhưng anh nghĩ, dù có chết đi cũng phải để lại cho cõi đời mà anh yêu mến một cái gì vừa tinh khiết, trong sáng, vừa tha thiết yêu thương nhất của tâm hồn. Và anh bắt đầu viết - viết suốt ngày suốt đêm, viết một cách đau khổ say mê, bất chấp “cái đói ê ẩm thấm thía vô cùng trong đêm mưa lạnh hoang vắng. (Với anh, viết văn là một lẽ sống)

- Ngay từ những trang viết đầu tay, ông đã hướng ngòi bút của mình vào những người nghèo khổ, bất hạnh. Và ông thuỷ chung với con đường văn học đó trong suốt cuộc đời cầm bút của mình. Với trái tim nhân đạo dào dạt thắm thiết, Nguyên Hồng đã nói lên thật cảm động số phận đầy đau khổ ở các thành phố lớn như Hà nội, Hải Phòng, Nam định … Truyện ngắn của ông chứa chan tinh thần nhân đạo sâu sắc.

- Trong số những người cùng khổ đó, ông quan tâm và thể hiện thành công những nhân vật phụ nữ và nhi đồng. Tài liệu của Phương Nhung

- Đó là những người phụ nữ lao động nghèo khổ, cần cù tần tảo mà cả cuộc đời chỉ là vất vả, lo nuôi chồng con. Họ còn bị những lề thói khắc nghiệt của xã hội cũ vùi dập, đầy đoạ. Nhưng đó cũng là những người phụ nữ có vẻ đẹp tâm hồn đáng quý như yêu thương chồng con tha thiết, sống ân tình, thuỷ chung, đồng thời có trái tim khao khát hạnh phúc và biết yêu một cách sôi nổi.. Trong đời sống văn học đương thời thì Nguyên Hồng là một trong ít nhà văn có quan điểm tiến bộ về vấn đề phụ nữ trong lĩnh vực tình yêu hôn nhân. Nhà văn dứt khoát bênh vực người phụ nữ

- Từ cuộc đời của mình, giống như nhà văn nga Gorki, Nguyên Hồng đã viết nhiều và cảm động về những trẻ em nghèo,về những nỗi khổ nhiều mặt trong cảnh sống lầm than của chúng, và nhất là về những nỗi đau trong trái tim nhạy cảm dễ tổn thương của tuổi thơ. Đồng thời nhà văn hầu như bao giờ cũng phát hiện và miêu tả những nét đẹp trong sáng, cảm động trong những tâm hồn non trẻ đó.

**2. Tác phẩm**:

- Tác phẩm viết năm 1938 và đến năm 1940 thì được in trọn vẹn thành sách. Đó là một tập hồi ký gồm 9 chương ghi lại một cách trung thực những năm tháng tuổi thơ cay đắng của tác giả. Đó là một tuổi thơ có quá ít những kỷ niệm êm đềm, ngọt ngào, mà chủ yếu là những kỷ niệm đau buồn, tủi cực của một “đứa bé côi cút, cùng khổ” sinh ra trong một gia đình sa sút, bất hoà, sớm phải sống lêu lổng, bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh cay nghiệt của họ hàng và thái độ dửng dưng một cách tàn nhẫn của xã hội.

- “Trong lòng mẹ”  là chương 4 của tập hồi ký

**-** **Xuất xứ**: Trích từ chương IV hồi kí Những ngày thơ ấu (1938).

**- Thể loại**: Hồi kí.

**- Phương thức biểu đạt**: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

**-** **Bố cục**: 2 phần

+ Phần 1 (Từ đầu đến hỏi đến chứ?): Cuộc đối thoại giữa người cô và bé Hồng.

+ Phần 2 (Còn lại): Cuộc gặp gỡ của bé Hồng và mẹ.

**3.Tóm tắt:** Chuyện kể về chú bé Hồng nhân vật chính lớn lên trong một gia đình sa sút. Ng­ười cha sống u uất thầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Ngư­ời mẹ có trái tim khao khát yêu đ­ương đành chôn vùi tuổi thanh xuân trong cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Chồng chết, ng­ười phụ nữ đáng thư­ơng ấy vì quá cùng quẫn đã phải bỏ con đi kiếm ăn ph­ương xa. Chú bé Hồng đã mồ côi cha lại vắng mẹ, sống thui thủi cô đơn giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của những ng­ười họ hàng giàu có, trở thành đứa bé đói rách, lêu lổng, luôn khao khát tình th­ương yêu mà không có. Từ cảnh ngộ và tâm sự của đứa bé “côi cút cùng khổ”, tác phẩm còn cho thấy bộ mặt lạnh linh của xã hội đồng tiền, cái xã hội mà cánh cửa nhà thờ đêm Nô-en cũng chỉ mở rộng đón những ngư­ời giàu sang “khệnh khạng bệ vệ” và khép chặt tr­ước những kẻ nghèo khổ “trơ trọi hèn hạ”; cái xã hội của đám thị dân tiểu tư­ sản sống nhỏ nhen, giả dối, độc ác, khiến cho tình máu mủ ruột thịt cũng thành khô héo; cái xã hội đầy những thành kiến cổ hủ bóp nghẹt quyền sống của ngư­ời phụ nữ… Tài liệu của Phương Nhung

- Chương hồi ký này là nỗi đắng cay, uất nghẹn về tình yêu thương vô bờ bến của Bé Hồng đối với người mẹ nhân từ, tần tảo mà cuộc đời đầy bất hạnh. Có hai sự kiện đã trở thành kỷ niệm không thể phai mờ được nhà văn ghi lại trong chương này. Đó là những sự kiện gì ?

+ Sự kiện 1: Cuộc trò chuyện giữa bé Hồng và bà cô.

+ Sự kiện 2: Mẹ bé Hồng trở về - cuộc gặp gỡ đầy nước mắt của niềm vui và hạnh phúc

**III. Phân tích chương “trong lòng mẹ”**

**1. Sự kiện 1: Tình cảnh đáng thương và nỗi đau của bé Hồng**

*\* Tình cảnh đáng thương của Hồng*

- Hồng mồ côi cha gần một năm

- Mẹ Hồng do bị mọi người hắt hủi, khinh ghé, xa lánh nên phải đi vào Thanh hoá tha phương kiếm sống. Người mẹ khốn khổ ấy một phần vì túng bấn, một phần khác vì chưa hết tang chồng mà lại có con, nên không thể sống nổi với cái xã hội đầy những thành kiến, hủ tục độc ác, đã phải bỏ nhà đi xa.

=> Chú bé đã mất bố, lại xa mẹ, sống cuộc sống côi cút, bơ vơ đói rách giữa sự ghẻ lạnh của những người họ hàng giầu có mà ích kỉ, cay nghiệt. Em thiếu một mái ấm gia đình, một chỗ dựa cho tuổi ấu thơ, thiếu một tình thương yêu đích thực.

Song nỗi đau khổ sâu xa không chỉ dừng lại ở sự thiếu tình thương mà Hồng còn phải chịu những nỗi đau khác nữa do người khác xúc xiểm một cách độc ác về mẹ chú. Nỗi đau ấy được thể hiện rõ nhất trong cuộc đối thoại giữa bé Hồng và bà cô của bé.

- Cuộc trò chuyện với bà cô là kỷ niệm không thể quên về một nỗi đau uất nghẹn mà tuổi thơ Nguyên Hồng đã phải trải qua. Đã xa mẹ, nhớ mẹ, bé Hồng lại luôn luôn phải nghe những lời nói xấu cay nghiệt về mẹ. Những lời nói cay nghiệt của bà cô chính là những nhát dao cứa sâu vào trái tim thơ trẻ của chú bé.

+ Đầu tiên, bà cô gợi ý cho bé Hồng vào thăm mẹ. Nỗi nhớ mẹ của đứa tre từng nhiều phen “rớt nước mắt” vì “thiếu thốn một tình thương ấp ủ” lại được khơi dậy. Chú bé “*im lặng cúi đầu không đáp.*” “chú bé nhận ra ý nghĩa cay độc trong giọng nói rất kịch của bà ta. Tài liệu của Phương Nhung

+ Rồi bà cô lại ngọt ngào giả dối “Mẹ mày dạo này phát tài lắm” trong khi bà ta thừa biết tình cảnh khốn khổ của mẹ nơi tha hương. => một lần nữa, bé Hồng lại “im lặng cúi đầu xuống đất”. Nỗi nhớ vừa phải giấu kín, bé Hồng đã phải nuốt thêm vào lòng niềm thương và nỗi đau. Cho nên lần này bé không thể giả cười để đáp lại bà cô. Cậu bé cảm thấy lòng “càng thắt lại” và “khoé mắt đã cay cay”.

+ Rồi bà cô giục bé Hồng vào Thanh Hoá để đòi mẹ “may sắm và thăm em bé”. Bà ta cố ngân dài từ “em bé” thật ngọt. Đấy là những tiếng đầy dụng ý xấu xa. Thấy mẹ bị xúc phạm, Hồng không thể tiếp tục ghìm nén nỗi tủi cực. Chú bé từ chỗ “im lặng cúi đầu” đến “nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ. Một trạng thái tình cảm phức tạp vừa đau đớn, vừa uất nghẹn nảy sinh trong tâm hồn thơ trẻ, khiến bé Hồng “*cười dài trong tiếng khóc*”. Bé Hồng cười vì hiểu thấu tâm địa độc hiểm của bà cô, khinh bỉ thái độ lèo lá, giả dối, độc ác, nhẫn tâm của bà. Em “Khóc” vì thương nhớ mẹ, tiếng khóc uất ức, căm ghét những hủ tục phong kiến đã chôn vùi, đày đoạ bao số phận người phụ nữ. Nỗi đau đớn tủi cực và cả nỗi căm giận buộc phải nén lại của chú bé sâu sắc biết chừng nào.

+ Dường như chưa cho thế là đủ, bà cô còn “tươi cười” kể cho chú bé nghe rằng “mẹ chú ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, ngồi cho con bú ở chợ ….”

=> Chú bé chưa nghe hết câu đã nghẹn họng “khóc không ra tiếng”. Chú đau đớn vô cùng, tình cảm dâng trào mạnh mẽ, cuồng nhiệt đến mức bật thành giả thiết: “Giá những cổ tục là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”. Câu văn có vẻ dồn dập, xô bồ, nhiều thành phần đồng vị ngữ quen gặp ở Nguyên Hồng mỗi khi gặp cảm xúc trào dâng ào ạt. Hồng căm ghét cực độ những hủ tục đã đầy đoạ mẹ mình. Lòng căm phẫn cao độ ấy được Nguyên Hồng diễn tả bằng những hình ảnh cụ thể, gợi cảm, nhịp văn dồn dập, gấp gáp tựa như sự uất hận của bé ngày một tăng tiến. Hồng muốn “*cắn, nhai, nghiến*” một cách nát vụn những hủ tục ấy. Ba động từ ấy chỉ ba trạng thái phản ứng của Hồng ngày càng dữ dội để thể hiện nỗi căm phẫn tới cực điểm

*-* Trong lòng chú bé Hồng luôn có hình ảnh người mẹ có “vẻ mặt rầu rầu và hiền từ”. Mặc dù mẹ Hồng bỏ nhà ra đi giữa sự khinh miệt của đám họ hàng cay nghiệt, mặc dù non một năm mẹ chú không gửi cho chú một lá thư, một lời nhắn hỏi, một đồng quà, chú bé vẫn đầy lòng yêu thương và kính mến đối với mẹ mình.

- Đúng là “rắp tâm ranh bẩn” của bà cô không thể xâm phạm đến tình thương yêu và lòng kính mến mẹ của bé Hồng, chú không hề mảy may dao động.

- Bà cô càng cố khoét sâu vào nỗi đau thì lòng yêu thương mẹ và nỗi căm ghét những hủ tục phong kiến vô lý tàn ác càng dâng lên dào dạt và mãnh liệt trong tâm hồn bé. Với chú, mẹ chú hoàn toàn vô tội. => Vậy là chú bé không chịu ảnh hưởng của những thành kiến đạo đức phong kiến, do có một tình cảm tự nhiên, mạnh mẽ đối với người mẹ mà chú vô vàn yêu thương kính mến. Tài liệu của Phương Nhung

Thật là hồn nhiên, thật là trẻ con, và cũng thật là mãnh liệt, lớn lao cái ý nghĩ đó của chú bé ! Sự căm ghét dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của lòng yêu thương dào dạt của chú bé đối với mẹ chú. Có thể nói chương truyện là bài ca bất diệt của tình mẹ con- tình cảm thiêng liêng muôn đời không một thế lực nào có thể ngăn cản, tàn phá.

\* Tóm lại, đây là những trang miêu tả hay và tinh tế của nhà văn về tâm trạng của bé Hồng. Những nét thay đổi nhỏ nhất, sâu kín nhất trong tâm hồn bé Hồng đã được tác giả ghi lại bằng những câu văn bình dị, rất trẻ thơ nhưng chính xác và gợi cảm. Bé Hồng đã hiện lên qua những dòng miêu tả là một em bé giầu tình cảm, đặc biệt là lòng thương mẹ, một đứa trẻ thông minh và cũng rất quả quyết. Nguyên Hồng muốn nói to lên nỗi bất hạnh của phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ, qua đó kết án đanh thép sự tàn nhẫn, bất công của xã hội ấy.

**Qua đoạn đối thoại, ta thấy bà cô bé Hồng là người như thế nào ?**

*\* Bà cô:*

- Bên ngoài: đóng vai người cô tốt

+ Nói cười ngọt ngào, làm ra vẻ quan tâm.

+ Có lúc bà ta tỏ sự ngậm ngùi thương xót Hồng và người cha bất hạnh của em. Lúc nào bà ta cũng nhân danh vì quyền lợi của Hồng “Sao lại không vào ? mợ mày phát tài lắm …vào đi, tao chạy tiền tầu cho)… Tài liệu của Phương Nhung

- Thâm tâm: Bà ta cố ý, tìm mọi cách nói xấu mẹ Hồng, rắp tâm tanh bẩn là gieo rắc vào đầu óc chú bé những hoài nghi để chú bé khinh miệt và ruồng rẫy người mẹ.

- Đặc điểm nổi bật của người đàn bà này là sự tàn nhẫn và độc ác. Là người trong gia đình, chắc chắn bà ta không lạ gì nỗi khổ xa mẹ, tình cảm của đứa cháu mồ côi cha đối với mẹ, và chắc chắn bà ta thừa thấu hiểu Hồng là một chú bé dễ xúc cảm và rất mau nước mắt. Và bà ta cũng biết rõ về tình cảnh khốn khổ của chị dâu mình. Đáng lẽ trong hoàn cảnh ấy, bà ta sẽ phải chăm sóc, an ủi đứa cháu, giúp nó dịu bớt nỗi đau mất cha và nhất là nỗi đau xa mẹ. Nhưng bà ta hoàn toàn khác, bà ta tìm mọi cách hành hạ, giễu cợt nỗi đau xa mẹ của Hồng, rắp tâm chia lìa tình cảm mẹ con, huỷ diệt niềm yêu thương kính trọng của chú bé Hồng đối với người mẹ khốn khổ. đồng thời bà ta cũng lấy làm hả hê thích thú trước tình cảnh khốn khổ của chị dâu.

=> Nhân vật bà cô được thể hiện khá sắc sảo, sinh động. Chỉ cần ghi lại một cuộc trò chuyện, đối thoại bằng mấy câu nói, có kèm theo vài chi tiết gợi tả giọng điệu, cử chỉ, nhà văn dựng lại khá sinh động chân dung nhân vật bà cô tiêu biểu cho một hạng người. Bà ta chẳng những tiêu biểu cho cái thành kiến cổ hủ, phi nhân đạo của xã hội khi đó, mà còn là người đàn bà có tâm địa đen tối khi cố ý khoét sâu vào nỗi đau rướm máu trong tâm hồn nhạy cảm của đứa cháu mồ côi, cố ý gieo vào lòng nó thái độ khinh miệt, ruồng rẫy đối với người mẹ mà nó vô vàn yêu thương.

**2. Sự kiện hai: Cuộc gặp gỡ đầy nước mắt của niềm vui và hạnh phúc**

Phần cuối của chương hồi ký thuật lại cảnh bé Hồng bất ngờ được gặp mẹ. Niềm vui, niềm hạnh phúc tuyệt vời được trở về “trong lòng mẹ” của đứa trẻ “thiếu thốn một tình thương ấp ủ “là kỷ niệm sâu sắc nhất, ngọt ngào nhất của cuộc gặp gỡ ấy

- Không những thương mẹ, Hồng còn hiểu nỗi lòng mẹ, do đó bé tin thế nào mẹ bé cũng trở về. Có lẽ chính vì tình thương và niềm tin mãnh liệt ấy nên bé Hồng có sự linh cảm hết sức nhạy bén chính xác.

- Hồng đã gặp lại mẹ một cách bất ngờ sau buổi học. Chỉ cần thoáng qua

+ Thoáng nhìn thấy => cuống quýt gọi mẹ một cách thất thanh, thảng thốt, bối rối, mừng rỡ, hy vọng. Nhưng do quá sung sướng, bất ngờ nên Hồng nghĩ *“mình đã lầm*” nhưng em vẫn gọi và chạy theo. Nếu người quay lại mà là người khác thì thật là điều tủi cực, là thất vọng to lớn cho Hồng. Chính em cũng nói “*thực sự nếu em nhầm lẫn thì khác nào người bộ hành đang sắp gục ngã đi giữa sa mạc mênh mông bắt gặp ảo ảnh của bóng râm và dòng suối*”. Có đặt cái thất vọng cùng cực trước khi chết khát như vậy, mới thấy niềm vui sướng, hạnh phúc trần gian vô hạn của đứa con đang khao khát tình mẹ được gặp mẹ, nhất là được “nằm trong lòng mẹ”. Nỗi khắc khoải mong mẹ tới cháy ruột của Hồng đã được thể hiện thật thấm thía, xúc động bằng hình ảnh so sánh đó. Tài liệu của Phương Nhung

- Nỗi sung sướng đến cuống quýt của bé Hồng được thể hiện ở những hành động: “Thở hồng hộc”, “Trán đẫm mồ hôi”, “ríu cả chân lại”, “oà lên khóc, khóc nức nở khi mẹ kéo tay, xoa đầu em”. Biết bao hồi hộp sung sướng, đau khổ toát lên từ những cử chỉ cuống quýt ấy.Dường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén không được giải toả trong chú bé suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẵng, lúc này bỗng vỡ oà. Đó còn là tiếng khóc sung sướng, vỡ oà. Ai biết được trong cuộc đời mình, Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần ? Nhưng tiếng khóc của bé Hồng chẳng lần nào giống nhau cả. Lần này là tiéng khóc của niềm vui và hạnh phúc tràn ngập. Có thể nói mỗi dòng mỗi chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương, ép thẳng ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình.

- Dưới cái nhìn vô vàn thương yêu của đứa con mong mẹ, mẹ chú hiện ra thật đẹp, thật phúc hậu, thật hiền: *“vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật mµu hồng của hai gò má”.* Em đã có một phán đoán rất người lớn và cũng rất trẻ thơ *“hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc”*. Cảm xúc này là kết quả của tâm trạng Hồng sau những cuộc đối thoại đầy cay đắng với bà cô.

- Cảm giác khi nằm trong lòng mẹ được hình dung rất tỉ mỉ, cụ thể: “tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi. Cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường”. Có thể nói, tác giả đã mổ xẻ, tách bạch từng cảm giác sung sướng đến mê li, rạo rực cả người khi được hít thở trong bầu không khí của tình mẹ con tuyệt vời. Tài liệu của Phương Nhung

- Từ những cảm giác đê mê sung sướng của chú bé khi nằm “trong lòng mẹ”, nhà văn nêu lên nhận xét khái quát đầy cảm động về sự êm dịu vô cùng của người mẹ trên đời: “Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng” Dường như tất cả mọi giác quan của chú bé đều thức dậy và mở ra để cảm nhận tận cùng những cảm giác rạo rực, sung sướng cực điểm khi nằm trong lòng mẹ, tận hưởng cái “êm dịu vô cùng” đó của người mẹ. Chú không nhớ mẹ chú đã hỏi những gì và chú đã trả lời những gì. Hồng lúc ấy chỉ là chú bé con trở về trong lòng người mẹ yêu dấu, rất thơ ngây và trong trắng.

=> Tóm lại, khi gặp mẹ, Hồng đã tỏ rõ những cảm xúc mãnh liệt của mình. Có lẽ chưa nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật và sâu sắc, thấm thía như dưới ngòi bút của Nguyên Hồng. Ông đã viết những dòng miêu tả tâm lí trẻ thơ rất hay, xúc động có thể xếp vào những trang miêu tả tâm lí đặc sắc nhất của văn chương Việt Nam. Đằng sau những dòng chữ, những câu văn trên đã là “những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại” (Thạch Lam)

**2. Nhân vật mẹ bé Hồng**:

- Là phụ nữ gặp nhiều trái ngang, bất hạnh trong cuộc đời . thời xuân sắc là một phụ nữ đẹpnhất phố hàng cau, bị ép duyên cho một người hơn gấp đôi tuổi mình. Bà chôn vùi tuổi xuân trong cuộc hôn nhân ép buộc. Chồng chết, với trái tim khao khát yêu thương, bà đã đi bước nữa thì bị cả xã hội lên án.

-Luôn sống tình nghĩa: Đến ngày giỗ đầu của chồng...........

- Yêu thương con: Khi gặp con khi được ôm hình hài máu mủ đã làm cho ngươi mẹ lại tươi đẹp

**3. Hình ảnh bà cô**

- Có tâm địa xấu xa độc ác. Bà là người đại diện là người phát ngôn cho những hủ tục phong kiến. Bà được đào tạo từ xã hội phong kiến nên suy nghị của bà mang nặng tính chất cổ hủ

**IV. TỔNG KẾT**

*1. Nội dung:*

- Là chương cảm động về tình cảm mẹ con, tình cảm của Hồng khi xa mẹ và niềm hạnh phúc lớn lao của Hồng khi được ngồi trong lòng mẹ. Qua đó Nguyên Hồng thể hiện thái độ cảm thông, tôn trọng đối với Phụ nữ và trẻ em, và luôn khẳng định những phẩm chất tốt đẹp, cao quý của họ ngay cả khi trong những tình huống khắc nghiệt của cuộc sống.

*2. Nghệ thuật*

- Nhà văn đã thành công trong việc miêu tả tâm lý nhân vật, tâm trạng nhân vật trong nhiều tình huống. Diễn biến tâm trạng đau đớn, căm giận ngày càng tăng của chú bé Hồng…. Trong cuộc đối thoại với bà cô …. Đến đoạn tả cảnh chú bé gặp lại, nhào vào lòng mẹ, ngòi bút phân tích cảm xúc, cảm giác của tác giả đã đạt tới độ sâu sắc, tinh tế, hiếm có. Tâm lý, tính cách bà cô được khắc hoạ thật sinh động, sắc sảo. Từ giọng nói ngọt ngào, tự nhiên một cách giả dối, vừa vỗ vai “tươi cười” vừa ném ra những lời thật đau đớn với chú bé, tất cả đều rất kịch, cho thấy tâm lý một người đàn bà có tâm địa khá thâm độc.

- Bút pháp giầu chất trữ tình. Cả chương truyện đều tràn đầy cảm xúc. Đặc biệt là đoạn sau - cảnh chú bé gặp mẹ và nhào vào lòng mẹ, cảm xúc dâng trào như thác lũ….Nguyên Hồng đã lắng nghe được những âm vang sâu lắng của tâm hồn, ghi nhận được những cảm giác tinh tế ở bên trong

- Nguyên Hồng gần gũi với Thạch Lam ở lối phân tích tâm lý tinh tế, lối viết đi sâu vào cảm giác, có khả năng làm thức dậy mọi giác quan ở người đọc. (Cảm giác của cậu bé cô đơn, tủi cực sau bao ngày đằng đẵng xa mẹ bỗng được lăn vào lòng mẹ: “tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ tôi …….vô cùng”

- Lối viết văn tự truyện tạo nên ở người đọc một sự đồng cảm, gần gũi và tin cậy, một sự xúc động sâu lắng với những ấn tượng mạnh mẽ thắm thiết. Nhà văn đem phần trong sáng nhất của tâm hồn ra giãi bầy trước công chúng. Qua sự chọn lọc và đào thải của thời gian, những kỷ niệm, những cảm giác từ tuổi ấu thơ phải là những gì thật sự lắng đọng, mạnh mẽ và sâu sắc đến mức có thể đi mãi với ta trong suốt cuộc đời.

- Ngoài những nghệ thuật trên, chúng ta trân trọng tài năng bẩm sinh của người nghệ sỹ. Chương truyện này thực sự hấp dẫn gây xúc động đối với người đọc có lẽ bởi sau từng câu, từng chữ đều thẫm đẫm tình cảm chân thành, tâm huyết của nhà văn.

**V. Luyện đề đọc hiểu**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *“Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:*  *- Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?*  *- Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.*  *Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi:*  *- Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về. […]*  *Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp:*  *- Mấy lại rằm tháng tám là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?.”*  *(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- trang 52)*  **Câu 1:** Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.  **Câu 2: Theo đoạn trích, mục đích của người cô khi nhắc với bé Hồng về người mẹ của bé là gì?**  **Câu 3:** Qua cuộc đối thoại giữa Hồng với bà cô, em thấy chú bé Hồng là người như thế nào?  **Câu 4:** Theo em, người thân trong một gia đình nên có cách đối xử với nhau như thế nào?  **Câu 5:** Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần những gì? |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1:** Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích: miêu tả, tự sự và biểu cảm.

**Câu 2:** **Theo đoạn trích, , mục đích của người cô khi nhắc với bé Hồng về người mẹ của bé là** gieo rắc vào đầu óc cậu những hoài nghi để cậu khinh miệt và ruồng rẫy mẹ mình.

**Câu 3:** Qua cuộc đối thoại giữa Hồng với bà cô, có thể thấy bé Hồng là chú bé nhạy cảm và có tình yêu thương mẹ mãnh liệt, biết cảm thông và có niềm tin không dễ lay chuyển về người mẹ đáng thương của mình.

**Câu 4:** HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

**Có thể nêu:**

**- Người thân trong một gia đình cần đối xử thật lòng, yêu thương thật lòng và dành những điều tốt đẹp nhất cho nhau.**

**- Các thành viên phải biết quan tâm, chia sẻ, bồi đắp tình cảm.**

**Câu 5:** HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

Có thể nêu: Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.

- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.

- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  *“Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.”*  *(Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.  **Câu 2:** Nội dung chính của đoạn văn là gì?  **Câu 3:** Vì sao bé Hồng vô cùng sung sướng, hạnh phúc khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ.  **Câu 4:** Từ nội dung của đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn bày tỏ tình yêu của em đối với mẹ. |

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **1** | - Phương thức biểu đạt chính : Tự sự |
| **2** | **- Nội dung chính :** Tấm lòng yêu thương mẹ vô bờ bến của chú bé Hồng và niềm vui sướng của chú khi được gặp lại mẹ |
| **3** | Bé Hồng vô cùng sung sướng, hạnh phúc khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ là vì:  - Cảm giác sung sướng đến mê li, rạo rực cả người khi được hít thở trong bầu không khí của tình mẫu tử tuyệt vời....  - Tất cả mọi giác quan của Hồng đều thức dạy và mở ra để cảm nhận tận cùng những cảm giác rạo rực, sung sướng cực điểm khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ. |
| **4** | - Mẹ là niềm hạnh phúc mà con có được, là người phụ nữ chịu thương chịu khó nhất, là người phải gồng mình gánh vác gia đình, là người cho con người sống, cho con nghị lực, cho con mọi thứ tốt đẹp nhất trên đời…  - Niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời của mỗi người là có mẹ và còn mẹ bên cạnh chúng ta.  - Tình yêu của mẹ là vô điều kiện sẽ không bao giờ mất đi dù cho con có làm bất cứ điều gì mẹ cũng không trách.  - Kể một số việc làm và hành động của em thể hiện tình yêu với mẹ: Giúp đỡ mẹ làm công việc nhà những lúc bố mẹ mệt hoặc ốm đau; tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách,…  - Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc vì với riêng bản thân em mẹ là điều tuyệt vời nhất và là niềm hạnh phúc to lớn nhất mà em có được. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| ***Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi****:*  *Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối:*  *- Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...*  *- Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.*  *Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và, khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:*  *- Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.*  *- Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.*  *(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – Trang 54)*  **Câu 1. Chỉ ra ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.**  **Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích.**  **Câu 3.** **Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong đoạn văn sau:**  *“Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc*”  **Câu 4.** Từ những cảm xúc của Hồng khi gặp lại mẹ, em có suy nghĩa gì về ý nghĩa của tình mẫu tử với mỗi người? |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất, người kể xưng “tôi”.

**Câu 2:** Nội dung chính của đoạn trích: Diễn biến tâm trạng của chú bé Hồng khi gặp lại mẹ sau thời gian dài xa cách.

**Câu 3:**

##### - Biện pháp so sánh: So sánh niềm khaokhát, mong chờ mẹ trong lòng Hồng cũng giống như khát khao của người khách bộ hành giữa sa mạc về một dòng nước trong suốt chảy dới bóng râm.

##### - Tác dụng:

##### + Nhấn mạnh niềm khao khát, thương nhớ mẹ của chú bé Hồng.

##### + Giúp người đọc càng cảm nhận rõ hơn tình yêu mẹ tha thiết trong lòng chú bé.

##### + Làm cho lời văn thêm giàu cảm xúc, giàu hình ảnh hơn.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Ý nghĩa của tình mẫu tử đối với mỗi người trong cuộc sống:

- Giúp đời sống tinh thần của ta thêm đầy đủ, phong phú và ý nghĩa.

- Là điểm tựa tinh thần, tiếp thêm cho ta sức mạnh trước mỗi khó khăn.

- Giúp ta tránh khỏi những cám dỗ trong cuộc sống.

- Là niềm tin, là động lực và là mục đích cho sự nỗ lực và khát khao sống

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại:*  *- Mày dại quá! Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá, sắm sửa cho và bế em bé chứ.*  *Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa...*”  *(Ngữ văn 8- tập 1)*  **Câu 1**: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản.  **Câu 2**: Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện? Việc lựa chọn ngôi kể như vậy có tác dụng gì?  **Câu 3:** Viết bài văn kể lại một kỉ niệm sâu sắc nhất của em với mẹ |

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **1** | - Thể loại: hồi ký (được viết năm 1938)  - PTBĐ: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm |
| **2** | - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất  - Người kể: chú bé Hồng  - Tác dụng của ngôi kể:  + Giúp nhân vật chú bé Hồng có thể trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của mình  + Làm câu chuyện trở nên chân thực hơn |
| **3** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu kỉ niệm sấu sắc của em với mẹ và cảm xúc, ấn tượng của em về kỉ niệm đó  **2.** **Thân bài:** Kể kỉ niệm theo trình tự, đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm  **a. Hoàn cảnh**  Ngày tôi còn là một cô bé học lớp 4, vì ham chơi nên kết quả học tập của tôi sa sút. Đã nhiều lần tôi nhận từ cô giáo những điểm dưới trung bình mà không hề nói cho bố mẹ. Hôm ấy cô giáo đã trao đổi với mẹ về tình hình học tập của tôi (sau này nghe mẹ kể với tôi như vậy).  **b. Diễn biến**  Trưa hôm ấy sau khi đi chơi về tôi thấy mẹ đã đợi sẵn ở cửa nhà mẹ tôi hỏi:   * - Con đi đâu mà giờ mới về nhà?    Tôi trả lời ấp úng:   * - Con… con sang nhà Dương chơi tiện thể hỏi bài bạn ấy. * - Con đi vào nhà mẹ có chuyện muốn nói với con.   Bước vào nhà, ngồi đối diện với mẹ, mẹ hỏi tôi rất nhiều chuyện trên trường lớp:   * - Dạo này con học hành thế nào, ở lớp có gì mới không? Những bài kiểm tra gần đây của con sao không đưa cho mẹ xem?   Tôi bắt đầu thấy lo lắng, tôi nghĩ rằng mẹ đã biết chuyện gì đó nhưng có vẻ mẹ không giận nên tôi đánh liều nói dối:   * Con học vẫn thế  mẹ ạ, ở lớp con vẫn là học sinh giỏi vẫn luôn được điểm cao.   Mẹ nhìn tôi hồi lâu rồi lặng lẽ vào phòng. Tôi vẫn nghĩ mẹ chưa biết chuyện gì nên vẫn rất thản nhiên.          Từ hôm đấy mẹ khác hẳn, khuôn mặt mẹ buồn rầu ủ rũ, không còn vui vẻ như thường ngày. Mẹ bắt đầu không tập trung khi làm việc, tôi có cảm giác mẹ luôn nghĩ ngợi. Mẹ không cần tôi giúp đỡ việc nhà, mẹ bắt đầu ít nói chuyện và tâm sự với tôi. Tối hôm ấy, tôi tình cờ thấy mẹ khóc, hình như mẹ đang gọi điện cho bố. Bố tôi đi làm xa nên ở nhà chỉ có hai mẹ con, vào những lúc rảnh rỗi bố tôi hay gọi điện về nhà hỏi về tình hình sức khỏe hai mẹ con và việc học tập của tôi ở trường. Hôm nay mẹ tôi gọi cho bố vừa nói vừa khóc:   * - Anh ơi con mình nó nói dối em, cô giáo bảo dạo này nó học kém lắm mà em hỏi nó nói dối em anh ạ, em buồn lắm! Hay là do em không biết dạy con hả anh? * **c. Kết quả**   Nghe đến đây, lòng tôi trùng lại, xót xa ân hận vô cùng. Tôi chạy vào ôm chầm lấy mẹ, tôi đã xin lỗi mẹ và thú nhận tất cả mọi việc là do tôi ham chơi, không chú ý học hành. Mẹ thấy vậy ôm tôi vào lòng, hai mẹ con khóc. Mẹ tôi âu yếm:   * - Không sao con ạ, biết nhận lỗi như vậy là tốt. Con có thể học không giỏi nhưng đừng bao giờ nói dối mẹ, con nhé! * **d. Sự thay đổi bản thân**   Kể từ lần ấy, tôi luôn luôn cố gắng học tập thật tốt và kết quả của tôi đã tiến bộ rõ rệt, cô giáo gọi điện cho mẹ và đã khen tôi, mẹ tôi rất vui. Cũng kể từ ấy, tôi không bao giờ nói dối mẹ nữa, vì tôi muốn lúc nào mẹ tôi cũng luôn nở một nụ cười thật tươi.  **3. Kết bài:** Nêu cảm xúc và lời hứa sau sự việc         Mọi chuyện đã qua rất lâu rồi nhưng tôi luôn nhớ mãi. Lần mắc lỗi đó cũng có thể để coi là một bài học học mà tôi rút ra được từ sai lầm của mình. Nó giúp tôi trưởng thành và nỗ lực hơn. Tôi hứa sẽ không bao giờ tái phạm thêm một lần nào nữa. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi**  Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến ***mẹ*** tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến....Mặc dầu non một năm ròng ***mẹ*** tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.  Tôi cũng cười đáp lại cô tôi:  - Không!Cháu không muốn vào.Cuối năm thế nào ***mợ***cháu cũng về.  **Câu 1**: Xác định tên văn bản, tác giả, phương thức biểu đạt.  **Câu 2**: Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn(5- 6câu) bày tỏ tình yêu của em đối với mẹ. |

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **1** | - Tên văn bản, tác giả: Trong lòng mẹ, Nguyên Hồng  - Phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm |
| **2** | Nêu nội dung đoạn trích và viết đoạn văn:  - Nội dung: Tấm lòng yêu thương mẹ kiên định của chú bé Hồng trước những rắp tâm chia rẽ tình mẫu tử của người cô.  Viết đoạn văn ngắn: Trên cơ sở nội dung của đoạn trích, bày tỏ tình yêu của mình đối mẹ. Về hình thức phải có mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn.Các câu phải liên kết với nhau chặt chẽ về nội dung và hình thức. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6 (HS làm ở nhà)**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**  *“Nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và cổ. Hai tiếng “em bé” mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mợ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm…”*  **Câu 1**: Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Của ai? Văn bản có đoạn trích trên được viết theo thể loại gì?  **Câu 2**: Nêu nội dung của đoạn trích trên?  **Câu 3**: Câu văn “*Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm…”* diễn tả tâm trạng gì của nhân vật “tôi”. |

**2. Đọc thêm ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| *"*  […]*Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh…”.*  (Trích *Cô Tô,* Nguyễn Tuân)  **Câu 1**. Nêu các phương thức biểu đạt và thể loại của đoạn trích trên.  **Câu 2**. Trong đoạn trích, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ vị trí nào?  **Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong câu văn sau:  *“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*  **Câu 4**. Từ đoạn văn trên, em thấy mình cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên? |

Gợi ý:

**Câu 1**. Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả và biểu cảm.

Thể loại: Kí

**Câu 2**.

+ Vị trí quan sát của người kể: trên những hòn đá đầu sư, từ đầu mũi đảo.

**+** Thời điểm: Sau cơn bão; từ lúc mặt trời chưa mọc đến lúc mặt trời mọc.

**Câu 3**.

Câu văn*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*

\*Phép tu từ so sánh: “chân trời, ngấn bể” sau bão sạch sẽ được so sánh với “tấm kính lau hết mây bụi”

\*Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:

- Làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn.

- Nhấn mạnh sự trong lành, thoáng đãng của chân trời, ngấn bể sau khi cơn bão đã đi qua.

- Cho thấy ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.

**Câu 4**

- Chúng ta có thể làm rất nhiều việc để góp phần bảo vệ thiên nhiên:

+ Trồng cây xanh và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn.

+ Không xả rác, đốt rác bừa bãi ra môi trường, tổ chức các chiến dịch dọn sạch rác ở sông, hồ, bãi biển,…

+ Tuyên truyền cho mọi người về tầm quan trọng của thiên nhiên,... để góp phần vào công cuộc bảo vệ thiên nhiên.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *“* […]*Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong, những ang gốm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rót lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi đi qua quẳng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay, hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho 18 thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng. Anh hùng Châu Hòa Mãn cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quẩy15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp chỉ để uống. Vo gạo, thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo bằng nước biển thôi.”*  *Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũcon hiền lành.”*  (Trích *Cô Tô,* Nguyễn Tuân)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên.  **Câu 2.** Chỉ ra hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc trong câu văn sau và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh đó.  “*Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũcon hiền lành”*  **Câu 3**. Đặt nhan đề cho đoạn văn.  **Câu 4**. Thông điệp ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên là gì? Lí giải lí do. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên: Tự sự

**Câu 2.**

Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:

+ Biển cả – người mẹ hiền

+ Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con

+ Người dân trên đảo – lũ con lành của biển

Tác dụng:

+ Ca ngợi, tôn vinh vẻ đẹp của con người lao đông Cô Tô, chính họ là những người lao động mới đang từng ngày cống hiến cho đất nước.

+ Tạo cho người đọc ấn tượng sâu sắc khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô.

+ Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt.

**Câu 3**. Đặt nhan đề cho đoạn văn: HS có thể có nhiều cách đặt, miễn là hợp lí là được:

Ví dụ: - Cô Tô- nơi con người lao động bám biển, vươn khơi.

- Cuộc sống nhộn nhịp trên đảo Cô Tô.

- Vẻ đẹp của con người nơi Cô Tô.

**Câu 4**. HS rút ra thông điệp ý nghĩa với bản thân mình và lí giải.

Có thể nêu: Thông điệp có ý nghĩa nhất với em: Hãy yêu và quan tâm giữ gìn biển đảo quê hương. Vì :

+ Biển đảo là một phần lãnh thổ thiêng liêng của đất nước.

+ Biến và đảo có vai trò quan trọng đối với đất nước.

+ Bao thế hệ cha ông đã dầy công giữ gìn, xây dựng, bám biển, làm giàu cho đất nước.

**VĂN BẢN: ĐỒNG THÁP MƯỜI MÙA NƯỚC NỔI**

*(Văn Công Hùng)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**- Quê quán**: sinh năm 1958 tại Thanh Hóa, hiện đang sống ở Pleiku, Gia Lai và Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Vị trí**:

+ Hội viên: Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

+ Nguyên là Tổng biên tập Tạp chí Văn Nghệ Gia Lai.

+ Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam khóa VIII.

- **Quan niệm văn chương**: "Viết không bao giờ là trò chơi, mà là cuộc vật lộn khổ sở, là nghiệp đeo đẳng suốt đời. Chữ không làm cho người no, nhưng cho ta cảm giác bình an và như thế là hạnh phúc. Nhiều hay ít là do tài năng từng người, nhưng được một câu thơ một bài báo có ích là mong mỏi của tôi, người viết."

- **Các sáng tác chính:**Bến đợi (thơ, 1992); Hát rong (thơ, 1999); Ngựa trắng bay về (trường ca, 2002);  Hoa tường vi trong mưa (thơ, 2003);  Mắt cao nguyên (tản văn và phóng sự, 2006);  Gõ chiều vào bàn phím (thơ, 2007);  Lời vĩnh cửu (trường ca, 2007); Đêm không màu (thơ, 2009); Lục bát Văn Công Hùng (thơ, 2010);  Vòm trời khác (thơ, 2012);  Cầm nhau mà đi (thơ, 2016); Trong cơn mơ có thực (thơ, 2019);…

**\* Giải thưởng:**  
- Giải nhì thơ tỉnh Gia lai năm 1985  
- Tặng thưởng cuộc thi thơ tạp chí Sông Hương năm 2001-2003  
- Giải A giải thưởng văn học nghệ thuật Gia Lai lần thứ nhất 2000-2005  
- 2 giải thưởng cuộc thi phóng sự bút ký báo Người Lao Động các năm 2013 và 2017  
- Giải báo chí toàn quốc "Tự hào nông dân VN 2016-2017" Hội nhà báo Việt Nam  
- Giải thưởng báo Sài Gòn Giải phóng cuộc thi ký sự phóng sự người tốt việc tốt 2019-2020  
 - 2 giải thưởng của hội Văn Nghệ dân gian Việt Nam. Và nhiều giải thưởng khác…

**II. Tác phẩm**

**1. Tìm hiểu chung**

- **Xuất xứ**: Dẫn theo Báo Văn nghệ, số 49, tháng 12/2011.

- **Thể loại**: Du kí.

-  **Phương thức biểu đạt**: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

- **Bố cục**: 6 đoạn như SGK đã đánh dấu.

+ Đoạn 1: Nước lũ Đồng Tháp Mười, những kênh rạch chằng chịt nơi đây

+ Đoạn 2: Tràm chim Đồng Tháp Mười

+ Đoạn 3: Văn hóa ẩm thực: bông điên điển xào tôm, cá linh kho ngót.

+ Đoạn 4: Sen Đồng Tháp

+ Đoạn 5: Di tích lịch sử Gò Tháp

+ Đoạn 6: Vẻ đẹp con người Đồng Tháp Mười

**2. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

- Ngôi kể thứ nhất, kết hợp đa dạng các phương thức biểu đạt.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, nhiều chi tiết, hình ảnh mới lạ, hấp dẫn người đọc.

**\*Nội dung:**

- Qua văn bản Đồng Tháp Mười mùa nước nổi, tác giả đã kể về trải nghiệm của bản thân khi được đến vùng đất Đồng Tháp Mười. Đó là một chuyến thú vị, tác giả đã được tìm hiểu nhiều hơn về cảnh vật, thiên nhiên, di tích, ẩm thực và cả con người nơi đây. Qua đó, bồi đắp cho người đọc tình yêu quê hương đất nước con người Việt Nam.

**III. Phân tích văn bản**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêu vấn đề:**

- Giới thiệu chung về thể kí (du kí)

- Giới thiệu tác giả Văn Công Hùng và đoạn trích “*Đồng Tháp Mười mùa nước nổi”*:

**2. Giải quyết vấn đề**

**a. Vẻ đẹp đa dạng của Đồng Tháp Mười**

**a) Thiên nhiên, cảnh quan nơi Đồng Tháp Mười**

- **Lũ**:

+ Là nguồn sống của cả cư dân miền sông nước.

+ Mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.

+ Nếu không có lũ, nước kiệt đi thì sẽ rất khó khăn.

- **Kênh rạch**:

+ Được đào để thông thương, lấy nước, lấy đất đắp đường.

+ Hệ thống kênh rạch chằng chịt, kê huyết mạch nối những cù lao, giống,...thành một đồng bằng rộng lớn và đầy màu sắc.

- **Tràm chim**:

+ Đơn giản là tràm và chim.

+ Muốn thấy chim phải chiều tối, hàng vạn, chục vạn con lớn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời.

- **Sen**:

+ Một thế lực của cái đẹp tự nhiên. Ở đây mới xứng đáng để ngợp.

+ Bạt ngàn, tinh khiết, ngạo nghễ, không chen chúc.

→ Nghệ thuật: nhân hóa.

➩ Thiên nhiên, cảnh quan hùng vĩ, tươi đẹp, đặc biệt tại Đồng Tháp Mười.

**b. Món ăn nơi Đồng Tháp Mười**

- Món đặc trưng mùa nước là cá linh và bông điên điển.

- Được thiết đãi món: cá linh kho tộ và bông điên điển xào tôm.

- Tác giả đã trân trọng, miệt mài ăn, ăn thưởng thức.

**c. Khu di tích nơi Đồng Tháp Mười: Gò Tháp**

- Khu gò rộng khoảng 5 000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười.

- Người ta khai quật được một di tích nền gạch cổ có khoảng 1 500 năm trước và được công nhận là di tích quốc gia.

- Là đại bản doanh của cụ Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều - hai vị anh hùng chống thực dân Pháp. Là căn cứ địa chống Mỹ cứu nước của cách mạng Việt Nam.

- Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như cách tôn vinh sen Đồng Tháp Mười.

➩ Cung cấp kiến thức lịch sử về vùng đất Đồng Tháp Mười.

**d. Con người nơi Đồng Tháp Mười**

- Người dân vui vẻ, hiền lành, năng động,... sống chung với nhịp nhàng nước kiệt, nước ròng, những câu vọng cổ.

- Thành phố vừa trẻ trung vừa hiện đại, có gu kiến trúc, vừa mềm vừa xanh, cứ nao nao câu hò,...

**e. Cảm xúc tác giả khi được trải nghiệm vẻ đẹp Đồng Tháp Mười**

- Có người đồng hành thạo đường, giới thiệu cảnh quanh: nhà văn Hữu Nhân.

- Người viết ngỡ ngàng về khái niệm tràm chim.

- Sự tiếc nuối khi không có nhiều thời gian: Trong khi chúng tôi thì chỉ có một ngày cưỡi xe, mà lại muốn đi nhiều, thấy nhiều, chiêm ngưỡng nhiều,...

- Tận hưởng, trân trọng khi thưởng thức món ăn.

- Choáng ngợp trước vẻ đẹp, sự kiêu hãnh của sen tại Đồng Tháp Mười.

- Mở mang, đem đến thông tin về lịch sử cho người đọc chứ không chỉ kiến thức địa lí.

- Cảm nhận về thành phố, cuộc sống về đêm trước khi ra về.

➩ Nhiều cảm xúc đan xen: ngỡ ngàng, choáng ngợp, tận hưởng, tiếc nuối,... Tác giả trân trọng chuyến đi tìm hiểu về vùng đất mới này.

**3. Đánh giá khái quát**

**\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**

**- Nghệ thuật:**

- Ngôi kể thứ nhất, kết hợp đa dạng các phương thức biểu đạt.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, nhiều chi tiết, hình ảnh mới lạ, hấp dẫn người đọc.

**- Nội dung:**

Qua văn bản *Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*, tác giả đã kể về trải nghiệm của bản thân khi được đến vùng đất Đồng Tháp Mười. Đó là một chuyến thú vị, tác giả đã được tìm hiểu nhiều hơn về cảnh vật, thiên nhiên, di tích, ẩm thực và cả con người nơi đây. Qua đó, bồi đắp cho người đọc tình yêu quê hương đất nước con người Việt Nam.

\*Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

**BÀI THAM KHẢO**

Du kí là một thể của kí, dùng để ghi lại những điều đã chứng kiến trong một chuyến đi diễn ra chưa lâu của bản thân tới một miền đất khác. “*Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*” là một bài du kí đặc sắc của tác giả Văn Công Hùng. Tác phẩm là thành quả ghi chép những thu hoạch của Văn Công Hùng sau chuyến thăm tới Đồng Tháp Mười. Đoạn trích SGK đã ghi lại những suy nghĩ, tình cảm và cách nhìn nhận của mình về con người, cảnh quan, đồ ăn, di tích đặc trưng và con người nơi đây với những sự mộc mạc, giản dị chân thành nhất. Đồng thời gửi gắm vào đó cả tình cảm yêu mến trân trọng của mình.

Tác giả Văn Công Hùng sinh năm 1958, tuy sinh ra tại Thanh Hóa, nhưng lại được biết đến nhiều hơn với tên gọi “nhà thơ Tây Nguyên”. Ông là một cây bút đa tài, vừa viết văn, vừa làm thơ, thích phiêu du. Ông là hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. Ông có q**uan niệm văn chương sâu sắc**: "*Viết không bao giờ là trò chơi, mà là cuộc vật lộn khổ sở, là nghiệp đeo đẳng suốt đời. Chữ không làm cho người no, nhưng cho ta cảm giác bình an và như thế là hạnh phúc. Nhiều hay ít là do tài năng từng người, nhưng được một câu thơ một bài báo có ích là mong mỏi của tôi, người viết*". Đoạn trích “**Đồng Tháp Mười mùa nước nổi”trích trong bài kí cùng tên, được in trên**Báo Văn nghệ, số 49, tháng 12/2011 ghi lại những cảnh sắc và con người Đồng Tháp Mười nơi mà tác giả lần đầu ghé thăm. Theo chân nhà văn, người đọc như được thức nhọn mọi giác quan để sống trong bầu không khí và cảnh vật đậm chất miền Tây.

Mở đầu đoạn trích, tác giả vẽ ra cho người đọc bức tranh thiên nhiên và **cảnh quan nơi Đồng Tháp Mười. Đúng như lời khẳng định của nhà văn: “Nói đến Đồng Tháp Mười là phải nói đến lũ”.** Lũ chính là nguồn sống của cả cư dân miền sông nước, mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.Nếu không có lũ, nước kiệt đi thì sẽ rất khó khăn. Làm nên nét đặc trưng của cảnh quan Đồng Tháp Mười còn là hệ thống kênh rạch chằng chịt. Kênh được đào để thông thương, lấy nước, lấy đất đắp đường. Hệ thống kênh rạch chằng chịt, kê huyết mạch nối những cù lao, giống,...thành một đồng bằng rộng lớn và đầy màu sắc. Vào vùng lõi của Đồng Tháp, khách du lịch có thể ghé thăm vườn quốc gia Tràm Chim. Nơi đây là xứ sở của hàng vạn, chục vạn con lớn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời. Tác giả Văn Công Hùng vô cùng ngạc nhiên trước cách lí giải về tên gọi “Tràm Chim”, chỉ đơn giản là những cây tràm kết thành rừng và chim thì dày đặc thành vườn. Không chỉ có lũ, có kênh rạch chằng chịt, có chim thành rừng mà Đồng Tháp còn nổi tiếng với sen. Theo tác giả, “*sen Tháp Mười là một thế lực, thế lực của cái đẹp tự nhiên*”. Chẳng vậy mà sen nơi đây đã đi vào thơ ca từ lâu: “Tháp Mười đẹp nhất bông sen – Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”. Bằng những lời văn giàu hình ảnh, ngôn ngữ gợi cảm kết hợp với biện pháp nhân hoá, tác giả Văn Công Hùng đã nêu bật được vẻ đẹp riêng của sen Đồng Tháp – nơi được ví là đất sen hồng với những đầm sen nở đẹp nức lòng người: “*Bạt ngàn sen chen giữa rừng tràm, sen tinh khiết mưng mở giữa bùn, sen ngạo nghễ khoe giữa năn lác, mà không chen, chúng chiếm những không gian rộng lớn, chỉ mình sen. Tràm dày đặc tíu tít xung quanh như những người lính gác cần mẫn và trung thành. Sen vươn lên giữa nắng, giữa gió phương Nam, kiêu hãnh và tự tin khoe sắc hồng đặc trưng của mình”*. Bức tranh thiên nhiên, cảnh quan nơi Đồng Tháp Mười hiện lên thật sinh động, cuốn hút qua ngòi bút của tác giả Văn Công Hùng. Nhà văn đã nắm bắt và gợi được cái hồn của cảnh vật nơi đây, để những trang viết cứ phảng phất phong vị miền Tây.

**Bài kí còn đem đến những hiểu biết cho người đọc về những nét văn hoá đặc sắc của vùng Đồng Tháp Mười về ẩm thực và kiến trúc. Nhắc đến văn hoá ẩm thực của mảnh đất miền Tây này, ta không thể không nhắc đến cá linh và bông điên điển - hai món ăn đặc trưng mà theo cách nói của tác giả Văn Công Hùng đó là “hai món quốc hồn quốc tuý đồng bằng ấy”. Qua những dòng viết của mình, người đọc thấy được niềm trân trọng của tác giả khi thưởng thức hai món ăn dân giã gắn với miên man sông nước của vùng đất phương Nam. Theo sát hành trình du hí của nhà văn, người đọc còn được mở rộng kiến thức về văn hoá kiến trúc Đồng Tháp Mười qua khám phá khu di tích Gò Tháp.** Khu gò rộng khoảng 5 000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười Người ta khai quật được một di tích nền gạch cổ có khoảng 1 500 năm trước và được công nhận là di tích quốc gia. Nơi đây là đại bản doanh của cụ Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều - hai vị anh hùng chống thực dân Pháp, là căn cứ địa chống Mỹ cứu nước của cách mạng Việt Nam. Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như cách tôn vinh sen Đồng Tháp Mười. Nhà văn không chỉ cung cấp cho người đọc kiến thức địa lí mà còn mở rộng kiến thức lịch sử về vùng đất nơi đây.

Khép lại bài kí là những cảm nhận của nhà văn về con người và cuộc sống nơi Đồng Tháp Mười: “*Người dân vui vẻ sống, hiền lành sống, năng động sống... chung với nhịp nhàng nước kiệt nước ròng, với những câu vọng cổ là đà trên nước mỗi khi chiều về bên chai rượu đế với ca trà đá, cuộc sống cứ thế trôi, bình dị và an lành, tự tin và khảng khái, nhưng họ góp phần làm nên một Đồng Tháp năng động hiện đại*”. Kết thúc hành trình chỉ có một ngày trong tiếc nuối, nhà văn cùng người bạn của mình dạo một vòng quanh thành phố Cao Lãnh để ngắm thành phố lúc về đêm trước khi về.

Hành trình khám phá Đồng Tháp Mười trong một ngày đã đem lại cho nhà văn nhiều cảm xúc đan xen: vừa ngỡ ngàng, vừa choáng ngợp, vừa tận hưởng, vừa tiếc nuối,... Điều đó cho thấy tác giả thật sự trân trọng chuyến đi tìm hiểu về vùng đất mới này, coi đó là cơ hội quý giá để khám phá, mở mang hiểu biết về thiên nhiên và con người mảnh đất phương Nam.

Bằng giọng văn nhẹ nhàng, lôi cuốn kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm; ngôi kể tự nhiên, chân thật, gần gũi, đoạn trích “**Đồng Tháp Mười mùa nước nổi”** đã tái hiện thiên nhiên Đồng Tháp Mười vào mùa lũ một cách chân thực, sinh động hấp dẫn với những sự vật gần gũi thân thuộc nhất. Nội dung tác phẩm mở ra trước mắt người đọc một Đồng Tháp Mười với những đặc điểm riêng biệt, cho người đọc cái nhìn chân thực về nơi đây. Đoạn trích cũng bộc lộ tình cảm chân thành yêu mến của tác giả tự nhiên, bồi đắp thêm tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước ở mỗi người.

**III. LUYỆN ĐỀ**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Văn bản thuộc thể loại nào?

A. Hồi kí B. Du kí C. Nhật kí D. Phóng sự

Đáp án B

**Câu 2**: Đâu không phải cảm xúc của tác giả khi được khám phá Đồng Tháp Mười?

A. Xót xa. B. Ngỡ ngàng. C. Trân trọng. D. Tiếc nuối.

Đáp án A

**Câu 3**: Miêu tả về thiên nhiên Đồng Tháp Mười, tác giả đã viết về những yếu tố nào?

A. Lũ, kênh rạch, tràm chim. B. Lũ, kênh rạch, sen, món ăn.

C. Lũ, kênh rạch, món ăn. D. Lũ, kênh rạch, sen, tràm chim.

Đáp án D

**Câu 4:** Món ăn đặc trưng của Đồng Tháp Mười mùa nước là gì?

A. Bông điên điển, tôm. B. Bông điên điển, cá linh.

C. Bông điên điển, cá linh, tôm, trà sen. D. Cá linh, tôm.

Đáp án B

**Câu 5:** Ý nào sau đây không đúng với đoạn trích “Đồng Tháp Mười mùa nước lũ”

A. Ngôi kể thứ nhất

B. Kể về chuyến đi của tác giả diễn ra chưa lâu về Đồng Tháp Mười.

C. Những cảnh vật, con người trong đoạn trích là do tác giả tưởng tượng.

D. Tác giả miêu tả lại cảnh sắc và con người Đồng Tháp bằng cách miêu tả, kể lại và phát biểu cảm nghĩ.

Đáp án C

**2. Dạng bài tập đọc hiểu ngữ liệu SGK:**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “*Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*”:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *“Nói đến Đồng Tháp Mười là phải nói đến lũ. Lũ chính là nguồn sống của cả cư dân miệt sông nước này. Nó mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng. Năm ngoái chúng tôi lại xuống Long An, giữa mùa lũ mà đồng nứt nẻ, dân ngơ ngác hoang mang đợi lũ. Bởi nếu không có lũ, nước kiệt đi thì toàn bộ vùng này thiếu nước ngọt nghiêm trọng, phèn nổi lên rất nhiều và đậm, nước chỉ còn đọng ở các lung, trấp, đìa, bàu... không dùng được, cây cỏ khô rụi, di  chuyển chủ yếu là đi bộ hoặc xe trâu, toàn bộ đời sống sẽ ngưng trệ. Lũ tồn tại song song với người miền Tây như con lộ nào cũng song song một con kinh bên cạnh, làm nên một đặc trưng đồng bằng Nam Bộ. Người ta đào kênh (kinh) để thông thương, để lấy nước, chỉ huy nước, lấy đất ấy đắp đường (lộ), cứ chằng chịt như thế, những con kinh huyết mạch nối những cù lao, những giồng... thành một đồng bằng rộng lớn và đầy bản sắc.*  *(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, trang 55 - 56)*  **Câu 1**. Xác định thể loại và ngôi kể của đoạn trích trên.  **Câu 2.** Theo đoạn trích, lũ có vai trò như thế nào đối với Đồng Tháp? **Câu 3**. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về vẻ đẹp của thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười?  **Câu 4**. Theo em, cần phải làm gì để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên ở miền Tây? (Kể ra ít nhất 02 việc làm) |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

* Thể loại : Du kí
* Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Vai trò của lũ với Đồng Tháp Mười:

* Lũ mang phù sa mùa màng, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.

– Cung cấp nước ngọt cho người dân sinh hoạt, duy trì sự sống cho cây cỏ thiên nhiên, giúp giao thông thuận lợi bằng đường thuỷ.

**Câu 3:**

Thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười đa dạng, tươi đẹp và hài hoà với cuộc sống con người.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên cần:

- Khai thác nguồn tài nguyên một cách hợp lí.

- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia,..

- Chống ô nhiềm môi trường sông nước; có biện pháp phòng chống cháy rừng.

- Tuyên truyền người dân nâng cao ý thức trong khai thác đi liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- Hợp tác với các nước nỗ lực trong việc chống biến đổi khí hậu

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  *“Mùa này cá linh và bông điên điển đều bắt đầu hiếm. Bông điên điển chỉ còn lác đác, nhưng nể bạn, Hữu Nhân đã lòng vòng xe để kiếm cho tôi thưởng thức. Kết quả, buổi trưa ở một quán tại huyện Tam Nông thì tôi được xơi món bông điên điển xào tôm, còn buổi chiều tại quán khác ở huyện Cao Lãnh thì chứng kiến món cá linh kho ngót. Bằng nỗi khát khao và trân trọng của mình, tôi đã miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy đồng bằng ấy. Lúc này sự ăn nó không còn là vật chất thông thường, của sự ăn lấy no, mà nó là hương hoa, là miên cảm của con người trước thời trân của đất trời, dẫu nó là món thời trân vô cùng dân dã, nó gắn với miên man sông nước, với cái giản dị, tiện lợi của sản vật và con người vùng đất phương Nam. […]*  *Từ thành phố Cao Lãnh, Hữu Nhân chở tôi bằng xe máy gần buổi sáng thì đến khu di tích này. Đây là khu gò rộng khoảng 5000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển Hà Tiên, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười sàn sạt lênh loang nước nên nó trở thành của hiếm. Nơi đây người ta vừa khai quật được một di tích nền gạch cổ và được xác định đây là nền tòa tháp từ thời vương quốc Phù Nam có cách đây khoảng 1.500 năm và đã được công nhận di tích quốc gia. Đây cũng là đại bản doanh của cụ Thiên Hộ Dương và Đốc Binh Kiều, hai vị anh hùng chống Pháp, và cũng là căn cứ địa chống Mỹ của cách mạng Việt Nam. Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như một cách để tôn vinh sen Đồng Tháp Mười...[…]”*  *(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, tập 1, trang 56 – 57- 58)*  **Câu 1**. Đoạn trích trên đã giới thiệu những vẻ đẹp nào của Đồng Tháp Mười?  **Câu 2**. Theo em, vệc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong bài du kí có tác dụng gì?  **Câu 3**. Tình cảm của tác giả thể hiện như thế nào khi viết về Đồng Tháp Mười?  **Câu 4**. Nếu được đi thăm Đồng Tháp Mười, em sẽ đến nơi nào nêu trong bài du kí? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**:

Đoạn trích đã giới thiệu vẻ đẹp văn hoá của Đồng Tháp Mười:

- Món ăn nơi Đồng Tháp: cá linh và bông điên điển.

- Khu du tích Gò Tháp.

**Câu 2:** Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất có tác dụng:

- Giúp cho bài du kí trở nên chân thực, độ tin cậy cao hơn.

- Giúp tác giả dễ dàng bộc lộ tình cảm, cảm xúc hơn.

- Giúp cho người đọc hiểu rõ hơn về tình cảm của tác giả.

**Câu 3:**

- Tình cảm của tác giả khi viết về Đông Tháp Mười là thứ tình cảm yêu mến, trân trọng và khát khao muốn khám phá.

**Câu 4:** HS lựa chọn nơi đến thăm và đưa ra lí do.

**3. Dang bài đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| *Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi*  *“Lòng hang Én phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người (1). Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường, nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m)(2). Cửa hang thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón lấy khí trời và áng sáng (3). Quãng sông ngầm đỗ lại êm đềm trước thềm hang chính, len lỏi qua các hang phụ chừng 4km, rồi đổ ra cửa sau hang (4). Ở hang chính, bờ sông cát mịn thoải dần, nước mát lạnh, trong veo, toàn đá sỏi, đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo (5). Nghe nói thời xa xưa, tộc người A- rem đã sống trong hang Én (6). Trứng chim từng là một nguồn thực phẩm của họ (7). Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”(8). Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”.*  *(*Trích *Hang Én*- Hà My)  **Câu 1:** Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào?  C**âu 2:** Dấu gạch ngang trong câu văn “*Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”* dùng để làm gì?  **Câu 3:**Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức ở con người điều gì ?  **Câu 4:** Theo em, chúng ta cần có biện pháp nào để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã. |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:**Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu:

*- Nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người;*

*- Nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m);*

- Sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;

C**âu 2:** Dấu gạch ngang trong câu văn “*Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”*

- Dấu gạch ngang: đánh dấu thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”

**Câu 3:**

- Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người

**-** Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

**Câu 4:** Theo em, chúng ta cần có biện pháp để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã là:

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu và tôn trọng, nâng cao ý thức bảo vệ thực vật, động vật hoang dã. Không sử dụng những sản phẩm từ động, thực vật hoang dã như mật gấu, áo lông thú...

- Xử phạt thật nặng những người săn bắt, buôn bán, sử dụng thực vattj, động vật hoang dã.

- Sống gần gũi với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường, trồng và chăm sóc cây xanh.

**VĂN BẢN: THỜI THƠ ẤU CỦA HON – DA**

*(Hon-đa Sô-i-chi-rô)*

**I. Tác giả - Tác phẩm**

**1. Tác giả**

**-** Hon-đa-sô-i-chi-ro (Soichiro Honda) sinh ngày 17 tháng 11 năm 1906, mất ngày 5 tháng 8 năm 1991), quê ở Si-dư-ô-ca, Nhật Bản

- Ông là một kỹ sư và nhà công nghiệp Nhật Bản

- Năm 1948, ông thành lập Honda Motor Co và giám sát việc mở rộng công ty từ một nhà xưởng sản xuất động cơ xe đạp bằng gỗ thành một nhà sản xuất ô tô và xe máy đa quốc gia

- Ông có tình yêu với máy móc và xe ô tô ngay từ khi còn là một đứa trẻ. Sau 6 năm là thợ sửa chữa ô tô tại 1 ga ra, ông đã về nhà mở hãng sửa chữa xe ô tô của riêng mình ở tuổi 22

- Ông điều hành Honda Motor Co đến khi nghỉ hưu và vẫn tiếp tục giữ chức chủ tịch, được bổ nhiệm làm cố vấn tối cao.

- Tạp chí People đã xếp ông vào danh sách “25 người hấp dẫn nhất năm” của họ trong năm 1980

- Ngoài niềm yêu thích với máy móc, ông cũng chơi nhiều môn thể thao khác như đua xe, trượt tuyết, chơi gôn, lướt ván,...

- Ông nhận được nhiều giải thưởng danh dự như Hạng Ba cao cấp, Giải thưởng Chim trĩ vàng của Hiệp hội Hướng đạo Nhật Bản, Viên chức lớn của Huân chương Công trạng của Cộng Hòa Ý,...

**2. Tác phẩm**

**- Xuất xứ:** In trong Biến giấc mơ thành sức mạnh đi tới (Bản lý lịch đời tôi), Nguyễn Trí Dũng dịch, NXB Văn hóa Sài Gòn - Báo Sài Gòn giải phóng, thành phố Hồ Chí Minh, 2006

**- Thể loại:** Hồi kí (tự truyện)

**+ Bố cục**: 3 phần

- Phần 1: từ đầu đến “công cụ làm nông”: hoàn cảnh gia đình của Honđa

- Phần 2: tiếp theo đến “cõng em chạy đi xem”: niềm yêu thích và bị hấp dẫn đặc biệt bởi máy móc của Honđa

- Phần 3: còn lại: chiếc máy bay đã truyền cảm hứng về tình yêu động cơ cho Honđa, thúc đẩy ông sáng tạo và không ngừng học hỏi

**3. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**a. Giá trị nội dung**

- Tác phẩm kể lại một cách chân thực và đầy đủ về tuổi thơ của Honđa, giúp người đọc hiểu được hoàn cảnh gia đình, niềm yêu thích và sự quan tâm đặc biệt của ông đối với động cơ, máy móc cũng như những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình.

- Hình ảnh của Honđa lúc nhỏ đã truyền động lực tới những ai còn chần chừ, ngại khó và chưa dám quyết đoán để chạm tới ước mơ

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Giọng kể chân thực, gần gũi, văn phong dễ hiểu.

- Kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm.

**II. Phân tích văn bản**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêu vấn đề:**

- Giới thiệu về tác giảHon-đa-sô-i-chi-ro và cuốn hồi kí *Biến giấc mơ thành sức mạnh đi tới* (Bản lý lịch đời tôi).

- Giới thiệu vị trí và khái quát nội dung của đoạn trích “Thời thơ ấu của Honda”

**2. Giải quyết vấn đề:**

**a. Xuất thân và thời thơ ấu của Hon-đa**

\***Xuất thân**:

- Sinh năm 1906.

- Quê: Làng Komyo, quận Iwata, nay là thành Tenryu, thành phố Hamamatsu, tỉnh Shizouka.

- **Gia đình:**

+ Cha là Gihei, làm nghề thợ rèn.

+ Nhà rất nghèo, đời ông làm nông.

+ Là trưởng nam trong gia đình, hàng ngày phải cõng em gái đến trường, giúp cha đạp ống thổi lửa.

\* **Sở thích từ nhỏ:**

+ Lớn lên trong tiếng phì phò thổi của ống thổi lò, với âm thanh chan chát của tiếng đe, tiếng búa.

+ Hay được ông cõng đến tiệm xay lúa chơi.

+ Thể hiện sự hứng thú với kĩ thuật, máy móc từ rất sớm.

➩ Từ nhỏ đã được tiếp xúc với máy móc, kĩ thuật nên có hứng thú từ sớm.

**b. Sự quan tâm, hứng thú của Hon-đa với kĩ thuật**

**\*Khi chưa đi học**

+ Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng sắt vụn làm gì những tôi rất thích thú với công việc đập búa "chùm cheng", sửa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông.

+ Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ.

+ Bị lôi cuốn bởi âm thanh "bùm chát" của máy nổ và luồng khói xanh có mùi dầu cháy.

+ Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ "bùm bùm" và bánh răng cưa quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng [...] tôi cũng thấy sung sướng không diễn tả được.

**\* Khi đi học**:

+ Thời gian đi học, lên lớp 6 thích thú khi bắt đầu thấy xuất hiện pin, cân, ống nghiệm, máy móc.

+ Khi xem ti vi bằng tai và mắt thì cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn. Còn nhỏ khi làng có điện, cảm phúc những chú thợ điện với túi đồ nghề trèo lên cột điện nối dây cáp.

+ Năm lớp 2 hoặc lớp 3, khi thấy oto liền bám theo, phần khích. Dí mũi xuống mặt đất, ngửi khịt khịt như chó ngửi, lấy tay quệt dầu rồi đưa lên mũi hít vào đầy lồng ngực. Nảy ra ước mơ sau này làm một chiếc xe. Sau đó, cứ đi học lại cõng em đi xem oto.

+ Khi học lớp 2, đi 20km xem biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su.

➩ Càng trưởng thành thì đam mê, hứng thú với máy móc, kĩ thuật càng lớn. Có ước mơ mong muốn sau này có thể tự làm một chiếc xe.

**\* Kỉ niệm đi xem biểu diễn máy bay đáng nhớ của Hon-đa**

- **Thời gian**: mùa thu 1914.

- **Sự kiện**: cách nhà 20 ki-lô-mét có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su.

- **Diễn biến**:

+ Chuẩn bị: trước đó vài ngày, lén lúc cả nhà không để ý, lấy 2 xu làm tiền lộ phí.

+ Lén gia đình đi: Đến ngày đó, lấy xe đạp cha đạp đến, trốn học, đạp xe không dễ dàng.

+ Khi gặp khó khăn: không đủ tiền vé vào cửa, trèo lên cây thông lớn, bẻ cành để ngụy trang phía dưới.

+ Khi về, vì quá ấn tượng nên xin cha mua cho chiếc mũ kết, tự tay làm cặp kính, gắn quạt gió lên xe đạp, bắt chước phi công.

- **Cảm xúc**:

+ Khi nhìn thấy doanh trại Liên đội thì tim đập liên hồi không ngừng.

+ Vô cùng cảm kích khi thấy chiếc Neils Smith bay lên.

+ Trên đường về đạp xe không biết mệt. Ấn tượng với hình ảnh người phi công hùng dũng.

➩ Sự hứng thú đã dần trở thành đam mê, ước mơ.

=> Hon-đa là cậu bé có ước mơ, có nỗ lực và không chịu khuất phục bởi hoàn cảnh. Điều đó lí giải cho sự nghiệp và sự thành công sau này của ông.

**3. Đánh giá khái quát**

**- Nghệ thuật**

- Giọng kể chân thực, gần gũi, văn phong dễ hiểu.

- Kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm.

*-* **Nội dung và ý nghĩa:**

- Tác phẩm kể lại một cách chân thực và đầy đủ về tuổi thơ của Honđa, giúp người đọc hiểu được hoàn cảnh gia đình, niềm yêu thích và sự quan tâm đặc biệt của ông đối với động cơ, máy móc cũng như những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình.

- Hình ảnh của Honđa lúc nhỏ đã truyền động lực tới những ai còn chần chừ, ngại khó và chưa dám quyết đoán để chạm tới ước mơ.

**VĂN MẪU THAM KHẢO**

Ai cũng từng trải qua thời thơ ấu của mình. Nhớ về thời thơ ấu, người ta có thể nhắc lại các kỉ niệm buồn, vui, thành công hay thất bại. Trong đoạn trích “Thời thơ ấu của Honda” trích trong cuốn hồi kí *Biến giấc mơ thành sức mạnh đi tới* (Bản lý lịch đời tôi), tác giả giảHon-đa-sô-i-chi-ro đã hồi tưởng lại những suy nghĩ, hành vi có thiên hướng về kĩ thuật của mình thời thơ ấu. Qua đoạn trích, người đọc phần nào thấy được lí do làm nên thành công của ông Hon-đa Sô-i-chi-rô - một kĩ sư kiêm nhà sáng lập hãng xe máy, oto Hon da nổi tiếng sau này.

Mở đầu đoạn trích, Honda đã nói về xuất thân và thời thơ ấu của mình bằng ngôi kể thứ nhất. Hon-đa-sô-i-chi-ro sinh năm 1906 tại làng Komyo, quận Iwata, nay là thành Tenryu, thành phố Hamamatsu, tỉnh Shizouka. Cha ông là Gihei, làm nghề thợ rèn. Sinh ra trong gia đình nghèo, lại là trưởng nam trong gia đình nên hàng ngày phải cõng em gái đến trường, giúp cha đạp ống thổi lửa. Những buổi đầu làm việc cũng với cha ở lò rèn đã giúp nhân vật “tôi” tìm ra sở thích cũng niềm yêu thích máy móc của mình: “*Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sữa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông*”. Nhân vật tôi bị cuốn hút mạnh mẽ bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy của máy nổ nơi tiệm xay cách nhà 4 km mà nhân vật tôi mỗi lần được ông cõng tới chơi. Không chỉ vậy, âm thanh tiếng máy nổ “bùm bùm” cùng hình ảnh bánh răng cưa quay tít của máy xẻ gỗ khiến chú bé đó thích thú vô cùng. Honda chia sẻ “chỉ cần ngắm nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không tả được” Như vậy, ngay từ nhỏ Honda đã có niềm hứng thú, say mê đặc biệt với máy móc.

**Sự quan tâm, hứng thú của cậu bé Hon-đa với kĩ thuật lớn lên theo năm tháng. Trong phần tiếp theo của đoạn trích, Honda đã hồi tưởng lại những hành vi, suy nghĩ thể hiện niềm yêu thích, đam mê máy móc của mình cũng như** những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình**– tiền đề đã tạo nên thành công của Honda sau này.** Càng trưởng thành thì đam mê, hứng thú với máy móc, kĩ thuật càng lớn. **Khi đi học**, Hon da chỉ bắt đầu hứng thú với môn thực vật và sinh vật lớp 6 chỉ từ khi khi bắt đầu thấy xuất hiện pin, cân, ống nghiệm, máy móc. Khi xem ti vi bằng tai và mắt thì nhân vật tôi cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn là chỉ đọc sách. Nhân vật tôi cũng vô cùng cảm phục những chú thợ điện với túi đồ nghề trèo lên cột điện nối dây cáp để lần đầu tiên đem điện về làng nơi Honda sống. Một kỉ niệm khác mà nhân vật tôi nhớ mãi là năm lớp 2 hoặc lớp 3, trên đường đi học về, nghe nói có chiếc ô tô về làng, cậu bé Honda khi ấy liền lập tức phi như bay, chạy đuổi kịp chiếc xe và bám theo một đoạn khá dài đầy phấn khích.. Và khi thấy vệt dầu nhểu ra từ động cơ trên mặt đường, cậu bé Honda đã gí mũi xuống mặt đất, ngửi khịt lấy tay quệt dầu rồi đưa lên mũi hít vào đầy lồng ngực. và nảy ra ước mơ mong muốn sau này có thể tự làm một chiếc xe. Sau đó, cứ đi học về là “tôi” lại cõng em đi xem oto.

**Một sự kiện đã in dấu dậm nét trong kí ức thơ ấu của nhân vật tôi là kỉ niệm đi xem biểu diễn máy bay.** Đó là sự kiện diễn ra vàomùa thu 1914, nơi diễn ra buổi biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su, cách nhà của nhân vật “tôi” những 20 ki-lô-mét .Bằng khát khao được tận mắt chứng kiến máy bay ngoài đời thực, không chỉ trên hình vẽ, cậu bé Honda đã lén chuẩn bị chu đáo để tự mình đi tới nơi xem biểu diễn. Trước đó vài ngày, nhân vật “tôi” đã lén lúc cả nhà không để ý, lấy 2 xu làm tiền lộ phí. Đến ngày đó, “tôi” đã trốn học và lấy xe đạp cha đạp đến nơi xem biểu diễn mặc cho việc đạp chiếc xe của người lớn không dễ dàng. Khi gặp khó khăn không đủ tiền vé vào cửa, chú bé đã không chịu bỏ cuộc. Nhân vật “tôi” đã nhanh trí trèo lên cây thông lớn, bẻ cành để ngụy trang phía dưới để từ vị trí ngọn cây thông, cậu bé Honda đã thoả ước nguyện được ngắm nhìn những chiếc máy bay thật. Ra về, dù quãng đường xa phía trước chờ đợi nhưng nhân vật tôi không hề biết mệt là gì. Về nhà, vì quá ấn tượng với hình ảnh người phi công hùng dũng nên cậu bé Honda xin cha mua cho chiếc mũ kết, tự tay làm cặp kính, gắn quạt gió lên xe đạp, bắt chước phi công. Chính tình yêu, niềm yêu thích với máy móc đã trở thành động lực để Honda vượt qua mọi khó khăn sau này để có thể tạo nên

Bằng giọng kể chân thực, gần gũi, văn phong dễ hiểu, kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm, đoạn trích “Thời thơ ấu của Honda” đã kể lại một cách chân thực và đầy đủ về tuổi thơ của Honđa, giúp người đọc hiểu được hoàn cảnh gia đình, niềm yêu thích và sự quan tâm đặc biệt của ông đối với động cơ, máy móc cũng như những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình.

Tuổi thơ ấu chính là giai đoạn chuẩn bị quan trọng cho sự trưởng thành của mỗi người. Nhiều suy nghĩ, hành vi thời thơ ấu sẽ tạo nên thiên hướng cho nghề nghiệp sau này của chúng ta. Hình ảnh của Honđa lúc nhỏ đã truyền động lực tới những ai còn chần chừ, ngại khó và chưa dám quyết đoán để chạm tới ước mơ.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Đoạn trích “*Thời thơ ấu của Honda*” thuộc thể loại nào?

A. Hồi kí B. Du kí C. Nhật kí D. Phóng sự

Đáp án A

**Câu 2**: Đặc điểm nào **không** đúng với thời thơ ấu của Honda?

A. Honda sinh ra trong một gia đình nghèo.

B. Cha của Hon-đa làm nghề xát lúa.

C. Hồi nhỏ, hằng ngày, Honda phải cõng em gái đến trường và phụ giúp cha.

D. Honda bị cuốn hút bởi âm thanh “bùm chát” và làn khói xanh của máy nổ tại tiệm xay lúa.

Đáp án B

**Câu 3**: Niềm hứng thú của Hon-đa với máy móc, kĩ thuật có từ khi nào?

A. Từ thuở nhỏ B. Từ khi lên lớp 1.

C. Sau khi xem máy bay biểu diễn. D. Khi vào Đại học.

Đáp án A.

**Câu 4:** Chi tiết nào không thể hiện niềm yêu thích máy móc của Honda?

A. Thích thú ngắm nhìn các loại máy móc ở cửa tiệm xay lúa và tiệm xẻ gô

B. Cảm phục những chú thợ điện với máy móc, kìm, tuốc nơ vít, dây cáp

C. Học kém môn Thực vật và sinh vật, không thích đọc sách.

D. Tò mò, chạy đuổi theo chiếc ô tả cả đoạn dài chỉ để gí mũi xuống mặt đất tò mò về dầu mặc dù mùi rất khó chịu.

Đáp án C

**Câu 5**: Đâu **không**phải cảm xúc của Hon-đa khi được chứng kiến buổi biểu diễn máy bay?

A. Quên hết mệt mỏi trên đường về.

B. Thất vọng vì không được xem.

C. Ấn tượng mãi với hình ảnh người phi công.

D. Vô cùng cảm kích khi thấy máy bay bay lên.

Đáp án B

**2. Dạng bài tập đọc hiểu:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Tôi sinh năm 1906 tại làng Kô- mi-ô (Kômyo), nay là thành Ten-ri-u (Tenryu), thuộc thành phố Ha-ma-mát-su (Hamamatsu), tỉnh Si-dư-ô-ca (Shizuoka). Cha tôi là Ghi-hai (Gihei), làm nghề thợ rèn và tôi đã lớn lên trong tiếng phì phò của ống thổi lò, với âm thanh chan chát của tiếng đe, tiếng búa. Nhà tôi rất nghèo, đời ông tôi là nghề nông, đến đời cha tôi mới bắt đầu theo nghề rèn. Là trưởng nam trong gia đình, hằng ngày tôi phải cõng em gái tôi đến trường và giúp cha đạp ống thổi lửa. Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sữa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông.*  *Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ. Cách nhà tôi khoảng 4 ki-lô-mét có một tiệm xay lúa. Vào thời đó, một tiệm xay có máy nổ hoạt động như vậy là hiếm lắm. Tôi thường được ông tôi cõng đến tiệm này chơi và bị lôi cuốn bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy rất khó tả. Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ, “bùm bùm” và bánh răng quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng. Chỉ cần nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không diễn tả được”.*  *(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1, trang 61- 62)*  **Câu 1**. Xác định ngôi kể và thể loại của đoạn trích.  **Câu 2**. Theo đoạn trích, nhân vật “tôi” (Honda) có xuất thân như thế nào?  **Câu 3.**Tình cảm của nhân vật “tôi” với máy móc như thế nào? Chỉ ra một số câu văn thể hiện điều đó.  **Câu 4.**Em hãy chia sẻ về sở thích từ thời thơ ấu của mình. Sở thích đó được biểu hiện qua những hành động nào của em? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

**-** Ngôi kể thứ nhất

- Thể loại: Hồi kí

**Câu 2:** Theo đoạn trích, xuất thân của nhân vật “tôi” (Honda): Sinh tại làng Kô- mi-ô (Kômyo), nay là thành Ten-ri-u (Tenryu), thuộc thành phố Ha-ma-mát-su (Hamamatsu), tỉnh Si-dư-ô-ca (Shizuoka) trong một gia đình rất nghèo, đời ông làm nghề nông, đời cha bắt đầu làm nghề thợ rèn.

**Câu 3:**

**-** Tình cảm của nhân vật “tôi” với máy móc: rất yêu thích, có niềm say mê khám phá máy móc.

- Một số câu văn cho thấy niềm yêu thích của nhân vật “tôi” với máy móc trong đoạn trích:

+ “*Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sữa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông”*.

+ “*Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ”.*

+ “*Tôi thường được ông tôi cõng đến tiệm này chơi và bị lôi cuốn bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy rất khó tả*.”

+ “*Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ, “bùm bùm” và bánh răng quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng. Chỉ cần nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không diễn tả được”*.

**Câu 4:** HS chia sẻ về sở thích từ thời thơ ấu của mình.

**Ví dụ:** Em có sở thích đọc sách.

**+** Mỗi ngày em dành khoảng 2 giờ để đọc sách.

+ Em tiết kiệm tiền để mua truyện tranh, cuốn sách em yêu thích.

+ Em thích được ở 1 mình trong phòng mình, yên tĩnh làm bạn với những cuốn sách.

+ Em tập sáng tạo những câu chuyện ngắn hoặc vẽ tranh về những nhân vật trong những cuốn sách em đã đọc.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Mùa thu năm 1914, khi đang học lớp 2, tôi nghe nói có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su, cách nhà tôi khoảng 20 ki-lô-mét. Từ trước tới giờ, tôi chỉ được xem máy bay qua hình vẽ chứ chưa bao giờ được thấy tận mắt. Biết là có nài xin, cha tôi cũng không cho phép, nên trước đó vài ngày, chọn lúc cả nhà không để ý, tôi lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí.*  *Rồi ngày đó đã đến, tôi giả bộ bình thản lén lấy xe đạp của cha đạp một mạch đến Ha-ma-mát-su. Tất nhiên là tôi trốn học. Với một cậu học sinh lớp 2 thì xe đạp của người lớn là quá to, không thể ngồi lên yên xe được, nên tôi phải thòng một chân qua khung xe hình tam giác rồi liên tục đạp không nghỉ. Đến khi nhìn thấy doanh trại Liên đội ở phía trước thì tự nhiên tim tôi đập liên hồi không sao ngừng được.*  *Nhưng sự vui mừng đó chỉ đến trong chốc lát. Bãi huấn luyện quân đội được rào kín, vé vào cửa là 10 xu mà trong túi tôi chỉ có 2 xu, không lẽ lại ôm xe đạp mà nhìn. Đã bỏ công đến đây thì phải xem bằng được. Nghĩ thế, tôi ngước lên nhìn thấy cây thông lớn và lập tức leo phóc lên. Sợ có người nhìn thấy, tôi bẻ cành để nguỵ trang phía dưới.*  *Và tôi đã thoả được ước nguyện của mình. Ở trên cây, tuy tầm nhìn có hơi xa một chút nhưng lần đầu tiên tôi được thấy máy bay thật và vô cùng cảm kích khi thấy chiếc Nin Xmít (Neil Smith) bay lên. Trên đường về, việc thòng chân qua khung xe để đạp xe, tôi thấy thật nhẹ nhàng, không còn biết mệt là gì. Hình ảnh người phi công của chiếc máy bay Nin Xmít với vành mũ lật ngược ra phía sau, đeo kính bay trông thật hùng dũng. Ấn tượng này giải thích lí do tại sao sau này tôi vẫn thường đội ngược cái mũ học trò.”*  *(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- Trang 63, 64)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  **Câu 2.** Chỉ ra những từ mượn có trong đoạn trích.  **Câu 3.** Cậu bé Honda đã làm những gì để được xem biểu diễn máy bay? Qua những việc làm đó, em thấy cậu bé Honda là người như thế nào?  **Câu 4.**Theo em, cần làm gì để biến ước mơ thời thơ ấu trở thành hiện thực? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: tự sự

**Câu 2**: Những từ mượn có trong đoạn trích: **ki-lô-mét** (từ mượn tiếng Anh: kilometer); **xu** (từ mượn tiếng Anh: cent)

**Câu 3:**

- Để được xem biểu diễn bằng máy bay, cậu bé Honđa đã làm rất nhiều việc:

+ Biết rằng bố mẹ không cho đi nên đã lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí, trốn học để đi xem.

+ Tự mình vượt quãng đường 20 ki –lô-mét bằng xe đạp của người lớn đến nơi xem biểu diễn mặc cho việc đạp xe đạp rất khó khăn khi phải thòng chân qua khung hình tam giác.

+ Khi đến nơi, không đủ tiền mua vé vào xem, cậu bé Honda đã trèo lên ngọn cây thông để có thế quan sát máy bay cất cánh.

- Qua những việc làm trên, ta có thể thấy chú bé Honda là một cậu bé có niềm say mê mãnh liệt với máy móc, có ước mơ, có nỗ lực và không chịu khuất phục hoàn cảnh để thực hiện bằng được khát khao của mình. Ngoài ra, Honda cũng là cậu bé tự lập và rất nhanh trí.

**Câu 4:** HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Có thể nêu: Để biến ước mơ thời thơ ấu thành hiện thực, ta cần:

- Có niềm tin vào ước mơ của bản thân sẽ có thể trở thành hiện thực.

- Lên kế hoạch cụ thể để chinh phục ước mơ theo từng giai đoạn.

- Kiên đinh, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, cũng như những trở ngại, phản đối của những người xung quanh.

- Bắt đầu thực hiện ước mơ từ những việc làm nhỏ nhất ngay từ hôm nay và cố gắng từng ngày.

**3. Bài tập Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Ngày xưa ta đi học*  *Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu*  *Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ*  *Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.*  *Bản đồ mới tường vôi cũng mới*  *Thầy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao*  *Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ*  *Ðưa ta đi sông núi tuyệt vời.*  *(Trích Cửu Long Giang ta ơi!- Nguyên Hồng)*  **Câu 1:** Xác định thể thơ của bài thơ có đoạn thơ trên.  **Câu 2:** Hình ảnh thầy giáo trong đoạn thơ hiện lên trong mắt cậu học trò như thế nào?  **Câu 3:**Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: *“Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ/ Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ”?*  **Câu 4:**Theo em, người thầy có vai trò gì trong việc khơi dậy mơ ước cho học trò?  **Câu 5:** Em hãy lấy một ví dụ về một tác phẩm văn học em đã được học mà em tâm đắc. Nói rõ lí do em thích thú, ấn tượng về tác phẩm đó? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Thể thơ: tự do

**Câu 2:** Hình ảnh thầy giáo trong đoạn thơ hiện lên trong mắt cậu học trò:

+ lớn lao, vĩ đại*“lớn sao”,*

*+* như có phép lạ “*Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”*

+ nâng cánh ước mơ cho học trò*.“Đưa ta đi sông núi tuyệt vời*

**Câu 3:** biện pháp tu từ so sánh: “hình ảnh tấm bản đồ rực rỡ” trong bài giảng của thầy giống như cánh *đồng hoa trong giấc mơ của cậu học trò.*

Tác dụng:

*+* Tấm bản đồ hiện lên trong lời giảng của thầy đẹp đẽ lạ thường, bởi nó tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng*.*

*+* mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê *say* , mong muốn được khám phá của học trò.

+ Nhấn mạnh tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Kông được khới nguồn từ tiết học địa lý của thầy giáo.

**Câu 4:**

- Theo em, người thầy có vai trò trong việc khơi dậy mơ ước cho học trò:

- Thầy cô là người nâng cánh ước mơ cho học trò.

- Mỗi giờ học, thầy cô truyền cảm hứng học tập, và khao khát khám phá, học hỏi tri thức về thiên nhiên, đất nước, con người...

**Câu 5:**

- HS lấy một ví dụ cụ thể về một tác phẩm văn học em đã được học mà em tâm đắc.

- HS nói rõ lí do em thích thú, ấn tượng về tác phẩm đó:

+ Lí do bắt nguồn từ tác phẩm nội dung, hình thức nghệ thuật, hoặc đề tài, ...mà học sinh thích thú

+ Lí do cá nhân: riêng tư của học sinh như hoàn cảnh sống, một lần được đọc, xem phim...

+Lí do mà thầy (cô) khơi được nguồn cảm hứng, hoặc tình yêu thiên nhiên, đất nước...

**================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BÀI 1: TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC**

**I. Khái niệm**

**1. Nhắc lại kiến thức về từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)**

\***Từ đơn** là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.   
VD: sách, bút, tre, gỗ....   
\* **Từ phức** là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên.   
VD: xe đạp, bàn gỗ, sách vở, quần áo, lấp lánh...   
\* **Phân biệt các loại từ phức**: Từ phức đựoc chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.   
+ **Từ ghép**: là những từ có cấu tạo từ hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.   
Căn cứ vào quan hệ mặt nghĩa giữa các tiếng trong từ ghép, người ta chia làm hai loại: *từ ghép đẳng lậpvà từ ghép chính phụ*VD: sách vở, bàn ghế, quần áo ( từ ghép đẳng lập)   
Xe đạp, lốp xe, ( từ ghép chính phụ)   
+ **Từ láy:** là những từ được cấu tạo bởi hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm. Trong từ láy chỉ có một tiếng gốc có nghĩa, các tiếng khác láy lại tiếng gốc   
VD: Lung linh, xinh xinh, đo đỏ..   
Từ láy chia ra làm hai loại: *Láy bộ phận* ( láy âm và láy vần) và *láy toàn bộ*

**II. Thực hành Tiếng Việt**

**Bài 1: Tìm từ đơn, từ phức trong đoạn văn sau:**

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cẩm roi, nhảy lên mình ngựa.

(Thánh Gióng)

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| **Từ ghép** | **Từ láy** |
| vùng, dậy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vỗ, vào, ngựa, hí, dài, mấy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa | Chú bé, tráng sĩ, oai phong, vang dội, áo giáp. | lẫm liệt |

**Bài 2:** Xếp các từ:*châm chọc, chậm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỏi, phương hướng, vương vấn, tươi tắn* vào 2 cột: từ ghép và từ láy.

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ láy** | **Từ ghép** |
| *chậm chạp, mê mẩn, nhỏ nhẹ, mong mỏi, tươi tắn, vương vấn* | *châm chọc, mong ngóng, phương hướng* |

**Bài 3: Tạo ra từ ghép từ các tiếng dưới đây:**

*a. ngựa b. sắt c. thi d. áo*

**Gợi ý**

a. con ngựa, ngựa đực

b. ngựa sắt, sắt thép

c. kì thi, thi đua

d. áo quần, áo giáp, áo dài

**Bài 4:**

1. Tìm các từ láy có trong đoạn thơ sau:

*Lặng yên bên bếp lửa*

*Vẻ mặt Bác trầm ngâm*

*Ngoài trời mưa lâm thâm*

*Mái lều tranh xơ xác*

*Anh đội viên nhìn Bác*

*Càng nhìn lại càng thương*

*Người Cha mái tóc bạc*

*Đốt lửa cho anh nằm*

*Rồi Bác đi dém chăn*

*Từng người từng người một*

*Sợ cháu mình giật thột*

*Bác nhón chân nhẹ nhàng*

*(*Trích *“Đêm nay Bác không ngủ” -* Minh Huệ)

b. Chỉ ra nghĩa và tác dụng của một từ láy đối với việc thể hiện nội dung mà tác giả muốn biểu đạt.

**Gợi ý trả lời:**

a. Các từ láy được sử dụng trong bài: *trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng.*

b. Từ láy *“trầm ngâm” trong câu thơ “Vẻ mặt Bác trầm ngâm:*

- Nghĩa của từ “trầm ngâm”: chỉ dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì

- Tác dụng: Từ láy có tác dụng tạo hình, gợi ra dáng vẻ đầy lo nghĩ của Bác trong đêm khuya, qua đó càng làm nổi bật tấm lòng bao dung, vĩ đại, hết lòng vì dân vì nước của Người.

**Bài 5:**

a. Cho các tiếng sau, em hãy tạo thành các từ láy: *nhỏ, nhức, chênh, tan, long, nhẹ, lắp*.

b. Đặt câu với các từ láy vừa tìm được.

**Gợi ý trả lời:**

a. Các từ láy được tạo thành: *Nhỏ nhắn, nhức nhối, chênh vênh, tan tành, long lanh, nhẹ nhàng, lắp bắp*

*b. HS tự đặt câu:*

Ví dụ:

- “Nhỏ nhắn”: Cô giáo em có mái tóc dài, dáng người nhỏ nhắn, nước da trắng hồng.

**Bài 6: Ghi lại từ đơn, từ phức trong đoạn thơ sau?**

*Em yêu màu đỏ*

*Như máu trong tim*

*Lá cờ Tổ quốc*

*Khăn quàng đội viên.*

Từ đơn: ………………………………………………………………………

Từ phức: ……………………………………………………………………….

**Bài 7: Từ các từ đơn sau, hãy thêm tiếng để tạo ra các từ phức (nếu có)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| **Từ ghép** | **Từ láy** |
| cây |  |  |
| nhà |  |  |
| xanh |  |  |
| nóng |  |  |
| đỏ |  |  |

**Đáp án**

**Bài 8: Phân loại các từ gạch chân trong đoạn văn sau vào ba nhóm**

*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh và phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông…”*

**(*Cô Tô,* Nguyễn Tuân)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ghép đẳng lập** | **Từ ghép chính phụ** | **Từ láy** |
|  |  |  |

**Bài 9: Gạch chân vào từ khác với các từ còn lại trong nhóm**

1. Đo đỏ, thoang thoảng, ngay ngắn, tươi tốt.
2. Xe đạp, bút chì, bà ngoại, quần áo.

\* Gợi ý

**Bài 10:** **Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a. Từ ghép tổng hợp | b. Từ ghép phân loại | c. Từ láy |
| nhỏ………..…… | nhỏ……….……. | nhỏ……………….. |
| lạnh……….……. | lạnh…….………. | lạnh…….………... |

**Đáp án bài tập**

**Bài 6:**

Từ đơn: em, yêu, như, máu, trong, tim

Từ phức: màu đỏ, lá cờ, Tổ quốc, khăn quàng, đội viên.

**Bài 7:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| **Từ ghép** | **Từ láy** |
| cây | Cây bàng | Cây cối |
| nhà | Nhà cửa | Nhà nhà |
| xanh | Xanh mướt | Xanh xanh |
| nóng | Nóng nực | Nong nóng |
| đỏ | Đỏ tươi | Đo đỏ |

**Bài 8:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ghép có nghĩa phân loại** | **Từ ghép có nghĩa tổng hợp** | **Từ láy** |
| Chân trời, mặt trời, phúc hậu. | Chài lưới | Dần dần, tròn trĩnh, đầy đặn, hồng hào, thăm thẳm. |

**Bài 9: Từ khác với các từ còn lại trong nhóm**

1. Đo đỏ, thoang thoảng, ngay ngắn, tươi tốt.
2. Xe đạp, bút chì, bà ngoại, quần áo.

**Bài 10:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a. Từ ghép đẳng lập** | **b. Từ ghép chính phụ** | **c. Từ láy** |
| nhỏ bé | nhỏ xíu | nhỏ nhắn |
| lạnh giá | lạnh ngắt | lạnh lẽo |

**Bài 11:** Cho các từ:

Ruộng nương, ruộng rẫy, nương rẫy, ruộng vườn, vườn tược, nương náu, đền chùa, đền đài, miếu mại, lăng tẩm, lăng kính, lăng loàn, lăng nhăng.

- Tìm các từ ghép, từ láy

*\* Từ láy*: Lăng loàn, lăng nhăng, miếu mạo, ruộng rẫy.

*\* Từ ghép*: Ruộng nương, nương rẫy, vườn tược, đình chùa, lăng tẩm, lăng kính

**Bài 12**: Cho trước tiếng: Làm

Hãy kết hợp với các tiếng khác để tạo thành 5 từ ghép 5 từ láy.

*\* 5 từ ghép*: làm việc, làm ra, làm ăn, làm việc, làm cho

*\*5 từ láy*: Làm lụng, làm lành, làm lẽ, làm lấy, làm liếc

**Bài 13:** Phân loại từ trong đoạn văn

Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngẫm nghĩ, chàng càng thấy lời thầm nói đúng. Chàng bèn chẹn chọn thứ gạo nếp thơm lừng trắng tinh. Hạt nào hạt nấy tròn mẩy đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ.

*\*Từ ghép*: mừng thầm, ngẫm nghĩ, gạo nếp, thơm lừng, trắng tinh, đậu xanh, thịt lợn, lá dong, hình vuông (chú ý/l hai tiếng khi đọc liền nhau)

*\*Từ láy*: không có

*\*Từ đơn*: Các từ còn lại

# **Bài 14**: Cho các tiếng sau

# Mát, xinh, đẹp , xe, hoa

# a. Hãy tạo ra từ láy và đặt câu

b. Hãy tạo ra từ ghép

**BÀI 2: CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**A. Mục tiêu cần đạt**

- Hiểu thế nào là so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ

- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong văn bản

- Biết cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong nói và viết

**B. Nội dung**

**I. So sánh**

**1. Khái niệm:**

Là việc đối chiếu hai hay nhiều sự vật có những điểm tương đồng nhằm làm nổi bật lên những đặc điểm riêng biệt của đối tượng đó và làm sự diễn đạt trở nên sống động, giàu hình ảnh, cảm xúc. So sánh được phân thành hai loại: so sánh ngang bằng hoặc không ngang bằng.

=>So sánh là sự đối chiếu sự vật, sự việc với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn biết ngủ, biết hoc hành là ngoan.

So sánh: Trẻ em = búp trên cành =>Đều non tơ, trẻ trung, bụ bẫm, đáng yêu.

**2. Cấu tạo của phép so sánh**

+ Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm:

- Vế A (nếu lên sự vật, sự việc được so sánh)

- Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế).

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh

- Từ ngữ chỉ ý so sánh ( gọi tắt là so sánh)

- Trong thực tế, mô hình cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều:

- Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.

**3. Các kiểu so sánh**

Có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

- So sánh không ngang bằng

Ví dụ: "Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

 Những hình ảnh so sánh trong đoạn thơ trên là:

***“Những ngôi sao thức***” – “chẳng bằng” – ***“mẹ đã thức”***

=> So sánh ko ngang bằng

Ví dụ 2: Cô giáo như mẹ hiền

Hình ảnh so sánh: Cô giáo với mẹ hiền => So sánh ngang bằng

**4. Tác dụng của so sánh**

- So sánh có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể sinh động

- Vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng tình cảm.

**II. Nhân hóa**

**1. Khái niệm**

Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người ; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật, ... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm

của con người.

Ví dụ: *Khăn thương nhớ ai*

*Khăn rơi xuống đất*

*Khăn thương nhớ ai*

*Khăn vắt trên vai*

*Đèn thương nhớ ai*

*Mà đèn chẳng tắt*

*( Ca dao)*

Thương, nhớ: Vốn là hành động của con người được gán cho sự vật là khăn , đèn => nhân hóa

**2. Các kiểu nhân hóa**

Có 3 kiểu nhân hóa thường gặp

- Dùng những từ ngữ vốn gọi người để gọi vật

- Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật.

- Trò chuyện xưng hô với vật như đối với người

Ví dụ:

a. Từ đó, **lão***Miệng,***bác** *Tai,* **cô** Mắt**, cậu** *Chân***, cậu** *Tay* lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

*(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Miệng, Tai, Mắt, Chân,Tay*

b. Gậy tre, chông tre**chống lại**sắt thép quân thù. Tre **xung phong** vào xe tăng, đại bác. Tre**giữ** làng,**giữ** nước**, giữ**mái nhà tranh, **giữ** đồng lúa chín.

*(Thép Mới)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Tre*

c.      Trâu ơi, ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

*(Ca dao)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Trâu*

**B. Bài tập**

**Bài 1:**

Viết một đoạn văn tả cảnh bình minh, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Khi ông mặt trời vén những đám mây thức dậy vươn mình ban phát ánh nắng xuống trần gian, ấy là lúc ngày mới bắt đầu trên quê hương em. Sớm bình minh, những tia nắng mới nhuộm đỏ cả một khoảng trời. Những chú chim bắt đầu cất cao giọng hát chào mừng ngày mới. Những đóa hoa trong vườn thi nhau tỏa hương khoe sắc. Trên những kẽ lá, ***những hạt sương long lanh đọng lại như những viên pha lê, kim cương quý quá, sáng lấp lánh dưới ánh mai.*** Tất cả nhưu bừng sáng, rực rỡ, tươi đẹp trong bình minh

**Bài mẫu 2:**

Bình minh quê em rất đẹp. Bình minh bắt đầu khi chú gà trống cất cao tiếng gáy gọi ông mặt trời thức giấc. Ông mặt trời kéo cỗ xe lửa ban phát ánh nắng xuống trần gian. Líu lo trên cành cây là những chú chim tinh nghịch. Dòng sông đỏ nặng phù sa dưới ánh nắng mai lấp lanh, khẽ đem dòng nước mát lành tưới tiêu cho ruộng lúa vườn cây.**Những anh gọng vó tựa như những nghệ sĩ mua ba lê điêu luyện lướt mình trên mặt nước. Cánh đông lúa chín vàng như tấm thảm khổng lồ trải dài tít tắp đến tận chân trời**. Ngôi làng bắt đầu trở nên tấp nập đón chào ngày mới.

**Bài 2***:*

Viết một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng miêu tả cảnh sân trường em giờ ra chơi có sử ít nhất 2 phép so sánh

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1**:

" Tùng ! Tùng ! Tùng ! " tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến. **Chúng em đứng dậy chào cô rồi ùa ra ngoài như đàn ong vỡ tổ.** Khuôn mặt của đứa nào cũng hào hứng, vui tươi hơn!  Các bạn bắt đầu vui đùa, nhảy dây, đá bóng, chạy nhảy nói cười rộng ràng cả khoảng sân, phá tan đi không gian yên tĩnh trước đó.**Những cành cây như cũng đang vui cười, trò chuyện cùng mấy bạn học sinh**. Ôi ! Giờ ra chơi thật vui !

**Bài mẫu 2**:

Khi tiếng trống trường vang lên báo hiệu giờ ra chơi đã đến, ấy là lúc học sinh chúng em có cho mình những giây phút thư giãn sau những giời học tập mệt mỏi. **Học sinh từ cá lớp ùa ra sân trường như đàn ong vỡ tổ**. Bạn nào bạn nấy vui chơi thỏa thích dưới bóng cây xanh mát. Chỗ này bạn nam đá cầu, chỗ kia bạn nữ nhảy dây, bịt mắt bắt dê,.... **ồn ào như chợ vỡ**. Dưới bóng cây xanh mát, lũ học trò tinh quái bày đủ trò nghịch ngợm cùng nhau . Cảnh vui tươi, nhộn nhịp trở thành những kỉ niệm vô cùng đáng nhớ của tuổi thơ.

**Bài 3:**

Hãy viết một đoạn văn miêu tả ngắn với nội dung tự chọn, trong đó có dùng phép nhân hóa.

**Gợi ý:**

Một ngày chủ nhật nhẹ nhàng, buồn chiều nắng nhẹ, tôi cùng **chú mèo con** đi ra cách đồng trước nhà. Dưới cánh đồng xanh thời thiếu nữ, từng **bác cua**, **chú ốc** đang lặng lẽ kiếm ăn. **Họ** **đào xới**những chiếc tổ dành riêng cho **gia đình mình**. Ngồi trên bờ ngắm cảnh, tôi nhìn thấy **cụ cua già**đang **chỉ đạo** **đàn con cháu** **xây** chiếc tổ mới thay thế cho chiếc tổ nhỏ xíu trước đây bởi **đứa con dâu** mới về của **cụ** chuẩn bị **sinh** một **đàn chắt đáng yêu** cho **cụ**. Bên kia bờ, lại có những **chị cốc**dắt theo **đàn con nhỏ** kiếm ăn. Dường như mới lần đầu đi theo **mẹ,** **đàn cốc bé** ríu rít, **ánh mắt** lộ rõ vẻ**hiếu kì,** **chăm chú nhìn** xuống thửa ruộng. Bầu trời hôm nay thật đẹp, trong xanh mà mát vẻ với những đám mây trắng bồng bềnh và những làn gió nhẹ thổi qua. Trên cao, **gia đình cò** cùng nhau trở về tổ, **họ** bay **chậm rãi** như đang **thưởng thức** vài ánh nắng nhẹ nhàng của **ông mặt trời.** Mọi vật **bận rộn** với những công việc của riêng mình và cả con người cũng vậy. Bác nông dân đang nhổ đi những đám cỏ xấu xí, bé Bi đang dắt**chú trâu** nhà mình gặm cỏ trên đồi, mẹ tôi đang loay hoay với khu vười nhỏ xinh,... còn tôi ngồi bên **bé mèo con** ngắm cảnh. Cuộc sống thật vui vẻ và bình yên.

**Phép nhân hóa trong bài:**chú mèo con, bác cua, chú ốc, họ, gia đình, cụ cua già, chỉ đạo, dàn con cháu, xây, đứa con dâu, cụ, sinh, dàn chắt, đáng yêu, chị cốc, đàn con nhỏ, mẹ, đàn cốc bé,ánh mắt, hiếu kì, chăm chú, nhìn, gia đình cò, họ, chậm rãi, thưởng thức, ông mặt trời, bận rộn, chú trâu, bé mèo con

**Bài 4:**

Viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời lặn, trong đó có sử dụng phép so sánh và nhân hóa.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Hoàng hôn dần bao trùm cả làng quê. **Những đám mây**trên nền trời không mang màu trắng tươi sáng, trong lành của ban mai mà**dần khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của buổi hoàng hôn.** Trên tấm màn to lớn màu hồng tím ấy,  ta có thể thấy rõ**ông mặt trời như trái bóng tròn khổng lồ màu đỏ** từ từ khuất bóng dưới ngọn tre già. Ngay sau đó, từng đàn cò trắng bay thẳng hàng vội vã bay qua. Đồng ruộng màu lúa chín vàng ruộm, ta có thể ngửi thấy mùi lúa chín thơm thoang thoảng, ngọt ngào đưa hương. Hoàng hôn buông xuống, mọi người bắt đầu trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả.

Biện pháp so sánh: Ông mặt trời- trái bóng tròn khổng lồ

Biện pháp nhân hóa: Những đám mây- khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của hoàng hôn

**Bài mẫu 2:**

Hoàng hôn đang dần buông trên bở biển dài rì rào từng đợt sóng vỗ xô vào bờ cát để lại những vỏ ốc, vò sò lấm tấm trắng trên nền cát nâu sẫm. ***Ông mặt trời*** như hòn than rực đỏ đang từ từ chuyển động chìm dần xuống đại dương sâu thẳm. Phía xa xa, vài chú cá phi trên mặt nước làm nổi lên những từng bọt sóng nhỏ tạo nên một cảnh đẹp hùng vĩ mà rất đỗi thân thuộc. Hoàng hôn, cũng là lúc thủy triều dâng, **những cơn sóng thi nhau xô bờ tựa như những đứa trẻ con nô đùa mãi không bao giờ biết chán**.Tít tắp ngoài khơi xa, những con thuyền đánh cá xa bờ đang trở về sau một ngày dài làm việc với biển cả, những cánh buồm trắng dương cao nổi bật trong không gian. Biển vốn đẹp là thế, nó càng thêm tráng lệ khi chiều về , đẹp đến rung động lòng người.

Biện pháp so sánh: những cơn gióng thi nhau xô bờ - những đứa trẻ nô đùa

Biên pháp nhân hóa: ông mặt trời.

**Bài 5: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:**

**a.** *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyề*

(Ca dao)

b.

Bây giờ mận mới hỏi đào

Vườn hồng đã cố ai vào hay chưa ?

(Ca dao)

c.

*Thác bao nhiêu thác cũng qua*

*Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*

(Tố Hữu)

d. *Con cò mà đi ăn đêm*

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*

*Ông ơi! Ông vớt tôi nao,*

*Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.*

*Có xáo thì xáo nước trong,*

*Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

(Ca dao)

e. *Uống nước nhớ nguồn*

**Gợi ý trả lời**

**a.** Ẩn dụ : thuyền, bến  
 Thuyền: là vật thường xuyên thay đổi => biểu tượng cho người con trai ( tình cảm dễ đổi thay)  
 Bến : vật cố định tình cảm thủy chung của ngýời con gái  
Cách nói ẩn dụ làm cho câu ca thêm tế nhị, phù hợp với việc bày tỏ nỗi nhớ, tình cảm thủy chung của người con gái

**b. Ẩn dụ**: *Mận, đào, vườn hồng*.

- *Mận* (chỉ người con trai)

- *Đào* (Chỉ người con gái)

- *Vườn hồng* (Chỉ tình cảm, cảm xúc trong lòng,...)

- Chàng trai muốn ướm hỏi cô gái liệu xem cô đã có người thương hay chưa, liệu xem tình cảm, ý tứ của cô gái như thế nào.

**c.** Ẩn dụ: “thác”, “thuyền”

Thác: những khó khăn trở ngại.  
 Thuyền : ý chí, nghị lực của con người

**d.** Ẩn dụ:“Con cò" chỉ người nông dân trong xã hội phong kiến xưa.

Tác giả dân gian mượn hình ảnh con có để nói về thân phận của người nông dân trong xã hội phong kiến xưa. Con cò là hiện thân của những người nông dân lao động bình thường: chất phác, siêng năng, cần mẫn, trải nhiều vất vả gieo neo. Bài ca dao Con cò mà đi ăn đêm mượn tiếng kêu thương của con cò khi lâm nạn để nói về [con người](https://vanhaychutot.com/tag/con-nguoi) lao động với phẩm chất vốn có của họ: chết vinh còn hơn sống nhục:  
**e.** Ẩn dụ: “uống nước”, “nhớ nguồn”

+ “Uống nước” là hình ảnh ẩn dụ cho việc hưởng thụ những điều tốt đẹp, những thành quả tốt đẹp mà người khác để lại.

+ "nhớ nguồn" là ẩn dụ của việc tưởng nhớ, khắc ghi những công ơn mà mình nhận được từ người khác. Từ đó, tổng thể nội dung câu tục ngữ truyền tải nội dung về bài học phải khắc ghi công ơn và thành quả mà mình nhận được từ người khác.

**Bài 6:**

**Viết đoạn văn theo chủ đề, trong đó có sử dụng 01 từ láy và 01 hình ảnh ẩn dụ.**

Nhóm 1+ 2: Viết đoạn văn nói về tình cảm của em với một người thân trong gia định.

Nhóm 3+ 4: Viết đoạn văn phát biểu suy nghĩ của em về một trong 03 văn bản đọc hiểu.

* GV hướng dẫn HS cách viết.
* HS hoàn thiện ở nhà, tiết sau báo cáo.

**BÀI 3: ÔN TẬP TỪ ĐA NGHĨA VÀ TỪ ĐỒNG ÂM**

**1.Từ đa nghĩa:** là từ có hai nghĩa trở lên.

**Ví dụ:**Từ "ăn" có hơn 10 nghĩa, trong đó có các nghĩa như: a) đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng (ăn cơm); b) ăn uống nhân dịp gì đó (ăn Tết); c) máy móc phương tiện giao thông tiếp nhận nhiên liệu (tàu ăn than);...  
**2.** **Từ đồng âm:** là những từ có cách phát âm và viết chữ giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau.

**Ví dụ**: đường với nghĩa chất kết tinh có vị ngọt (ngọt như đường) đồng âm với đường có nghĩa lối đi được tạo ra để nối các nơi (đường đến trường).

Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ.

**Ví dụ**: Trong bài ca dao sau, tác giả đã cố ý dùng từ lợi theo hai nghĩa: "Bà già đi chợ Cầu Đông/ Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng/ Thầy bói gieo quẻ nói rằng/ Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn".

- **Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa:**

\***Giống nhau**: Đều có hình thức âm thanh giống nhau ( đọc và viết).

\***Khác nhau**:

*-* Từ đồng âm là từ cùng âm thanh những nghĩa khác nhau.

Ví dụ:

Cô ấy được điểm ***chín*** ( chín: chỉ một con số).

Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( chín: lúa đến lúc thu hoạch).

* Từ nhiều nghĩa là từ một nghĩa gốc có thể tạo thành nhiều nghĩa chuyển.

Ví dụ:

Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( nghĩa gốc).

Hãy nghĩ cho ***chín*** rồi mới nói ( chín: suy nghĩ kĩ càng, chắc chắn).

**3**. **Từ mượn:** là những từ mượn tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

**Ví dụ**:

+ Từ mượn tiếng Hàn (tiếng Trung Quốc): tác phẩm, văn học, sứ giả, hòa bình,...

+ Từ mượn tiếng Pháp: (nhà) ga, xà phòng, mùi soa, pa nô, áp phích,...

+ Từ mượn tiếng Anh: mít tinh, ti vi,...

Các từ đã được Việt hóa thì viết như tiếng Việt. Còn thuật ngữ khoa học thì cần viết theo nguyên trạng để dễ tra cứu khi cần thiết, ví dụ: acid, oxygen, hydro,...

Mượn từ là một cách làm giàu cho ngôn ngữ dân tộc. Tuy nhiên để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc chỉ nên mượn từ khi thật sự cần thiết và đã mượn thì phải tìm hiểu kĩ để sử dụng cho đúng.

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1:** Trong Tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.

**Gợi ý trả lời**

Lá phổi, lá gan, trái tim, cuống họng.

**Bài tập 2:** Xác định nghĩa của từ ***chín*** trong các câu sau:

a. Vườn cam **chín** đỏ.

b. Trước khi quyết định phải suy nghĩ cho **chín.**

c. Ngượng **chín** cả mặt.

d. Cơm sắp **chín**, có thể dọn cơm được rồi

**Gợi ý trả lời**

**a. Chín**: trạng thái quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon; trái với *xanh*.

**b. Chín:** sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả

**c. Chín:** (màu da mặt) đỏ ửng lên

d. **Chín:** (thức ăn) được nấu nướng đến mức ăn được; trái với sống

**Bài tập 3: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:**

**a. Chạy**

- Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.

- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.

**b. bàn**

- Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.

- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.

- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.

**Gợi ý**

a. - Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.

- chạy: di chuyển từ điểm này đến điểm khác.

- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.

- chạy: xoay sở, lo toan trong hoàn cảnh khó khăn.

b.

**-** Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.

- bàn: vật dụng có mặt phẳng, dùng để đặt, để đồ đạc, thức ăn,...

- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.

- bàn: hoạt động thảo luận trong một nhóm người để đi đến kết quả cuối cùng

- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.

- bàn: điểm số, bàn thắng ghi được trong trận bóng

**4.Bài tập 4:** Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

a. Cánh đồng - tượng đồng - một nghìn đồng.

b. Hòn đá – đá bóng.

c. Ba và má – ba tuổi.

**Gợi ý:**

a. - Cánh đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.

- Tượng đồng: làm bằng kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi, thường dùng làm dây điện và chế hợp kim.

- Một nghìn đồng: đơn vị tiền Việt Nam.

b. - Hòn đá: Khoáng vật có thể đặc, rắn, giòn, thường kết thành tảng lớn, hợp phần của vỏ trái đất, dùng lát đường, vật liệu xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc.

- Đá bóng: đưa nhanh chân và hất mạnh bóng cho xa ra hoặc đưa bóng vào khung thành đối phương.

c. - Ba và má: bố, cha, thầy, mẹ, u, bầm… - một trong những cách xưng hô đối với người sinh thành ra mình.

- Ba tuổi: biểu thị số năm sinh sống trên đời là 3.

**5.Bài tập 5:** Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng nào.

a, Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sính lễ.

b, Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập.

c, Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với việc mở một trang chủ riêng.

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ mượn** | **Nguồn gốc** |
| sính lễ  gia nhân  pốp, Mai-cơn Giắc-xơn, in-tơ-nét | Tiếng Trung  Tiếng Trung  Tiếng Anh |

**6. Bài tập 6**: Hãy kể một số từ mượn:

a, Là tên các đơn vị đo lường, ví dụ: mét

b, Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp, ví dụ: ghi đông

c, Là tên một số đồ vật, ví dụ: ra-đi-ô

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Từ mượn** |
| Tên các đơn vị đo lường | *mét, ki-lô-mét, xăng-ti-mét, đề-xi-mét, ki-lô-gam, gam,...* |
| Tên các bộ phận của chiếc xe đạp | *ghi đông, gác-ba-ga,...* |
| Tên một số đồ vật | *ra-đi-ô, ti-vi, cát-sét,...* |

**7. Bài tập 07:**

a, Tìm các từ tiếng Việt tương đương với các từ mượn sau:

- phan (fan)

- nốc ao (knock out)

- phôn (phone)

b, Đặt câu với mỗi từ trong từng cặp và cho biết sự khác nhau giữa chúng và cách dùng.

**Gợi ý trả lời:**

a, - *Phan* tương đương với *người hâm mộ*

- *Nốc ao* tương đương với *đánh bại, hạ gục*

- *Phôn* tương đương với *điện thoại, gọi điện*

b,\* Đặt câu:

- Tôi là phan của nhóm nhạc này.

- Anh ấy đã bị hạ nốc-ao ngay trong trận đầu tiên.

- Tôi sẽ phôn lại cho bạn sau.

\*Nhận xét về sự khác nhau trong cách dùng của chúng: Từ mượn thường được sử dụng trong những trường hợp giao tiếp thân mật, và hạn chế hơn so với từ thuần Việt, không dùng trong hoàn cảnh giao tiếp không nên quá lạm dụng từ mượn.

**==========================================**

**CHUYÊN ĐỀ 4: ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Lí thuyết**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 4:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản văn nghị luận: một số yếu tố hình thức (ý kiến, kí lẽ, bằng chứng,...),... nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học.

- Ôn tập kiến thức về nghĩa của một số thành ngữ thông dụng và dấu chấm phẩy trong đọc, viết, nói và nghe.

- Ôn tập cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ lục bát.

- Ôn tập cách trình bày ý kiến về một vấn đề.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng các giá trị văn học nước nhà.

- Ham tìm hiểu văn học để nâng cao hiểu biết.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. Nội dung**

**I. Kiến thức chung về văn nghị luận**

**1. Định nghĩa**:

- Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó.

**- Phân loại:** Các dạng văn nghị luận :

- Nghị luận văn học:  là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học.

- Nghị luận xã hội: là văn bản nghị luận về các vấn đề thuộc các lĩnh vực xã hội, chính trị, đạo đức, chân lý đời sống, gồm hai dạng chính:

+ Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

+ Nghị luận về một hiện tượng đời sống

**2. Đặc điểm của văn nghị luận**

Khi nhắc tới một bài văn nghị luận là ta nhắc tới tính thuyết phục và chặt chẽ trong hệ thống lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ một ý kiến được đưa ra.

- **Ý kiến** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- **Lí lẽ** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: Vì sao?, Do đâu?

- Bằng chứng (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**3. Cách đọc hiểu văn bản nghị luận:**

**a. Nhận biết thành phần của văn bản nghị luận**

- Cần nhận biết phương thức biểu đạt: Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Nhưng bên cạnh đó phương thức biểu đạt nghị luận còn được kết hợp các phương thức khác nhằm thuyết phục người đọc như biểu cảm, tự sự, miêu tả...

- Nhận biết vấn đề nghị luận: Vấn đề nhà văn đưa ra bàn luận là vấn đề gì?

+ Vấn đề thể hiện qua nhan đề.

+ Các từ khóa lặp đi lặp lại.

- Nhận biết luận điểm: Luận điểm là quan điểm, tư tưởng, chủ trương mà người viết muốn biểu đạt. Luận điểm thường đứng ở đầu đoạn văn, hoặc cuối đoạn. Luận điểm thường là câu có tính chất khẳng định, hoặc phủ định.

- Nhận biết luận cứ: luận cứ là cơ sử để triển khai luận điểm. Luận cứ là lí lẽ và dẫn chứng.

- Nhận biết các thao tác lập luận: chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, bình luận, bác bỏ.

**b. Hiểu nội dung và hình thức văn bản**:

- Nội dung thể hiện qua ý nghĩa nhan đề, chủ đề, tư tưởng, thái độ, tình cảm của tác giả với vấn đề nghị luận.

- Hình thức thể hiện qua cách dùng từ, đặt câu, chi tiết, hình ảnh,

**c. Liên hệ văn bản với bối cảnh lịch sử và vận dụng văn bản vào đời sống:**

- Liên hệ với các tác giả, văn bản có mối qua hệ với chủ đề, đề tài...để thấy được nét đặc sắc của văn bản đó.

- Cần rút ra cho mình bài học gì để vận dụng vào thực tiễn đời sống.

**NGUYÊN HỒNG NHÀ VĂN CỦA NHỮNG NGƯỜI CÙNG KHỔ**

*(Nguyễn Đăng Mạnh)*

**I. Tác giả - Tác phẩm**

**1. Tác giả**

- **Quê quán**: Sinh ra tại Nam Định, nguyên quán Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- **Vị trí**: Nguyễn Đăng Mạnh được coi là nhà nghiên cứu đầu ngành về văn học Việt Nam hiện đại và được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

**- Những công trình nghiên cứu nổi bật:**

+ Nhà văn, tư tưởng và phong cách (1979), Văn thơ Nguyễn ái Quốc – Hồ Chí Minh. Nxb Giáo dục 1994,

+ Nguyễn Tuân- Những bài giảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại,

+ Xuân Diệu- Những bài giảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại, *Những bài giảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại (2005)*, *Tuyển tập Nguyễn Đăng Mạnh (2006)*, *Tuyển tập phê bình văn học (2008)*

**2. Tác phẩm**

- **Xuất xứ**: Trích *Tuyển tập Nguyễn Đăng Mạnh*, tập 1, 2005.

**-** **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận

**- Nội dung chủ yếu**: Tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Sự đồng cảm và tình yêu người đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông.

- Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ.

**3. Đặc sắc nghệ thuật**

- Hệ thống lí lẽ sắc bén; dẫn chứng chân thực, thuyết phục.

- Sử dụng một số biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, điệp.

**II. Phân tích văn bản**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêu vấn đề:**

**-** Giới thiệu tác giả, xuất xứ văn bản, và vấn đề bàn luận của văn bản

**2. Giải quyết vấn đề:**

**- Khái quát về văn bản:** bố cục văn bản, trình tự lập luận, phương thưc biểu đạt,...

**- Hệ thống luận điểm, luận cứ cơ bản:**

**a. Nguyên Hồng là con người nhạy cảm**

- Nguyên Hồng rất dễ xúc động, rất dễ khóc*:*

+ *Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chỉ từng chia bùi sẻ ngọt.*

*+ Khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước.*

*+ Khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại.*

*+ Khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật.*

→ Biện pháp tu từ: Liệt kê, điệp cấu trúc "Khóc khi...."

- Không biết Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần.

- Hình ảnh so sánh: Mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt từ trái tim nhạy cảm

=> Tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động của Nguyên Hồng.

**b. Thời thơ ấu thiếu tình thương của Nguyên Hồng**

- Hoàn cảnh sống thời ấu thơ:

+ Mồ côi cha từ năm 12 tuổi.

+ Mẹ đi thêm bước nữa và thường làm ăn xa.

+ Sinh ra trong cuộc hôn nhân ép uổng.

→ Vì cảnh ngộ éo le, gia đình chồng khinh ghét nên mẹ không thể gần gũi Hồng.

- Sự cô đơn, bị khinh ghét:

+ Không được gần mẹ.

+ Phải sống nhờ vào bà cô cay nghiệt luôn có ý muốn chia rẽ tình cảm mẹ con Hồng.

+ Tủi thân và khao khát tình mẫu tử: "*Giá ai cho tôi 1 xu nhỉ…"Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải mẹ tôi đâu!".*

- Tuổi thơ của Nguyên Hồng thiếu thốn tình cảm gia đình, khao khát cả vật chất lẫn tình thương nên hình thành trong ông tính nhạy cảm, dễ thông cảm với người bất hạnh.

**c. “Chất dân nghèo, chất lao động” ở nhà văn Nguyên Hồng**

- Hoàn cảnh sống cực khổ:

+ Từ thời cắp sách đến trường: lặn lội với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề nhỏ mọn, chung đụng với mọi hạng trẻ hư hỏng và các lớp cặn bã.

+ Năm 16, khi đến Hải Phòng: càng nhập hẳn với cuộc sống của hạng người dưới đáy thành thị.

- Tạo nên "chất dân nghèo, chất lao động":

+ Vẻ ngoài: thoạt đầu tiếp xúc không thể phân biệt với những người dân lam lũ hay những bác thợ cày nước da sạm màu nắng gió.

+ Lối sinh hoạt: thói quen ăn mặc, đi đứng, nói năng, thái độ giao tiếp, ứng xử, thích thú riêng trong ăn uống,...

➩ Chất dân nghèo, lao động thấm sâu vào văn chương ông.

**d. Thái độ, tình cảm của người viết**

- Đồng cảm với cuộc đời nhiều bất hạnh, đáng thương của nhà văn Nguyên Hồng.

- Bày tỏ tấm lòng trân trọng, ngợi ca những nét đẹp trong tâm hồn nhà văn, đặc biệt là tình yêu thương của Nguyên Hồng dành cho những người cùng khổ.

**3. Đánh giá khái quát .**

**a. Nghệ thuật**

- Hệ thống lí lẽ sắc bén; dẫn chứng chân thực, thuyết phục.

- Sử dụng một số biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, điệp.

**b. Nội dung**

- Qua văn bản *Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ*, tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với nững người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Sự đồng cảm và tình yêu người đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông.

- Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Nguyễn Đăng Mạnh là một nhà nghiên cứu đầu ngành của văn học Việt Nam. Văn bản*Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ* là một phần trong công trình nghiên cứu của ông về nhà văn Nguyên Hồng. Bằng niềm đồng cảm, sự trân trọngvới Nguyên Hồng, Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ

Văn bản có bố cục ba phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.Phần đầu tác giả chứng minh **Nguyên Hồng là con người nhạy cảm; p**hần thứ hai ông làm sáng tỏ tuổi thơ thiếu tình thương của Nguyên Hồng; phần còn lại nói về hoàn cảnh sống cực khổ của Nguyên Hồng. Từ đó, Nguyễn Đăng Mạnh làm sáng tỏ được phẩm chất và những nét riêng biệt làm nên phong cách văn chương của Nguyên Hồng.

**Trước hết, Nguyễn Đăng Mạnh giúp người đọc hiểu Nguyên Hồng là con người nhạy cảm (rất dễ xúc động, rất dễ khóc).** Nguyên Hồng đã khóc biết bao lần! Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia bùi sẻ ngọt. Khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước. *Khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại. Khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật.*Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ: liệt kê, điệp cấu trúc "*Khóc khi....",* hình ảnh so sánh *“ mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình*”. Giọng văn thấm thía, xúc động với những câu văn có nhịp điệu, giàu hình ảnh, cách dùng từ ngữ có tính chất khẳng định, Nguyễn Đăng Mạnh làm nổi bật tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động của Nguyên Hồng. Chính sự nhạy cảm, dễ khóc, dễ xúc động là sợi dây kết nối tâm hồn Nguyên Hồng với bao số phận bất hạnh trong xã hội.

**Điều gì làm nên tính nhạy cảm, dễ thông cảm với những người bất hạnh của Nguyên Hồng?Một trong những lí do lớn mà tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đưa ra là do nhà văn trải qua thời thơ ấu thiếu tình thương.**Đầu tiên phải nói đến hoàn cảnh sống thời ấu thơ của nhà văn đầy bất hạnh. Giọng văn lắng xuống xúc động khi Nguyễn Đăng Mạnh kể về hoàn cảnh cơ cực của chú bé Hồng trong tập hồi kí của nhà văn.Tập hồi kí chính là khúc tâm tình về tuổi thơ cay đắng của Nguyên Hồng. Đó là cảnh mồ côi cha từ năm 12 tuổi, mẹ đi thêm bước nữa và thường làm ăn xa, sinh ra trong cuộc hôn nhân ép uổng. Vì cảnh ngộ éo le, gia đình chồng khinh ghét nên mẹ Hồng không thể gần gũi Hồng. Hơn nữa, thời thơ ấu của nhà văn Nguyên Hồng phải sồng trong sự cô đơn, bị khinh ghét: không được gần mẹ; phải sống nhờ vào bà cô cay nghiệt- luôn có ý muốn chia rẽ tình cảm mẹ con Hồng.Nguyên Hồng tủi thân và khao khát tình mẫu tử: "*Giá ai cho tôi một xu nhỉ…"Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải mẹ tôi đâu!".*Tuổi thơ của Nguyên Hồng thiếu thốn tình cảm gia đình, khao khát cả vật chất lẫn tình thương nên hình thành trong ông tính nhạy cảm, dễ thông cảm với người bất hạnh.

**Một lí do quan trọng khác để khẳng định Nguyên Hồng là nhà văn của nhân dân lao động chính là *“chất dân nghèo, chất lao động*” ở nhà văn.** “*Chất dân nghèo*” ấy là do hoàn cảnh sống cực khổ của nhà văn. Từ thời cắp sách đến trường: lặn lội với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề nhỏ mọn, chung đụng với mọi hạng trẻ hư hỏng và các lớp cặn bã. Năm 16, khi đến Hải Phòng: càng nhập hẳn với cuộc sống của hạng người dưới đáy thành thị. Điều đó tạo nên "*chất dân nghèo, chất lao động*". Ngay vẻ ngoài của nhà văn Nguyên Hồng cũng thấm đẫm chất lao động thoạt đầu tiếp xúc không thể phân biệt với những người dân lam lũ hay những bác thợ cày nước da sạm màu nắng gió. Rồi đến lối sinh hoạt như thói quen ăn mặc, đi đứng, nói năng, thái độ giao tiếp, ứng xử, thích thú riêng trong ăn uống,...cũng của người lao động nghèo. Chất dân nghèo, lao động thấm sâu vào văn chương ông. Mỗi trang văn của Nguyên Hồng được chắt ra từ cuộc đời và con người thực của ông. Nguyễn Đăng Mạnh dùng những cụm từ thật đắt như “*chất dân nghèo, chất lao động”*để bình luận, đánh giá sự hòa nhập giữa con người và phong cách sống và văn chương của Nguyên Hồng thật thấm thía. Chi tiết lời kể của bà Nguyên Hồng được đưa vào bài viết như một minh chứng sinh động nhất, gần gũi nhất giúp người đọc hình dung ra “*chất dân nghèo, chất lao động”*

Nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Đăng Mạnh đã gửi vào bài viết của mình biết bao tình cảm yêu mến, đồng cảm và trân trọng với Nguyên Hồng. Ông đồng cảm với cuộc đời nhiều bất hạnh, đáng thương của nhà văn Nguyên Hồng. Từ bài viết, người đọc nhận thấy tác giảg biết ơn, ngợi ca những nét đẹp trong tâm hồn nhà văn Nguyên Hồng, đồng thời làm nổi bật tình yêu thương của Nguyên Hồng dành cho những người cùng khổ.

Tóm lại, văn *bản Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ* là văn bản nghị luận đặc sắc.Vớihệ thống lí lẽ sắc bén; dẫn chứng chân thực, thuyết phục; sử dụng một số biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, điệp, giọng văn chân thành xúc động, Nguyễn Đăng Mạnh xứng đáng là nhà nghiên cứu đầu ngành của văn học hiện đại Việt Nam**.** Qua văn bản, tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Sự đồng cảm và tình yêu người đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông. Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng đọc hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *Ai từng tiếp xúc với Nguyên Hồng đều thấy rõ điều này: ông rất dễ xúc động, rất dễ khóc. Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia bùi sẻ ngọt; khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước; khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại; khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật là những đứa con tinh thần do chính mình “hư cấu” nên. . Ai biết được trong cuộc đời mình, Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần! Có thể nói mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương ép thẳng ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình.*  *(Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ,* Nguyễn Đăng Mạnh*)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?  **Câu 2**. Chỉ ra một thành ngữ và giải thích nghĩa của thành ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn văn ?  **Câu 3**. Câu “*Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia bùi sẻ ngọt; khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước; khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại; khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật là những đứa con tinh thần do chính mình “hư cấu” nên.” d*ấu chấm phẩy được tác giả sử dụng mấy lần và có công dụng gì ?  **Câu 4**. Theo em, tình cảm và thái độ của tác giả Nguyễn Đăng Mạnh dành cho Nguyên Hồng trong đoạn văn trên như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Đoạn văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2.** Thành ngữ tác giả sử dụng trong đoạn văn trên là: *Chia ngọt sẻ bùi*.

Nghĩa của thành ngữ c*hia ngọt sẻ bùi* là chia sẻ với nhau, cùng hưởng với nhau, không kể ít hay nhiều.

**Câu 3**. Câu văn “*Khóc khi nhớ đến bạn bè..do chính mình “hư cấu” nên.”.* dấu chấm phẩy được tác giả sử dụng 3 lần

Tác dụng:

- Đánh dấu ranh giới giữa các vế của câu ghép có cấu tạo phức tạp (nhiều vế, nhiều ý…)

- Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của phép liệt kê (liệt kê những lần Nguyên Hồng khóc).

Nhấn mạnh về một tâm hồn nhạy của nhà văn Nguyên Hồng: dễ khó, dễ xúc động.

**Câu 4**. Tình cảm và thái độ của tác giả Nguyễn Đăng Mạnh dành cho Nguyên Hồng trong đoạn văn trên là: đồng cảm, trân trọng một con người – một nhà văn có tuổi thơ bất hạnh và một tâm hồn cao đẹp.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *Cảnh ngộ ấy đã ném Nguyên Hồng vào môi trường những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Ngay từ tuổi cắp sách đến trường, ông đã phải lăn lộn với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề “nhỏ mọn” nơi vườn hoa, cổng chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng…chung đụng với mọi hạng trẻ “hư hỏng” của các lớp “cặn bã”, tụi trẻ bán báo, bán xôi chè, bánh kẹo, hoa quả, bán các đồ chơi lặt vặt, đi ở bế con hay nhặt bóng quần, hoặc ăn mày, ăn cắp từ con cá, lá rau.*  *(Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ,* Nguyễn Đăng Mạnh*)*  **Câu 1**. Xác định nội dung chính của đoạn văn ?  **Câu 2**. Theo tác giả, tuổi thơ của Nguyên Hồng lăn lộn, cơ cực như thế nào?  **Câu 3.** Theo em, những nơi, những công việc mà cậu bé Nguyên Hồng kiếm sống nói lên điều gì?  **Câu 4**. Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần những gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Đoạn văn bản trên nói về tuổi thơ cơ cực, lang thang, bất hạnh của nhà văn Nguyên Hồng.

**Câu 2**.. Theo tác giả, tuổi thơ của Nguyên Hồng lăn lộn, cơ cực :

- Ông phải làm nhiều nghề cơ cực để kiếm sống: từ những nghề “nhỏ mọn” .

- Những nơi ông thường đến là nơi vườn hoa, cổng chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng…;

- Ông tiếp xúc với nhiều người với mọi hạng trẻ “hư hỏng” của các lớp “cặn bã”, tụi trẻ bán báo, bán xôi chè, bánh kẹo, hoa quả, bán các đồ chơi lặt vặt, đi ở bế con hay nhặt bóng quần, hoặc ăn mày, ăn cắp từ con cá, lá rau.

**Câu 3.** Theo em, những nơi, những công việc mà cậu bé Nguyên Hồng kiếm sống nói lên:

* Tuổi thơ cơ cực, thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần của nhà văn Nguyên Hồng.

**Câu 4**. Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.

- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.

- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

(HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được)

**2. Đề đọc hiểu ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?*  *Trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn là một người “con của núi”. Chú bé Lò Ngân Sủn sinh ra và lớn lên ở bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Từ nhỏ, chú bé ấy đã lắng nghe từng hơi thở của cỏ cây, hoa lá, của núi rừng biên cương, đã đắm mình trong vẻ đẹp hùng vĩ của sông suối, thác đổ, sườn non… nơi quê hương xứ sở:*  *Những đỉnh núi xa*  *Rừng thông gọi đàn dê hiện gọi mơ núi*  *Nâng niu hạt mạch*  *Rừng sa mộc vạm vỡ*  *Quay mình những vòng đường*  *(Đỉnh núi xa vùng mãnh liệt)*  *Khi lớn lên, thế giới của cậu bé sinh ra từ bản Qua chắc hẳn không chỉ giới hạn ở bản làng biên giới nữa. Mặt đất và bầu trời đã rộng mở, muôn dặm non sông từ bắc vào nam, từ miền ngược đến miền xuôi, từ đầu non đến bãi biển… đã ùa vào tâm hồn mộc mạc, thiết tha, phóng khoáng của Lò Ngân Sủn. Nhưng vùng đất Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, miền biên cương phía Bắc của Tổ quốc vẫn là mảnh đất mẹ nuôi dưỡng, bồi đắp nên chất thơ hào sảng, trầm hùng và mãnh liệt của Chiều biên giới – bài thơ đã được phổ nhạc và trở thành một ca khúc đi cùng năm tháng:*  *Chiều biên giới em ơi*  *Có nơi nào cao hơn*  *Như đầu sông đầu suối*  *Như đầu mây đầu gió*  *Như quê ta ngọn núi*  *Như đất trời biên cương.*  *(Chiều biên giới)*  *Dù có đi khắp mọi nẻo đường, những sườn non, dốc núi, những miền thác đổ réo sôi, vắt vẻo như dây leo của quê hương vẫn là con đường quyến rũ nhất với người con của núi. Dường như đó cũng chính là con đường thơ ca của Lò Ngân Sủn:*  *Ta đi trên chín khúc Bản Xèo*  *con đường là cái hạt ta gieo*  *con đường là cái rễ lan tỏa*  *dệt nên hoa trái, tiếng chim ca*  *(Đi trên chín khúc Bản Xèo)*  *Không có tình yêu tha thiết với núi rừng, với quê hương, với “chồi non cỏ biếc”, với “đầu sông đầu suối”, với những “bậc thang mây”… chắc hẳn không thể có nhà thơ Lò Ngân Sủn với những câu thơ “vạm vỡ” mà âm vang như “con suối thác đổ”.*  *(Theo Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi, Minh Khoa, báo giaoduc.net.vn, ngày 12/11/2020)*  **Câu 1:** Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là "người con của núi”?  **Câu 2:**Xác định câu nêu vấn đề chính trong văn bản.  **Câu 3:** Những đoạn thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?  **Câu 4**: Từ văn bản đọc hiểu, em rút ra điều lưu ý nào khi tìm hiểu tác phẩm của một nhà thơ?  **Câu 5:** Theo em, tình yêu quê hương có vai trò như thế nào với mỗi người? (trả lời trong khoảng 3 – 5 dòng) |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là "người con của núi” bởi ông sinh ra và lớn lên đắm mình trong hơi thở của cỏ cây, hoa lá núi rừng biên cương.

**Câu 2:** Câu văn nêu vấn đề chính: *Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?*

**Câu 3:** Những câu thơ đóng vai trò dẫn chứng trong bài viết.

**Câu 4:** Khi tìm hiểu tác phẩm của một nhà thơ, chúng ta cần tìm hiểu những nét khái quát về một thông tin quan trong là quê hương của nhà thơ để rút ra những ảnh hưởng của quê hương đến hồn thơ tác giả.

**Câu 5:** HS chia sẻ suy nghĩ

Ví dụ: Quê hương có ý nghĩa vô cùng quan trong trong đời sống mỗi người. Quê hương nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn ta từ khi thơ ấu, là nơi chứng kiến bao bài học buồn vui, bao kỉ niệm yêu thương của mỗi người. Do đó, dù đi đâu, mỗi người cũng phải luôn hướng về quê hương.

**VĂN BẢN: VẺ ĐẸP CỦA MỘT BÀI CA DAO**

*(Hoàng Tiến Tựu)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

- **Quê quán**: Thanh Hóa.

- **Vị trí**:

+ Là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian.

+ Là thầy giáo - người dạy văn học bằng chính cảm xúc văn học; bằng cảm xúc chân thành nhất, giản dị nhất của trái tim mình.

- Công trình nghiên cứu lớn nhất của nhà phê bình Hoàng Tiến Tự là “Bình giảng ca dao”

**2. Tác phẩm**

**-** **Xuất xứ**: Trích *Bình giảng ca dao* (1992).

**-** **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận

**-** **Nội dung:** Tác giả Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp của bài ca dao “*Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…*” cả về nội dung và hình thức nghệ thuật.

**3. Đặc sắc nghệ thuật**

- Nghệ thuật lập luận xuất sắc với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ lập luận sắc bén.

- Có những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ đối tượng.

**II. Phân tích**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêu vấn đề:**

**-** Tác giả Hoàng Tiến Tựu là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian.

- Văn bản: “*Vẻ đẹp của một bài ca dao*” là bài viết đặc sắc của ông.

- Nội dung VB :Văn bản đã thể hiện sự tìm hiểu, phân tích vẻ đẹp của bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…” cả về nội dung và hình thức nghệ thuật của Hoàng Tiến Tựu.

**2. Giải quyết vấn đề:**

**- Khái quát về văn bản:** bố cục văn bản, trình tự lập luận, phương thưc biểu đạt,...

**- Hệ thống luận điểm, luận cứ cơ bản:**

**a. Khái quát vẻ đẹp của bài ca dao**

- Tác giả mở đầu bằng việc trích bài ca dao.

→ Cách vào đề trực tiếp.

- Nêu ra cái đẹp, cái hay của bài ca dao:

+ Hai cái đẹp: cánh đồng và cô gái thăm đồng. → Đều được miêu tả rất hay.

+ Cái hay: cái hay riêng, không thấy ở bất kì bài ca dao khác.

➩ Khẳng định bài ca dao đẹp, hay riêng

**b. Phân tích bố cục bài ca dao**

- Ý kiến của nhiều người: chia 2 phần (2 câu đầu - 2 câu cuối, hình ảnh cánh đồng - hình ảnh cô gái thăm đồng)

- Ý kiến tác giả: Không hoàn toàn như vậy.

+ Ngay 2 câu đầu, cô gái đã xuất hiện: cô gái đã miêu tả, giới thiệu rất cụ thể chỗ đứng cũng như cách quan sát cánh đồng.

+ Cụm từ "mênh mông bát ngát" được đặt vị trí cuối 2 câu đầu và có sự đảo vị trí.

→ Cô gái hiện lên năng động, tích cực: đứng bên ni đồng rồi lại đứng bên tê đồng, ngắm nhìn cảnh vật từ nhiều phía như muốn thâu tóm, cảm nhận cả cánh đồng bát ngát.

- Khẳng định ý kiến không nên chia 2 phần để phân tích.

**c. Phân tích hai câu đầu bài ca dao**

- Cả 2 câu đều không có chủ ngữ.

→ Người nghe đồng cảm, như cùng cô gái đi thăm đồng, cùng vị trí đứng và ngắm nhìn.

- Cảm giác về sự mênh mông, bát ngát cũng lan truyền sang người đọc một cách tự nhiên.

→ Cảm giác như chính bản thân cảm nhận và nói lên.

➩ Cái nhìn khái quát cảnh vật.

- Nghệ thuật:

+ Điệp từ, điệp cấu trúc "đứng bên ni đồng", "đứng bên tê đồng", "ngó", "bát ngát", "mênh mông".

+ Đảo ngữ.

**d. Phân tích hai câu cuối bài ca dao**

- Tập trung ngắm nhìn, quan sát, đặc tả "chẽn lúa đòng đòng" đang phất phơ dưới "ngọn nắng hồng ban mai". *Ngọn nắng* cũng được coi là một hoán dụ của Mặt Trời.

→ Miêu tả cảnh vật tươi đẹp của thiên nhiên, đất nước.

- Tả "chẽn lúa đòng đòng" trong mối liên hệ so sánh với cô gái đi thăm đồng.

→ Cô gái đến tuổi dậy thì, căng đầy sức sống.

- Cuối cùng khẳng định lại "Bài ca dao quả là bức tranh tuyệt đẹp và giàu ý tưởng".

➩ Cái nhìn chi tiết, bộ phận.

- Nghệ thuật:

+ So sánh: “Thân em” - “chẽn lúa đòng đòng”

+ Cách dùng từ ngữ độc đáo; “ngọn nắng”

**e. Tình cảm của người viết**

**- Qua bài nghị luận văn học, người đọc thấy được sự trân trọng, tìm tòi của tác giả Hoàng Tiến Tựu khi khám phá vẻ đẹp của bài ca dao của nhân dân lao động. Điều đó thể hiện niềm say mê, tình cảm trân trọng, gắn bó, yêu mến của nhà nghiên cứu đối với vốn văn học dân gian của dân tộc.**

**- Người đọc rút ra được bài học khi tìm hiều một bài ca dao:**

**+ Phải khám khá cả vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài ca dao.**

**+ Chú ý đến bố cục của bài ca dao, các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc,... . Tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp thú vị của bài ca dao, tránh sa vào cảm nhận theo lối mòn đã có trước đó.**

**3 Đánh giá**

**a. Nghệ thuật**

- Nghệ thuật lập luận xuất sắc với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ lập luận sắc bén.

- Có những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ về đối tượng.

**b. Nội dung**

Qua văn bản *Vẻ đẹp của một bài ca dao*, tác giả Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như bố cục của một bài ca dao.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Hoàng Tiến Tựu (1933 - 1998), là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian. Văn bản “*Vẻ đẹp của một bài ca dao*” là bài viết đặc sắc thể hiện những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ của ông về bài ca dao “*Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…”* . Với lập luận xuất sắc với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ lập luận sắc bén, Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp của bài ca dao cả về nội dung và hình thức nghệ thuật .

Trình tự lập luận rõ rành, các luận điểm mạch lạc, chặt chẽ, tạo sức hấp dẫn cao. Văn bản chia làm bốn phần, trước hết tác giả khái quát vẻ đẹp của bài ca dao ở cả nội dung và hình thức thể hiện. Phần thứ hai Hoàng Tiến Tựu nêu bố cục bài ca dao. Tiếp đến là phần phân tích bài ca dao. Phần phân tích tách làm hai ý, lần lượt là hai câu đầu rồi đến hai câu cuối bài ca dao.

**Trước hết, tác giả khái quát vẻ đẹp của bài ca dao**. Với cách vào đề trực tiếp, tác giả đã trích bài ca dao. Cách trích dẫn ấy, người đọc được đắm chìm trong những câu lục bát nhẹ nhàng của bài ca dao quen thuộc. Tác giả nêu ra cái đẹp, cái hay của bài ca dao dược chỉ ra rất cụ thể. Hai cái đẹp là “*cánh đồng và cô gái thăm đồng”* đều được miêu tả rất hay. Còn cái hay là “*cái hay riêng, không thấy ở bất kì bài ca dao khác*”. Với cách nhìn nhận ấy, tác giả khẳng định bài ca dao đẹp, hay riêng biệt không lẫn vào một bài ca dao nào trong kho tàng ca dao dân tộc.

**Hoàng Tiến Tựu đã nhìn vào bố cục bài ca dao để khám phá vẻ đẹp của nó**. Phân tích bố cục bài ca dao là một cách cảm nhận ca dao. Tác giả đi từ ý kiến của nhiều người thường chia bài ca dao làm hai phần (hai câu đầu - hai câu cuối, hình ảnh cánh đồng - hình ảnh cô gái thăm đồng) để đi đến cách khám phá mới mẻ và sáng tạo của mình. Theo tác giả không hoàn toàn như vậy. Bởi vì ngay hai câu đầu, cô gái đã xuất hiện, cô gái đã miêu tả, giới thiệu rất cụ thể chỗ đứng cũng như cách quan sát cánh đồng. Cụm từ *"mênh mông bát ngát*" được đặt vị trí cuối 2 câu đầu và có sự đảo vị trí. Cô gái hiện lên năng động, tích cực ‘*đứng bên ni đồng*” rồi lại “*đứng bên tê đồng”,* ngắm nhìn cảnh vật từ nhiều phía như muốn thâu tóm, cảm nhận cả cánh đồng bát ngát. Từ đó, ông khẳng định ý kiến không nên chia hai phần để phân tích. Với cách nhìn nhận đó, tác giả cho người đọc nhận ra cách nhìn đa chiều về tác phẩm văn học và mỗi người cần có những cách nhìn mới mẻ, chứ không dập khuôn theo lối mòn khi cảm nhận tác phẩm văn học.

**Phân tích bài ca dao chính là phần quan trọng nhất của quá trình tác giả tìm kiếm vẻ đẹp của nó.Trước tiên, tác giả Hoàng Tiến Tựu nêu cảm nhận của mình về hai câu đầu của bài ca dao. Sự phát hiện cấu trúc ngữ pháp của hai câu đầu**đều không có chủ ngữ, tác giả hình dung tưởng tượng ra cảnh cô gái đi thăm đồng, cùng vị trí đứng và ngắm nhìn. Cảm giác về sự mênh mông, bát ngát cũng lan truyền sang người đọc một cách tự nhiên. Cái nhìn khái quát cảnh vật nhờ vào những đặc sắc nghệ thuật của hai câu đầu là điệp từ, điệp cấu trúc, đảo ngữ *"đứng bên ni đồng", "đứng bên tê đồng", "ngó", "bát ngát", "mênh mông"*. Đây chính là cái tinh tế trong ngôn ngữ của bài ca dao này.

**Nét đẹp ở hai câu cuối bài ca daolà hình ảnh**.Tập trung ngắm nhìn, quan sát, đặc tả hình ảnh "*chẽn lúa đòng đòng"* đang phất phơ *dưới "ngọn nắng hồng ban mai*". *Ngọn nắng* chín là ánh ban mai tinh khôi trong trẻo của Mặt Trời. Miêu tả cảnh vật tươi đẹp của thiên nhiên, đất nước. Tả "*chẽn lúa đòng đòng*" trong mối liên hệ so sánh với cô gái đi thăm đồng. Cô gái đến tuổi dậy thì, căng đầy sức sống. Cuối cùng khẳng định lại *"Bài ca dao quả là bức tranh tuyệt đẹp và giàu ý tưởng*". Từ cái nhìn chi tiết và trí tưởng tưởng, niềm yêu mến tha thiết với thiên nhiên và con người, tác giả khám phá từng nghệ thuật của bài ca dao như so sánh: “Thân em” - “*chẽn lúa đòng đòng*”, cách dùng từ ngữ độc đáo “*ngọn nắng*”...

**Qua văn bản, người đọc thấy được sự trân trọng, tìm tòi của tác giả Hoàng Tiến Tựu khi khám phá vẻ đẹp của bài ca dao của nhân dân lao động. Điều đó thể hiện niềm say mê, tình cảm trân trọng, gắn bó, yêu mến của nhà nghiên cứu đối với văn học dân gian của dân tộc. Đọc văn bản, người đọc rút ra được bài học khi tìm hiều một bài ca dao là phải khám khá cả vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài ca dao; chú ý đến bố cục của bài ca dao, các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc,... .Mỗi chúng ta cần ý thức được rằng cảm nhận văn học cần phải có sự tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp mới mẻ của tác phẩm ấy.**

Tóm lại, văn bản “*Vẻ đẹp của một bài ca dao*” (Hoàng Tiến Tựu) là áng văn đặc sắc bàn về giá trị của một bài ca dao quen thuộc. Văn bản thành công ở nghệ thuật lập luận, với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sinh động, thuyết phục, ngôn ngữ lập luận sắc bén. Bài viết có những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ về đối tượng nghị luận. Tác giả đã khám phám n**hững vẻ đẹp thú vị của bài ca dao, tránh sa vào cảm nhận theo lối mòn đã có trước đó.**

**II. LUYỆN ĐỀ**

**1.Dạng đề đọc hiểu ngữ liệu sgk**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Cả hai câu đầu đều không có chủ ngữ, khiến cho người nghe, người đọc rất dễ đồng cảm với cô gái, tưởng chừng như đang cùng cô gái đi thăm đồng, đang cùng cô “đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng…” và ngược lại. Nhờ vậy mà cái cảm giác về sự mênh mông, bát ngát của cánh đồng cũng lan truyền sang ta một cách tự nhiên và ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó”.*  *(Vẻ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tựu)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên ?  **Câu 2**. Theo tác giả, việc hai câu đầu của bài ca dao không có chủ ngữ đem lại hiệu quả nghệ thuật như thế nào?  **Câu 3.** Nội dung của đoạn văn trên?  **Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học gì về cách cảm nhận một tác phẩm trữ tình? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận

**Câu 2**.Theo tác giả, việc hai câu đầu của bài ca dao không có chủ ngữ đem lại hiệu quả nghệ thuật sau:

- Khiến cho người nghe, người đọc rất dễ đồng cảm với cô gái.

- Cái cảm giác về sự mênh mông, bát ngát của cánh đồng cũng lan truyền sang ta một cách tự nhiên.

ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó

**Câu 3.** Nội dung của đoạn văn: Ý kiến của tác giả về vẻ đẹp của hai câu đầu bài ca dao “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng......” là ở cấu trúc hai câu không có chủ ngữ.

**Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học về cách cảm nhận một tác phẩm văn học:

- C**ần phải có sự tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp mới mẻ của tác phẩm trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật.**

- Muốn thế, phải trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết về văn chương, phải chăm chỉ đọc sách báo...

- Phải hiểu được đặc trưng thể loại của tác phẩm

- Hiểu được tư tưởng, tình cảm mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *Nếu như hai câu đầu, cô gái đã phóng tầm mắt nhìn bao quát toàn bộ cánh đồng lúa quê hương để chiêm ngưỡng sự “bát ngát mênh mông”của nó, thì ở hai câu cuối, cô gái tập trung ngắm nhìn, quan sát và đặc tả riêng một “chẽn lúa đòng đòng” và liên hệ so sánh với bản thân mình một cách rất hồn nhiên:*  *Thân em như chẽn lúa đòng đòng*  *Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai*  *Hình ảnh “chẽn lúa đòng đòng” đang phất phơ trước làn gió nhẹ và “dưới ngọn nắng hồng ban mai” mới đẹp làm sao! Hình ảnh “chẽn lúa đòng đòng” tượng trưng cho cô gái đến tuổi dậy thì căng tràn sức sống. Hình ảnh “ngọn nắng” thật độc đáo. Có người cho rằng đã có “ngọn nắng” thì phải có “gốc nắng” và cái “gốc nắng” đó chính là Mặt Trời vậy.*  *(Vẻ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tựu)*  **Câu 1.** Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn văn?  **Câu 2** Từ ***ngọn*** trong “*ngọn nắng”* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Em hãy lấy ba từ trong tiếng Việt cũng có cách dùng từ ***ngọn*** tương tự?  **Câu 3.** Xét về mục đích nói, câu: “Hình ảnh “*chẽn lúa đòng đòng*” đang phất phơ trước làn gió nhẹ và “*dưới ngọn nắng hồng ban mai” mới đẹp làm sao!”*dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp hay gián tiếp của người viết? Dấu hiệu nào để em nhận biết điều đó?  **Câu 4.** Tác giả đã gửi gắm tình cảm gì với bài ca dao được phân tích?  **Câu 5.** Viết theo trí nhớ một bài ca dao cùng chủ đề với bài ca dao được phân tích trong đoạn văn. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Các phương thức biểu đạt của đoạn văn: nghị luận, kết hợp biểu cảm, miêu tả.

**Câu 2.** Từ ***ngọn*** trong “*ngọn nắng”* được dùng theo nghĩa chuyển.

Ba từ trong tiếng Việt cũng có cách dùng từ ***ngọn*** tương tự: ngọn khói, ngọn gió, ngọn sóng

**Câu 3.** Xét về mục đích nói, câu: “Hình ảnh “*chẽn lúa đòng đòng*” đang phất phơ trước làn gió nhẹ và “*dưới ngọn nắng hồng ban mai” mới đẹp làm sao!”*dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người viết. Dấu hiệu mà em nhận biết đó là: có từ bộc lộ cảm xúc “*làm sao” và dấu chấm cảm kết thúc câu.*

**Câu 4.** Tác giả đã gửi gắm tình cảm của mình với bài ca dao được phân tích: yêu mến, gắn bó, tự hào.

**Câu 5.** HS viết được một bài ca dao thuộc chủ đề tình yêu quê hương đất nước đầy đủ là được.

**2. Đọc hiểu ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Bài ca dao gây ấn tượng đặc biệt ngay từ những dòng thơ đầu. Những dòng thơ này khác dòng thơ bình thường, được kéo dài tới 12 tiếng. Không những, hai dòng thơ lại dùng nhiều biện pháp tu từ như phép đối xứng (“đứng bên ni đồng- Đứng bên tê đồng, mênh mông bát ngát- bát ngát mênh mông”), điệp từ, điệp ngữ...Rồi những từ chỉ vị trí, địa điểm hồn nhiên, mộc mạc, đầy màu sắc địa phương. Tất cả gợi ra sự rộng dài to lớn của cánh đồng. Ngắm nhìn ở phía nào cũng thấy cánh đồng mênh mông vô tận. Ngường ngắm cảnh hay người đi thăm đồng hết “đứng bên ni” lại “đứng bên tê”, thay đổi vị trí quan sát như muốn ôm trọn cả cánh đồng vào đôi mắt. Cánh đồng không chỉ rộng lớn mênh mông mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống”*  *(Trích Về bài ca dao Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng...- Bùi Mạnh Nhị )*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên ?  **Câu 2**. Tác giả đã chỉ ra những đặc sắc gì về nghệ thuật ở hai câu đầu của bài ca dao *“Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”?*  **Câu 3.**Bài viết đã thể hiện cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao?  **Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học gì về cách cảm nhận một tác phẩm trữ tình? |

Gợi ý trả lời:

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận

**Câu 2.**Tác giả đã chỉ ra những đặc sắc về nghệ thuật ở hai câu đầu của bài ca dao *“Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”:*

- Dòng thơ khác dòng thơ bình thường, được kéo dài tới 12 tiếng.

- Dùng nhiều biện pháp tu từ như phép đối xứng (“đứng bên ni đồng- Đứng bên tê đồng, mênh mông bát ngát- bát ngát mênh mông”), điệp từ, điệp ngữ..

- Dùng những từ chỉ vị trí, địa điểm hồn nhiên, mộc mạc, đầy màu sắc địa phương.

ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó

**Câu 3.** Bài viết đã thể hiện cảm xúc của tác giả khi đọc bài ca dao:

- Tác giả viết về bài ca dao bằng cảm xúc rất chân thật nên dễ dàng tạo sự đồng điệu với người đọc.

- Bài viết chứa đựng cảm xúc và tình yêu văn học dân gian, tình yêu quê hương của tác giả Bùi Mạnh Nhị.

**Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học về cách cảm nhận một tác phẩm văn học:

- C**ần phải có sự tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp mới mẻ của tác phẩm trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật.**

- Cần có cảm xúc chân thành, biết xúc động về vấn đề.

- Muốn thế, phải trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết về văn chương, phải chăm chỉ đọc sách báo...

- Phải hiểu được đặc trưng thể loại của tác phẩm.

- Hiểu được tư tưởng, tình cảm mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm.

**THÁNH GIÓNG – TƯỢNG ĐÀI VĨNH CỬU CỦA LÒNG LÒNG YÊU NƯỚC**

*(Bùi Mạnh Nhi)*

**I. Tác giả - tác phẩm**

**1. Tác giả**

- **Quê quán**: Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Nam Định.

- Là phó giáo sư, tiên sĩ khoa học nghiên cứu về chuyên ngành văn học Việt Nam.

**- Danh hiệu:** Nhà giáo Ưu tú; Huân chương Lao động hạng Nhất.

**2. Tác phẩm**

**- Xuất xứ**: TríchPhân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường (2012).

**-** **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận

**-** **Nội dung**

Qua văn bản *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước*, tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chứng minh rằng truyện truyền thuyết Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc

**3. Nghệ thuật**

- Xây dựng được hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.

- Có nhiều tìm tòi, khám phá thú vị, có giá trị về tác phẩm truyền thuyết.

**II. Phân tích**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêu vấn đề: Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước**

- Khái quát về chủ đề đánh giặc cứu nước: Là chủ đề lớn, cơ bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, văn học dân gian.

- Nêu ý kiến: Thánh Gióng thể hiện tập trung chủ đề, là tác phẩm hay nhất cho chủ đề.

→ Cách mở đầu từ khái quát đến cụ thể để giới thiệu vấn đề chính của bài viết.

- Để làm sáng tỏ ý kiến nêu ra trong phần 1, người viết đã phân tích các chi tiết, sự kiện

**2. Giải quyết vấn đề**

**a. Gióng ra đời kì lạ**

- Mẹ Gióng mang thai Gióng không bình thường: ướm chân mang thai, thai 12 tháng.

- Nêu ra những sự ra đời kì lạ khác như Gióng trong truyện cổ dân gian (Lê Lợi, Nguyễn Huệ).

- Ý nghĩa sự ra đời kì lạ: Khiến nhân vật trở nên phi thường; thể hiện sự yêu mến, tôn kính với nhân vật; đặt niềm tin vào những chiến công kì lạ.

**b. Gióng lớn lên kì lạ**

- 3 năm không nói, lần cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói yêu nước, cứu nước. → Tiếng nói không bình thường.

- Gióng lớn nhanh, lớn bằng thức ăn, thức mặc của nhân dân. → Sức mạnh dũng sĩ được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân.

**c. Gióng vươn vai ra trận đánh giặc**

- Sự vươn vai liên quan đến mô típ truyền thống:

người anh hùng phải khổng lồ về hình thể, sức mạnh, chiến công. → Tượng đài bất hủ về sự trưởng thành, hùng khí, tinh thần trước thế nước lâm nguy.

- Quang cảnh ra trận hùng vĩ, hoành tráng. → Tất cả sức mạnh, ý chí cộng đồng, thành tựu lao động, văn hóa được bộc lộ trong cuộc đối đầu giặc.

**d. Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại**

- Gióng ba về trời là sự ra đi phi thường. → Sự trân trọng, yêu mến, muốn bất tử hóa nhân vật. Đây là phần thưởng cao nhất trao tặng người anh hùng.

- Chiến tích còn để lại: dấu ngựa, ao hồ,... Nhân dân kể chuyện Gióng, tổ chức Hội Gióng. → Minh chứng câu chuyện có thật, giúp mọi người tin và giữ truyền thống dân tộc.

**e. Thái độ, tình cảm của người viết**

**- Niềm yêu mến, say mê tìm tòi, khám phá và giải mã những giá trị văn học dân gian.**

**- Phát biểu quan niệm của nhân dân về hình mẫu người anh hùng, về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, từ đó ca ngợi truyền thống yêu nước của dân tộc.**

**- Bài học rút ra: Các thế hệ người đọc sẽ lưu giữ và phát huy giá trị của các sáng tác văn học dân gian trong sống.**

**3. Đánh giá**

**- Nội dung** : Qua văn bản *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước*, tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chứng minh rằng truyện truyền thuyết Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc.

**- Nghệ thuật:**

+ Xấy dựng được hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề.

+ Có nhiều tìm tòi, khám phá thú vị, có giá trị về tác phẩm truyền thuyết.

**BÀI VĂN MẪU THAM KHẢO**

GS Bùi Mạnh Nhị sinh năm 1955, quê ở xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Nam Định. Ông là vừa là một người thầy, một nhà thơ, một nhà lý luận phê bình và nghiên cứu văn học lỗi lạc. Ở cương vị nào, ông cũng được học trò và mọi người yêu văn chương ngưỡng mộ bởi vốn kiến thức đồ sộ, một thái độ làm việc nghiêm túc, khoa học, cầu thị, một tâm hồn rộng mở… **Trong mỗi tác phẩm, mỗi bài giảng, tính trí tuệ, mô phạm, sự lao động học thuật của thầy Bùi Mạnh Nhị như mạch nguồn mát trong thẩm thấu vào người tiếp nhận. Bài viết *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* là một bài viết đặc sắc, thể hiện những tìm tòi, khám phá của tác giả Bùi Mạnh Nhị về một truyền thuyết tưởng chừng xưa cũ của dân tộc.**

**Vấn đề nghị luận chính của bài viết được nêu ra khái quát ở nhan đề và phần mở đầu bài viết.** Ngay mở đầu bài viết, nhà nghiên cứu đã khái quát về chủ đề đánh giặc cứu nước là chủ đề lớn, cơ bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, văn học dân gian. Từ đó, tác giả nêu ra ý kiến bàn luận: “*Thánh Gióng* thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, là tác phẩm hay nhất cho chủ đề”. Cách mở đầu từ khái quát đến cụ thể để giới thiệu vấn đề chính của bài viết. Để làm sáng tỏ ý kiến nêu ra trong phần 1, người viết đã phân tích các chi tiết, sự kiện tiêu biểu của truyền thuyết *Thánh Gióng* ở các phần tiếp theo

Ở các phần tiếp theo của bài viết, tác giả dựa vào trình tự các sự kiện trong truyện Thánh Gióng để làm sáng tỏ ý kiến “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước” nhưng tác giả không kể lại các sự kiện mà chủ yếu chỉ đi sâu vào phân tích các chi tiết tiêu biểu làm sáng tỏ lòng yêu nước của Gióng.

**Ở sự kiện Gióng ra đời kì lạ, nhà nghiên cứu nhấn mạnh chi tiết mẹ**Gióng mang thai Gióng không bình thường: ướm chân mang thai, thai 12 tháng. Tác giả còn nêu ra những sự ra đời kì lạ khác trong truyện cổ dân gian (Lê Lợi, Nguyễn Huệ). Mục đích của việc nêu ra sự ra đời kì lạ của Gióng là nhằm nhấn mạnh sự yêu mến, tôn kính với nhân vật; đặt niềm tin vào những chiến công kì lạ.

**Ở sự kiện Gióng lớn lên kì lạ, nhà nghiên cứu nhấn mạnh chi tiết** 3 năm Gióng không nói, lần cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói yêu nước, cứu nước. Đó là tiếng nói không bình thường. Chi tiết Gióng lớn nhanh, lớn bằng thức ăn, thức mặc của nhân dân nhằm thể hiện ý nghĩa sức mạnh dũng sĩ được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân.

**Ở sự kiện Gióng vươn vai ra trận đánh giặc, nhà nghiên cứu nhấn mạnh ý nghĩa của s**ự vươn vai liên quan đến mô típ truyền thống: người anh hùng phải khổng lồ về hình thể, sức mạnh, chiến công. Từ đó, tác giả khẳng định hình tượng Gióng chính là tượng đài bất hủ về sự trưởng thành, hùng khí, tinh thần trước thế nước lâm nguy.Tác giả Bùi Mạnh Nhị cũng đánh giá về quang cảnh ra trận của Gióng rất hùng vĩ, hoành tráng. Qua đó tác giả khẳng định tất cả sức mạnh, ý chí cộng đồng, thành tựu lao động, văn hóa được bộc lộ trong cuộc đối đầu giặc.

**Ở sự kiện Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại, nhà nghiên cứu đã lí giải ý nghĩa của hình tượng đẹp bậc nhất trong truyền thuyết, mang đậm yếu tố kì ảo: hình ảnh**Gióng cưỡi ngựa bay lên trời. Theo tác giả, chi tiết này là sự ra đi phi thường của Gióng sau khi đã hoàn thành sứ mệnh đánh giặc cứu nước. Chi tiết đã thể hiện sự trân trọng, yêu mến, muốn bất tử hóa nhân vật. Đây là phần thưởng cao nhất trao tặng người anh hùng. Các chiến tích còn để lại sau chiến công của Gióng, đó là màu tre đằng ngà vàng óng do ngựa sắt phun lửa, những dấu ngựa làm thành ao hồ,.... Nhân dân kể chuyện Gióng, tổ chức Hội Gióng hằng năm. Tất cả những chứng tích ấy như muốn minh chứng câu chuyện có thật, giúp mọi người tin và giữ truyền thống dân tộc.

**Qua bài viết, tác giả Bùi Mạnh Nhị đã thể hiện niềm yêu mến, say mê tìm tòi, khám phá và giải mã những giá trị văn học dân gian. Ông đã phát biểu quan niệm của nhân dân về hình mẫu người anh hùng, về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, từ đó ca ngợi truyền thống yêu nước của dân tộc.**

Như vậy, bằng hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục, văn bản Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước (Bùi Mạnh Nhị) đã chứng minh rằng truyện truyền thuyết Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc. Bài viết ***Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* giúp người đọc thêm hiểu và yêu mến các giá trị của văn học dân gian, *biết* lưu giữ và phát huy giá trị của các sáng tác văn học dân gian trong cuộc sống.**

**II. LUYỆN ĐỀ**

**1. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“(1) Chủ đề đánh giặc cứu nước là chủ đề lớn, co bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian Việt Nam nói riêng. Thánh Gióng thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, thuộc loại tác phẩm hay nhất của chủ đề này.*  ***(2) Gióng ra đời kì lạ***  *Mẹ Gióng có thai Gióng không bình thường. Bà ướm chân mình vào vết chân khổng lồ rồi mang thai, lại có thai không phải chín tháng mười ngày mà mười hai tháng. Sự sinh nở thần kì, ta vẫn thấy trong truyện cổ dân gian. Chẳng hạn, truyện dân gian kể, lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm; còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ chầu hai bên. Những chi tiết hoang đường kể về Gióng như thể là cách dân gian tưởng tượng ra để nhân vật của mình trở thành phi thường. Nhân dân muốn tạo những nét kì lạ, biểu hiện niềm yêu mến, sự tôn kính với nhân vật và tin rằng nhân vật đã ra đời kì lạ thì tất cũng lập chiến công kì lạ.[…]*  ***(3)Gióng lớn lên cũng kì lạ***  *Ba năm, Gióng không nói không cười, chỉ nằm im lặng. Nhưng bắt đầu cất lên tiếng nói thì đó là tiếng nói yêu nước, cứu nước. Tiếng nói ấy không phải là tiếng nói bình thường […].*  *Gióng lớn nhanh như thổi, “cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc đã căng đứt chỉ”. […] Gióng lớn lên bằng những thức ăn, thức mặc của nhân dân. Sức mạnh dũng sĩ của Gióng được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản di. Tất cả dân làng đùm bọc, nuôi náng. “Nhân dân ta rất yêu nước, ai cũng monh Gióng lớn nhanh đánh giặc cứu nước. Gióng đâu còn là con chỉ của một bà mẹ, mà là con của mọi người, của nhân dân. Một người cứu nước sao đặng? Phải toàn dân góp phần chuẩn bị cho sức mạnh đánh giặc. Có vậy, khả năng đánh giặc, cứu nước mới lớn lên mau chóng. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân đó” (Lê Trí Viễn). […]”.*  *(*Trích *Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước,* Bùi Mạnh Nhị*)*  **Câu 1.** Chép lại câu văn nêu ý chính của cả đoạn trích.  **Câu 2**. Chỉ ra và nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong phần (2) của đoạn trích.  **Câu 3.**Chỉ ra tác dụng của việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn trong phần (3) của đoạn trích.  **Câu 4.**Em hãy rút ra ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thuyết “Thánh Gióng” với bản thân em. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Câu văn nêu ý chính của cả đoạn trích: “*Thánh Gióng* thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, thuộc loại tác phẩm hay nhất của chủ đề này” (chủ đề đánh giặc cứu nước)

**Câu 2:**

- Dấu chấm phẩy được sử dụng trong câu văn sau ở phần (2):

“*Chẳng hạn, truyện dân gian kể, lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm; còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ chầu hai bên.*”

- Tác dụng của dấu chấm phẩy:Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể ngăn cách 2 cụm chủ vị trong câu ghép đẳng lập.

**Câu 3:**

Tác dụng của việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn trong phần (3) của đoạn trích:

+ Tăng thêm sức thuyết phục cho đoạn trích.

+ Nhấn mạnh hơn luận điểm Thánh Gióng là tượng đài bất tử của lòng yêu nước qua việc khẳng định Gióng lớn lên cũng chính là từ sức mạnh, từ tình yêu nước, tinh thần của nhân dân cùa nhân dân

**Câu 4:** HS đưa ra ý kiến cá nhân

Có thể nêu: Ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thuyết “Thánh Gióng” với bản thân em:

- Giúp em hiểu được giá trị to lớn của truyền thuyết *Thánh Gióng* và hình tượng Gióng: Gióng là hiện thân của sức mạnh thiên nhiên và con người, sức mạnh đó dung hòa và kết tinh lại thành sức mạnh to lớn để quật ngã mọi kẻ thù to lớn.

- Bỗi đắp cho em tình yêu nước, ý thức trách nhiệm với đất nước và niềm tự hào về truyền thuyết vẻ vang của dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước.

- Giúp em hiểu hơn sự gắn bó giữa văn học dân gian với các lễ hội dân gian (Lễ Hội Gióng)

**2. Dạng ngữ liệu đọc hiểu ngoài SGK**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Xem người ta kìa!” – đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó. Cùng với câu này, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”, “Có ai như thế không?”, “Có ai làm vậy không?”, “Ai đời lại thế?”… Tôi là đứa trẻ được dạy nhiều về hiếu thuận, tôi đã cố sức vâng lời để mẹ vui lòng. Nhưng mỗi lần như vậy, tôi luôn phải dằn lòng nuốt một cục ấm ức.*  *Mẹ tôi giờ đã khuất và tôi cũng đã lớn. Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi. Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kìa!” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca điều gì. Mà có lẽ không riêng gì mẹ tôi. Có người mẹ nào trên đời không ước mong điều đó?*  *Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, mười phân vẹn mười.*  *Tuy vậy, thú thật, trong thâm tâm, tôi cũng không quên cảm giác bất mãn của mình mỗi lần nghe mẹ trách cứ.*  *Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận, và chính điều đó khiến thế giới trở nên hấp dẫn lạ lùng. Chim thú trên rừng, cá tôm dưới biển cũng thế mà xã hội con người cũng thế. Kìa, lớp học của chúng tôi sinh động biết bao vì mỗi người một vẻ. Bạn tôi đấy, cao thấp, béo gầy, đen trắng khác nhau, giọng nói khác nhau đã đành, mà thói quen, sở thích cũng có giống nhau đâu. Tùng thích vẽ vời, Nhung ưa ca hát, nhảy múa. Hoài thì sôi nổi, nhí nhảnh, Thơ lúc nào cũng kín đáo, trầm tư. Trần Long nổi tiếng là một “danh hài”, Minh Diệu thì hơn người ở trí nhớ siêu việt… Người ta thường nói học trò “nghịch như quỷ”, ai ngờ “quỷ” cũng là cả một thế giới, chẳng “quỷ” nào giống “quỷ” nào! Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là… không ai giống ai cả”. Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người.*  *(Trích “Xem người ta kìa!” , Lạc Thanh, theo tạp chí Sông Lam, tháng 8/2020)*  **Câu 1**: Chỉ ra ở văn bản:  a) Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách kể một câu chuyện.  b**)**Đoạn văn là lời diễn giải của người viết.  c) Đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề.  **Câu 2:** Theo đoạn trích, lí do người mẹ muốn con giống người khác là gì? Người mẹ có lí chỗ nào khi mong muốn như vậy?  **Câu 3:** Nhân vật “tôi” đã đưa ra những dẫn chứng nào để chứng tỏ thế giới này muôn hình muôn vẻ?  **Câu 4:**Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. **Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?** |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

**a.** Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách kể một câu chuyện.

*"Xem người ta kìa....không ước mong điều đó".*

**b.**Đoạn văn là lời diễn giải của người viết.

*"Mẹ tôi không phải là không có lý do đòi hỏi tôi....nghe mẹ trách cứ".*

**c.** Đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề.

*"Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ....rất đáng quý trong mỗi con người".*

**Câu 2:**

**- Lí do** người mẹ muốn con giống người khác vì người mẹ mong nhân vật “tôi” làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca điều gì

- Người mẹ có lý ở chỗ:

+ Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang.

+ Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng.

+ Ai chẳng muốn thành đạt.

Sự thành công của người này là ước mơ của người khác. Vì vậy, đã có những người cố gắng vượt lên chính mình nhờ noi gương những người tài giỏi, xuất chúng

**Câu 3:** Nhân vật “tôi” đã lấy các dẫn chứng để chứng minh thế giới này là muôn màu muôn vẻ:

- Chim thú trên rừng hay cá tôm dưới biển cũng thế mà xã hội con người cũng thế

- Trong lớp nhân vật "tôi", các bạn học sinh đều mỗi người một vẻ vô cùng sinh động. Ngoại hình cao, thấp, béo, gầy, đen, trắng khác nhau, giọng nói khác nhau; thói quen, sở thích cũng khác nhau:  Tùng thích vẽ vời; Nhung ưa ca hát, nhảy múa; Hoài thì sôi nổi, nhí nhảnh; Thơ lúc nào cũng kín đáo, trầm tư; Trần Long nổi tiếng là một danh hài Minh Tuệ thì hơn người ở trí nhớ siêu việt.

- Người ta nói "học trò nghịch như quỷ" nhưng "quỷ" cũng chính là một thế giới, chẳng "quỷ" nào giống "quỷ" nào

**Câu 4: HS đưa ra suy nghĩ của bản thân. GV định hướng HS đây là ý kiến đúng đắn và lí giải.**

Ví dụ: Em đồng ý với ý kiến Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt vì:  Hòa đồng, gần gũi với mọi người thể hiện cách sống chan hòa, vui vẻ, có thiện chí, xây dựng mối quan hệ với bạn bè thể hiện sự tự tin trong giao tiếp và ứng xử của mỗi con người. Tuy nhiên cũng cần "sống thành thật với chính mình" nghĩa là "biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt''. Chính điều đó sẽ làm nên giá trị bản thân cho mỗi con người. Cũng chính nhờ việc giữ được những cái riêng sẽ càng làm cho con người hòa đồng, gần gũi với nhau nhiều hơn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *Nhân dân ta có truyền thống tôn sư trọng đạo, luôn luôn đề cao vai trò của người thầy trong cuộc sống mỗi người. Câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên” đã khẳng định mạnh mẽ vai trò đó của người thầy. Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó mà làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề khắc chạm, hoặc nghiên cứu khoa học. Do đó trong cuộc đời mỗi người, học ở thầy là quan trọng nhất.*  *Nhưng trong cuộc sống, muốn thành đạt, con người còn phải học tập mọi nơi, mọi lúc, học ở bất cứ ai có những điều đáng học. Đặc biệt là phải học hỏi ở những người cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp, cùng sống chết với nghề. Do đó mà có câu tục ngữ: “Học thầy không tày học bạn”. Ở đây phải chăng là người ta có ý không coi trọng thầy bằng bạn, đánh giá thấp vai trò của người thầy? Thực ra không phải như vậy, bởi nếu bạn có gì đáng học thì bạn đã là thầy. Nhưng thói thường người ta chỉ nhận những “đấng bề trên” là thầy mà không nhận ra những người thầy trong những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp của mình. Câu tục ngữ này đề cao học bạn hơn học thầy là do chỗ bạn bè cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí thì việc học hỏi, truyền thụ cho nhau có phần thoải mái, dễ dàng hơn, không cách bức, lễ nghi như học thầy. Câu tục ngữ đã khuyên người ta khiêm tốn học hỏi bạn bè, không được coi thường chúng bạn.*  *Hai câu tục ngữ trên mới đọc qua xem ra là mâu thuẫn, có vẻ như phủ định lẫn nhau, nhưng suy nghĩ kĩ thì thấy chúng bổ sung cho nhau, làm cho nhận thức về việc học thêm toàn diện. Chỉ học bạn mà không học thầy thì khó mà làm nên, chỉ học thầy mà không học bạn thì mình sẽ thua kém chúng bạn*.  *(Theo Nguyễn Thanh Tú)*  **Câu 1:** Theo đoạn trích, việc học ở thầy quan trọng như thế nào?  **Câu 2:** Vì sao người viết cho rằng câu tục ngữ “Học thầy không tày không bạn” đã đề cao việc học bạn hơn học thầy?  **Câu 3:** Mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn “ là gì?  **Câu 4:** Em rút ra được bài học gì qua hai câu tục ngữ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Theo đoạn trích**,** mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó mà làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề khắc chạm, hoặc nghiên cứu khoa học

**Câu 2:** Theo người viết, câu tục ngữ “Học thầy không tày không bạn” đề cao học bạn hơn học thầy là do chỗ bạn bè cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí thì việc học hỏi, truyền thụ cho nhau có phần thoải mái, dễ dàng hơn, không cách bức, lễ nghi như học thầy.

**Câu 3:**Mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn “: Hai câu tục ngữ trên mới đọc qua xem ra là mâu thuẫn, có vẻ như phủ định lẫn nhau, nhưng suy nghĩ kĩ thì thấy chúng bổ sung cho nhau, làm cho nhận thức về việc học thêm toàn diện

**Câu 4**: Mỗi người cần biết kết hợp cả học thầy học bạn việc hoc được toàn diện hơn. Ta sẽ cần thầy chỉ dẫn đường đi nước bước, nhưng cũng cần học ở bạn những điều hay để không thua kém bạn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:**  *Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó. Ví dụ: nếu họ thi trượt, đó là lỗi của họ. Nếu không được cha mẹ tin tưởng, đó là lỗi của họ. Nếu phải vào lớp tệ hại nhất, đó là lỗi của họ. Nếu trở thành một học sinh xuất sắc, đó cũng là nhờ nỗ lực của họ. Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn. Nếu bạn tin rằng bạn là nguyên do của mọi chuyện, bạn sẽ có khả năng thay đổi và cải thiện mọi chuyện. Nói một cách đơn giản, bạn làm chủ cuộc sống của chính bạn.*  *[...]Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ. Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kì thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cằn nhằn họ. Tệ hại hơn cả, một số học sinh còn tự lừa dối bản thân rằng mọi việc cũng không đến nỗi quá tệ, rằng môn Toán của họ cũng không tệ đến thế, rằng thực chất họ học hành rất chăm chỉ...trong khi tự đáy lòng, họ biết rõ những điều đó không phải là sự thật. “Những người và những việc xung quanh mình khiến mình thất bại “. Suy nghĩ đó khiến bạn trở thành nạn nhân bất lực, không thể thay đổi được cuộc sống.*  *(Tôi tài giỏi, bạn cũng thế, Adam Khoo, Trang 43, NXB Phụ nữ, 2013)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  **Câu 2:** Theo tác giả, đặc điểm của *người thành công và những kẻ thất bại* là gì?  **Câu 3:Theo em, cần làm gì để không rơi vào**khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người**được nói đến trong đoạn trích?**  **Câu 4:** Bài học ý nghĩa nhất mà anh/chị rút ra từ văn bản trên là gì? Lí giải |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:**

- Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó.

- Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ.

**Câu 3: Để không rơi vào**khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người**được nói đến trong đoạn trích, chúng ta cần:**

- Biết nhận lỗi về mình khi bản thân làm sai.

- Ý thức được trách nhiệm của bản thân khi đưa ra quyết định.

- Đối diện với thất bại và tìm mọi cách để khắc phục.

- Đề cao lòng tự trọng của con người.

**Câu 4: HS chọn và nêu lí giải về bài học ý nghĩa nhất với bản thân.**

Ví dụ: Chúng ta cần dũng cảm đối diện với thất bại trong cuộc sống, tìm hiểu nguyên nhân trước tiên ở bản thân, tránh xu hướng đổ lỗi cho người khác vì: bản thân ta mới là người quyết định sự thành công hay thất bại. Chỉ có dũng cảm nhìn nhận lỗi lầm của bản thân mới giúp ta rút kinh nghiệm để thay đổi.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| *Con tôi sẽ phải học tất cả những điều này. […] Rằng cứ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn. Bài học này sẽ mất nhiều thời gian, tôi biết, nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu hiểu rằng một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố…*  *Xin thầy dạy cho cháu cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng. Xin hãy dạy cho cháu tránh xa sự đố kị. Xin thầy cho cháu biết được bí quyết của niềm vui thầm lặng. Dạy cho cháu rằng những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất…*  (*Trích thư của Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln gửi thầy hiệu trưởng ngôi trường nơi con trai ông theo học)*  **Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau**:  **Câu 1.** Trong đoạn trích trên, người cha đã xin thầy dạy cho con trai mình những điều gì?  **Câu 2.** Theo em, vì sao người cha muốn xin thầy dạy cho con hiểu rằng *một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố?*  **Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên.  **Câu 4.** Rút ra bài học ý nghĩa nhất với anh/chị qua đoạn văn bản đọc hiểu.  **Câu 5 (Dành cho HS Khá giỏi):**  Nêu 02 phẩm chất mà A.Lin-côn muốn người thầy giáo dục cho con trai mình qua đoạn trích trên.Theo anh/chị, phẩm chất nào là quan trọng hơn cả đối với lứa tuổi thiếu niên hiện nay? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

**Trong đoạn trích trên, người cha đã xin thầy dạy cho con trai mình:**

**+** *Mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn.*

*+ Một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố.*

*+ Cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng.*

*+ Tránh xa sự đố kị.*

*+ Bí quyết của niềm vui thầm lặng*

*+ Những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất.*

**Câu 2:**Vì đồng tiên do công sức lao động chân chính của mình làm ra đáng quý hơn cả.

**Câu 3:**HS có thể chỉ ra một trong các biện pháp tu từ sau:

- Phép lặp cú pháp: *Xin thầy hãy...nhưng...cũng...*

- Liệt kê: người cha nêu ra những bài học muốn thầy giáo dạy cho con trai mình:

*+ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn.*

*+ một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố.*

*+ cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng.*

*+ tránh xa sự đố kị.*

*+ bí quyết của niềm vui thầm lặng*

*+ những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất.*

- Đối lập, tương phản:

*+ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn.*

*+ những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất.*

*- So sánh: một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố.*

\*Tác dụng của biện pháp tu từ:

- Làm cho cách diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh/giàu sức biểu cảm/tạo giọng điệu cho đoạn trích.

- Nhấn mạnh những bài học mà người ch muốn thầy giáo dạy cho con trai, gửi gắm ước muốn về môi trường giáo dục tốt với con.

**Câu 4: HS chọn lựa một bài học ý nghĩa và lí giải.**

**Câu 5.**

\*HS nêu được 02 trong số các phẩm chất sau:

- Sống rộng lượng, không đố kị, hẹp hòi.

- Quý trọng sức lao động.

- Có bản lĩnh, chính kiến.

- Yêu thương mọi người, có ý thức giữ nhân cách, lương tâm

\*HS có thể chọn một trong các phẩm chất đã nêu, lí giải hợp lý, có sức thuyết phục và có liên hệ thực tế và rút ra bài học cho bản thân.

**CHUYÊN ĐỀ 6: ÔN TẬP KÍ**

**VĂN BẢN THÔNG TIN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 5:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản thông tin: một số yếu tố hình thức (nhan đề, sapô, hình ảnh, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản thông tin thuậtlại một sự kiện, triển khai thông tin theo trật tự thời gian.

- Ôn tậpkiến thức về mở rộng vị ngữ trong viết và nói.

- Ôn tập cách viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện.

- Trao đổi, thảo luậnvề ý nghĩa của một sự kiện lịch sử.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Tự hào về lịch sử dân tộc quan tâm đến những sự kiện nổi bật của địa phương, đất nước và thế giới;....

- Ham tìm hiểu lịch sử dân tộc để nâng cao hiểu biết.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**HỒ CHÍ MINH VÀ “TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP”**

*(Bùi Đình Phong)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

 Bùi Đình Phong sinh năm 1950, quê ở Hà Tĩnh

- Từ năm 1981, Bùi Đình Phong là giảng viên khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chuyên giảng dạy về lịch sử cận hiện đại Việt Nam và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Là nhà nghiên cứu hang đầu về lãnh tụ Hồ Chí Minh với hang loạt công trình có giá trị cao, đặc biệt là về tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người.Với một bề dày nghiên cứu và giảng dạy, đến nay PGS.TS. Bùi Đình Phong đã có trên 30 đầu sách cá nhân, chủ biên, đồng chủ biên về đề tài Hồ Chí Minh

**2. Tác phẩm**

- **Xuất xứ**: Nguồn *baodanang.vn* (2018).

**- Thể loại**: Văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện lịch sử)

- **Bố cục**:3 phần như trong SGK:

+ Phần 1: Thuật lại việc Bác yêu cầu giao choBác cuốn Tuyên ngôn độc lập của Mĩ.

+ Phần 2: Thuật lại quá trình chuẩn bị, hoàn thiện bản Tuyên ngôn độc lập.

+ Phần 3: Thuật lại sự kiện Bác đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**2. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động.

**\*Nội dung:**

- Văn bản *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”* của tác giả Bùi Đình Phong  đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**II. Phân tích văn bản**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêuvấnđề:**

**-** Giới thiệu tác giả và văn bản, khái quát giá trị của văn bản

**2. Giải quyết vấn đề**

- Khái quát chung

- Phân tích theo luận điểm nội dung và nghệ thuật của văn bản

**a. Ý nghĩa, tác dụng của phần in đậm (sapô của bài báo)**

- Thu hút người đọc, xác định chủ đề của bài viết: ý nghĩa to lớn của sự ra đời bản *Tuyên ngôn độc lập.*

- Tóm tắt nội dung bài viết

- Vừa thể hiện phong cách của tác giả vừa chứng minh tính thời sự.

**b. Thuật lại sự ra đời của bảnTuyênngôn độc lập**

**a. Phần 1: Bác yêu cầu Tuyên ngôn Độc lập củaHoa Kỳ**

- 4-5-1945, Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào.

- Giữa tháng 5, Người yêu cầu báo vụ của OSS điện về Côn Minh, đề nghị có bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ.

→ Bước đầu chuẩn bị cho bản Tuyên ngôn Độc lập.

**b. Phần 2: Công tác chuẩn bị và hoàn thành Tuyên ngôn Độc lập**

- 22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội.

- Sáng 26-8-1945, Bác triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn về nhiều vấn đề trong đó có việc ra mắt Tuyên ngôn Độc lập.

- 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9 đọc Tuyên ngôn Độc lập, ra mắt Chính phủ. Người đưa bản thảo để các thành viên Chính Phủ yêu cầu xét duyệt kĩ.

- 28 và 29-8, ban ngày làm việc soạn thảo, ban đêm tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập.

- 30-8, mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo Tuyên ngôn Độc lập.

- 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào  Tuyên ngôn Độc lập.

→ Chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo vì  Tuyên ngôn Độc lập không chỉ đọc cho nhân dân toàn quốc mà còn đọc cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh.

**c. Phần 3: Bác đọc bản Tuyên ngôn Độc lập**

- **Thờigian**: 14h ngày 2-9-1945.

- **Địađiểm**: Cuộcmíttinhvườnhoa Ba Đình.

- **Thành phầntham gia**: Hàng chục vạn đồng bào.

- **Phương thức**: Trên diễn đàn cao và trang nghiêm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có niềm tin mãnh liệt ở mẹ.

**3. Đánh giá khái quát**

**\*Nghệ thuật:**

Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động.

**\*Nội dung:**

Văn bản *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”* của tác giả Bùi Đình Phong đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**BÀI VĂN MẪU THAM KHẢO**

Với mỗi người Việt Nam thì ngày 2/9 hằng năm luôn mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Chính ngày 2/9/1945 đã đi vào lịch sử là ngày độc lập dân tộc chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta, đồng thời mở ra kỉ nguyên mới, kỷ nguyên nhân dân ta làm chủ vận mệnh của mình để thực hiện độc lập tự do hạnh phúc.Văn bản ***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”*** của tác giả Bùi Đình Phong đã đem đến cái nhìn toàn diện về sự ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” – văn kiện lịch sử trọng đại đánh dẫu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Văn bản***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) được đăng tải trên *baodanang.vn*ngày 01/9/2018 thuật lại sự kiện ra đời của bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta được chủ tích Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc trước toàn thể quốc dân đồng bào vào ngày 2/9/1945. Văn bản thuật lại sự việc theo trình tự thời gian để người đọc hình dung rõ ràng, chi tiết hơn về quá trình chủ tịch Hồ Chí Minh cho ra đời văn kiện lịch sử trọng đại này.

**Ngay dưới nhan đề bài viết là phần sapô của bài báo được in đâm nhằm giới thiệu khái quát nội dung bài viết là nói về** ý nghĩa to lớn của sự ra đời bản Tuyên ngôn độc lập: “**Bằng chính sự gan góc, quyết tâm của cả dân tộc vì một nền Cộng hòa Dân chủ, quyền tự do, độc lập thật sự, Tuyên ngôn Độc lập khẳng định dân tộc Việt Nam phải được tự do và độc lập; rằng “nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập”.** Phần sapô in đậm đã định hướng nội dung giúp người đọc dễn ắm bắt nội dung thông tin trong văn bản hơn. Ngay dưới phần sapo in đậm là hai hình ảnh minh hoặc sự kiện chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 được tác giả thêm vào để tạo thêm sự sinh động cho bài viết, thu hút người đọc hơn

**Tác giả thuật lại chi tiết quá trình ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” qua ba sự kiện chính: Hồ Chí Minh yêu cầu giao cho Người bản T**uyên ngôn Độc lập**của Hoa Kỳ; các công tác chuẩn bị và hoàn thành**Tuyên ngôn Độc lập và sự kiện Người đọc bản Tuyên ngôn tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945.

**Bước dầu của việc chuẩn viết bảnTuyên ngôn là Bác yêu cầu** trung úy Giôn, báo vụ của OSS (cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ), điện về Côn Minh, đề nghị thả dù cho Người cuốn *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ ngay từ giữa tháng 5 sau khi Người Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào ngày 4-5-1945.

**Công tác chuẩn bị và hoàn thiện bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh** được tác giả Bùi Đình Phong thuật lại chi tiết theo từng ngày tháng, sự việc cụ thể: “22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội; sáng 26-8-1945, Bác triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn về nhiều vấn đề trong đó có việc ra mắt Tuyên ngôn Độc lập.Ngày27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9 đọc Tuyên ngôn Độc lập, ra mắt Chính phủ. Người đưa bản thảo để các thành viên Chính Phủ yêu cầu xét duyệt kĩ. Ngày 28 và 29-8, ban ngày làm việc soạn thảo, ban đêm tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 30-8, mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào Tuyên ngôn Độc lập .Tất cả những sự việc trên cho thấy sự chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo của Người cùng Bộ Chính trị vì  bản Tuyên ngôn Độc lập không chỉ đọc cho nhân dân toàn quốc mà còn đọc cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh.

**Phần cuối văn bản, tác giả thuật lại sự kiện Bác đọc bản Tuyên ngôn Độc lập cụ thể chi tiết về thời gian, địa điểm, thành phần tham gia: “**14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàngchục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Viết về sự kiện lịch sử trọng đại này, trong bài thơ *Sáng mùng hai tháng chín*, nhà thơ Tố Hữu có viết:

*"Hôm nay, sáng mồng hai tháng chín,*

*Thủ đô hoa, vàng nắng Ba Đình.*

*Muôn triệu tim chờ chim cũng nín,*

*Bỗng vang lên câu hát ân tình:*

*Hồ Chí Minh !Hồ Chí Minh !*

*Người đứng trên đài lặng phút giây,*

*Trông đàn con đó vẫy hai tay.*

*Cao cao vầng trán Ngời đôi mắt,*

*Độc lập bây giờ mới thấy đây..."*

Với ý nghĩa trong đại của mình, ngàymùng 2/9 đã được lấy làm ngày quốc khánh của Việt Nam, là quốc lễ của đất nước. Hằng năm, cứ đến mỗi dịp này toàn thể dân tộc ta lại rộn rang thi đua học tập chào mừng quốc khánh. Khắp mọi miền tổ của tổquốc, từ thành thị đến nông thôn mọi người cùng nhau treo những lá cờ đỏ sao vàng để thể hiện tình yêu quê hương, đất nước của mình.

Bằng văn phong súc tích, ngắn gọn, văn bản trình bày theo các dấu mốc, sự kiện, cụ thể, mạch lạc, rõ rang kết hợp với hình ảnh minh hoạ, văn bản “***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) đã thuật lại sự kiện Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình và quá trình học hỏi, tìm hiểu, không ngừng sửa chữa của Người để có thể cho ra đời bản tuyên ngôn độc lập ấy, giúp người đọc hình dung được quá trình diễn ravà chuẩn bị của Bác, Đảng, Nhà nước đối với sự kiện lịch sử quan trọng của toàn dân tộc. Qua văn bản, người đọc thấy sự nghiêm túc và tận tâm của Bác trong quá trình soạn thảo tuyên ngôn độclập, đồng thời ta cũng thấy được niềm tự hào, trân trọng của tác giả Bùi Đình Phong đối với giá trị to lớn của bản tuyên ngôn lịch sử .Bài viết của tác giả Bùi Đình Phong đã nhìn lại giá trị lịch sử của bảnTuyên ngôn độc lậpcủa Hồ Chí Minh khi ngày ra đời của văn kiện đã lùi xa hơn 70 năm. Đọc bài viết *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập*”, chúng ta thêm kính trọng, biết ơn chủ tích Hồ Chí Minh và thêm tự hào về những trang sử hào hung của dân tộc ta. Nhìn lại quá khứ, củng cố niềm tin ở hiện tại, từ đó, những thế hệ được sinh ra trong thời bình, được hưởng cuộc sống hoá bình cần trân trọng giá trị của độc lập, tự do và quyếtgiữ vững nền tự do, độc lập đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bảnTuyên ngôn độc lập sẽ sống mãi trong lòng người dân Việt Nam.

**IV.LUYỆN ĐỀ**

**1. Đề ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**   (1) Ngày 28 và 29-8, ban ngày, Bác đến làm việc tại 12 Ngô Quyền, trụ sở của Chính phủ lâm thời. Người dành phần lớn thì giờ soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập.*Buổi tối, tại 48 Hàng Ngang, một căn buồng vừalà phòng ăn, vừa là phòng tiếp khách, Bác tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập ở một cái bàn tròn.  (2) Ngày 30-8, Bác mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.*Người đọc cho mọi người nghe và hỏi ý kiến. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo*Tuyên ngôn Độc lập.*  (3) 14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hang chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  (Trích Hồ Chí Minh và*Tuyên ngôn độc lập* - Bùi Đình Phong)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.  **Câu 2. Đoạn trích trên thuật lại sự việc gì và theo trình tự nào?**  **Câu 3. Vị ngữ trong câu sau là loại cụm từ gì? Xác định từ trung tâm và các thành tố phụ trong cụm từ đó:**  “Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo*Tuyên ngôn Độclập.”*  **Câu 4.Em hãy kể những việc mà gia đình em và người thân đã làm vào ngày Quốc khánh?** |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

 Phương thức biểu đạt chính: tự sự

**Câu 2:**

**Đoạn trích thuật lại sự kiện ra đời của bản Tuyên ngôn Độc lập do chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo theo trình tự thời gian.**

**Câu 3:**

Câu văn*: “*Ngày 31-8, Bác bổ sung mộtsố điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.”*

**Vịngữ:** *bổ sung một số điểm vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập.*

* **Vị ngữ được cấu tạo là cụm động từ:**

+ Trung tâm: *bổ sung*

+ Phần phụ sau: *một số điểm,vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập*

**Câu4: HS nêu những việc làm của bản thân vào dịp 2/9. Có thể nêu:**

**- Treo cờ Tổ quốc**

**- Đi thăm các di tích lịch sử, thăm lăng Bác**

**- Cùng ôn lại lịch sử ra đời ngày Quốc khánh, tìm hiểu thông tin trên internet để hiểu rõ hơn.**

**- Đến thăm nhà các bác cựu chiến binh bạn của ông…**

**2. Đọc hiểu văn bản ngoài SGK:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

 (Theo <https://infographics.vn/>, Thứ ba, 19/05/2015)

**Câu 1.** Văn bản trên được trình bày theo cách nào?

**Câu 2.**Ghi lại câu văn nêu khái quát về nội dung của văn bản.

**Câu 3.**Xác định vị ngữ được mở rộng trong câu: *Bác dùng từ năm 1938, khi còn ở Pháp đến tận cuối đời, Bac thường sử dụng chiếc máy này để tự soạn tài liệu.*Phân tích cấu tạo của cụm từ tạo nên vị ngữ đó.

**Câu 4.** Các nhà trường hiện nay đều đang phá động hưởng ứng phong trào“*Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”*. Bản thân em đã học tập được những điều gì từ Bác?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**Văn bản trên được trình bày theo văn bản đồ hoạ thông tin (kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh).

**Câu 2:**Câu văn nêu khái quát nội dung văn bản:

*Ngay cả khi đã trở thành Chủ tịch, Bác Hồ vẫn giữ nếp sống thanh bạch, giản dị, chừng mực, từ câu nói, tác phong đến vật dụng tư trang hang ngày.*

**Câu 3:***Bác dùng từ năm 1938, khi còn ở Pháp đến tận cuối đời, Bác thường sử dụng chiếc máy này để tự soạn tài liệu.*

* Vị ngữ: *thường sử dụng chiếc máy này để tự soạn tài liệu.*
* Vị ngữ được cấu tạo từ cụm động từ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thành tố phụ trước | Từ trung tâm | Thành tố phụ sau |
| *thường* | *sử dụng* | *chiếc máy này để tự soạn tài liệu* |

**Câu 4:** HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

Ví dụ: Chúng ta học tậpBác ở lối sống giản dị (giản dịvề trang phục, món ăn,..); tiết kiệm; tình yêu thương mọi người (Bác dành tình yêu thương cho tất cả mọi người, đặc biệt là các em thiếu nhi, các cụ già,..),…

==============================================

**DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

*(Theo infographics.vn)*

**I. Tìm hiểu chung**

**- Thể loại:** văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện)

**- Xuất xứ**: Đăng trên *infographics.vn* ngày 6/5/2019

Mở rộng: Đồ họa thông tin ( infographic) thường dùng trong văn bản thông tin, là hình thức đồ họa trực quan sử dụng hình ảnh để trình bày thông tin( dữ liệu, kiến thức,...) mộ cách ngắn gọn và rõ ràng.

- **Bố cục:** 3 phần tương ứng 3 đợt “tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ”:

- Phần 1: Đợt 1: (13 đến 17/3) tiêu diệt 2 cứ điểm Him Lam, Độc lập, mở toang cử phía Bắc và Đông Bắc.

- Phần 2: Đợt 2 (30/3 - 30/4) kiểm soát các điểm cao, các khu trung tâm khiến địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần.

- Phần 3: Đợt 3 (1 đến 7/5) tổng công kích, 7/5 toàn thắng.

**- Giá trị nội dung và nghệt huật**

**\*Nghệt huật:**

Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,...góp phần làm sinh động văn bản thông tin.

**\*Nội dung:**

Văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta.

**II. Phân tích văn bản**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêu vấn đề:**

- Giới thiệu chung về sự kiện chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

- Giới thiệu văn bản Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ và khái quát giá trị của văn bản.

**2. Giải quyết vấn đề**

**a. Ý nghĩa nhan đề và sapô**

- **Nhan đề:**

+ Nêu lên sự kiện thông tin: diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.

+ Cách trình bày: được in lớn, có màu ở ngay đầu văn bản.

- **Sa pô**:

+ Vị trí: nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đock.

+ Nội dung: Khái quát về chiến dịch Điện Biên Phủ, tóm tăt vấn đề chính của văn bản được nêu ra ở nhan đề

**b. Cung cấp các thông tin chính về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ**

**- Đợt 1 (13 đến 17/3):**

+ Tiêu diệt 2 cứ điểm: Him Lam và Độc Lập.

+  Mở cửa phía Bắc và Đông Bắc cho quân ta tiến xuống lòng chảo và khu trung tâm

- **Đợt 2 (30/3 đến 30/4):**

+  Đây là đợt tấn công, dai dẳng, quyết liệt nhất.

+ Ta kiểm soát các điểm cao, khu trung tâm. Quân địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần.

- **Đợt 3 (1 đến 7/5):**

+  Quân ta tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm.

+  7/5/1954 chiếndịchtoànthắng.

**-Cách trình bày các thông tin:**

+ Các thông tin theo trình tự thời gian từ mở đầu đếndiễn biến và kết thúc.

+ Cách trình bày này ngắn gọn, dễ theo dõi, dễ dàng nắm bắt được thông tin và  các sự kiện chính. Hình ảnh minh họa kèm theo sinh động, chân thực.

**3. Đánh giá khái quát**

**- Nghệ thuật:** Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,...góp phần làm sinh động văn bản thông tin.

**- Nội dung:** Văn bản Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta.

**VĂN MẪU THAM KHẢO**

Không phải ngẫu nhiên mà danh từ “Điện Biên Phủ” lại có tên trong từ điển bách khoa quân sự thế giới. Hơn 6 thập kỷ trước, với sức mạnh trí tuệ và bản lĩnh anh hùng, quân và dân ta đã “lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều,” giành toàn thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ba tiếng“Điện Biên Phủ”đã trở thành niềm tự hào và biểu tượng của sức mạnh Việt Nam.Văn bản thông tin **Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ**  được đăng trên infographics.vn ngày 6/5/2019 đã thuật lại diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” hào hung năm nào dưới hình thức đồ hoạ thông tin sinh động.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên nội dung chính của văn bản: thuật lại diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.** Nhan đề được trình bày theo chữ in hoa cỡ lớn, màu sắc nổi bật gây chú ý cho người đọc. Cụm từ “diễn biến” ở nhan đề cũng cho biết các thông tin trong văn bản sẽ được trình bày theo trình tự thời gian, từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc.**Sa pô** của văn bản nằm ngaydưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc đã khái quát về chiến dịch Điện Biên Phủ, tóm tăt vấn đề chính của văn bản được nêu ra ở nhan đề.

**Sau nhan đề và sapô, văn bản cung cấp các thông tin chính về diễn biến chiến dịch ĐiệnBiênPhủ.** Diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ chia làm 3 đợt tiến công; các đợt tiến công đều được thuật lại theo diễn biến thời gian cụt hể với các sự kiện chính trị quan trọng.**Đợt 1 (13 đến 17/3), quân ta t**iêu diệt 2 cứ điểm: Him Lam và Độc Lập, mở cửa phía Bắc và Đông Bắc cho quân ta tiến xuống lòng chảo và khu trung tâm**. Đợt 2 (30/3 đến 30/4)** là đợt tấn công, dai dẳng, quyết liệt nhất, quân ta kiểm soát các điểm cao, khu trung tâm. Quân địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần.**Đợt 3 (1 đến 7/5)**quân ta tổng công kích tiêu diệt toàn bộtập đoàn cứ điểm và7/5/1954 chiến dịch toàn thắng. Các thông tin cụ thể của đoạn 3 được in đậm bởi đây là đợt tiến quân cuối cùng, thông tin thể hiện kết quả của cả chiến dịch Điện Biên Phủ.

Các thông tin chính cụ thể trong văn bản **Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ** được trình bày theo trình tự thời gian. Hình thức trình bày sử dụng màu sắc dễ dàng phân biệt, kí hiệu đồng nhất kết hợpvới hình ảnh minh hoạ kèm theo sinh động gắn với nội dung của từng đợt tiến công, cỡ chữ in đậm vàonhững câu có nội dung quan trọng thu hú t người đọc, khiến người đọc dễ nắm bắt được nội dung, không thấy khô khan, nhàm chán.

Bằng sự kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,...sinh động, hấp dẫn; lời văn ngắn gọn, cô đọng, chính xác, văn bản **Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ** đã cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta, qua đó khẳng định ý nghĩa trọng đại của sự kiện lịch sử này. Văn bản đã làm sống lại cả một thời kì hào hung của dân tộc, khơi dậy trong lòng người đọc niềm tự hào sâu sắc vào những trang sử vẻ vang đã làm nên bởi máu và nước mắt của cha ông một thời đạn lửa. “Chín năm làm một ĐiệnBiên – Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”, chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam**.**Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kì gian khổ 9 năm của dân tộc Việt Nam, đó là chiến thắng của lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, kiên cường của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hang nghìn năm lịch sử.

**Văn bản “Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ” giúp ta nhìn lại quá khứ để vững tin hơn vào tương lai.** Thời gian đã lùi xa, nhưng chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam; là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

**III. LUYỆN**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:**



**Câu 1**. Xác định thể loại văn bản trên.

**Câu 2a.** Ghi lại câu văn nêu nội dung chính của văn bản.  
**Câu2b.Chỉ ra những câu văn được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian. Chỉ ra tác dụng của kiểu câu đó với việc trình bày sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản.**

**(GV chọn 1 trong hai câu 2a hoặc 2b)**

**Câu 3**. Nhận xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản (màu sắc, hình ảnh, cỡ chữ, các kí hiệu...).

**Câu 4**. Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tìm hiểu về lịch sử dân tộc đối với học sinh?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể loại: văn bản thông tin sử dụng đồ hoạ thông tin.

**Câu 2a:**

Câu văn nêu nội dung chính của văn bản nằm ở sapô của văn bản:

**“**Chiến dịch Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 của quân và dân ta. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.”

**Câu 2b:**

- Các câu được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong bài ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* là:**

***+ Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.***

***+ Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện BiênPhủ toàn thắng.***

**Tác dụng của kiểu câu mở đầu bằng các trạng ngữ chỉ thời gian với việc trình bày các sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản: Cung cấp các mốc thời gian cụ thể cho sự kiện lịch sử, giúpthông tin được thuật lại sự kiện lịch sử thêm chân thực, khách quan, chính xác hơn.**

**Câu 3:** Nhân xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản:

+ Cách trình bày các thông tin theo trình tự thời gian.

+ Cách trình bày này ngắn gọn, dễ theo dõi, dễ dàng nắm bắt được thông tin và  các sự kiện chính. Hình ảnh minh họa kèm theo sinh động, chân thực.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Tìm hiểu về lịch sử dân tộc giúp cho HS:

- Mở rộng hiểu biết của HS về lịch sử dân tộc, biết và hiểu được những sự kiện xã hội, tự nhiên đã xảy ra trong quá khứ, cũng như biết được các thế hệ cha ông đã sống như thế nào và đã làm những việc gì, đã dựng nước và giữ nước như thế nào.

- Bồi đắp thêm lòng yêu nước cho các thế hệ, có thái độ trân trọng, tình cảm biết ơn và có những việc làm tri ân đối với thế hệ đi trước, các vĩ nhân, danh nhân, các anh hùng, liệt sĩ.

- Tìm hiểu lịch sử còn giúp cho thế hệ sau rút ra những bài học kinh nghiệm từ quá khứ để sống tốt hơn, làm giỏi hơn các thế hệ đi trước để xây dựng đất nước ngày một to đẹp, đàng hoàng. Thông qua lịch sử mà truyền cảm, thôi thúc các thế hệ hậu sinh phấn đấu vươn lên sao cho xứng đáng với sự mong đợi, kỳ vọng của các thế hệ cha ông,

**2. Đọc hiểu văn bản thông tin ngoài SGK:**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các câu hỏi:**

****

*(Theo infographics.vn, ngày 30/4/2021)*

**Câu 1.**Nêu nội dung khái quát của văn bản.

**Câu 2.** Ghi lại các mốc thời gian mà Bộ Chính trị đưa ra những chỉ đạo chiến lược.

**Câu 3.** Xác định cụm từ dùng để mở rộng thành phần câu trong câu: *Thể theo nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên Chiến dịchHồ Chí Minh.* Cho biết đó là loại cụm từ gì và dùng để mở rộng thành phần nào?

**Câu 4**. Đã 46 năm kể từ đại thắng mùa xuân 30/4/1975, đất nước ta đang trên đà phát triển. Theo em, thế hệ trẻ hôm nay cần làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Nội dung khái quát: những chỉ đạo chiến lược của Bộ chính trị trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

**Câu 2:** Các mốc thời gian:

+ 30/9 – 7/10/1974

+ 18/12/1974- 8/1/1975

+ 18/3/1975

+ 25/3/1975

+ 31/3/1975

+ 14/4/1975

**Câu 3:**

Trong câu: *Thể theo nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên Chiến dịchHồ Chí Minh:*

- Cụm từ mở rộng thànhphầncâu: *quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh.*

- Là cụm động từ dùng mở rộng thành phần vị ngữ.

**Câu 4:**

Thế hệ trẻ ngày nay cần góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước:

- Ra sức rèn luyện thân thể, rèn luyện đạo đức, bồi dưỡng hiểu biết để làm chủ tri thức nhân loại.

- Tích cực đóng góp cho cộng đồng bằng những việc làm nhỏ bé như : nhặt rác xung quanh môi trường sống; tuyên truyền gia đình, người thân, hàng xóm về giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn giao thông; tham gia hoạt động từ thiện nhỏ,...

- Thể hiện tinh thần yêu nước qua các việc làm nhỏ như treo cờ tổ quốc, chấp hành đúng quy định phòng chống dịch covid 19,...

**GIỜ TRÁI ĐẤT**

*(Theo baodautu.vn)*

**I. Tìm hiểu chung**

**-** **Xuất xứ:** Theo baodautu.vn (29/03/2014)

**-** **Thể loại**: văn bản thông tin

- **Bố cục:** 03 phần:

+ Phần 1: Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất”

+ Phần 2: **Sự ra đời và phát triển của** chiến dịch “Giờ Trái Đất”.

+ Phần 3: **Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu.**

**1. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**a. Giá trị nội dung**

- Văn bản **Giờ Trái Đất**  đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.

- Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu.

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.

-Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.

**II. Phân tích văn bản**

**Dàn ý chi tiết**

**1. Nêuvấnđề:**  Dẫndắt, giớithiệuvănbảnvàkháiquátgiátrịcủavănbản.

**2. Giải quyết vấn đề: Phântíchvănbảnvềnội dung vànghệthuật**

**a. Ý nghĩa của nhan đề và sapô:**

**- Nhan đề:** Nêu lên thông tin sự kiện Giờ Trái Đất

- **Sa pô**:

+ Vị trí: nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc.

+ Nội dung: Nêu sự kiện tối 29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.

=>Khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.

**b.Thông tin của văn bản**

**- Phần 1: Ý tưởngkhởiphátcủaGiờTráiĐất**

- 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney.

- Cơ sở: Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất.

**- Phần 2: Sự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất**

**\* Ra đời**​:

 2005, dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời.

- 2006, đặt tên lại là "Giờ Trái Đất".

+ Nội dung chiến dịch: Kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.

+ Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn.

+ Được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng Sydney.

- 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney.

**\* Phát triển:**

- Thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó.

- 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người.

- 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia.

→ Giờ Trái Đất giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảo vệ hành tinh.

**c) Phần 3: Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu**

- Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao.

3. **Đánh giá khái quát**

**a. Giá trị nghệ thuật**

- Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.

- Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.

**b. Giá trị nội dung**

- Văn bản **Giờ Trái Đất** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.

Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu Việt Nam chính thức gia nhậpchiến dịch Giờ Trái Đất.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

“Biến đổi khí hậu” đã và đang là vấn đề được toàn thế giới quan tâm khi mà những hình thái thời tiết “chưa từng có tiền lệ” đang tác động ngày một lớn đến cuộc sống của con người. Trong những năm gần đây, con người đã dần nhận thức và hành động quyết liệt hơn để chống biến đổi khí hậu. Và một trong những chiến dịch chống biến đổi khí hậu có quy mô toàn cầu phải kể đến đó là chiến dịch “Giờ Trái Đất”. Văn bản“*Giờ Trái Đất”* (đăng trên báo dautu.vn ngày đã thuật lại quá trình ra đời, hình thành và phát triển hưởng ứng của chiến dịch giờ Trái đất trên thế giới - một sự kiện mang tính toàn cầu và có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta. Văn bản nhắc nhở mỗi người cần có những suy nghĩ và hành động thiết thực trong vấn đề biến đổi khí hậu, bảo vệ trái đất.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên thông tin sự kiện chính – Giờ Trái Đất. Sapo củabài viết** nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc. Phần sapô đã nêu sự kiện tối29/3, 63 tỉnhthànhtại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu, qua đó đã khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.

**Sau nhan đề và sapô, văn bản c**ung cấp các thông tin chính về sự kiện Giờ Trái Đất bao gồm 03 thông tin chính: Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất; s**ự ra đời và phát triển của** chiến dịch *Giờ Trái Đất*; ***Giờ Trái Đất* đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu.Các thông tin trong văn bản được trình bày theo trình tự thời gian gắn với các mốc thời gian, số liệu cụ thể, chính xác, đem đến cho người đọc những hiểu biết chi tiết về sự kiện Giờ Trái Đất.**

**Phần mở đầu văn bản, người viết trình bày ý** tưởng khởi phát của chiến dịch Giờ Trái Đất: Năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney. Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai củaTrái Đất. Như vậy chiến dịch Giờ Trái Đất được khởi nguồn từ ý tưởng của người dân Australia nhằm hướng đến thức tỉnh ý thức người dân về biến đổi khí hậu, trách nhiệm đối với Trái Đất – hành tinh chung.

Phần tiếp theo của văn bản trình bày s**ự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất.** Tên gọi của chiến dịch bắt nguồn từ dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời năm 2005 do Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế Australia cùng một công ti quảng cáo thực hiện. Năm 2006, tên gọi "Giờ Trái Đất" chính thức ra đời để chỉ chiến dịch kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn.Ngày30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney.Từ một chiến dịch khởi nguồn từ đất nước Australia, dầndần, chiếndịch “Giờ Trái Đất” đã thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó.Ngày29-3-2008, tổchức ở 371 thành phố, thuộchơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người.Năm2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia. Chiến *dịch Giờ Trái Đất* giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảovệ hành tinh. Văn bản đã dẫn lời của ông En-di-Rít-li – Giám đốc và là người sáng lập chiến dịch “Giờ Trái Đất” toàn cầu: “*Giờ Trái Đất không chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn, mà đây là chiến dịch trong đó tất cả mọi người trên thế giới cùng nhau đoàn kết và thể hiện họ có thể làm gì trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh”*. Ý kiến của ôngEn-di-Rít-li đã nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của chiến dịch này, tăng thêm độ tin cậy cho văn bản.

**Phần cuối văn bản đãt rình bày thông tin chiến dịch Giờ Trái Đất đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu nhờ ý nghĩa lớn lao đối với môi trường.**Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao.Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất. Bằng ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục; kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh minh hoạ, trich dẫn ý kiến,..., văn bản *Giờ Trái Đất*  đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này. Qua vănbản, người đọc rút ra thông điệp ý nghĩa cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu.Mỗi người hãy hành động đểc hung tay bảo vệ màu xanh của Trái Đất – hành tinhc hung của chúng ta.

**IV. LUYỆN ĐỀ**

**1.Đề đọc hiểu ngữ liệu SGK**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Chiến dịch Giờ Trái đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch trong phạm vi quốc gia của Australia nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái đất những năm sau đó.*  *Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.*  *Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người tại hơn 4.000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ”*  *(Trích “Giờ Trái Đất” – Theo baodautu.vn)*  **Câu 1**. Xác định thể loại của văn bản.  **Câu 2**. Xác định vị ngữ của câu văn sau và cho biết vị ngữ đó thuộc loại cụm từ gì?  “Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”  **Câu 3.** Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa gì?  **Câu 4.** Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, em còn biết thêm những việc làm nào góp phần chống biến đổi khí hậu? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Văn bản thông tin.

**Câu 2:**

**Câu văn:** “Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

**- Vị ngữ:** được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

=>Đây là cụm động từ:

+ Động từ trung tâm: tổ chức

+ Phụ trước: được

+ Phụ sau: ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới ,với sự tham gia của hơn 50 triệu người

**Câu 3:**

Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa:

- Chiến dịch Giờ Trái Đất là một chiến dịch cộng đồng có ý nghĩa lớn trong việc góp phần chống biến đổi khí hậu Trái Đất.

- Ngày càng có nhiều người dân, nhiều quốc gia nhận thức được tầm quan trọng của việc phải hành động để chống biến đổi khí hậu, để bảo về sự bền vững của Trái Đất.

**Câu 4:** Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, còn có rất nhiều những việc có thể làm để góp phần chống biến đổi khí hậu:

- Giáo dục ý thức học sinh trong nhà trường; nâng cao nhận thức của mọi người về tác hại của biến đổi khí hậu và sự cần thiết phải có những giải pháp góp phân giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- Trồng rừng và thật nhiều cây xanh.

- Không xả rác, đố trác bừa bãi

- Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng: điện, gas, khí đốt, thay thế bằng các nguồn năng lượng sạch khác (năng lượng gió, năng lượng mặt trời)

- Sử dụng các thiết bị tự động công nghệ cao để giảm tổn hao năng lượng trong dài hạn. …

- Sử dụng chất thải trong chăn nuôi để sản xuất biogas dùng đun nấu, vừa giảm ô nhiềm môi trường, vừa giảm thiểu C02.

**CHUYÊN ĐỀ 8: TRUYỆN ĐỒNG THOẠI, TRUYỆN CỦA PUSKIN,**

**AN- ĐÉC- XEN**

**I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TRUYỆN, TRUYỆN ĐỒNG THOẠI VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH**

**1. Truyện.**

Truyện là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

**2. Truyện đồng thoại**

**a. Khái niệm:**

Là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.

**b. Đặc điểm**

- **Cốt truyện**: gồm các sự kiến chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

- **Nhân vật** là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ...Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, đồ vật, con vật...

- **Người kể chuyện**: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ ba.

- Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật

**c**. **Những lưu ý khi đọc một văn bản truyện đồng thoại**

- Nhận biết được loài vật được tác giả nhân hoá trong truyện.

- Chỉ ra những đặc điểm của nhân vật trong truyện vừa có đặc điểm của loài vật, vừa có tính cách như con người.

**3. So sánh Truyện cổ tích dân gian với Truyện cổ tích viết lại (truyện của Puskin, An-đéc-xen):**

**- Điểm giống nhau:**

+ Đều có các yếu tố kì ảo, hoang đường:

+ Kiểu nhân vật theo mô típ: người hiền gặp lành, kẻ tham lam sẽ có bài học thích đáng

**- Điểm khác nhau:**

+ Văn học dân gian là sáng tác của nhân dân lao động truyền miệng từ đời này qua đời khác.

+ Truyện cổ tích viết lại là do cá nhân các nhà văn sáng tạo lại trên cơ sở cốt truyện dân gian, có tên tác giả cụ thể.

**BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN**

*(Tô Hoài)*

**I. TÁC GIẢ TÔ HOÀI**

- Nhà văn Tô Hoài (tên khai sinh là Nguyễn Sen), sinh ngày 27 tháng 9 năm 1920 tại thị trấn Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội; quê quán: thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

- Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi

- Tác phẩm tiêu biểu viết cho thiếu nhi: *Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đôi ri đá, Chuyện nỏ thần, Dế Mèn phiêu lưu kí....*

- Phong cách nghệ thuật:

+ Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.

+ Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư.

**1. Xuất xứ và thể loại**

- Xuất xứ: Đoạn trích thuộc chương I của tiểu thuyết “[**Dế mèn phiêu lưu ký**](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)” (1941).

- Thể loại: truyện đồng thoại

**2. Nhân vật:**

+ Nhân vật chính: Dế Mèn (mọi chi tiết, hình ảnh, sự việc đều hiện qua suy nghĩ, hành động của nhân vật chính, chủ yếu viết về nhân vật Dế Mèn, các nhân vật khác có vai trò làm nổi bật nhân vật Dế Mèn)

+ Nhân vật phụ: chị Cốc, Dế Choắt...

**3. Ngôi kể:** Ngôi kể thứ nhất, nhân vật xưng: *“tôi”* để kể mọi việc. Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua.

**Bố cục: 02 phần:**

- Phần 1: Từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”: Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.

- Phần 2: Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

**4. Tóm tắt đoạn trích:**

Chàng thanh niên Dế Mèn cường tráng, khỏe mạnh nhưng kiêu căng tự phụ về vẻ đẹp và sức mạnh của mình, hay xem thường và bắt nạt mọi người. Một lần, Mèn bày trò trêu chọc Cốc để khoe khoang trước anh hàng xóm Dế Choắt, dẫn đến cái chết thảm thương của người bạn xấu số ấy. Cái chết của Choắt làm Mèn vô cùng hối hận, ăn năn về thói hung hăng bậy bạ của mình.

**6. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Là một đoạn trích đặc sắc của thể loại truyện đồng thoại; kể chuyện kết hợp với miêu tả sống động.

- Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.

- Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc, sử dụng nhiều phép phép tu từ so sánh, nhân hóa đặc sắc.

**\*Nội dung**:

- Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.

- Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...

**II. NỘI DUNG**

**1. Dàn ý chi tiết**

|  |
| --- |
| **a. Nêu vấn đề:**  **-** Giới thiệu tác giả Tô Hoài và tập truyện “Dế Mèn phiêu lưu kí”.  - Giới thiệu đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”, khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật.  Nhắc đến Tô Hoài là nhắc đến một nhà văn có những đóng góp to lớn cho văn học Việt Nam. Tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí” là một truyện đồng thoại đặc sắc khẳng định vị trí của nhà văn trong lòng bạn đọc trong và ngoài nước, tác phẩm được dịch ra hơn 40 thứ tiếng khác nhau.Bằng cách quan sát, cái nhìn tinh tế về loài vật, kết hợp với những nhận xét thông minh, hóm hỉnh, nhà văn đã lôi cuốn các em vào thế giới loài vật bé nhỏ gần gũi, hấp dẫn và kì thú. Đọc văn bản *“****Bài học đường đời đầu tiên****”*, trích chương I của tác phẩm, chúng ta được đến với một Dế Mèn với vẻ ngoài cường tráng, khỏe mạnh nhưng tính tình còn kiêu căng, xốc nổi; một Dế Choắt ốm yếu nhưng hiền lành, vị tha, nhân hậu. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn mang ý nghĩ vô cùng sâu sắc! |
| **b. Giải quyết vấn đề:**  **B1: Khái quát về văn bản:** xuất xứ, nhân vật, tóm tắt, bố cục, khái quát giá trị của văn bản,… |
| **a. Nhân vật Dế Mèn.**  **b. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.**  Ngay đầu đoạn trích, hình ảnh Dế Mèn hiện lên vô cùng sống động qua bức chân dung tự họa của mình:  - Ngoại hình Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.  - Hành động của Dế Mèn:  *+ Nhai ngoàm ngoạm.*  + *Co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ;*  *+ Đi đứng oai vệ;*  *+ Quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ; thỉnh thoảng, ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*  - Ngôn ngữ của Dế Mèn: gọi Dế Choắt là “chú mày” với giọng điệu khinh khỉnh..  - Tâm trạng của Dế Mèn: hãnh hiện, tự hào cho là mình đẹp, cường tráng và giỏi.  => Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.  => Nghệ thuật:  + Kể chuyện kết hợp miêu tả;  + So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)  + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)  + Giọng văn sôi nổi.  **b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt**  Văn bản kể lại một trải nghiệm đau lòng của Dế Mèn. **Đó là việc Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt**, qua đó khắc hoạ sự thay đổi tâm lí của nhân vật.  **\* Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt** và bà con hàng xóm: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng:  - Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).  - Cách xưng hô: “chú mày”- “ta”.  - Ngoại hình:  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  - Nhận xét về tính cách, sinh hoạt của Dế Choắt:  + Dại dột, có lớn mà không có khôn.  + Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.  - Lời từ chối của Dế Mèn khi Dé Choắt mong muốn được giúp đỡ: (đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.  Đó là **thói ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.**  **\* Sự việc Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt:**  - Diễn biến hành động và tâm lí của Dế Mèn:  + Lúc đầu thì huênh hoang trước Dế Choắt.  + Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.  + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.  Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  - Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.  - Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi  **c**. **Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**  - Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).  - Với Dế Mèn:  + Mất bạn láng giềng.  + Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời.  + Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.  - Tâm trạng của Dế Mèn:  + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.  + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận.  + Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  **=> Nhận xét:**  **-** Nghệ thuật  + Miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.  + Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua.  **-** Đặc điểm nhân vật Dế Mèn: vẻ đẹp ngoại hình của chàng dế mới lớn nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi, sau một lần ngỗ nghịch dại dột đáng ân hận suốt đời đã rút ra bài học đầu tiên cho chính mình.  **c. Nhân vật Dế Choắt**  - Về ngoại hình của Dế Choắt: Chú dế này có dáng người gầy gò, dày lêu nghêu *“như một gã nghiện thuốc phiện”,* “*ngắn củn đến giữa lưng*”, hở cả mạng sườn “*như người cởi trần mặc áo gi-lê”.*  - Về sức khỏe và cuộc sống của Dế Choắt:  + Dế Choắt quả vừa gầy lại ốm yếu, chậm phát triển, lại thêm vẻ xấu xí của đôi càng “*bè bè, nặng nề*”, râu ria ngắn cũn, cụt còn có một mẩu, dưới con mắt của Dế Mèn, Dế Choắt lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.  + Hang của Dế Choắt không được sâu như những chú dế khác.  -Về tính cách của Dế Choắt: hiền lành, cam phận, lễ phép tôn trọng mọi người  - Cảm nhận về bài học mà Dế Choắt dành cho Dế Mèn:  + Dế Choắt đã thiệt mạng một cách oan uổng, cái chết của Dế Choắt đã giúp cho Dế Mèn nhận ra được bài học nhớ đời  + Dế Choắt có tấm lòng vị tha, nhân hậu.  **\* Nhận xét:**  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật qua ngoại hình, lời nói,...sinh động phù hợp, tương phản với nhân vật Dế Mèn.  - Ý nghĩa nhân vật Dế Choắt: Sự xuất hiện của Dế Choắt vừa làm rõ bản tính của Dế Mèn, lại vừa giúp cho Dế Mèn nhận ra được thói xấu của mình, Dế Choắt cũng chính là nguyên nhân để Dế Mèn thay đổi suy nghĩ để sống tốt hơn. |
| **d. Đánh giá khái quát**  **a. Nghệ thuật:**  - Là một đoạn trích đặc sắc của thể loại truyện đồng thoại; kể chuyện kết hợp với miêu tả sống động.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc, sử dụng nhiều phép Các phép tu từ so sánh, nhân hóa đặc sắc.  **b. Nội dung:**  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn cùng thói kiêu căng, xốc nổi đã gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm... |

**III. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**1. Đọc hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
|  |

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“...Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe thấy tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”.  
*(Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)*

**``**

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Các phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Câu 2:** trong đoạn văn 5 danh từ, 5 động từ để khắc họa nhân vật là:

* 5 danh từ : vuốt, đôi cánh, cái đầu, hàm răng, sợi râu.
* 5 động từ: đạp, vũ (múa), đi (bách bộ), nhai, vuốt...

**Câu 3:**

**-** Ngôi kể của được sử dụng ở đoạn văn là: Ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “Tôi”

- Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất của đoạn văn:

+ Tác giả để Dế Mèn tự kể về nét đẹp ngoại hình của mình khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc. Từ đó cho thấy Dế Mèn luôn tự hào về mình với vẻ đẹp khỏe mạnh, cường tráng của tuối mới lớn; nhưng kiêu căng, tự tin quá mức.

+ Việc lựa chọn phù hợp với thể loại truyện đồng thoại.

**Câu 4:** Tự tin là cần thiết, nhưng tự cao tự đại sẽ gây hại cho mình và người khác. Em đồng ý với ý kiến đó.

Vì:

+ Tự tin giúp mỗi người khẳng định điểm mạnh của mình, luôn thấy vui vẻ, yêu đời.

+ Không nên quá tự tin trở thành tự cao tự đại là gây hại vì người ta dễ mắc sai lầm, dễ sinh thói ngạo mạn, coi thường người khác, làm hạn chế khả năng học hỏi của bản thân.

**ĐỀ 02: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”.

*(Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

**Câu 2**. Trước khi tắt thở, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn điều gì? Qua đó, em nhận thấy Dế Choắt có phẩm chất đáng quý nào?

**Câu 3.** Bài học đầu tiên mà Dế Mèn rút ra cho bản thân mình là bài học nào?

**Câu 4**.Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, nếu em cũng mắc phải lỗi lầm, bản thân em cần có thái độ ra sao trước lỗi lầm mình?

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là tự sự.

**Câu 2**. Trước khi tắt thở, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn: Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Qua đó, em nhận thấy Dế Choắt có phẩm chất đáng quý: hiền lành, hiểu biết, vị tha, nhân hậu, cao thượng.

**Câu 3.**

- Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.

**Câu 4**.Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, nếu em cũng mắc phải lỗi lầm, bản thân em cần có thái độ :

- Thẳng thắn nhận khuyết điểm, và cố gắng sửa chữa khuyết điểm, hoàn thiện nhân cách lối sống.

- Biết ân hận, có thái độ thành khẩn để xin lỗi.

- Luôn sống khiêm tốn, học cách cư xử đúng mực, chan hòa với mọi người.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU TRUYỆN ĐỒNG THOẠI NGOÀI SGK**

**ĐỀ 03:Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Đêm ấy ông khách - đích thị Bọ Dừa, cụ giáo thông thái chả bao giờ nói sai – ngủ lại dưới vòm lá trúc thật. Với ông, ngủ ngoài trời là chuyện bình thường. Nhưng đêm nay trời nhiều mây. Lá cây xào xạc. Côn trùng trong lòng đất rỉ rả mãi một điệu buồn. Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo trườn qua chiếc lá rụng. Nửa đêm, xíu chút nữa Bọ Dừa thiếp đi thì sương bắt đầu rơi. Lẫn trong tiếng thở dài của gió là tiếng rơi lộp độp của sương. Thật bất ngờ, một giọt sương nhằm trúng cổ ông khách rớt xuống. Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn”.

(Trích *Giọt sương đêm*, Trần Đức Tiến, in trong *Xóm Bờ Giậu*).

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

**Câu 2**. Theo đoạn trích, vì sao Bọ Dừa tỉnh ngủ trong đêm?

**Câu 3.**Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 4.** Nhớ lại và miêu tả một âm thanh hoặc hình ảnh mà em thấy ấn tượng nhất về cuộc sống về đêm nơi em sinh sống mà em đã từng lắng nghe hoặc chứng kiến. Lí giải lí do em ấn tượng.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Ngôi kể thứ ba.

- Các nhân vật được nói tới trong đoạn trích: Bọ Dừa, Tắc Kè, Ốc Sên.

**Câu 2:**

Theo đoạn trích, Bọ Dừa tỉnh ngủ trong đêm vì bị một giọt sương rơi xuống trúng cổ.

**Câu 3:**

**-** Biện pháp nhân hoá: Côn trùng – rỉ rả điệu buồn; Tắc Kè gọi cửa; Ốc Sên đi làm về, vén tà áo...; gió thở dài; giọt sương nhằm trúng cổ ông khách rớt xuống; Bọ Dừa tỉnh ngủ.

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê hàng loạt các hình ảnh, âm thanh cuộc sống nơi xóm Bờ Giậu khi đêm đến.

(HS chỉ nêu 1 trong 02 biện pháp vẫn cho điểm tối đa).

- Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Làm cho lời văn sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn, gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh những hình ảnh, âm thanh sinh động của cuộc sống về đêm nơi xóm Bờ Giậu, nhấn mạnh vẻ đẹp thanh bình mà sống động nơi đây.

+ Cho thấy tình yêu thiên nhiên, tài quan sát tỉ mỉ, tinh tế của người viết.

**Câu 4:**

**-** HS có thể nêu một trong những hình ảnh/âm thanh mà bản thân thấy ấn tượng về cuộc sống về đêm nơi mình sinh sống. Có thể như: âm thanh tiếng rao của những người bán hàng rong; âm thanh tiếng chổi và tiếng xe đẩy rác của những cô chú lao công quét dọn đường phố; ..; âm thanh tiếng mưa, tiếng côn trùng, tiếng gió thổi,…

**-** Lí do ấn tượng: Những âm thanh gần gũi, làm cho bản thân thêm yêu quý những người lao động chân chính; thấy yêu vẻ đẹp cuộc sống hơn,…

**Đề 04: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“… Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau. Mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán. Bởi vậy, nếu bạn cảm hóa mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình chốn vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cách đồng lúa mì đằng kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gợi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hóa mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thích tiếng gió trên đồng lúa mì...”

(Trích *Hoàng tử bé*, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*)*

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2:** Nghĩa của từ “*đơn điệu*” được dùng trong đoạn văn trên là gì?

**Câu 3:** Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của phép tu từ đó trong câu văn *“*Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc”.

**Câu 4:** Từ đoạn văn và trải nghiệm thực tế của bản thân, theo em cần làm gì để có một tình bạn đẹp.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của con cáo nói với hoàng tử bé, trong hoàn cảnh cuộc trò chuyện cởi mở của cáo với hoàng tử khi hoàng tử vừa xuống Trái Đất để tìm bạn bè.

**Câu 2:** Nghĩa của từ “*đơn điệu*” được dùng trong đoạn văn trên là: chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu

**Câu 3:**

- Phép tu từ so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc một âm thanh du dương, mang cảm xúc.

**Tác dụng:**

+ So sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp, quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương , những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặc biệt và đầy ý nghĩa.

+ Làm cho câu văn thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

+ Tác giả muốn ca ngợi ý nghĩa của tình bạn: có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. Nhấn mạnh vẻ đẹp của nhân vật con cáo: hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân.

**Câu 4:** Đế có một tình bạn đẹp, mỗi chúng ta cần:

* Phải hiểu và cảm thông, chia sẻ trong mọi vui buồn của cuộc sống.
* Giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
* Tin tưởng nhau, có thể hi sinh vì nhau...

- ...

**Đề số 05:Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

MUỐI TO, MUỐI BÉ

*Hạt muối Bé nói với hạt muối To:*

* *Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.*

*Muối To trố mắt:*

* *Em dại quá, sao lại để đánh mất mình như thế? Em muốn thì cứ làm, chị không điên!*

*Muối To thu mình co quắp lại, nhất định không để biển hòa tan. Muối To lên bờ, sống trong vuông muối. Nó vẫn ngạo nghễ, to cứng và nhìn chúng bạn bé tí ti đầy khinh khỉnh. Thu hoạch, người ta gạt nó ra ngoài, xếp vào loại phế phẩm, còn những hạt muối tinh trắng kia được đóng vào bao sạch đẹp…*

*Sau một thời gian lăn lóc hết xó chợ này đến xó chợ khác, cuối cùng người ta cho muối To vào nồi cám heo. Tủi nhục ê chề, nó thu mình co cứng hơn mặc cho nước sôi trăm độ cũng không lấy được, dù là cái vảy da của nó. Khi rửa máng heo, người ta phát hiện nó, và chẳng cần nghĩ suy, ném nó ra đường. Người người qua lại đạp lên nó.*

*Trời đổ mưa, muối Bé, bây giờ là hạt mưa, gặp lại muối To. Muối Bé hí hửng kể:*

* *Tuyệt lắm chị ơi! Khi em hòa tan trong nước biển, em được bay lên trời, sau đó em thành mưa tưới mát cho Trái Đất thêm xanh tươi. Thôi chào chị, em còn đi chu du nhiều nơi trên Trái Đất trước khi về biển, chuẩn bị một hành trình tuyệt vời khác…*
* *Nhìn muối Bé hòa mình với dòng chảy, xa dần, xa dần… bỗng dưng muối To thèm khát cuộc sống như muối Bé, muốn hòa tan, hòa tan…*

(Theo Truyện cổ tích chọn lọc)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2.** Trước việc hòa tan vào đại dương, tại sao muối To cho đó là “*dại*”còn muối Bé lại thấy là “*tuyệt lắm*”?

**Câu 3.** Khi vào mùa thu hoach, số phận của muối To như thế nào?

**Câu 5.** Nêu ý nghĩa biểu tượng của hạt muối trong câu chuyện trên? (Chia sẻ bằng đoạn văn khoảng 5- 7 dòng)

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2:

- Muối To cho rằng việc hòa tan vào đại dương là”dại”vì sẽ đánh mất mình, sẽ bị biến mất, không còn giữ được những cái của riêng mình nữa.

* Muối Bé cho là “*tuyệt lắm*”vì khi hòa vào biển, nó được hóa thân, được cống hiến sức mình cho trái Đất…

Câu 3: Vào mùa thu hoạch, muối *To bị gạt ra ngoài, bị xếp vào loại phế phẩm.*

Câu 4: Ý nghĩa biểu tượng của mỗi hình ảnh:

* Muối To: Hình ảnh của con người sống ích kỉ, chỉ khư khư giữ lấy giá trị riêng của mình.
* ....

**Đề số 06:Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Gió thổi các ngọn khói bay trên tầng ống khói nhà máy. Gió toả hơi mát của dòng suối ra khắp bờ cây. Gió đưa mùi thơm của hoa vườn tràn ra đồng cỏ. Bà mẹ ra hiên gọi con về ăn cơm, gió đưa tiếng gọi vang ra xa ngoài cánh đồng, đến tận tai em bé ngồi trên lưng trâu. Gió thổi bay phấp phới hai dải mũ bác thuỷ thủ, gió ngừng một chút để bác thuỷ thủ châm lửa vào điếu thuốc, rồi lại lồng lộn thổi tiếp. Bác thuỷ thủ kéo lá cờ lên đỉnh cột buồm, gió thổi lá cờ phần phật. Khắp mặt biển vang lên tiếng còi, tiếng chuông, tiếng xích nhổ neo, tiếng reo hò. Gió rộng lớn thổi khắp bầu trời mặt đất, nhưng vẫn không quên quay tít cái chong chóng nhỏ sặc sỡ trên tay em bé. Em bé vừa chạy vừa reo lên: “Gió! Gió! Gió mát quá!”  
  
 “A, tên mình đây rồi! - Cô Gió thầm nghĩ - Mình đã tìm thấy tên rồi!”  
  
Cô Gió cất tiếng chào ngọn khói, những bông hoa, những lá cờ, chào những cái chong chóng đang quay và chào những cánh buồm đang căng mở trên sóng lớn, những con thuyền lướt nhanh trên mặt biển. Cô lại cất tiếng hát:

*Tôi là ngọn gió  
 Ở khắp mọi nơi  
 Công việc của tôi  
 Không bao giờ nghỉ…*

Cô không có dáng hình, nhưng điều đó chẳng sao, hình dáng của cô là ở người khác, ở sự có ích cho người khác, ở niềm vui của người khác. Dù không trông thấy cô, người ta nhận ra cô ngay và gọi tên cô: Gió!

(Trích “*Cô gió mất tên*” – Xuân Quỳnh)

**Câu 1:** Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

**Câu 2:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau:

“*Cô Gió cất tiếng chào ngọn khói, những bông hoa, những lá cờ, chào những cái chong chóng đang quay và chào những cánh buồm đang căng mở trên sóng lớn, những con thuyền lướt nhanh trên mặt biển*.”

**Câu 3:** Tại sao dù không trông thấy cô Gió, người ta vẫn nhận ra cô ngay và gọi tên cô: “Gió” ?

**Câu 4**: Qua văn bản đọc hiểu, em hãy rút ra thông điệp cho bản thân. Lí giải.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

Ngôi kể thứ ba.

**Câu 2:**

* Biện pháp tu từ nhân hoá:

+ Cách gọi tên sự vật “Cô Gió”

+ Hoạt động của sự vật: chào ngọn khói, những bông hoa,…

* Biện pháp liệt kê: Liệt kê những đối tượng mà cô Gió chào: *ngọn khói, bông hoa, lá cờ, chong chóng đang quay, những con buồm, những con thuyển.*
* **Tác dụng:**

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gợi hình ảnh, gợi cảm xúc.

+ Làm cho đối tượng gió trở nên sinh động, gần gũi như con người, mang những suy nghĩ, tình cảm của con người.

+ Nhấn mạnh tình cảm của cô Gió dành cho những sự vật khác**.**

**Câu 3:** Dù không trông thấy cô Gió, người ta vẫn nhận ra cô ngay và gọi tên cô: “Gió” bởi mọi người ghi nhận những việc làm tốt, những lợi ích, những niềm vui mà cô Gió đem lại cho mọi người.

**Câu 4:** HS lựa chọn và rút ra thông điệp ý nghĩa cho bản thân và lí giải.

Có thể nêu:

Thông điệp ý nghĩa rút ra: Trong cuộc sống, chúng ta hãy cứ làm thật nhiều việc tốt, trao đi tình cảm cho mọi người dù chonhững việc làm tốt ấy có thể không ai nhìn thấy. Vì khi làm những việc tốt, việc có ích cho mọi người thì tự bản thân mỗi người sẽ tìm thấy được vui vẻ, nhẹ nhàng hơn và sẽ nhận được sự yêu quý, kính trọng và giúp đỡ lại từ mọi người.

**DẠNG 3: VIẾT NGẮN**

**Đề bài: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, trong đó có sử dụng câu mở rộng chủ ngữ.**

**Gợi ý**

Đọc văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* của nhà văn Tô Hoài, em rất ấn tượng với nhân vật Dế Mèn. Dế Mèn trong trang sách của Tô Hoài là một chàng dế thanh niên cường tráng, khoẻ mạnh nhưng lại có tính cách là hống hách, kiêu ngạo, không coi ai ra gì. Chính tính cách đó của Dế Mèn đã gây ra cái chết cho người bạn hàng xóm là Dế Choắt. Cái chết thảm thương của Dế Choắt đã khiến Dế Mèn ân hận và tỉnh ngộ, rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Qua nhân vật Dế Mèn, em cũng rút ra cho mình bài học sâu sắc trong cuộc sống cần phải biết khiêm tốn, luôn tôn trọng người khác và phải có tình thương với mọi người.

**I. TÁC GIẢ**

- A.Pu-skin (1799-1837), đại thi hào Nga.

**-** Là tác giả của nhiều trường ca và truyện cổ tích tuyệt diệu: *Truyện cổ tích về con gà trống, Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ,…*

**II. VĂN BẢN *ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG***

**1. Phương thức biểu đạt chính**: Tự sự

**2.Thể loại:** truyện cổ tích (viết lại)

**3. Cốt truyện**

**\*Nhân vật:** ông lão đánh cá, mụ vợ, cá vàng, biển cả.

\***Những sự việc chính:**

- Ông lão đánh cá bắt được con cá vàng, nghe lời con cá cầu xin, ông bèn thả nó về biển.

- Sau khi nghe chuyện, mụ vợ mắng ông lão và bắt ông lão đi tìm con cá để đòi hỏi cái máng lợn mới.

- Lần thứ 2: mụ vợ đòi căn nhà rộng.

- Lần thứ 3: mụ vợ đòi làm nhất phẩm phu nhân.

- Lần thứ 4: mụ vợ đòi làm Nữ hoàng

- Lần thứ 5: mụ vợ đòi làm Long Vương

- Kết cục xứng đáng cho sự tham lam , bội bạc của mụ vợ.

\***Ngôi kể:** thứ 3

**4. Bố cục: 03 phần**

- Phần 1: Từ đầu… *Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì* (trang 11): hoàn cảnh ông sống của ông lão và sự việc ông lão kéo lưới bắt được cá vàng và thả cá.

- Phần 2: Tiếp…*để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý muốn của mụ ta* (trang 14): Sự đền ơn của cá vàng và sự đòi hỏi, vô ơn của người vợ.

- Phần 3: còn lại: Cái kết cho kẻ tham lam, bội bạc.

**5. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**a. Nghệ thuật:**

**-** Mang một số đặc trưng của truyện cổ tích dân gian (được viết lại): *kiểu nhân vật, các chi tiết kì ảo.*

- Nghệ thuật lặp lại, tăng tiến của các tình huống, sự đối lập giữa các nhân vật tạo nên sự kịch tính cho truyện.

- Kết thúc truyện theo lối vòng tròn, đầu cuối tương ứng, gửi gắm bài học sâu sắc.

**b. Nội dung:**

Thông qua câu chuyện của ông lão đánh cá hiền lành song nhu nhược cùng mụ vợ tham lam, độc ác, truyện ca ngợi lòng nhân hậu, sự đền đáp dành những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.

**1. Nêu vấn đề:** Giới thiệu tác giả Puskin, truyện cổ tích viết lại “Ông lão đánh cá và con cá vàng”, khái quát chủ đề của văn bản.

Puskin là một trong những đại thi hào của nước Nga. Ông có những đóng góp lớn cho nền văn học Nga cũng như toàn thế giới. “**Ông lão đánh cá và con cá vàng**” là một trong những câu chuyện hay của Puskin nói về triết lý sống báo ơn và quả báo cho những kẻ tham lam.

|  |
| --- |
| **2. Giải quyết vấn đề:**  **B1: Khái quát về văn bản: xuất xứ, phương thức biểu đạt chính, thể loại, cốt truyện,…**  - Tác phẩm dựa trên cơ sở truyện dân gian Nga, Đức, được tác giả Puskin kể lại câu chuyện bằng 205 câu thơ theo thể loại truyện cổ tích viết lại. Bản dịch SGK của tác giả Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn.  - Truyện kể về hai vợ chồng ông lão đánh cá sống trong một túp lều tranh bên cạnh bờ biển. Một hôm, ông lão đánh cá kéo được một con cá vàng và thả con cá đi trước sự van xin của nó. Để đáp lại lòng nhân hậu của ông lão, cá vàng hứa sẽ đền ơn ông lão. Bởi lòng tham, mụ vợ bắt ông lão ra biển đòi cá trả ơn, hết lần này đến lần khác, lòng tham ngày càng tăng khiến những đòi hỏi của mụ vợ ngày càng quá quắt và vô lí: đòi cái máng lợn mới, đòi căn nhà rộng, đòi làm nhất phẩm phu nhân, đòi làm Nữ hoàng, đòi làm Long Vương. Kết cục, ông lão thấy mụ vợ quay về bên máng lợn sứt mẻ. |
| **B2: Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:**   1. **Tình huống truyện**   **- Gia cảnh khó khăn**: ở trong một túp lều nát trên bơ biển, ngày ngày chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi.  - Tình huống truyện: ông lão bắt được cá vàng rồi thả cá về biển. Cá vàng hứa giúp ông lão.  **-** Tình huống truyện chứa đựng chi tiết kì ảo (con cá vàng biết cầu xin), gây tò mò, hấp dẫn , lôi cuốn người đọc.  **1.Tìm hiểu hệ thống nhân vật**  **2. Nhân vật vợ ông lão đánh cá.**  \* **Những đòi hỏi của mụ vợ ông lão:**  - Lần 1: đòi cái máng lợn ăn mới  - Lần 2: đòi toà nhà đẹp  - Lần 3: đòi làm nhất phẩm phu nhân  - Lần 4: đòi làm nữ hoàng  - Lần 5: đòi làm long vương.  + Nghệ thuật: Lặp tăng tiến: sự đòi hỏi tăng dần từ vật nhỏ đến vật lớn, từ vật chất đến danh vọng, quyền lực, từ chức vị thấp đến chức vị cao => tham lam vô độ  \* **Thái độ của mụ vợ với ông lão:**  - Lần 1: Mắng đồ ngốc  - Lần 2: Quát đồ ngu  - Lần 3: Mắng như tát nước vào mặt  - Lần 4: Nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão  - Lần 5: Nổi cơn thịnh nộ.  + Nghệ thuật: Lặp tăng tiến, động từ mạnh.   => Mụ vợ là kẻ vong ân phụ nghĩa, tham lam bội bạc (vì tiền và quyền lực quên đi tình cảm vợ chồng). Khi lòng tham của mụ lên tới tột đỉnh thì sự bội bạc của mụ cũng vô độ.  **Tóm lại**: mụ vợ là giai cấp cần lao nhưng mang trong mình bản chất của giai cấp bóc lột, thống trị, tham lam độc ác, tìm mọi cách đạt được danh vọng.  **b. Nhân vật ông lão đánh cá**   * Khi bắt được cá, nghe cá kêu van đã thả cá ra và không đòi gì cả "Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.". * Trước những lời mắng mỏ, đòi hỏi của vợ: răm rắp làm theo, không dám trái ý cũng không phản kháng.   =>Vì tính cách nhu nhược mà ông không dám làm trái ý vợ kể cả những điều đó khiến ông đang làm trái với lời nói ban đầu với cá vàng "Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì."..  => Chính ông lão đã tiếp tay cho cái ác; gây ra tai vạ.  \* **Bài học**:  - Cần dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác.  - Không khuất phục trước sức mạnh, cường quyền.  - Cần nhận thức được sai lầm của bản thân và chỉ rõ những sai trái của người khác trước khi quá muộn.  **c. Nhân vật biển cả và cá vàng**  **d. Biển cả**  *-*Lần 1: biển gợn sóng êm ả  - Lần 2: biển xanh nổi sóng  - Lần 3: biển xanh nổi sóng dữ dội  - Lần 4: biển xanh nổi sóng mù mịt  - Lần 5:biển xanh nổi sóng ầm ầm, một cơn giống tố kinh khủng kéo đến.  => NT: Lặp tăng tiến; dùng động từ, tính từ miêu tả, từ láy gợi hình, gợi tả; biển mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc.  ==> Biển thay đổi trạng thái ứng với những tham vọng ngày càng tăng của mụ vợ, biển tỏ thái độ bất bình, mạnh mẽ đối với mụ vợ ông lão: biển cả hiền từ, bao dung, thanh bình nhưng biển cả cũng biết giận dữ trước những thói ác, thói xấu của người đời.  - Ý nghĩa của hình ảnh biển: biển là nhân dân, thái độ của biển là thái độ của nhân dân. Nhân dân giận dữ trước sự xấu xa, tham lam của mụ vợ và sự nhu nhược của ông lão.  **e. Cá vàng**  **-** Cá vàng tượng trưng cho lòng biết ơn, tấm lòng của nhân dân đối với những người nhân hậu, biết cứu giúp kẻ hoạn nạn.  -  Cá vàng trả ơn ông lão, nhưng sau đó vì sự đòi hỏi không biết điểm dừng của mụ vợ nên đã tước đoạt lại hết tất cả. → Cá vàng đại diện cho lòng tốt, cái thiện; tượng trưng cho công lí xã hội: thưởng người hiền, phạt người ác.  **3. Ý nghĩa của kết thúc truyện**  - Vợ chồng ông lão đánh cá lại quay trở lại cuộc sống nghèo khổ như xưa: Túp lều rách nát, mụ vợ với cái máng lợn ăn sứt mẻ.  + Ông lão vẫn thế, chẳng được cũng chẳng mất gì, cuộc sống trở về bình yên.  + Mụ vợ trở về như cảnh sống nghèo khổ. Đây là sự trừng phạt cho những đòi hỏi tham lam quá quắt của mụ. Cá vàng không chỉ lấy đi những gì nó đã cho. Bởi mụ vợ đã trải qua tột đỉnh giàu sang giờ phải trở về cuộc sống nghèo khổ ban đầu. Điều đó không dễ dàng chút nào. Đó là sự trừng phạt đích đáng đối với mụ ta.  **Ý nghĩa kết thúc truyện**:  + Kết thúc vòng tròn, đầu cuối tương ứng không theo lối kết thúc có hậu như các truyện cổ tích khác.  + Kết thúc truyện nói lên ước mơ về sự công bằng của nhân dân: kẻ tham lam, bội bạc sẽ bị trừng trị.  => **Bài học rút ra**: hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình, hãy trân trọng những tình cảm bình dị mà thiêng liêng.  **RÈN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU** |

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

“Ông lão không dám trái lời mụ. Ông lại đi ra biển. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

* Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

* Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mụ vợ quái ác này! Bây giờ mụ không muốn làm nữ hoàng nữa, mụ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý của mụ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sửng sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất, trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa và trên bậc cửa, mụ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.

(Trích “Ông lão đánh cá và con cá vàng” – Puskin)

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:** Chỉ ra yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết miêu tả cảnh biển trước đòi hỏi của mụ vợ ông lão trong đoạn trích.

**Câu 4:** Theo em, vì sao cá vàng lại không đáp ứng yêu cầu của mụ vợ ông lão?

**Câu 5:** Từ kết cục của mụ vợ ông lão đánh cá trong đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** PTBĐ chính: tự sự

**Câu 2:** Yếu tố kì ảo:

+ cá vàng biết nói tiếng người

+ cung điện biến mất, chỉ còn túp lều nát, cái máng lợn sứt mẻ

**Câu 3:**

* Chi tiết miêu tả cảnh biển: *Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*
* Ý nghĩa của chi tiết cảnh biện này:thể hiện thái độ của nhà văn không đồng tình với đòi hỏi quá quắt của mụ vợ ông lão đánh cá.

Câu 4:

* Theo em, cá vàng không đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của mụ vợ ông lão vì đòi hỏi của mụ vô cùng quá quắt, điều đó cho thấy lòng tham của mụ không có tận cùng.
* Cá vàng không những không đáp ứng đòi hỏi lần này của mụ vợ ông lão mà còn lấy lại những gì đã cho mụ, đó là sự trừng phạt cho thói tham lam, ích kỉ của mụ vợ kia.

**Câu 5:**Bài học rút ra cho bản thân:

* Hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình.
* Không nên tham lam mù quáng.

**Đề số 02:Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Thuở xa xưa có một vị sa hoàng thường xuyên đi công cán xa. Sa hậu thường ngóng đợi, rồi ước sinh hạ được tiểu công chúa đẹp tuyệt trần. Khi điều ước ấy thành sự thực thì sa hoàng cũng về, nhưng vừa vượt cạn xong thì sa hậu cũng kiệt sức mà lìa đời.

Qua năm sau, sa hoàng tục huyền với một đức bà thông minh sắc sảo. Bà ta có một chiếc gương biết rõ truyện xưa nay nên thường hỏi nó rằng ai người đẹp nhất trần. Gương hay đem những lời nịnh mà ru vỗ bà hoàng.

Tới năm công chúa đến tuổi cập kê, sa hoàng chuẩn bị cử hành hôn lễ nàng với hoàng tử lân bang Yelisey. Bấy giờ gương đã thốt ra rằng, nhan sắc bà hoàng dù đẹp mà còn kém xa công chúa. Bà liền sai con hầu Chernavka dụ công chúa vào rừng rồi trói lại cho sói xơi tái.

Con hầu hăm hở ra đi, nhưng khi nom công chúa đáng thương quá, bèn dặn nàng chạy đi thật xa, rồi ả về lâu đài bẩm rằng công chúa đã bị sói vồ. Sa hoàng biết truyện thì rất đau lòng, còn hoàng tử Yelisey bèn ruổi ngựa phiêu lưu khắp thế gian với đức tin rằng công chúa chưa chết.

Phần công chúa ra khỏi rừng rậm thì thấy một căn nhà gỗ rất rộng, bèn vào đấy định nghỉ tạm. Thế rồi sẩm tối, trong lúc nàng thiêm thiếp trên giường, bỗng có bảy người lực lưỡng vào nhà và cho hay là chủ nhân đích thực.

Từ đó công chúa được bảy tráng sĩ mời ở lại phụ họ dọn dẹp, nấu ăn mỗi ngày. Cho tới một hôm, bảy anh em đồng thanh hỏi nàng có ưng ai trong họ thì gá nghĩa làm chồng. Nàng chỉ buồn bã đáp rằng đã có vị hôn phu và khước từ.

Thời gian lâu sau, bà hoàng lại hỏi gương, được biết rằng công chúa vẫn bình an, bèn khảo con hầu Chernavka, ả phải khai rằng đã để công chúa đi. Bà liền bắt con hầu cải trang làm người bán rong đi tìm công chúa.

Con hầu Chernavka dò la rồi cũng biết chỗ ở mới của công chúa, bèn xách một giỏ táo chín mọng tới gõ cửa. Ả mời gọi công chúa và biếu nàng trái chín mọng nhất. Công chúa vừa cắn một miếng đã lịm đi.

Đến sẩm tối, bảy tráng sĩ về thì hay cớ sự, bèn đặt công chúa trong cỗ áo quan bằng pha lê rồi rước lên đỉnh núi, những mong cả thế gian phải thán phục nhan sắc nàng công chúa chết.

Hoàng tử Yelisey chu du thấm thoắt đã lâu lắm, chàng đi hỏi thần ánh dương, thần ánh nguyệt, và thần gió, nhưng không ai biết công chúa ở đâu. Còn bà hoàng cả mừng vì gương cho hay rằng công chúa đã không còn nữa.

Cho tới khi đi ngang qua hẻm núi, Yelisey mới hay các tráng sĩ đang hành lễ truy điệu công chúa, bèn khẩn nài họ rước về hoàng cung. Nhưng khi đang đi thì họ vấp bờ đá suýt ngã, miếng táo từ miệng công chúa văng ra khiến nàng tỉnh dậy. Yelisey bèn đưa công chúa về lâu đài.

Bấy giờ bà hoàng lại hỏi gương, thì nó đáp rằng công chúa chưa chết và còn đẹp hơn xưa, bà nổi cơn thịnh nộ đập tan chiếc gương. Trong hôn lễ công chúa với hoàng tử Yelisey, bà hoàng bổng nổi cơn ghen tương mà chết điếng.

(Dẫn theo truyện “Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ”, Puskin kể)

**Câu 1:** Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản trên.

**Câu 2:** Chỉ ra và nêu tác dụng của chi tiết kì ảo trong văn bản trên.

**Câu 3:**Qua văn bản, em có nhận xét gì về tính cách của mụ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.

**Câu 4:** Câu chuyện trên của Puskin được viết dựa vào truyện “Nàng Bạch Tuyết” do anh em Grimm sưu tầm. Em hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất từ những câu chuyện này.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

* Ngôi kể thứ 3
* Thể loại: truyện cổ tích

**Câu 2:**

* Chi tiết kì ảo: chi tiêt chiếc gương thần biết nói
* Tác dụng:

+ Chiếc gương thần chính là hình chiếu soi chiếu tâm địa độc ác, sự đố kị của mụ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.

+ giúp cho mạch truyện phát triển, câu chuyện thêm lôi cuốn, hấp dẫn người đọc.

**Câu 3:**

Tính cách của mụ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa: không chỉ luôn đố kị với nhan sắc của nàng công chúa, mụ ta còn độc ác, luôn tìm mọi cách để giết công chúa để mụ ta trở thành người đẹp nhất thế gian. Chính sự đố kị đã biến mụ ta trở thành mụ dì ghẻ độc ác.

**Câu 4:**

Các câu chuyện đều gửi gắm thông điệp: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Nếu giữ tính đố kị thì sẽ làm hại đến chính bản thân mình.

**Đề số 03: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

“... Người anh hỏi biết sự tình, bèn nằn nì với em xin đổi tất cả gia sản của mình để lấy mảnh vườn có cây khế ngọt. Người em thương anh nên cũng bằng lòng đổi. Đến mùa khế có quả, chim phượng hoàng lại đến ăn. Người anh xua đuổi ầm ĩ, chim bèn nói như trước rằng:

*Ăn một quả,*  
*Trả cục vàng,*  
*May túi ba gang,*  
*Mang đi mà đựng.*

Được lời, người anh may giấu một cái túi sáu gang. Rồi chim cũng chở anh đi đến nơi hải đảo đầy bạc vàng châu báu. Nhưng tính tham lam làm mắt anh hoa lên khi thấy hải đảo có nhiều của quý giá. Anh ta loay hoay mãi không biết nên lấy thứ gì, bỏ thứ gì. Khi nghe chim giục chở về, anh vơ bạc vàng cháu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quấn vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Anh ta leo lên lưng chim, chim phải đập cánh ba lần mới lên nổi. Chim cố sức bay, đến giữa biển cả, vì nạng quá, suýt đâm nhào xuống nước mấy lần.

Khi gần đến đất liền, chim lảo đảo, nghiêng cánh, người anh mang cả túi vàng bạc rơi tõm xuống biển sâu và bị sóng cuốn đi mất tích.”

(Trích truyện *Cây khế*)

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của văn bản ?

**Câu 2.** Khi được chim phượng hoàng trở đến đảo vàng, người anh đã có hành động như thế nào? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?

**Câu 3**. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

**Câu 4**. Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học quý báu gì cho mình?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**

ngôi kể thứ ba

**Câu 2.**

Khi được chim phượng hoàng trở đến đảo vàng, người anh đã có hành động: vơ bạc vàng cháu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quấn vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Điều này thể hiện bản chất tham lam, vô độ.

**Câu 3**.

Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

- Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang là con vật kì ảo. Vì nó mang 1 số đặc điểm như:

+ Biết nói tiếng người: “Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng!”

+ Có phép thần kì, biết chỗ cất giấu của cải, vàng bạc, kim cương,…

**Câu 4**.

Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học:

- Cần phải luôn chăm chỉ, cần mẫn lao động thì mới có được thành quả tốt

- Hiền lành, tốt bụng thì sẽ được đền đáp xứng đáng.

- Quá tham lam thì sẽ phải gánh chịu hậu quả.

- Hãy giúp đỡ người khác khó khăn hơn mình.

**DẠNG 3: VIẾT NGẮN**

**Đề 1:**Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về một nhân vật trong truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”.

**Gợi ý**

Truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng” xoay quanh câu chuyện ông lão đánh cá đã cứu con cá vàng và được con cá ban cho những điều ước. Ông là người hiền lành, nhân hậu, ông đã cứu con cá và không đòi hỏi điều gì cho bản thân. Qua đó có thể thấy ông là người không màng lợi danh, có tấm lòng vị tha dù hoàn cảnh sống của ông vô cùng khó khăn, thiếu thốn. Nhưng trớ trêu thay, mụ vợ ông lão lại là kẻ vô cùng tham lam. Để đáp ứng những đòi hỏi của mụ vợ, ông lão đã ra biển cầu xin cá vàng, lúc này cá vàng nổi lên đáp ứng nguyện vọng của mụ. Ông lão trở nên đáng thương vô cùng, hết lần này tới lần khác, ông lầm lũi ra biển cầu xin cá vàng giúp đỡ dù ông không hề muốn cho mình. Nhưng điều đáng trách ở ông lão là đã quá nhu nhược, không có chính kiến nên mụ vợ ngày càng lấn tới với những đòi hỏi quá quắt: một ngôi nhà mới, làm nhất phẩm phu nhân, làm nữ hoàng và làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ. Ông lão phải thực hiện những yêu cầu của mụ dù biết là không đúng. Để rồi cuối cùng, mọi hư danh đều biến mất, trả lại cho vợ chồng lão túp lều nát và cái cái máng lợn sứt mẻ. Ông được trở về với cuộc sống vốn như trước đây, tuy nghèo khổ về vật chất nhưng yên bình, thanh thản trong tâm hồn. Truyện đã ngợi ca những con người có tấm lòng nhân hậu như ông lão và cũng là bài học sâu sắc cho chúng ta trong cuộc sống về cái giá phải trả cho những kẻ tham lam, bội bạc.

**Đề 2: Tưởng tượng và viết tiếp phần kết cho câu chuyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”.**

* HS tưởng tượng, sáng tạo ra một kết thúc mới mẻ, gửi gắm bài học.

**VĂN BẢN CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**1. Thể loại**: truyện cổ tích

**2.  PTBĐ: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm**

**Ngôi kể: ngôi thứ  ba**

**3. Cốt truyện:**

- Nhân vật chính: cô bé bán diêm

- Tóm tắt : Trong đêm Noel giá rét tuyết phủ đầy trời, có một em bé bán diêm đầu trần, chân đất đi giữa màn đêm. Không bán được bao diêm nào, em không dám về nhà vì sợ bố đánh. Em liền tìm một góc khuất, có hai bức tường để ngồi nghỉ. Vì quá giá lạnh, em đã đốt các que diêm và ảo ảnh dần hiện ra truớc mắt em: Lò sưởi, bàn ăn, cây thông Noel và cả bà em. Thấy bà em đã đốt cả bao diêm và đi với bà lên với thượng đế. Sáng mồng 1 đầu năm, người ta thấy xác của em ở trên đường phố giá rét với nụ cười tươi trên môi.  
**4. Bố cục**:

3 phần

+ **Phần 1**: Từ đầu đến*:“Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra”:* Hoàn cảnh của cô bé bán diêm.

**+ Phần 2:** Tiếp theo đến *“Họ đã về chầu Thượng đế”:* Những giấc mộng tưởng của cô bé bán diêm sau mỗi lần quẹt diêm.

**+ Phần 3:** (Còn lại) : Cái chết của cô bé bán diêm.

**1. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Đặc sắc nghệ thuật :**

- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí

- Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.

- Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập

**\* Nội dung ý nghĩa:**

- Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.

- Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc.

**III. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Nêu vấn đề:** giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát giá trị của văn bản.

An-đéc-xen (1805 - 1875) là nhà văn Đan Mạch, ông nổi tiếng thế giới với những câu chuyện viết cho trẻ em. Bạn đọc khắp năm châu đã rất quen thuộc với các tác phẩm của ông như *Nàng tiên cá, Bầy chim thiên nga, Bộ quần áo mới của hoàng đế, Cô bé bán diêm*,... Truyện của An-đéc-xen nhẹ nhàng, trong trẻo, toát lèn lòng thương yêu con người - nhất là những người nghèo khổ và niềm tin, khát vọng những điều tốt đẹp nhất trên thế gian này sẽ thuộc về con người. Truyện “***Cô bé bán diêm”*** đưa người đọc chúng ta vào khung cảnh một đêm giao thừa giá rét ở đất nước Đan Mạch, Bắc Âu cách đây hơn một trăm năm, nhân vật cô bé bán diêm, nhân vật chính của tác phẩm, cô bé nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa để lại bao xót xa trong lòng người đọc.

**2. Giải quyết vấn đề:**

**B1: Khái quát về văn bản:** thể loại, ngôi kể, cốt truyện,…

* Truyện “Cô bé bán diêm” thuộc thể loại truyện cổ tích, là một trong những câu chuyện nổi tiếng của An-đéc-xen, được thiếu nhi trên khắp thế giới đón nhận.

Với cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí, kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập, nhà văn kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.Tác phẩm có bố cục rõ ràng gồm ba phần chính. Phần thứ nhất nói về hoàn cảnh khó khăn, cơ cực của cô bé bán diêm. Phần thứ hai kể về những lần quẹt diêm với những hình ảnh hiện lên trong trí tưởng tượng của cô bé. Phần thứ ba nói về cái chết đầy thương cảm của cô bé bán diêm trong đêm đông lạnh giá. Ngôi kể thứ ba, nhưng chủ yếu nhà văn hóa thân vào nhân vật cô bé bán diêm để kể, giọng văn trong sáng với nhiều chi tiết miêu tả tâm trạng đặc sắc.

|  |
| --- |
| **B2: Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:**  **1. Nhân vật cô bé bán diêm**  **a. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm**  **a1. Bối cảnh xuất hiện:**  -  **Bối cảnh:** Đêm giao thừa giá rét, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn, trong phố sực nức mùi ngỗng quay.  - Đây là thời điểm mọi người trở về đoàn tụ gia đình, sum họp đầm ấm trong không khí tràn đầy niềm vui và hạnh phúc  - **Hình ảnh em bé:**  + Ngoại hình: đầu trần, chân đất, chân đỏ ửng tím bầm, đôi tay cứng đờ ra vì rét  + Hành động: thu đôi chân lại, ngồi nép vào một góc tường  + Ý nghĩ: không dám về nhà vì sợ bị cha mắng  **b. Gia cảnh của em bé**  **- Quá khứ**  + Bà nội hiền hậu, hết mực yêu thương em  + Sống trong ngôi nhà xinh xắn, “có dây trường xuân bao quanh”  - Quá khứ đầm ấm, hạnh phúc  **- Hiện tại**  + Mẹ chết, bà nội cũng qua đời, sống với người bố khó tính.  + Sống “chui rúc trong *một xó tối tăm*”, “*trên gác sát mái nhà*”, luôn phải nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa của người cha.  + Đi bán diêm để kiếm sống.  - Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn cả vật chất lẫn tình yêu thương, hết sức đáng thương, bất hạnh.  \***Nghệ thuật:** Tương phản đối lập:  + Thời tiết gió rét >< Sự nghèo khổ thiếu thốn.  + Cảnh đón giao thừa ấm áp trong nhà >< em bé đầu trần, chân đất, lang thang một mình đói rét.  + Việc bán diêm >< sự hờ hững của người qua lại.  + Ngôi nhà có dây trường xuân bao quanh >< Cái xó tối tăm.  - Làm nổi bật cảnh đời bi thảm, đáng thương của embé, gợi niềm cảm thương cho người đọc.  **b. Những giấc mộng tưởng của cô bé sau những lần quẹt diêm**  **\* Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm**:   - Quẹt diêm lần 1: Tưởng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng, lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng.  ->Mong ước được sưởi ấm, vì em rất rét  - Quẹt diêm lần 2: Bàn ăn đó dọn, khăn trải bàn trắng tinh, toàn bát đĩa bằng sứ quý gió, có cả một con ngỗng quay.  ->Mong ước được ăn vì em rất đói  - Qụet diêm lần 3. Thấy hiện ra  cây thông Nụ-en lớn, trang trớ lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh.  ->Mong ước được vui chơi của tuổi thơ  - Quẹt diêm lần 4: Thấy bà đang mỉm cười víi mình, xin được về víi bà.  ->Mong ước được che chở, yêu thương  - Quẹt diêm lần 5: Thấy bà to lớn và đẹp lão, bà cầm lấy tay em rồi hai bà cháu bay lên cao, cao mãi.  ->Mong muốn thoát khái cô đơn. đói rét đau buồn của cuộc sống trần gian ->Mong ước giản dị, ngây thơ, trong sáng, chính đáng  =>Luôn khao khát cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đầy tình thương yêu  **Nhận xét: Theo em thứ tự hình ảnh xuất hiện mỗi lần quẹt diêm của cô bé bán diêm là phù hợp, không thể thay đổi. Vì:**  + Thể hiện tâm hồn ngây thơ, trong sáng của em, những ước mơ lãng mạn, diệu kỳ nhất từ đơn giản nhất cho đến ước mơ được sống trong tình yêu thương  + Nổi bật hiện thực phũ phàng mà cô bé đang chịu đựng: sự đói rét, và cô đơn, thiếu thốn, nghèo khổ. Em mơ thấy bà vì khi bà mất, em luôn sống trong cảnh thiếu tình yêu thương. Sau mỗi lần que diêm tắt là thực tế khắc nghiệt đổ ập vào em, khiến cho số phận của cô bé càng trở nên bất hạnh.  - Tấm lòng của nhà văn: Người kể chuyện hóa thân vào cảm xúc của cô bé để kể thể hiện thái độ xót xa, cảm thương, chia sẻ cho số phận bất hạnh của cô bé. Từ đó thể hiện tình yêu thương tha thiết của nhà văn với số phận bất hạnh  Chi tiết: “Thật dễ chịu, đôi bàn tay em hơ lên ngọn lửa... Chà!..biết bao!”Tác giả như hóa thân vào em bé, lời kể như lời tâm tình của em, (ngôn ngữ kể như ngôn ngữ độc thoại nội tâm). Mọi cảm giác của em bé như đang hiện hữu trong lòng tác giả cùng bạn đọc. Tấm lòng yêu thương và khao khát chở che cho số phận bất hạnh của nhà văn.  **c. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm**  - Em bé: chết nhưng đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười ->Cái chết không bi luỵ mà được miêu tả rất đẹp, cái chết của một người toại nguyện  - Nguyên nhân cái chết của em bé: Vì:  + giá rét trong đêm giao thừa  + sự độc ác của người cha  + sự lạnh lùng, vô tình của mọi người  => Cái chết là sự giải thoát cho em khỏii cảnh đói rét, cô độc, tố cáo sự độc ác của người cha và lên án sự thờ ơ, vô nhân đạo của người đời trước một em bé khốn khổ  => Nhận xét về cách kết thúc truyện:  + Kết thúc có hậu: Có thể lí giải dựa trên chi tiết vẻ đẹp của em bé khi chết “Có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”là một cái chết đẹp, hình hài thể xác chết mà linh hồn, khát vọng của em bé vẫn sống ( niềm cảm thương xót xa của tác giả)  + Kết thúc không có hậu: Cô bé chết, cái chết khốn khổ, là một cảnh tượng thương tâm. Em đã chết vì đói, vì rét, vì thiếu tình yêu thương (nguyên nhân cái chết của cô bé).   * **Tình cảm của tác giả:** Tình yêu thương; nỗi xót xa, đau đớn; niềm cảm thông sâu sắc đối với những em bé bất hạnh . Tác giả phát hiện và trân trọng những ước mơ của các em.=>Tư tưởng nhân đạo và nhân văn sâu sắc  1. **Ý nghĩa của câu chuyện**   Truyện gửi gắm thông điệp về lòng nhân ái: mỗi người cần biết cảm thông, thương xót, chia sẻ với những số phận nghèo khổ, kém may mắn trong cuộc sống; mỗi bạn nhỏ cần phải nuôi dưỡng ước mơ tốt đẹp,.. |
| **d. Đánh giá khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí  - Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập  **b. Nội dung**  - Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.  - Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc. |

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*“*Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì dị làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịụ dàng.

(Trích *Cô bé bán diêm* – An-đéc-xen)

**Câu 1.** Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào, của ai?

**Câu 2.** Xác định ngôi kể của đoạn văn.

**Câu 3.** Tìm chi tiết miêu tả ngọn lửa diêm. Ý nghĩa hình ảnh ngọn lửa diêm trong câu chuyện?

**Câu 4.** Em cần làm gì để giúp đỡ những người bạn học sinh nghèo trong trường mình?

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Đoạn văn trên được trích trong

- Tác phẩm: “Cô bé bán diêm”

- Tác giả: An-đéc- xen

**Câu 2.** Xác định ngôi kể: thứ ba

**Câu 3.**

- Chi tiết miêu tả ngọn lửa diêm “Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt”; “que diêm sáng rực như than hồng”; “Ánh sáng kì dị làm sao!”

- Ý nghĩa hình ảnh ngọn lửa diêm trong câu chuyện:

+ Ánh sáng ấy xua tan cái lạnh lẽo, tăm tối, đem lại hơi ấm, niềm vui giản dị cho cô bé bán diêm.

+ Ánh sáng lửa diêm đã thắp lên những ước mơ giản dị, đẹp đẽ, mãnh liệt của tuổi thơ, giúp cô bé vươn tới những ước mơ cao đẹp.

+ Thể hiện tình yêu thương, đồng cảm của tác giả với số phận bất hạnh của cô bé bán diêm.

**Câu 4.** Để giúp đỡ những người bạn học sinh nghèo trong trường mình, em sẽ làm những việc cụ thể:

+ Tặng các bạn những món quà cần thiết cho học tập và cuộc sống (trong điều kiện cho phép): sách vở, bút mực, cặp sách...

+ Giúp đỡ các bạn trong học tập, chia sẻ những khó khăn với bạn.

+ Kêu gọi, vận động bạn bè, người thân cùng gây quỹ giúp đỡ các bạn.

**Đề số 02:Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

" Thế là em quẹt tất cả que diêm còn lại trong bao . Em muốn níu bà em lại ! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày . Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này . Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa . Họ đã bay về chầu Thượng đế.

(Trích *Cô bé bán diêm*, An- đéc-xen)  
**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

**Câu 2:** Tại sao em bé lại quẹt tất cả những que diêm trong bao?

**Câu 3:** Chi tiết *“Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa”* gợi cho em những cảm xúc gì?

**Câu 4:** Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa gì trong cuộc sống?  
**Gợi ý:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự

**Câu 2:** Em bé lại quẹt tất cả những que diêm trong bao: Vì em muốn níu bà em lại, muốn ở bên bà, em đang khao khát tình yêu thương của bà.

**Câu 3:** Chi tiết “Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa” gợi cho em những cảm xúc:

* Em thấy xót xa, thương cho số phận bất hạnh đau khổ của cô bé bán diêm, cô bé chỉ tìm được niềm vui, hạnh phúc ở thế giới bên kia.
* Em đồng cảm với cô bé vì cô bé có ước mơ đẹp, đó là ước mơ được sống trong tình thương của bà, của người thân.

**Câu 4:** Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa trong cuộc sống:

* Giúp con người có thêm nghị lực vượt qua khó khăn, giúp họ vươn lên trong cuộc sống.
* Đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người.
* Kết gắn mọi người, đem lại phép màu cho cuộc sống.
* ....

**Đề đọc hiểu ngoài SGK:**

**Đề số 03:Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

[…] Được gặp lại và sống bên các anh nàng, Li-dơ càng nóng lòng tìm cách giải thoát cho các anh. Ý nghĩ ấy không phút nào rời nàng cả. Và quả nhiên một đêm nàng mơ thấy bà tiên ở lâu đài Moóc-gan bầy cho cách giải thoát các anh của nàng. Bà tiên nói: “Con phải đi hái cây tầm ma[1] ngoài nghĩa địa và con sẽ bị phồng tay, đau đớn vô cùng. Con hãy lấy chân dẫm nát cây ra và được một loại sợi gai mà con sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay. Dệt xong con quàng áo lên mười một con thiên nga và như vậy là phép ma sẽ tiêu tan. Nhưng đây mới là điều cấm nặng nề nhất là từ lúc bắt đầu dệt cho đến khi dệt xong con không được nói một câu. Nếu con chỉ nói một tiếng thôi thì tiếng nói đó sẽ là nhát dao đâm xuyên tim các anh con”.

Nàng bừng tỉnh và bắt đầu làm việc ngay để giải thoát cho các anh nàng.

Qua hai ngày làm việc cật lực, hai bàn tay nàng bị phồng cả lên, đau đớn vô cùng. Nhưng nàng đã bắt đầu dệt những chiếc áo dài tay bằng sợi cây tầm ma xanh thẫm.

(Trích “Bầy thiên nga” – An-đéc-xen)

Chú thích: [1]Tầm ma: một loại cây có sợi, giống cây gai ở nước ta.

**Câu 1:** Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.

**Câu 2:** Mục đích cô bé Li-dơ dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma là gì?

**Câu 3:**Để đạt được mục đích trên, cô bé Li-dơ phải đối mặt với những thử thách gì?

**Câu 4:** Từ việc làm của cô bé Li-dơ, em rút ra cho mình bài học gì về tình cảm anh em trong gia đình.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

Chi tiết kì ảo:

* Chi tiết bà tiên báo mộng cho cô bé Li-dơ cách cứu các anh trai.
* Chi tiết áo được dệt từ cây tầm ma sẽ làm phép ma tiêu tan.

**Câu 2**: Mục đíchcô bé Li-dơ dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma nhằm giải thoát các anh của mình khỏi phép ma thuật (của mụ hoàng hậu vốn là phù thuỷ), giúp các anh trai của cô quay trở về hình dạng của con người.

**Câu 3**: Những thử thách: cô phải đi hái cây tầm ma ngoài nghĩa địa, sẽ bị phồng tay, đau đớn vô cùng. Cô phải lấy chân dẫm nát cây ra để được một loại sợi gai sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay; không được nói nửa lời trong suốt quá trình dệt 11 chiếc áo cho các anh trai.

**Câu 4:**Bài học về tình cảm anh em:Anh em trong một nhà phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau; phải biết giúp đỡ nhau khi gặp hoạn nạn…

**Đề số 04: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“...Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”...

(Trích *Gió lạnh đầu mùa,* Thạch Lam)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

**Câu 2:**Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?

**Câu 3:** Tại sao khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui?

**Câu 4:** Em đã bao giờ giúp đỡ người khác chưa, em có thể kể 2 việc làm cụ thể của mình ?  
**Gợi ý:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự

**Câu 2:**

- Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên: Nghe cái Hiên *“bịu xịu”* nói với chị Lan là “*hết áo rồi, chỉ còn cái áo này”,bấy giờ Sơn mới chợt nhớ ra“mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”.*

- Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận ở nhân vật: Sơn (và chị) đều là những đứa trẻ sống giàu tình thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.

**Câu 3:** Khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui:

- Sơn thương Hiên vì thấy bạn đang rất rét. Khi chị về lấy áo ấm cho bạn, Sơn cảm thấy hạnh phúc vì đã giúp đỡ bạn, yên tâm vì bạn mình sẽ đỡ lạnh khi có áo ấm.

**Câu 4:** HS kể 2 việc làm cụ thể của mình đã giúp đỡ người khác:

Chấp nhận nhiều đáp án khác nhau, miễn là HS biết kể những hành động việc làm cụ thể để giúp đỡ người khác.

**Đề số 05**: **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

"Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi. Tôi lục hết túi nọ đến cả khăn túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

# - Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

# Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

# - Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

# Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông".

# *(Theo Tuốc-ghê-nhép)*

# **Câu 1:** Câu chuyện được kể ở ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện?

# **Câu 2:** Khi nhận được hành động chìa tay xin của ông xin của ông lão ăn xin về phía mình, cậu bé đã cư xử với ông lão như thế nào?

# **Câu 3**: Em hiểu câu nói của ông lão đã nói với cậu bé: *“Như vậy là cháu đã cho lão rồi.”*nghĩa là gì? Cậu bé nhận được điều gì từ ông lão ăn xin?

# **Câu 4**: Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên?

**Gợi ý:**

# **Câu 1:** Câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất, nhân vật “tôi”- cậu bé kể chuyện.

# **Câu 2:** Khi nhận được hành động chìa tay xin của ông xin của ông lão ăn xin về phía mình, cậu bé đã cư xử với ông lão bằng lời nói, hành động cụ thể:

# Hành động: *lục hết túi nọ đến cả khăn túi kia*, rất muốn cho ông lão một cái gì đó, nhưng không có tài sản gì đành phải *nắm chặt lấy tay ông lão*.

# Lời nói: “ *Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả*.”

# (HS có thể trả lời cụ thể: Hành động lời nói đó chứng tỏ cậu bé rất xót thương cho ông lão, và chân thành muốn giúp đỡ ông)

# **Câu 3:**

# - Ý 1: Em hiểu câu nói của ông lão đã nói với cậu bé: *“Như vậy là cháu đã cho lão rồi.”*nghĩa là: cậu bé đã cho ông lão sự sẻ chia, cảm thông, sự chân thành và lòng kính trọng.

# - Ý 2: Cậu bé nhận được sự biết ơn, thấu hiểu, đồng cảm từ ông lão ăn xin.

# **Câu 4:** Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên:

- Bài học về sự sẻ chia, yêu thương, chân thành.

- Bài học về lòng biết ơn.

**================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 5: VĂN NGHỊ LUẬN**

**\*Khái niệm**: **Nghị luận xã hội** (trình bày một ý kiến) là nêu lên một vấn đề mình quan tâm trong đời sống, sử dụng các lí lẽ bằng chứng cụ thể để củng cố cho ý kiến của mình nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó.

Ví dụ:

+ suy nghĩ về thói vô cảm trong đời sống.

+ suy nghĩ về thực trạng bạo lực học đường ngày nay.

+ suy nghĩ về hành vi con người xả rác, gây ô nhiễm môi trường sống.

…

\***Mục đích:** thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề nào đó.

\***Các thành tố quan trọng** của văn bản nghị luận xã hội:

- Ý kiến: là vấn đề chính mà văn bản bàn luận.

- Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.

- Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.

**\*Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội:**

- Nhận biết vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.

- Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến.

- Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,…)

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đặt ra với mọi người.

- Nhận biết được thái độ, tình cảm của người viết thể hiện trong văn bản.

|  |
| --- |
| **ÔN TẬP:**  **VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT?**  *(Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du)* |

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1.** **Xuất xứ**:

- Tác giả: Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du

- Trích từ *Bách khoa trị thức tuổit trẻ: 10 vạn câu hỏi vì sao – Động vật.*

**2. Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận (nghị luận xã hội)

**3. Nội dung khái quát:** Lí do con người cần đối xử thân thiện với động vật.

**4. Bố cục:** 4 phần

- Phần 1: Đoạn 1,2: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ.

- Phần 2: Đoạn 3: Vai trò của động vật trong hệ sinh thái

- Phần 3: Đoạn 4: **Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.**

- Phần 4: Còn lại : Lời kêu gọi bảo vệ động vật.

**5. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.

- Cách đan xen phương thức miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.

- Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.

\***Nội dung, ý nghĩa :**

- Động vật có vai trò vô cùng quan trọng với con người và môi trường sinh thái.

**-** Chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất.

**II.ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát vấn đề nghị luận của văn bản.**  Ví dụ:Động vật có mối quan hệ mật thiết với con người. Dù trực tiếp hay gián tiếp thì chỉ cần biến mất đi một loài vật nào đó cũng khiến môi trường tồn tại của con người bị khiếm khuyết. Bài viết “ Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?” của hai tác giả Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du đã lí giả các nguyên nhân con người cần đối xử thân thiện với động vật. Từ đó văn bản đem đến cho người đọc bài học về các ứng xử với động vật. |
| **2. Thân bài:**  **B1: Khái quát về văn bản**  - Văn bản “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?” của hai tác giả Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du, trích từ *Bách khoa trị thức tuổi trẻ: 10 vạn câu hỏi vì sao – Động vật.*  *-* Văn bản bày tỏ quan điểm của hai tác giả về những lí do mà con người cần đối xử thân thiện với động vật. Nội dung đó được thể hiện ngay ở nhan đề văn bản và được làm sáng tỏ qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng phong phú, thuyết phục. |
| **B2: Phân tích hệ thống lí lẽ và bằng chứng**:  **2.1. Sự gắn bó của động vật với tuổi thơ và cuộc sống mỗi người**  - Đoạn 1: Động vật gắn liền với tuổi thơ con người:  =>Bằng chứng:  + Nhiều người từng dành hàng giờ ngồi nhìn lũ kiến "hành quân".  + Buộc chỉ vào chân cánh cam làm diều.  - Đoạn 2: Động vật gắn liền với cuộc sống con người:  =>Bằng chứng:  + Gà trống gáy o o gọi thức dậy.  + Mẻ tôm, cá chế biến những món thanh đạm.   * Nghệ thuật: liệt kê   🡺Đoan 1, 2 nhằm khẳng định vai trò không thể thiếu của động vật đối với cuộc sống con người.  **2.2. Vai trò của động vật với hệ sinh thái**  =>Bằng chứng:  + Khỉ và vượn có chung tổ tiên với con người.  + Tất cả loài vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với con người.  + Mất đi 1 loài cũng tạo vết khuyết trong hệ sinh thái (môi trường sinh tồn của con người).  => Con người, động vật, và môi trường sinh thái có mối quan hệ chặt chẽ với nhau*.*  **2.3. Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật**  - Bằng chứng:  + Số lượng các loài động vật giảm đi rõ rệt, nhiều loài trên nguy cơ tuyệt chủng.  + Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại.  + Nhiều loài bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát.  - Thái độ của tác giả: bất bình trước việc con người đối xử không thân thiện với động vật.  Thái độ ấy thể hiện rõ nhất ở câu văn: Môi trường sống cùa động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn.  **2.4.Lời kêu gọi bảo vệ động vật**  - Bằng chứng: Khi hiểu được động vật, con người sẽ:  + Không phá rừng, chặt cây vì nhu cầu riêng (muốn có thịt bò, muốn vót đũa)  + Không lạm dụng và cướp đi môi trường của chúng.  → Hãy đặt bản thân vào vị trí của động vật để cảm nhận.  Nghệ thuật: đối lập; phép điệp cấu trúc |
| **3. Kết bài**  **\*Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.  - Cách đan xen phương thức miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  \***Nội dung, ý nghĩa :**  - Động vật có vai trò vô cùng quan trọng với con người và môi trường sinh thái.  **-** Chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất.  \* Rút ra bài học nhận thức: Hành động con người cần có: thay đổi suy nghĩ và hành động hướng tới bảo vệ Trái Đất để động vật cũng có quyền được sống như con người |

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

Động vật không xa lạ với cuộc sống con người; gần như mỗi chúng ta đều có những kí ức tuổi thơ tươi đẹp gần gũi với động vật và thiên nhiên. […] Hẳn nhiều người đã từng dành hàng giờ nhìn lũ kiến “hành quân” tha mồi về tổ hay buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi. Những loài động vật vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ lên những bức tranh kí ức về thời thơ ấu tươi đẹp.

Vào kì nghỉ hè, nhiều trẻ em mong ngóng được về quê chơi. Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích đùa vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cất vó, được mẻ tôm, mẻ cá nào lại đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê. Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.(Trích “***Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật***?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du )

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:**Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3:**Chỉ ra các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả đã nêu ra để làm sáng tỏ cho nội dung chính.

**Câu 4:**Em hãy chia sẻ một kỉ niệm thời thơ ấu của em được gắn bó với các loài động vật.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:**Nội dung chính của đoạn trích: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ mỗi người.

**Câu 3:**Các lí lẽ và bằng chứng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Những loài động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ | Đứng nhìn lũ kiến hành quân tha mồi về tổ, buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi |
| Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao | Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy , lũ chim chích vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cất vở, được mẻ tôm, mẻ cá nào được đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê |

**Câu 4:**HS chia sẻ kỉ niệm của bản thân (kể lại kỉ niệm và bộc lộ cảm xúc):

Có thể:

* Được bố mẹ cho đi thăm sở thú vào cuối tuần.
* Được về thăm quê kì nghỉ hè, hoà mình vào cuộc sống thiên nhiên nơi thôn quê.
* Kỉ niệm với một con vật nuôi trong nhà mà em yêu quý.
* …

**Đề số 02: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

[…] Mỗi loài động vật tồn tại trên Trái Đất đều là kết quả của tạo hoá trong hàng tỉ năm và có tác dụng của chúng trong tự nhiên là không thể thay thế. Mỗi loài động vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người; nếu mất đi bất kì một loài nào cũng có thể tạo ra một vết khuyết trong hệ sinh thái là môi trường sinh tồn của con người.

Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng gia tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không thương tay. […]

(Trích “***Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật***?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du)

**Câu 1:** Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Chỉ ra các từ Hán Việt có trong câu văn “*Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn”.* Em hiểu “tuyệt chủng” có nghĩa là gì?

**Câu 3:** Theo em, có những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”?

**Câu 4:** Em hãy đề xuất một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Nội dung chính đoạn trích: **Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.**

**Câu 2:**

* Các từ Hán Việt: *môi trường; chiếm lĩnh; nguy cơ; tuyệt chủng.*
* Nghĩa của từ “Tuyệt chủng”: bị mất hẳn nòi giống.

**Câu 3:** Những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”:

* Do con người chiếm lĩnh, phá hoại môi trường sống tự nhiên của động vật để canh tác, sản xuất.
* Do con người săn bắt trái phép, tàn sát các loài động vật hoang dã để mua bán, trao đổi vì lợi ích cá nhân.
* Do biến đổi khí hậu khiến các loài động vật không kịp thích nghi (mà nguyên nhân sâu sa gây biến đổi khí hậu phần lớn do hoạt động của con người)

**Câu 4:** Một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng:

+ Đưa danh sách các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng vào Sách đỏ để bảo vệ.

+ Các cơ quan chính quyền có các văn bản nghiêm cấm không săn bắt giết hại động vật hoang dã; xử lí nghiêm các hành vi săn bắt, mua bán, trao đổi các động vật hoang dã.

+ Bảo vệ môi trường sống của chúng: kêu gọi trồng rừng để tạo môi trường sống tự nhiên cho động vật; xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp xa khu sinh sống của động vật.

+ Tuyên truyền mọi người về lợi ích của các loài động vật với cuộc sống con người.

+ Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, có chế độ bảo vệ các cá thể của những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN NGOÀI SGK**

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

# *“...Tôi muốn trở lại với dòng hồi ức được khai mở ở đầu bài. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình. Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lối chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu chỉ ao ước được giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình? Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.*

*Càng lớn tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn. Tôi không còn cái cảm giác khó chịu nữa bởi đã nhận thức được rằng, những lời trách cứ mẹ dành cho tôi cũng có thể là câu mà bao người mẹ hiền trên đời đã nói với con. Tôi muốn đổi nội dung câu nói “Xem người ta kìa!” thành một lời khích lệ: Người ta đã khác, đã hay như thế, sao mình lại không khác, không hay theo cách của mình? Biết hoà đồng, gần gũi với mọi người, nhưng phải biết giữ gìn cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. Chẳng phải vậy sao?*

(Xem người ta kìa! – Lạc Thanh)

**Câu 1**. Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên?

**Câu 2.** Theo tác giả, sự độc đáo của mỗi cá nhân có ý nghĩa gì đối với tập thể?

**Câu 3**. Em có đồng ý với quan điểm “*Biết hoà đồng, gần gũi với mọi người, nhưng phải biết giữ gìn cái riêng và tôn trọng sự khác biệt” không? Tại sao*

**Câu 4**. Thông điệp mà em rút ra cho mình qua đoạn trích?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**. Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên: Nghị luận, tự sự, biểu cảm.

**Câu 2.** Theo tác giả, sự độc đáo của mỗi cá nhân có ý nghĩa đối với tập thể là:

* *làm cho tập thể trở nên phong phú*
* *để mỗi người đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình*

**Câu 3**.

Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm này.

* Trong cuộc sống, mỗi người luôn cần học cách hòa đồng, gần gũi, thân thiện với mọi người. Điều này giúp chúng ta làm việc, hòa đồng với tập thể, với những người xung quanh mình, học hỏi và hòa hợp để cùng nhau phát triển và tiến bộ.
* Đồng thời, chúng ta cũng cần học cách giữ lại cái tôi riêng biệt và trân trọng giá trị riêng của bản thân.
* Nhờ vậy, ta sẽ vừa hòa nhập được với cuộc sống mà vẫn giữ gìn được giá trị, cuộc sống tốt đẹp của chính bản thân mình. Tôn trọng sự khác biệt và tôn trọng chính bản thân mình sẽ là chìa khóa để đưa chúng ta đến được với hạnh phúc.

**Câu 4**. Thông điệp mà em rút ra cho mình qua đoạn trích:

Mỗi chúng ta cần biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.

**Đề số 04:Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.*

*Sứ mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế để như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bừng nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời.[...]*

*Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.*

(Kazuko Watanabe, *Mình là nắng việc của mình là chói chang*, Vũ Thùy Linh dịch, NXB Thế giới, 2018)

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.**Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong câuvăn: *Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa” bên vệ đường.*

**Câu 3.**Em hiểu câu nói này như thế nào: *Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có đượcgieo mầm ở bất cứ đâu.*

**Câu 4.**Em có đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “*Mỗi chúng ta đều giốngmột đóa hoa*.” không? Vì sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.

**Câu 2.***"Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa” bên vệ đường."*

Phép tu từ được sử dụng trong câu văn: điệp ngữ "*Có những...cũng có những...*".

Tác dụng: Nhấn mạnh những cuộc đời khác nhau của hoa.

**Câu 3.** Có thể hiểu câu *Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ởbất cứ đâu:*

Dù ta không có ưu thế được như nhiều người khác, cho dù ta sống trong hoàn cảnh nào thì cũng hãy bung nở rực rỡ, phô hết ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời, hãy luôn nuôi dưỡng tâm hồn con người và làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

**Câu 4.** Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa*”.

Vì: - Mỗi người là một đóa hoa tuyệt vời trên thế giới này, tựa như mỗi một món quà độc đáo

* Mỗi người đều có năng lực và phẩm chất tốt đẹp riêng của mình để làm đẹp cho cuộc đời

**DẠNG 2: VIẾT NGẮN**

**Đề bài: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng)** với một **câu chủ đề: Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.**

**Gợi ý**

**Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.** Động vật có vai trò quan trọng không chỉ với đời sống con người mà còn đóng góp vào môi trường sinh thái. Hiện nay, số lượng các loài động vật đang ngày một giảm đi do những hành động săn bắn, tàn sát, phá huỷ môi trường sống tự nhiên,… của chính con người. Vì vậy mỗi chúng ta cần yêu quý bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất bằng những việc làm cụ thể. Chúng ta cần gây dựng, tái tạo lại môi trường sống cho động vật, tham gia bảo vệ, trồng và chăm sóc cây xanh, không xả rác bữa bãi,... Nhà nước cần có những điều luật xử lí nghiêm các hành vi mua bán, săn bắt các loài động vật hoang dã, các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng. Hãy yêu quý động vật, đối xử thân thiện với chúng bởi động vật cũng có quyền được sống giống như con người.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT (TRỊNH VĂN)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1.** **Xuất xứ**:

- Tác giả: Trịnh Văn

- Theo báo *Nhân dân,* số ra ngày 15/6/2003.

**2. Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận

**3. Vấn đề bàn luận:** nước ngọt không phải vô tận, nước ngọt đang hết dần (vấn đề của văn bản nghị luận này thể hiện rõ ngay ở nhan đề)

**4. Bố cục:** 3 phần (theo phân chia ở SGK):

- **Phần 1:** Nêu vấn đề khan hiếm nước ngọt.

- **Phần 2**: Thực trạng - Nguyên nhân- Hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.

- **Phần 3:** Nêu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.

**5. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**\* Nghệ thuật:**

- Nêu lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.

- Kết hợp bằng chứng số liệu, đa dạng cả trong nước và trên thế giới tạo độ tin cậy, thuyết phục cao.

**\* Nội dung:**

Khẳng định tầm quan trọng của nước ngọt và ý nghĩa của việc tiết kiệm nước ngọt.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát vấn đề nghị luận của văn bản.**  Ví dụ:  Nước ngọt là tài sản chung của tất cả mọi người. Nước ngọt có vai trò quyết định đến sự sống của con người; tuy nhiên nguồn nước đó đang bị ô nhiễm. Văn bản “***Khan hiếm nước ngọt***” của tác giả Trịnh Văn đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề này, từ đó giúp cho người đọc rút ra bài học về cách sử dụng nguồn nước ngọt hợp lí. |
| **2. Thân bài**  **B1: Khái quát về văn bản**  - Văn bản “Khan hiếm nước ngọt” của tác giả Trịnh Văn được in trênbáo *Nhân dân,* số ra ngày 15/6/2003.  *-* Văn bản bày tỏ quan điểm của tác giả về nước ngọt không phải vô tận, nước ngọt đang hết dần. Nội dung đó được thể hiện ngay ở nhan đề văn bản và được làm sáng tỏ qua cách lập luận chặt chẽ với hệ thống lí lẽ và bằng chứng phong phú, thuyết phục. |
| **B2: Phân tích cách lập luận của văn bản**  **\*Phần 1: Nêu vấn đề nghị luận:**  - Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay.  - Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm:   + Người viết đưa ra nhận định : Bề mặt Trái Đất mênh mông là nước với đại dương bao quanh, sông ngòi chằng chịt, các hồ nằm sâu trong đất liền🡪 điều đó khiến nhiều người tin rằng không bao giờ thiếu nước.  + Khẳng định đó là suy nghĩ sai lầm.  - Cách đặt vấn đề ngắn gọn bằng thao tác bác bỏ, gây ấn tượng cho người đọc.  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề (Thực trạng – Nguyên nhân – Hậu quả)**  Người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề khan hiếm nước ngọt:  **- Thực trạng:**  + Theo Tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh có hơn 2 tỉ người thiếu nước ngọt.  + Chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, bà con phải đi xa vài ba cây số lấy nước.  - **Nguyên nhân:**  +  Nước ngọt trên hành tinh hầu hết ở những nơi khó khai thác: Bắc Cực, Nam Cực, dãy Hi-ma-lay-a.  + Con người làm ô nhiễm: rác thải, chất độc đổ thẳng xuống sông suối.  + Cuộc sống con người ngày càng văn minh, tiên bộ, nhu cầu sử dụng nước tăng cao đi đôi với sự gia tăng dân số dẫn đến tình trạng thiếu nước ngày càng nghiêm trọng. Chúng ta tốn từ 1000 đến 70000 nghìn tấn nước chỉ vì một tấn lương thực, thực phẩm.  + Nguồn nước ngọt phân bố không đều, vấn đề khai thác khó khăn, tốn kém.  ***- Hậu quả:***  + Khó khăn trong sinh hoạt của người dân.  + Đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi nếu thiếu nước.  + Muốn có nước sạch, hợp vệ sinh dùng rất tốn kém.  => Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và kinh tế nghiêm trọng đối với con người.  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề (Khẳng định và nêu giải pháp)**  - **Khẳng định vấn đề**:  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * **Nêu giải pháp:**   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên.  - **Thái độ của người viết**: nêu vấn đề rất nghiêm túc; bộc lộ sự lo lắng, trăn trở về việc nước ngọt đang dần khan hiếm. |
| **3. Kết bài**  **\* Nghệ thuật:**  - Nêu lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Kết hợp bằng chứng số liệu, đa dạng cả trong nước và trên thế giới tạo độ tin cậy, thuyết phục cao.  **\* Nội dung:**  Khẳng định tầm quan trọng của nước ngọt và ý nghĩa của việc tiết kiệm nước ngọt.  **\* Rút ra bài học nhận thức:**Chúng ta ngày càng phải sử dụng một cách hợp lí, tiết kiệm tài nguyên nước |

**ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01:Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

(1) Nhìn vào bản đồ thế giới, đâu đâu ta cũng thấy mênh mông là nước. Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ lớn nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì biển cả. Cảm giác đó khiến nhiều người trong chúng ta tin rằng, thiếu gì thì thiếu chứ con người và muôn loài trên quả đất không hao giờ thiếu nước. Xin được nói ngay rằng nghĩ như vậy là nhầm to.

(2) Đúng là hồ mặt quả đất mênh mông là nước, nhưng đó là nước mặn chứ đâu phải là nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và đông vật, thực vật quanh ta có thể dùng được. Hai phần ba nước trên hành tinh mà chúng la đang sống là nước mặn. Trong số nước ngọt còn lại thì hầu hết bị đóng hăng ở Bắc Cực, Nam Cực và trên dãy núi Hi-ma-lay-a. Vậy thì con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ờ sông, suối, đầm, hồ và nguồn nước ngầm, số nước ngọt như vậy không phải là vô tận, cứ dùng hết lại có mà đang càng ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người. Đủ thứ rác thải, từ rác thải vô cơ, hữu cơ, những thứ rác có thể tiêu hủy được tới những thứ hàng chục năm sau chưa chắc đã phân hủy, cả những chất độc hại được vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối. Như vậy là nguồn nước sạch lại càng khan hiếm hơn nữa.

(Trích “***Khan hiếm nước ngọt***”, Trịnh Văn, Báo Nhân dân, số ra ngày 15-6-2003)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:**Ý chính của đoạn (1) là gì? Cách nêu vấn đề của tác giả có gì đặc biệt?

**Câu 3:** Chỉ ra lí lẽ và các bằng chứng trong đoạn (2).

**Câu 4:**So với những gì em hiểu biết về nước, đoạn trích trên cho em hiểu thêm được những gì?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:**

* Ý chính đoạn 1:Ý chính của phần mở đầu là khẳng định mọi người đang nghĩ sai rằng con người và muôn loài không bao giờ thiếu nước.  
  - Mở đầu người viết đưa ra nhận định : Bề mặt Trái Đất mênh mông là nước với đại dương bao quanh, sông ngòi chằng chịt, các hồ nằm sâu trong đất liền, điều đó khiến nhiều người tin rằng không bao giờ thiếu nước. Sau đó, người viết khẳng định đó là suy nghĩ sai lầm.

- Cách đặt vấn đề ngắn gọn bằng thao tác bác bỏ, gây ấn tượng cho người đọc.

**Câu 3**: Lí lẽ và các bằng chứng trong đoạn (2):

- **Lí lẽ:** Bề mặt quả đất mênh mông là nước nhưng đó là nước mặn chứ không phải nhưng không phải nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được:

**- Các bằng chứng:**

+ Hầu hết trên hành tinh mà chúng ta sống là nước mặn, nước ngọt thì bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực, dãy Hi-ma-lay-a.

+ Số nước ngọt không phải vô tận, lại đang bị ô nhiễm do con người khai thác bừa bãi, xả bỏ rác thải, chất độc lại cứ vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối khiến nguồn nước sạch lại ngày càng khan hiếm hơn nữa.

**Câu 4:**

So với những điều em biết về nước, đoạn trích cho em hiểu thêm về thực trạng của nguồn nước ngọt hiện nay:

- Không phải bất kì nguồn nước nào trên thế giới con người cũng dùng được. Chỉ có nguồn nước ngọt, sạch mới sử dụng được trong cuộc sống con người.

- Nguồn nước ngọt không phải vô tận, con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ờ sông, suối, đầm, hồ và nguồn nước ngầm.

- Nguồn nước ngọt đang ngày càng khan hiếm dần và ô nhiễm bởi hành động của con người.

**Đề số 02:Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

(1) Theo Tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh đang có khoảng hơn hai tỉ người sống trong cảnh thiếu nước ngọt để dùng trong sinh hoạt hằng ngày.  Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến hộ, con người ngày càng sử dụng nước nhiều hơn cho mọi nhu cầu của mình, trong khi dân số thì ngày mỗi tăng lên. Người ta đã tính được những phép tính đơn giản rằng, để có một tấn ngũ cốc cần phải sử dụng 1000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500 đến 1 500 tấn nước. Để có mội tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn: từ 15000 đến 70000 tấn. Rồi còn bao thứ vật nuôi, cây trồng khác để phục vụ cho nhu cầu của con người, mà chả có thứ gì mà lại không cần có nước. Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây côi, muôn vật không sống nổi.

(2) Trong khi đó, nguồn nước ngọt lại phân bố rất không đều, có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm. Ớ nhiều nơi, chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, để có chút nước ngọt, bà con ta phải đi xa vài cây số để lấy nước. Các nhà khoa học mới phái hiện ra rằng ở vùng núi đá này, đang có nguồn nướcngầm chảy sâu dưới lòng đất.  Để có thể khai thác được nguồn nước này cũng gian khổ và tốn kém vì khắp mọi nơi đều trập trùng núi đá. […]

(Trích “***Khan hiếm nước ngọt***”, Trịnh Văn, Báo Nhân dân, số ra ngày 15-6-2003)

**Câu 1:**Trong đoạn trích, tác giả đã đưa ra những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm?

**Câu 2:**Theo tác giả, hậu quả của việc thiếu nước ngọt là gì?

**Câu 3:**Việc tác giả đưa ra các bằng chứng về mức độ tiêu thụ nước để sản xuất ra các loại ngũ cốc, khoai tây, thịt gà, thịt bò,… ở đoạn (1) có tác dụng gì?

**Câu 4:** Qua đoạn trích Đọc hiểu, em rút ra cho mình bài học gì?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm:

* Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ, con người ngày càng sử dụng nhiều nước hơn cho mọi nhu cầu của mình.
* Nước ngọt phân bố không nhiều có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm

**Câu 2:**

Theo tác giả, hậu quả của việc thiếu nước ngọt là: *Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây côi, muôn vật không sống nổi.*

**Câu 3:**

Việc tác giả đưa ra các bằng chứng về mức độ tiêu thụ nước để sản xuất ra các loại ngũ cốc, khoai tây, thịt gà, thịt bò,… ở đoạn (1) có tác dụng:

* Khẳng định, nhấn mạnh lí lẽ con người ngày càng sử dụng nhiều nước hơn cho mọi nhu cầu của mình trong cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ.
* Từ đó khuyên con người cần phải biết cách sử dụng hợp lí, tiết kiệm nguồn nước ngọt không phải vô tận.
* Các bằng chứng số liệu này làm tăng thêm sức thuyết phục cho lập luận.

**Câu 4:**Bài học rút ra cho bản thân:

* Nước không phải vô tận, sẽ bị cạn kiệt nếu con người không biết cách dùng tiết kiệm, hợp lí.
* Nguồn nước ô nhiễm sẽ gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng cho con người, do đó con người cần phải có biện pháp để bảo vệ nguồn nước, xử lí nghiêm các hành vi làm ô nhiễm môi trường nước,…

**ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI NGOÀI SGK:**

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Khi còn là học sinh trung học, một trong những giáo viên của tôi đã giao cho cả lớp một bài tập mà chúng tôi buộc phải hoàn thành trong 24 tiếng đồng hồ. Bài tập là trong suốt 24 tiếng đồng hồ chúng tôi phải cố gắng phải trở nên khác biệt. Theo lời giáo viên, mục đích của bài tập là tạo cơ hội để chúng tôi bộc lộ một phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh. Quy định duy nhất là chúng tôi không được làm bất cứ điều gì gây hại, làm phiền người khác, hoặc vi phạm nội quy nhà trường.*

*[ ...]Điều tôi học từ bài tập này là: sự khác biệt chia làm hai loại. Một loại khác biệt vô nghĩa và một loại khác biệt có nghĩa. Tôi quyết định mặc bộ đồ quái dị đến trường, tôi biết rằng mình không phải là người duy nhất, nhưng tôi đã chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ gì ý nghĩa hơn. Và thành thật mà nói, tôi đoán rằng mình thật sự chẳng hề cố tỏ ra khác biệt, hoặc nếu có, tôi chỉ chọn loại khác biệt vô nghĩa. Về vấn đề này, tôi cũng chẳng đơn độc, đa số chúng tôi đều chọn loại vô nghĩa.*

*Chỉ có J là ngoại lệ. Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận ra điều đó. Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi. Bất kể vì lí do gì, J là người duy nhất chọn loại khác biệt có ý nghĩa. Kết quả là vào cuối buổi học hôm đó, tôi cảm giác rằng không một ai trong chúng tôi là không nể phục cậu.*

*( Giong-mi Mun, Khác biệt- thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh)*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính nào được dùng trong đoạn trích?

**Câu 2.** Do đâu mà số đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa?

**Câu 3**.Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì?

**Câu 4**.Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với tuổi học sinh không? Vì sao?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

**Câu 2**. S*ố đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa là do:* Sự khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi, không cần huy động khả năng đặc biệt gì. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý...Vì dễ, ai muốn đều có thể bắt chước

**Câu 3**. Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất:con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin...Những phẩm chất ấy không phải ai muốn là cũng có được.

**Câu 4**.Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này không chỉ có giá trị đối với tuổi học sinh. Vì:

+ Những người non trẻ mới tìm cách thể hiện bằng những trò lố, những hành vi kì quặc như thế

+ Tuy nhiên, không riêng gì các bạn trẻ, mà cả những người trưởng thành nhiều khi còn chưa nhận thức đầy đủ về sự khác biệt vô nghĩa và có nghĩa trong khi sự khác biệt là phương châm sống là đòi hỏi bức thiết của con người

+ Bài học rút ra có giá trị đối với bất cứ ai.

**Đề số 04:**

Đ**ọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:**

*“Mới đây, các giáo sư tâm lý học ở trường Đại học York và Toronto (Canada) đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.*

*Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại, những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc.*

*Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.*

Trích Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn,

Theo http://dantri.com.vn ngày 12/8/2016)

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu 2:** Trong đoạn trích trên, theo nghiên cứu của các giáo sư tâm lý học, việc đọc sách văn học có tác dụng gì với con người?

**Câu 3:** Em có nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay?

**Câu 4:** Hãy kể tên một tác phẩm văn học mà em thích? Viết 5 đến 7 câu văn chia sẻ về tác dụng của tác phẩm văn học đó đối với bản thân em?

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Nghị luận**.**

**Câu 2:** Việc đọc sách có tác dụng sau:

* Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.
* Đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ.
* Đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

**Câu 3:** Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay:

* Giới trẻ hiện nay thờ ơ với việc đọc sách. Chưa có thói quen đọc sách, không dành thời gian để đọc sách.
* Giớí trẻ không mặn mà với các loại sách văn học .
* Một số ít đọc theo phong trào ,chưa xác định được mục đích của việc đọc sách

Giới trẻ ngày nay hờ hững với văn hóa đọc vì điện thoại vì mạng intơnet.Nói cách khác văn hóa đọc của giới trẻ

**Câu 4**:

* Tên tác phẩm, tác giả
* Vì sao thích?
* Tác dụng của tác phẩm văn học đó đối với bản thân em:

- Tác dụng về cung cấp tri thức, hiểu biết.

- Bồi dưỡng tâm hồn, rèn giũa nhân cách đạo đức.

- Rèn luyện ngôn ngữ, thấy được vẻ đẹp của ngôn ngữ.

- Năng cao kĩ năng sống.

**Đề số 05:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hỉện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:**

    Bạn có thế không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.

(Trích *Bản thân chúng ta là giá trị có sẵn* - Phạm Lữ Ân, *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn, 2012, tr.24)

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**: Xác dịnh câu chủ đề của đoạn văn trên.

**Câu 3a:** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp trong đoạn văn trên.

**Câu 3b**: Chỉ ra điểm giống nhau về cách lập luận trong 4 câu đầu của đoạn trích.

**Câu 4**: Giá trị có sẵn của em là gì? Giá trị ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:** Câu chủ đề : *Chắc chắn mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn.*

**Câu 3a:**

* Phép điệp cấu trúc: *Bạn có thể không ...nhưng…*
* Tác dụng :

+ Nhấn mạnh mỗi con người trong chúng ta đều có những giá trị riêng và chính bản thân chúng ta cần biết trân trọng những giá trị của mình và cố gắng phát huy điểm mạnh,khắc phục điểm yếu để hoàn thiện bản thân mình hơn.

+ Tạo sự liên kết và giọng điệu tranh luận cho đoạn văn.

**Câu 3b:**

Điểm giống nhau về cách lập luận: lập luận theo hình thức đưa ra giả định về sự không có mặt của yếu tố thứ nhất để từ đó khẳng định, nhấn mạnh sự có mặt mang tính chất thay thế của yếu tố thứ hai.

**Câu 4**: HS nêu quan điểm của bản thân.

Có thể nêu**:**

**-** Giá trị của bản thân mình:

+ Giữ đúng lời hứa với mọi xung quanh

+ Biết đối nhân xử thể,hoà đồng với mọi người xung quanh.

+ Có lòng tự trọng ,đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

+ Có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

+ Biết tha thứ lỗi lầm người khác.

…

- Những giá trị sẵn có đó làm nên giá trị của con người em, giúp em được mọi người yêu quý, tôn trọng, là nền móng vững chắc cho thành công sau này.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 3: TẠI SAO NÊN CÓ VẬT NUÔI TRONG NHÀ?**

**(Theo THUỲ DƯƠNG)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1.**  **Xuất xứ**:

- Tác giả: Thuỳ Dương.

- Theo *Tri thức trẻ -* Báo điện tử Tổ quốc.  
**2. Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận

**3. Vấn đề bàn luận:** Các lí do cần có một vật nuôi trong nhà.

**4. Bố cục:** 3 phần (theo phân chia ở SGK):

- **Phần 1: Đoạn mở đầu:** Từ đầu đến “…cho trẻ nuôi một con vật trong nhà”: Dẫn dắt và nêu vấn đề sự cần thiết của việc trẻ nên có một con vật nuôi của mình trong nhà.

- **Phần 2**: (9 đoạn giữa) Giải quyết vấn đề: Đưa ra 9 lợi ích - 9 lí do mà trẻ nên có một vật nuôi trong nhà.

🡪 Các lí do đều được in đậm để người đọc dễ nhận biết, theo dõi.

- **Phần 3:** Đoạn kết: khẳng định lại vấn đề

5. **Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Lập luận chặt chẽ

- Hệ thống lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.

- Cách trình bày rõ ràng các tiểu mục, dễ nắm bắt nội dung văn bản.

**\* Nội dung:**

Văn bản nêu những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Từ đó đồng tình với quan điểm nên nuôi một con vật khi nhà có trẻ con.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát vấn đề nghị luận của văn bản.**  Ví dụ:  Các vật nuôi trong nhà vốn là những người bạn nhỏ của mỗi gia đình. Những thú nuôi trong nhà đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, đã vẽ nên những bức tranh kí ức thời thơ ấu thật tươi đẹp. Văn bản ***“Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***” của tác giả Thuỳ Dương đã giúp người đọc hiểu được lí do vì sao mỗi gia đình nên có một vật nuôi trong nhà. |
| **2. Thân bài**  **B1: Khái quát về văn bản**  - Văn bản ***“Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***” của tác giả Thuỳ Dương được tổng hợp trên mục *Tri thức trẻ -* Báo điện tử Tổ quốc.  *-* Văn bản bày tỏ quan điểm của tác giả về những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Nội dung đó được làm sáng tỏ qua cách lập luận chặt chẽ với hệ thống lí lẽ và bằng chứng phong phú, thuyết phục. |
| **B2: Phân tích cách lập luận của văn bản**  **\*Phần 1: Nêu vấn đề nghị luận:**  - Dẫn dắt bằng cách đưa ra quan điểm : *Trẻ lớn lên cùng những con thú cưng của mình có tốt hay không?*  - Nêu vấn đề nghị luận: *Trẻ nên có một con vật nuôi của mình.*  Cách đặt vấn đề ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề.  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề : Đưa ra các lợi ích của việc nuôi thú cưng**  Người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng về các lợi ích của việc nuôi thú cưng trong nhà:   * **Phát triển ý thức:**   + Phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác.  + Học cách cảm thông và lòng trắc ẩn.  → Tạo cơ hội tự chăm sóc bản thân tốt hơn.   * **Bồi dưỡng sự tự tin:** Chăm sóc tốt con vật giúp trẻ thấy bản thân mình tốt hơn. → Lòng tự trọng được vun đắp, thấy tự hào về thành tích của mình. * **Vui chơi và luyện tập:**   + Vận động trong hoạt động luyện tập, vui đùa với thú cưng.  + Dành nhiều thời gian ngoài trời tốt cho con người: ánh nắng, không khí trong lành.  + Giúp trẻ áp dụng hiểu biết về vận động để có sức khỏe cho bản thân.   * **Bình tĩnh:** Vật nuôi mang cảm giác yên bình và luôn dành cho con người tình yêu vô điều kiện.   - **Giảm stress:**  + Cử chỉ, hành động của động vật mang lại cảm giác an toàn cho trẻ.  + Chúng mang lại sự yên tĩnh cho những người cảm thấy bối rối và căng thẳng.   * **Cải thiện kĩ năng đọc:**   + Trẻ thích đọc to câu chuyện cho thú cưng hơn.  + Giúp rèn luyện về kĩ năng đọc trôi chảy và tốt khi trẻ có thể nghe âm thanh của chính mình.   * **Tìm hiểu về hậu quả:** Khi các thú cưng không được chăm sóc tốt, kết quả thấy rõ ràng. * **Học cách cam kết:**   + Nuôi thú cưng là cam kết hoàn toàn và không được coi là công việc làm thêm.  + Giúp trẻ học cách cam kết và tuân theo cam kết.   * **Kỉ luật:**   + Huấn luyện thú cưng và dạy nó cách nghe lời.  + Nuôi chó sẽ giúp trẻ học và rèn luyện tính rèn luyện.  **- Nhận xét:**  - Người viết khẳng định lợi ích, tầm quan trọng của việc nuôi một con vật trong nhà sẽ giúp trẻ học được nhiều kĩ năng sống cũng như cái thiện đời sống tinh thần.  - Hệ thống lí lẽ đa dạng, bằng chứng thuyết phục, phù hợp với mục đích tác giả nhằm thuyết phục mọi người nên có vật nuôi trong nhà.  - Cách trình bày: các lí lẽ được đặt ngay đầu đoạn và được in đậm rõ ràng giúp người đọc dễ nắm bắt thông tin chính.  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề**  - Bày tỏ thái độ đồng tình với việc nên có vật nuôi trong nhà.  - Khẳng định một lần nữa những lợi ích của việc nuôi một con vật:  + Giúp trẻ học nhiều kĩ năng sống.  + Cải thiện đời sống tinh thần.  + Có thêm một "người bạn" chia sẻ thời thơ ấu. |
| **3. Kết bài**  **\*Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ  - Hệ thống lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Cách trình bày rõ ràng các tiểu mục, dễ nắm bắt nội dung văn bản.  **\* Nội dung:**  Văn bản nêu những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Từ đó đồng tình với quan điểm nên nuôi một con vật khi nhà có trẻ con.  **\* Rút ra bài học nhận thức:**Chúng ta cần học cách đối xử thân thiện với với động vật, đặc biệt là các vật nuôi trong nhà. |

**III. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: ĐỌC HIỂU**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?” (Thuỳ Dương):

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

Trong vài thập kỉ qua, đã có rất nhiều cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề: Trẻ lớn lên cũng những con thú cưng của mình có tốt hay không? Nhiều ý kiến cho rằng trẻ nên có một con vật nuôi của mình. Dưới đây là những lí do đáng để bạn đồng ý cho trẻ nuôi một con vật trong nhà:

**Phát triển ý thức:** Khi nuôi một thú cưng, trẻ sẽ phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác. Các con vật nuôi luôn luôn cần sự chăm sóc và quan tâm. Chúng phụ thuộc vào người cho ăn, chăm sóc và huấn luyện. Trẻ nuôi thú cưng sẽ thường xuyên học được cách cảm thông và lòng trắc ẩn. Học cách có trách nhiệm với người khác sẽ tạo cơ hội cho những đứa trẻ biết tự chăm sóc bản thân mình tốt hơn. […]

**Giảm stress:** Cùng với việc mang lại sự bình yên cho những đứa trẻ, loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress. Cử chỉ âu yếm, vuốt ve của những chú chó, có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ. Những con vật nuôi như những người biết lắng nghe và không bao giờ nói lại. Chúng cũng không bao giờ cố gắng đưa ra những lời khuyên khi người ta không muốn nghe. Chúng đơn giản ở đó như một sự yên tĩnh dành cho những người đang cảm thấy bối rối và căng thẳng. Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người. Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cũng với những tiếng “grừ, grừ” sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên. […]

(Trích “***Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***” – Thuỷ Dương)

**Câu 1.**Cách trình bày của đoạn trích trên có gì đáng chú ý?

**Câu 2.**Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng trong đoạn văn 3 “Giảm stress”.

**Câu 3.** Qua đoạn trích, em thấy tác giả đồng tình hay phản đối việc nuôi vật nuôi trong nhà? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?

**Câu 4.**Nhiều bạn trẻ ngày nay học theo trào lưu nuôi thú cưng trong nhà, nhưng chỉ là thú vui nhất thời, sau đó chán nản, nhiều người không chăm sóc, ngược đãi vật nuôi, thậm chí có bạn trẻ còn vứt con vật từng là ‘thú cưng” ra đường. Em có suy nghĩ gì về sự việc này?

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.**Cách trình bày đáng chú ý ở chỗ:  các luận điểm dùng để chứng minh vấn đề nghị luận được để ngay đầu đoạn văn và được in đậm rõ ràng Giúp cho người đọc dễ nắm bắt được các ý chính hơn.

**Câu 2.**Lí lẽ và bằng chứng trong đoạn 3 “**Giảm stress**:”

* Loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress

+ Cử chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ

* Những con vật nuôi như những người biết lắng nghe và không bao giờ nói lại.

+ Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người

+ Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cùng với tiếng :" gừ, gừ" sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên

**Câu 3:** Qua văn bản, em thấy tác giả đồng tình việc nuôi động vật. Vì ngay ở phần đầu đoạn trích, tác giả đã khẳng định sẽ đưa ra các lí do đáng để bạn đồng ý cho trẻ nuôi một con vật trong nhà. Các luận điểm tiếp theo, người viết đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng đều khẳng định lợi ích mà vật nuôi đem lại cho trẻ.

**Câu 4.**

* Chúng ta không nên chạy theo trào lưu nuôi thú cưng nếu bản thân thấy mình không đủ sự kiên nhẫn, trách nhiệm, không đủ thời gian để chăm sóc chúng. Chúng ta trước khi quyết định nuôi một em thú cưng cần xác định rõ việc nuôi thú cưng để tạo ra niềm vui cho cuộc sống, chứ đừng biến vật nuôi trở thành gánh nặng của bản thân.
* Khi đã xác định nuôi thú cưng thì phải có trách nhiệm đến cùng, yêu quý, đối xử thân thiện, bảo vệ chúng; tuyệt đối không ngược đãi, tàn sát chúng.

**Đề đọc hiểu văn bản văn nghị luận ngoài SGK:**

**Đề số 02: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Bạn đã bao giờ cười chê một người có khiếm khuyết chưa? Bất cứ ai được hỏi như thế, hẳn chẳng dám trỏ lời rằng chưa. Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người. Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa. Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là phương thuốc hữu hiệu để trị căn bệnh này. Thật vậy, khi mà khả năng yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác dán dần được bói đắp trong ta, khi ta biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, thì lúc ấy, tiếng cười ngạo mạn vô lối sẽ không có lí do gì để bật ra.”*

(Trích *Tiếng cười không muốn nghe,* Minh Đăng)

**Câu 1**. Câu thứ nhất và câu thứ hai trong đoạn có quan hệ như thế nào về ý nghĩa?

**Câu 2**. Ở đoạn trích trên, người viết chủ yếu dùng lí lẽ hay bằng chứng để bàn luận về vấn đề?

**Câu 3**. Em hiểu như thế nào về câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người”? Câu này có ý nghĩa gì với mỗi cá nhân?

**Câu** 4. Vì sao người viết cho rằng cười nhạo người khác không phải là điều quá nghiêm trọng và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa?

**Câu** 5. Theo tác giả, phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” cười nhạo người khác là gì? Hãy nêu ý kiến của em về “phương thuốc” đó.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Câu thứ nhất là một câu hỏi. Câu thứ hai trả lời cho câu hỏi đó.

**Câu 2**. Ở đoạn trích, người viết chủ yếu dùng lí lẽ để bàn luận về vấn đề.

**Câu 3**. Câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người” có nghĩa: trên đời này, hầu như ai cũng đã từng cười cợt, chê bai người khác. Mỗi cá nhân cần biết đó là biểu hiện không tốt, cần phải tránh.

**Câu 4**. Cười nhạo người khác tuy là một nhược điểm của con người, nhưng điều đó chưa tệ hại bằng những thói xấu khác như sự bất nhân, độc ác, tàn nhẫn,...

Ở phần sau của đoạn, người viết đã chỉ ra cách chữa “căn bệnh” này.

**Câu 5**. Yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác, đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, đó là “phương thuốc” mà người viết đề xuất nhằm trị “căn bệnh” cười nhạo. Bên cạnh “phương thuốc” này, có thể còn có những cách khác, chẳng hạn: phát huy vai trò của giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng quan hệ thân tình gắn bó giữa các thành viên trong tập thể, cộng đồng,... Tóm lại, tuỳ từng trường hợp cụ thể để chọn cách

“chữa trị” phù hợp.

**Đề số 03:**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

*“Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉ có sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng. Bên cạnh sự tương đồng về đặc điểm sinh lí (đói cần phải ăn, khát cần phải uống,...), con người còn có những điểm giống nhau về tâm lí, về tinh thần. Sinh ra trên đời, có ai không muốn khoẻ mạnh, thông minh? Có ai không muốn cuộc đời hạnh phúc và sự nghiệp thành công? Có ai không thích cái đẹp? Có ai không muốn được tôn trọng?...*

*Tuy nhiên, những khao khát chính đáng ấy không phải bao giờ cũng được thoả mãn. Thực tế, có nhiều người rơi vào hoàn cảnh bất hạnh. Ốm đau, mất việc, thiếu thốn, thất bại,... là những điều từng xảy ra đối với bao người xung quanh ta. Hễ ai lâm vào cảnh ngộ như thế cũng sẽ cảm thấy khốn khổ và muốn được sẻ chia, đồng cảm, cần được giúp đỡ về vật chất và tinh thần.”*

(Theo Phan Huy Dũng (Chủ biên), ***Để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kì thi trung học phổthông quốc gia - phần nghị luận xã hội***, NXB Giáo dục ViệtNam, Hà Nội, 2016, tr. 93)

**Câu 1.** Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết tính chất nghị luận trong đoạn trích trên?

**Câu 2.** Vấn đề gì được tập trung bàn luận trong đoạn trích?

**Câu 3.** Theo tác giả, con người có sự tương đồng về những mặt nào? Sự tương đồng về mặt nào mới là quan trọng?

**Câu 4**. Khi nêu vấn đề: “Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉcó sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng”, người viết dùng lílẽ để nêu ý kiến. Ý kiến đó có sức thuyết phục không?

**Câu 5**. Đọc đoạn trích, em rút ra được điều gì giúp bản thân biết ứng xử đúng đắntrong cuộc sống?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Đoạn trích nêu lên vấn đề để bàn luận, có sử dụng lí lẽ và bảng chứng để làm rõ văn đề. Đó là những dấu hiệu cho thấy tính chất nghị luận trong đoạn trích.

**Câu 2.** Sự tương đồng, gần gũi giữa con người với nhau là vấn đề được tập trung

bàn luận trong đoạn trích.

**Câu 3.** Theo tác giả, con người có sự tương đồng về mặt sinh lí và mặt tâm lí, tinh thần. Sự tương đồng về tâm lí, tỉnh thần mới là điều quan trọng, cần bàn.

**Câu 4.** Khi nêu vấn đề:“Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉ có sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng”, người viết đã dùng lí lẽ: hễ là con người, ai cũng muốn khoẻ mạnh, thông minh, hạnh phúc, thành công, được người khác tôn trọng. Lí lẽ này rất có sức thuyết phục, không dễ bác bỏ.

**Câu 5.** Em có thể tự rút ra bài học ứng xử cho riêng mình, trong đó, quan trọng nhất là phải biết chia sẻ, cảm thông với người khác.

**Đề bài 1:Trình bày ý kiến của em về hiện tượng bắt nạt học đường.**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

**- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn:** Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về hiện tượng (từng chứng kiến, là nạn nhân, hoặc là từng đã bắt nạt bạn bè. Từ thực tế đó, HS nhận thức về hiện tượng bắt nạt là hiện tượng xấu xí, đáng lên án, cần loại bỏ trong mọi đời sống, nhất là trong trường học.

- **Xác định mục đích** của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề bắt nạt: không nên bắt nạt bạn bè, tìm giải pháp để ngăn chặn và loại bỏ hiện tượng này trong trường học.

**- Thu thập dữ liệu:**

+ **Cácbằng chứng** mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng, tác hại của hiện tượng, các giải pháp mà người khác đã làm.

+ **Lí lẽ:**

+ + Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về hiện tượng bắt nạt: Hiện tượng bắtnạt gây ra hậu quả gì? (về thể chất, tinh thần, đối với mỗi người và đối với tập thể)

+ + Em thấy cần có giải pháp nào để khắc phục hiện tượng bắt nạt trong trường học.

**b. Tìm ý**

*- Hiện tượng vấn đề cần bàn, ý kiến về hiện tượng:* Bắt nạt học đường là những hành vi tiêu cực, dùng sức mạnh thể chất hay tinh thần, để đe dọa làm tổn thương người về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

**- Biểu hiện của hiện tượng bắt nạt học đường:**

+ Tình trạng bắt nạt học đường ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều học sinh, thầy cô, cha mẹ..

+ Biểu hiện của bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như:

**- Dẫn chứng nào sẽ được đưa vào bài viết để làm sáng tỏ hiện tượng.**

+ + hành vi ép làm bài tập hộ, chiếm đoạt đồ dùng, đồ ăn, dọa dẫm, quấy phá không cho học.

+ + xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp về nhân phẩm, làm thương tổn về mặt tinh thần thông qua lời nói (dẫn chứng)

+ + Đánh đập, tra tấn, hành hạ làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể thông qua những hành vi bạo lực (dẫn chứng)

**- Lí lẽ để bàn luận hiện tượng bắt nạt học đường**

***+* Tìm ra nguyên nhân**

+ + Từ những lí do trực tiếp: nhìn đểu, nói móc, tranh dành nhau...

+ + Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực: phim ảnh, sách báo, các trò chơi, đồ chơi mang tính bạo lực….

+ + Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, sai lệch trong quan điểm sống, thiếu kĩ năng sống…

+ + Sự giáo dục trong nhà trường còn nặng về dạy kiến thức văn hóa đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người

+ + Gia đình thiếu sự quan tâm, uốn nắn; bạo lực gia đình

+ **Xác định hậu quả:** Bắt nạt học đường sẽ để lại hậu quả nặng nề

+ + Đối với nạn nhân:

•Tổn thương về thể xác và tinh thần, thậm chí dẫn đến tử vong(dẫn chứng)  
• Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại  
• Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.  
+ + Đối với người gây ra bạo lực

• Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.  
• Làm hỏng tương lại chính mình, gây nguy hại cho xã hội.  
• Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.

+ Một số giải pháp: Làm thế nào để hạn chế, loại bỏ :biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, biết tôn trọng và yêu thương lẫn nhau.

- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi

**c. Lập dàn ý**

\* Yêu cầu về kĩ năng: Viết bài văn nghị luận, cách lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ vấn đề. Biết vận dùng bằng chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc về hiện tượng bắt nạt học đường là hiện tượng đáng phê phán.

\* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể có những suy nghĩ khác nhau song phải hiểu được vấn đề nghị luận. Sau đây là một số ý mang tính định hướng:

**C1.Mở bài:** Giới thiệu về bắt nạt học đường.

- Là vấn nạn hiện nay trong xã hội

- Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số

**C2.Thân bài:**

**1. Giải thích và nêu hiện trạng của hiện tượng :**

-  Bắt nạt học đường là những hành vi tiêu cực, dùng sức mạnh thể chất hay tinh thần, để đe dọa làm tổn thương người về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

- Hiện trạng ( Biểu hiện của hiện tượng bắt nạt học đường):

+ Tình trạng bắt nạt học đường ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều học sinh, thầy cô, cha mẹ..

+ Biểu hiện của bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như:

+ + hành vi ép làm bài tập hộ, chiếm đoạt đồ dùng, đồ ăn, dọa dẫm, quấy phá không cho học.

+ + xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp về nhân phẩm, làm thương tổn về mặt tinh thần thông qua lời nói(dẫn chứng)

+ + Đánh đập, tra tấn, hành hạ làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể thông qua những hành vi bạo lực (dẫn chứng)

**2- Nguyên nhân:**

+ Từ những lí do trực tiếp: nhìn đểu, nói móc, tranh dành nhau...

+ Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực: phim ảnh, sách báo, các trò chơi, đồ chơi mang tính bạo lực….

+ Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, sai lệch trong quan điểm sống, thiếu kĩ năng sống…

+ Sự giáo dục trong nhà trường còn nặng về dạy kiến thức văn hóa đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người

+ Gia đình thiếu sự quan tâm, uốn nắn; bạo lực gia đình

**3- Hậu quả:**

- Với nạn nhân:  
• Tổn thương về thể xác và tinh thần, thậm chí dẫn đến tử vong(dẫn chứng)  
• Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại  
• Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.  
- Người gây ra bạo lực:  
• Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.  
• Làm hỏng tương lại chính mình, gây nguy hại cho xã hội.  
• Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.  
**4- Giải pháp** ( làm thế nào để khắc phục hiện tượng bắt nạt học đường).  
+ Mỗi học sinh, mỗi giáo viên phải biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, biết tôn trọng và yêu thương lẫn nhau, hạn chế các xung đột và tìm cách giải quyết những mâu thuẫn một cách tốt đẹp nhất.  
+ Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường- gia đình và xã hội trong việc quản lí, giáo dục học sinh  
+ Nhà trường bên cạnh dạy văn hóa phải coi trọng dạy kĩ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ;   
+ Trong từng gia đình, người lớn phải làm gương, giao tiếp ứng xử đúng mực, mạnh dạn lên án và loại bỏ bạo lực ra khỏi đời sống gia đình.

+ Đối với học sinh là nạn nhân của bạo lực học đường phải được quan tâm, động viên, an ủitạo động lực tiếp tục công việc học tập của mình.  
+ Có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết đối với những học sinh vi phạm  
+ Cần có biện pháp quản lý, ngăn chặn và xử lí hiệu quả những hoạt động có hại : Nghiêm cấm các game, đồ chơi, sách báo phim ảnh có nội dung bạo lực  
=> kỉ cương, tình thương, trách nhiệm là phương thuốc hiệu nghiệm nhất ngăn chặn bạo lực học đường ở học sinh.  
**- Bài học nhận thức và hành động:**

+ Bắt nạt học đường là hành vi phản giáo dục, phản đạo đức, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội cần phải sớm khắc phục, chấm dứt.

+ Là học sinh phải chăm chỉ học hành, yêu thương đoàn kết bạn bè, rèn luyện nhân cách tốt đẹp mai này đem sức mình xây dựng quê hương đất nước.

**C3. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.

- Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này.

**Đề bài 2: Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay là một hiện tượng khá phổ biến. Nhiều bạn vì mải chơi game mà sao nhãng học tập và còn mắc nhiều sai lầm khác. Trình bày ý kiến của em về hiện tượng này.**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

**- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn:** Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về hiện tượng (từng chứng kiến hiện tượng nghiện game ngay trong lớp, trường,..). Từ thực tế đó, HS nhận thức về hiện tượng nghiện game nguy hiểm, tiêu cực, cần tìm cách khắc phục, nhất là trong trường học.

- **Xác định mục đích** của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề hiện tượng nghiện game : tiêu cực, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều học sinh, tìm giải pháp để ngăn chặn và loại bỏ hiện tượng này trong trường học.

**- Thu thập dữ liệu:**

+ **Cácbằng chứng** mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng, tác hại của hiện tượng, các giải pháp mà người khác đã làm.

+ **Lí lẽ:**

+ + Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về hiện tượng nghiện game : Hiện tượng gây ra hậu quả gì? (về thể chất, tinh thần, đối với mỗi người và đối với gia đình, xã hội)

+ + Em thấy cần có giải pháp nào để khắc phục hiện tượng nghiện game trong trường học.

**b. Tìm ý**

*- Hiện tượng vấn đề cần bàn, ý kiến về hiện tượng:* nghiện game là những hành vi tiêu cực, là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến nhiều tác hại .  
**- Biểu hiện của hiện tượng nghiện game**

+ Tình trạng nghiện game ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều gia đình và nhà trường

+ Biểu hiện của nghiện game có thể dễ nhận biết: người chơi dành hầu hết thời gian để chơi các trò chơi trên thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính, ...

**- Dẫn chứng nào sẽ được đưa vào bài viết để làm sáng tỏ hiện tượng.**

+ hiện tượng nghiện game trong lớp học, trong trường, trong các quán nét

+ biểu hiện của tình trạng học sinh nghiện game: nghỉ học thường xuyên, lơ đãng học hành, ..

**- Lí lẽ để bàn luận hiện tượng nghiện game**

***+* Tìm ra nguyên nhân**

+ + Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo. Do bạn bè xấu rủ rê, tính tò mò, thích thể hiện.  
+ + Do cha mẹ không quan tâm hoặc quá quan tâm  
+ + Do áp lực học tập căng thẳng, nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ

+ **Xác định hậu quả:** Bắt nạt học đường sẽ để lại hậu quả nặng nề

+ + Đối với bản thân người nghiện game: ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần, học hành xuống dốc, lơ là, chán học, bỏ học, sa vào tệ nạn xã hội khác

+ + Đối với gia đình: bố mẹ lo lắng, buồn phiền, mất niềm tin vào con cái, ...

+ + Đối với xã hội: mầm mống của tệ nạn xã hội, đạo đức xuống cấp...

+ Một số giải pháp: Làm thế nào để hạn chế, loại bỏ :biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, tự nâng cao ý thức tự giác, cần có năng lực quản lí bản thân.

- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi

**c. Lập dàn ý**

\* Yêu cầu về kĩ năng: Viết bài văn nghị luận, cách lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ vấn đề. Biết vận dùng bằng chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc về hiện tượng nghiện game trong tuổi học sinh là hiện tượng đáng phê phán, cần khắc phục, tránh xa game.

\* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể có những suy nghĩ khác nhau song phải hiểu được vấn đề nghị luận. Sau đây là một số ý mang tính định hướng:

**C1.MỞ BÀI**

- Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)

Ví dụ:

Hiện tượng nghiện game là một hiện tượng phổ biến hiện nay. Đặc biệt, hiện tượng ấy đáng lo ngại với tuổi học sinh. Nhiều bạn học sinh mải chơi game đến mức trở thành thói quen khó chữa, và còn mắc nhiều sai lầm khác. Làm thế nào để khắc phục hiện tượng này? Đó là vấn đề không hề đơn giản.

**C2.THÂN BÀI**

**1. Giải thích và nêu biểu hiện của hiện tượng nghiệm game**

+ Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay.  
+ Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.  
+ Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn.  
**Thực trạng: dùng bằng chứng nào để thấy được mức độ nghiêm trọng của hiện tượng nghiện game?**+ Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game. Nhiều bạn mải chơi game đến quên ăn, quên ngủ.  
+ Các quán game mọc lên như nấm sau mưa, nhất là khu vực gần trường học. Các quán game vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh. Bước vào quán net bạn sẽ gặp nhiều sắc áo đồng phục, những khuôn mặt chăm chú, thậm chí bạn đến tận nơi họ cũng không hay biết.  
+ Trong lớp, có những bạn thường xuyên nghỉ học với nhiều lí do khác nhau. Giờ ra chơi nếu lắng tai nghe nhóm các bạn nam nói chuyện, bạn sẽ thấy ngôn ngữ của game.  
**2. Nguyên nhân:**+ Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ.  
+ Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo. Do bạn bè xấu rủ rê, tính tò mò, thích thể hiện (bằng chứng)  
+ Do cha mẹ không quan tâm hoặc quá quan tâm (bằng chứng)  
+ Do áp lực học tập căng thẳng, nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ (bằng chứng)  
**3. Hậu quả: Tại sao chúng ta không nên sa vào game?**+ Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút, tâm lí chán học, bỏ học  
+ Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của. Người nghiện điện tử dễ mắc các bệnh về mắt, về thần kinh, đặc biệt là chứng bệnh trầm cảm, hoang tưởng. Nhiều vụ án mạng xảy ra mà nguyên nhân ban đầu của nó là tình trạng nghiện game.  
+ Người nghiện game dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội: đua xe, nghiện ma túy, ...  
**4. Các giải pháp để khắc phục hiện tượng nghiện game:**+ Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh, sắp xếp thời gian học tập và nghỉ ngơi hợp lí.  
+ Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội.  
+ Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.  
**C3. KẾT BÀI**

- Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,…).  
- Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhắn nhủ.

**2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết ( dựa vào phiếu chỉnh sửa)**

**Đề số 3:Biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng.**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

- Vấn đề cần bàn: Sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về vấn đề (từng chứng kiến biểu hiện muốn tôn trọng người khác ngay trong quan hệ bạn bè, trong quan hệ gia đình, quan hệ xã hội khác...Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng

- Xác định mục đích của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng là điều vô cùng cần thiết, mỗi người phải lắng nghe, thấu hiểu để làm cho cuộc sống tốt đẹp.

- Thu thập dữ liệu:

+ Cácbằng chứng mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng thiếu tôn trong người khá;biểu hiện của việc biết tôn trọng người khác...

+ **Lí lẽ:**

+ + Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về tác dụng, ý nghĩa của việc **biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng**

+ + Em thấy cần làm gì để thể hiện lối sống biết tôn trọng người khác/ mong muốn được người khác tôn trọng.

**b. Tìm ý**

*1- Hiểu tôn trọng người khác là gì?*

+ Tôn trọng là gì?

+ Tôn trọng người khác là gì?

+ mong muốn người khác tôn trọng là điều đúng đắn, cần thiết để tự bảo vệ giá trị của mình.

2*-* ***Lợi ích (ý nghĩa)*** *của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng. (Vì sao cần biết tôn trọng người khác?)*

*+ Đối với bản thân mỗi người:*

*+ Đối với người khác (người nghe)*

*+ Đối với xã hội.*

*Các bằng chứng được chọn:*

*3- Phê phán hành vi không tôn trọng người khác (bàng chứng)*

*4-* Làm thế nào để biết sống tôn trọng, và được người khác tôn trọng mình:

+ Luôn lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng sở thích, điểm riêng biệt,...của mỗi người

+ Sống cởi mở, chan hòa, chân thành, sẵn sàng đón nhận điểm riêng biệt của người khác. Luôn cố gắng để hoàn thiện bản thân, ...

**c. Dàn bài:**

1. *Mở bài*: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng.

Ví dụ: Trong cuộc sống, chúng ta chứng kiến những người khuyết tật tự nhiên, bị người khác cười nhạo. Cũng có những người có những điểm yếu mà rèn luyện mãi cũng không khá hơn được, bị người khác coi thường, chọc ghẹo. Nguyên nhân sâu xa của điều này, hoàn toàn là sự thiếu tôn trọng mà ra. Vậy vấn đề tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng là điều cần thiết.

*2.Thân bài*: Ðưa ra ý kiến bàn luận

*1- Hiểu tôn trọng người khác là gì?*

+ Tôn trọng là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm người khác

+ Tôn trọng người khác là sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Biết lắng nghe, quan tâm, trân trọng ý kiến, công việc, sở thích,...của người khác. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người.Trong bất cứ sự việc nào diễn ra trong cuộc sống, chúng ta cần phải biết cách tôn trọng người khác.

+ mong muốn người khác tôn trọng là điều đúng đắn, cần thiết để tự bảo vệ giá trị của mình.

*-* ***Lợi ích (ý nghĩa)*** *của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng. (Vì sao cần biết tôn trọng người khác?)*

+ Mỗi người có suy nghĩ, cách đánh giá khác nhau nên sẽ có quan điểm khác nhau về một vấn đề nào đó trong cuộc sống. Tôn trọng người khác cũng chính là tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.

+ giúp cho họ tự tin vào bản thân mình hơn, lạc quan hơn vào cuộc sống.

+ giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn.

+ Tôn trọng người khác cũng chính là tôn trọng quan điểm của chính mình. Người biết tôn trọng quan điểm của người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng.

+ tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân.

*- Bằng chứng về sự tôn trọng người khác:*.

+ Về thái độ, lời nói: Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh và luôn giữ đúng chuẩn mực, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung

+ Về cử chỉ, hành động: Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung…

- **Phê phán** những hành vi không biết tôn trọng người khác: con cái đánh đập, chửi bới cha mẹ; Chồng đánh đập vợ; Đồng nghiệp nói xấu nhau...

**- Các giải pháp**: Làm thế nào để biết sống tôn trọng, và được người khác tôn trọng mình:

+ Luôn lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng sở thích, điểm riêng biệt,...của mỗi người

+ Sống cởi mở, chan hòa, chân thành, sẵn sàng đón nhận điểm riêng biệt của người khác. Luôn cố gắng để hoàn thiện bản thân, ...

*3. Kết bài:* Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi: Biết sống tôn trọng người khác đó là cách sống văn minh, tạo niềm vui cho mình và mọi người và làm cho cuộc sống ý nghĩa.

**2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết ( dựa vào phiếu chỉnh sửa)**

**Đề số 4:Trình bày ý kiến về vấn đề khẳng định giá trị của bản thân.**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

**- Vấn đề cần bàn:sự khẳng định giá trị của bản thân**

HS cần xác định được đây là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa với mỗi người và với tất cả mọi người.

HS đã có những trải nghiệm, nhận thức về vấn đề (sự khẳng định giá trị của bản thân ngay trong quan hệ bạn bè, trong quan hệ gia đình, quan hệ xã hội khác...Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề sự cần thiết của việc sự khẳng định giá trị của bản thân

- Xác định mục đích của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề sự cần thiết của sự khẳng định giá trị của bản thân là điều vô cùng cần thiết, mỗi người phải nhận thức, tự rèn luyện, nỗ lực để phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu để khẳng định giá trị của mình

**- Thu thập dữ liệu:**

+ **Cácbằng chứng** mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của tấm gương biết vươn lên khẳng định giá trị của bản thân mỗi người.

+ **Lí lẽ:**

+ + Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về vai trò, ý nghĩa của việc sự khẳng định giá trị của bản thân

+ + Em thấy cần làm gì để sự khẳng định giá trị của bản thân mình trong tập thể, cộng đồng

b. Tìm ý

*1- Hiểu khẳng định (xác định) giá trị của bản thân là gì:*

- Là những nội lực riêng biệt của mỗi người, được thể hiện qua bản chất năng lực, trí tuệ, hành động để đem đến thành công trong công việc, học tập, tạo lập vị thế, vai trò trong xã hội.

- Là con người, ai cũng có những ưu điểm lẫn khuyết điểm riêng, cũng không có ai có thể hoàn hảo.

2*- Lợi ích (ý nghĩa)khẳng định (xác định) giá trị của bản thân(Vì sao cần biết khẳng định giá trị của bản thân mỗi người?)*

*Lí lẽ:*

*-* Là sự cố gắng, nỗ lực của chính bản thân bạn, là nhân cách của bạn.

- Nó cũng không được dùng để so sánh giữa người này và người kia

- Đó là những giá trị thực, cần được nhìn nhận. Giá trị bản thân là lòng tốt, sự hi sinh và sẵn sàng giúp đỡ những người gặp nạn.

*Bằng chứng:*

- Chọn các nghề nghiệp, công việc khác nhau thì có những cống hiến khác nhau

- Lấy dẫn chứng về giá trị của môi trường sống trong lành em đang sống là do giá trị của người lao động nào?

*3- Phê phán* người chưa coi trọng giá trị của bản thân mình hoặc không tôn trọng giá trị của người khác: Tự ti, nhút nhát, thiếu bản lĩnh sống; gặp khó khăn thì lùi bước.

*4- Làm thế nào để khẳng định giá trị của bản thân mình*?

- Nhìn nhận cuộc sống tích cực, biết yêu thương, chia sẻ và kính trọng.

- Biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy.

- Thẳng thắn nhìn nhận điểm yếu để biết cách khắc phục, hạn chế

**c. Dàn bài:**

Bài viết tham khảo:

Ai sinh ra cũng có giá trị đặc biệt. Nhìn nhận và khẳng định giá trị của bản thân trong cuộc sống có ý nghĩa quan trọng, giúp chúng ta vươn lên, vượt qua khó khăn để có được thành công.

Mỗi con người sinh ra, đến với thế giới này đều có những giá trị đặc biệt. Giá trị đó là ở tự thân của mỗi người, giống như viên ngọc đang đợi được mài sáng vậy. Giá trị bản thân là những nội lực riêng biệt của mỗi người, được thể hiện qua bản chất năng lực, trí tuệ, hành động để đem đến thành công trong công việc, học tập, tạo lập vị thế, vai trò trong xã hội. Là con người, ai cũng có những ưu điểm lẫn khuyết điểm riêng, cũng không có ai có thể hoàn hảo.

Bạn có thể có điểm mạnh về mặt này, nhưng cũng có thể có yếu điểm về mặt kia. Giá trị bản thân là của riêng bạn có, không thể sao chép hay vay mượn được từ người khác. Nó cũng không được dùng để so sánh giữa người này và người kia. Giá trị của bản thân không dựa trên công việc, ngành nghề mà bạn đang làm. Bạn là một công nhân, làm việc trong xưởng chế biến thực phẩm, giá trị con người bạn chính là nhân lực cung cấp thực phẩm cho thị trưởng. Đường phố sạch đẹp, xanh tươi và bầu không khí trong lành là công sức, vai trò của những công nhân vệ sinh môi trường. Đó là những giá trị thực, cần được nhìn nhận. Giá trị bản thân là lòng tốt, sự hi sinh và sẵn sàng giúp đỡ những người gặp nạn.

Tạo nên giá trị bản thân là chính là sự cố gắng, nỗ lực của chính bản thân bạn. Có ai đó đã từng nói: “Khi tôi là chính bản thân mình, tôi hạnh phúc và có kết quả tốt”. Có rằng, thành công, quả ngọt và dấu ấn của bản thân bạn chỉ có thể do chính bạn quyết định trong hiện tượng và tương lai. Bên cạnh sự nỗ lực nội tại của bản thân, góp phần tạo nên giá trị của bạn còn có sự đóng góp của bố mẹ, những người xung quanh. Bạn không cần phải là đứa trẻ xuất sắc về mọi mặt, nhưng bạn vẫn là niềm tự hào, là nguồn động lực của bố mẹ. Đây chính là một phần giá trị con người bạn.

Giá trị mỗi con người luôn được soi chiếu trên những giá trị chung của nhân loại, mà trong đó, giá trị mang ý nghĩa quyết định chính là nhân cách. Nghĩa là điều kiện tiên quyết để khẳng định giá trị là cách bạn nhìn nhận cuộc sống tích cực, biết yêu thương, chia sẻ và kính trọng. Biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy, đồng thời, thẳng thắn nhìn nhận điểm yếu để biết cách khắc phục, hạn chế. Có như vậy mới giúp bạn đạt nhiều thành công trong cuộc sống.

Tóm lại, mỗi chúng ta ai cũng có giá trị riêng. Mỗi chúng ta cần biết tự trân trọng, biết nhìn nhận và biết phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của mình. Đó chính là điểm mấu chốt để mỗi chúng ta góp phần nhỏ bé của mình cái chung của tạp thể, cộng đồng.

**V. Văn bản thông tin**

**1. Định nghĩa**: Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó,...

2. **Đặc điểm của văn bản thông tin**

**-Về nội dung:** Cung cấp thông tin về đối tượng.

**- Về hình thức:** thường được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương thức khác như *hình ảnh, âm thanh,...*

**3. Văn bản thuật lại một sự kiện**

- Là loại văn bản thông tin, ở đó người viết thuyết minh (trình bày, miêu tả, kể lại) một sự kiện (lịch sử, văn hoá, khoa học,...).

- Trong văn bản, người viết thường sử dụng hình ảnh và nhiều câu trần thuật với trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn; thông tin thường được trình bày theo trật tự thời gian hoặc mối quan hệ nguyên nhân - kết quả.

- Trong văn bản thuật lại một sự kiện theo trật tự thời gian, người viết thường sắp xếp các thông tin về sự kiện xảy ra theo thứ tự từ trước đến sau, từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc,...

**5. Cách đọc hiểu một văn bản thông tin**

- Chỉ ra sự kiện được nêu trong văn bản và mục đích của người viết văn bản đó.

- Nhận biết được trật tự triển khai nội dung thông tin; các số liệu và kiến thức có ý nghĩa quan trọng trong văn bản.

- Nêu được đặc điểm và tác dụng của hình thức trình bày văn bản (nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản; phần chữ và phần hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,…)

- Hiểu được sự liên quan của vấn đề nêu lên trong văn bản đối với cuộc sống cộng đồng và cá nhân người đọc.

**HỒ CHÍ MINH VÀ “TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP”**

*(Bùi Đình Phong)*

**I. TÁC GIẢ BÙI ĐÌNH PHONG**

* Bùi Đình Phong sinh năm 1950, quê ở Hà Tĩnh
* Từ năm 1981, Bùi Đình Phong là giảng viên khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chuyên giảng dạy về lịch sử cận hiện đại Việt Nam và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
* Là nhà nghiên cứu hàng đầu về lãnh tụ Hồ Chí Minh với hàng loạt công trình có giá trị cao, đặc biệt là về tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người.Với một bề dày nghiên cứu và giảng dạy, đến nay PGS.TS. Bùi Đình Phong đã có trên 30 đầu sách cá nhân, chủ biên, đồng chủ biên về đề tài Hồ Chí Minh

**1.** **Xuất xứ**: nguồn baodanang.vn (2018).

**2. Thể loại**: Văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện lịch sử)

**3.Bố cục**: 3 phần như trong SGK:

+ Phần 1: Thuật lại việc Bác yêu cầu giao cho Bác cuốn Tuyên ngôn độc lập của Mĩ.

+ Phần 2: Thuật lại quá trình chuẩn bị, hoàn thiện bản Tuyên ngôn độc lập.

+ Phàn 3: Thuật lại sự kiện Bác đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**4. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động.

**\*Nội dung:**

Văn bản *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”* của tác giả Bùi Đình Phong đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**VI. Truyện ngắn**

1. **Ôn tập kiến thức chung về truyện ngắn**

- Truyện ngắn: là tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp. .. Chi tiết và lời văn trong truyện ngắn rất cô đọng.

- Đặc điểm nhân vật: là những nét riêng của nhân vật trong truyện, thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.

- Lời người kể chuyện: là lời của người đã kể lại câu chuyện. Nếu người kể theo ngôi thứ nhất thì lời của người kể là lời của người xưng “tôi". Nếu người kể theo ngôi thứ ba thì lời của người kể là lời của người ngoài, không tham gia câu chuyện.

- Lời nhân vật: là lời của một nhân vật trong truyện.

1. **Một số lưu ý khi đọc - hiểu văn bản truyện ngắn.**

- Đọc kĩ văn bản, nhận biết được các yếu tố của truyện (ngôi kể, các nhân vật trong truyện, cốt truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật…)

- Đọc kĩ văn bản, suy nghĩ về đề tài, nội dung của truyện.

- Truyện mang đến cho người đọc những nhận thức gì, những hiểu biết gì về cuộc sống.

- Truyện mang lại thông điệp gì cho người đọc.

- Liên hệ bản thân (nếu có).

1. **Ôn tập một số văn bản truyện ngắn đã được học.**

**a. Truyện *Bức tranh của em gái tôi:***

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất

- Nhân vật chính: Kiều Phương, người anh trai

- Nội dung chính: Chuyện kể về cô em gái Kiều Phương có tài năng hội họa. Cả nhà đều vui mừng duy chỉ có người anh trai ghen tị, mặc cảm và luôn tìm cách xa lánh em gái. Trong một lần khi em gái đạt giải nhất trong kì thi vẽ tranh với bức tranh anh trai tôi, người anh mới nhận ra tấm lòng nhân hậu của em và tự thấy xấu hổ, hối hận về mình.

- Thông điệp: Truyện nhắc nhở chúng ta về mối quan hệ, thái độ, cách ứng xử giữa người này với người khác trong cuộc sống hàng ngày. Qua đó khẳng định: Tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét, đố kị. Không nên đố kị, ghen ghét trước tài năng của người khác mà cần phải biết vượt qua tất cả những mặc cảm, tự ti để vượt qua chính mình.

**b. Truyện *Điều không tính trước***

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất

- Nhân vật chính: Tôi, Nghị, Phước

- Nội dung chính: Truyện kể về câu chuyện mà tôi không lường trước được đó là trong một lần đá bóng, tôi xảy ra xích mích với Nghị. Cứ nghĩ chúng tôi sẽ xảy ra cuộc tranh chấp đánh nhau ai ngờ cả cả ba lại trò chuyện vui vẻ và trở thành những người bạn tốt.

**-** Bài học:Trước một sự việc, chúng ta cần bình tĩnh để đánh giá mọi việc không nên lấy bạo lực để giải quyết mọi chuyện.

1. **Thực hành một số đề đọc hiểu – ngữ liệu cùng thể loại**

**Đề số 1:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“.*..Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:*

*- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?*

*Con bé bịu xịu nói:*

*- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.*

*- Sao không bảo u mày may cho?*

*Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:*

*- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.*

*- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.*

*Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”…*

(Trích *Gió lạnh đầu mùa,* Thạch Lam)

**Câu 1**: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy? Dựa vào dấu hiệu nào để em biết điều đó?

**Câu 2:** Đoạn trích trên có những nhân vật chính nào?

**Câu 3**: Xác định lời nhân vật và lời của người kể chuyện trong đoạn văn sau:

“...Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?

**Câu 4:** Xác định các thành phần chính trong câu *Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo.*

**Câu 5**: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là người như thế nào?

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ ba. Dấu hiệu nhận biết điều đó: người kể giấu mình, gọi tên theo tên của nhân vật (Sơn, Lan, Hiên).

**Câu 2:** Đoạn trích trên có những nhân vật chính: Sơn, Lan, Hiên

**Câu 3:**

Lời nhân vật : *Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?*

Lời của người kể chuyện:

*Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:*

**Câu 4: T**hành phần chính trong câu:

- Chủ ngữ:*chị Lan*

*-* Vị ngữ*: hăm hở chạy về nhà lấy áo.*

**Câu 5**: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là những người tốt bụng, trong sáng và giàu tình yêu thương.

**Đề số 2:**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

**CON SẺ**

*Tôi đi dọc lối vào vườn. Con chó chạy trước tôi. Chợt nó dừng chân và bắt đầu bò, tuồng như đánh hơi thấy vật gì. Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sẻ non mép vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ. Nó rơi từ trên tổ xuống.*

*Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó. Lông sẻ già dựng ngược, miệng rít lên tuyệt vọng và thảm thiết. Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng của con chó.*

*Sẻ già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sẻ con. Giọng nó yếu ớt nhưng hung dữ và khản đặc. Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ. Nó sẽ hi sinh. Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn cuốn nó xuống đất.*

*Con chó của tôi dừng lại và lùi… Dường như nó hiểu rằng trước mặt nó có một sức mạnh. Tôi vội lên tiếng gọi con chó đang bối rối ấy tránh ra xa, lòng đầy thán phục.*

*Vâng, lòng tôi đầy thán phục, xin bạn đừng cười. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước con chim sẻ bé bỏng dũng cảm kia, trước tình yêu của nó.*

                                                                                    (Theo *I. Tuốc-ghê-nhép)*

**Câu 1**. Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

**Câu 2.** Xác định cụm danh từ trong các câu văn sau và gạch chân dưới phần trung tâm của cụm danh từ đó *“Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó.”*

Câu 3. Trong câu văn:” … Song một sức mạnh lớn hơn ý muốn của nó đã cuốn nó xuống đất”, nhà văn muốn đề cập tới ” ý muốn” và ” sức mạnh” nào của con sẻ già trước tình huống khó khăn nguy hiểm nhất?

**Câu 4.** Vì sao nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục”?

**Câu 5.** Theo em, ý nghĩa của câu chuyện này là gì?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.**

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự

- Câu chuyện được kể theo ngôi nhất.

**Câu 2**. Cụm danh từ trong câu:

+ cây cao

+ một con sẻ già có bộ ức đen nhánh

**Câu 3**. Ý muốn của chim sẻ già là muốn ở yên trên cây để thoát khỏi cái chết. Sức mạnh vủa chim sẻ là sức mạnh của tình mẫu tử thiêng liêng. Sức mạnh ấy đã chiến thắng ý muốn và thôi thúc chim sẻ sà xuống cứu lấy con mình dù cho bản thân nó vô cùng sợ hãi.

**Câu 4.** Nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục” vì:

- Thấy được sự dũng cảm và sức mạnh của con sẻ nhỏ bé trước con chó lớn hơn nó nhiều lần.

- Cảm phục trước tình mẫu tử thiêng liêng, sẵn sàng quên mình để cứu con của sẻ già.

**Câu 5.** Ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi hành động dũng cảm, xả thân cứu sẻ non của sẻ già. Qua đó nhắc nhở chúng ta về tình mẫu tử thiêng liêng trong cuộc sống.

**Đề số 3:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*“Bố mẹ tôi hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ. Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn. Chỉ có mặt Mèo là không thay đổi. Lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xịu xuống, miệng dẩu ra. Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đấy là trước kia. Bây giờ tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi...*

*Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cứ hay xét nét tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm lời dạy của chú Tiến Lê: “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”.*

*Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay dang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”.*

*Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:*

*- Con có nhận ra con không?*

*Tôi giật sững người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: "Anh trai tôi". Vậy mà dưới mắt tôi thì...*

*- Con đã nhận ra con chưa? - Mẹ vẫn hồi hộp.*

*Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng:*

*- Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy!"*

**(**Trích*Bức tranh của em gái tôi -* **Tạ Duy Anh)**

**Câu 1.** Người kể chuyện trong đoạn trích là ai, xuất hiện ở ngôi thứ mấy?

**Câu 2**. Nhân vật người anh trong đoạn trích được miêu tả chủ yếu qua ngoại hình hay qua tâm trạng, suy nghĩ?

**Câu 3.** Cảm xúc của nhân vật “tôi” khi biết tin bức tranh của Kiều Phương đạt giải có gì đặc biệt? Nếu được đưa ra lời khuyên, em sẽ nói gì với người anh lúc này?

**Câu 4.** Chỉ ra những từ ngữ diễn tả tâm trạng của nhân vật **“tôi”** khi đứng trước bức tranh em gái vẽ mình.

**Câu 5.** Giải thích vì sao người anh lại cảm thấy xấu hổ khi thấy bức tranh đạt giải nhất của cô em gái?

**Câu 6.** Tìm trạng ngữ trong câu “*Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường”* và cho biết trạng ngữ đó có tác dụng gì?

**Câu 7.** Từ nội dung đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân về cách đối xử với những người trong gia đình.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Người kể chuyện trong đoạn văn là người anh, xuất hiện ở ngôi thứ nhất (xưng “tôi”).

**Câu 2.** Nhân vật người anh trong đoạn trích được miêu tả chủ yếu qua tâm trạng, suy nghĩ.

**Câu 3.** Cảm xúc của nhân vật “tôi” khi biết tin bức tranh của Kiều Phương đạt giải: không vui, đẩy em ra, ghen tị với thành công của em.

Nếu được đưa ra lời khuyên, em sẽ nói với người anh: ghen tị là thói xấu làm chia rẽ tình cảm tốt đẹp của con người. Chúng ta nên vui mừng trước thành công của em gái mình, không nên đố kị với thành công của em.

**Câu 4.** **N**hững từ ngữ diễn tả tâm trạng của nhân vật **“tôi”** khi đứng trước bức tranh em gái vẽ mình: *giật sững người; ngỡ ngàng; hãnh diện; xấu hổ;muốn khóc.*

**Câu 5.** Người anh cảm thấy xấu hổ khi thấy bức tranh đạt giải nhất của cô em gái vì: Cậu tự nhận thấy mình không xứng đáng với vẻ đẹp tuyệt vời trong bức tranh mà Kiều Phương đã vẽ về cậu. Xấu hổ vì thái độ, cách cư xử của mình không xứng với những tình cảm mà em dành cho cậu…

**Câu 6.** Trạng ngữ trong câu: *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng*

Trạng ngữ chỉ nơi chốn

**Câu 7.** Từ nội dung đoạn trích, em rút ra bài học cho bản thân về cách đối xử với những người trong gia đình: Trước thành công và tài năng của người khác, chúng ta nên vượt qua lòng mặc cảm, tự ti để chia sẻ niềm vui một cách chân thành. Anh em trong gia đình nên biết yêu thương, có lòng nhận hậu, độ lượng, biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác.

1. **Định hướng phân tích**

Với mỗi người Việt Nam thì ngày 2/9 hằng năm luôn mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Chính ngày 2/9/1945 đã đi vào lịch sử là ngày độc lập dân tộc chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta, đồng thời mở ra kỉ nguyên mới, kỷ nguyên nhân dân ta làm chủ vận mệnh của mình để thực hiện độc lập tự do hạnh phúc.Văn bản ***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***của tác giả Bùi Đình Phong đã đem đến cái nhìn toàn diện về sự ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” – văn kiện lịch sử trọng đại đánh dẫu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Văn bản ***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) được đăng tải trên *baodanang.vn* ngày 01/9/2018 thuật lại sự kiện ra đời của bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta được chủ tích Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc trước toàn thể quốc dân đồng bào vào ngày 2/9/1945. Văn bản thuật lại sự việc theo trình tự thời gian để người đọc hình dung rõ ràng, chi tiết hơn về quá trình chủ tịch Hồ Chí Minh cho ra đời văn kiện lịch sử trọng đại này.

**Ngay dưới nhan đề bài viết là phần sa pô của bài báo được in đâm nhằm giới thiệu khái quát nội dung bài viết là nói về**ý nghĩa to lớn của sự ra đời bản Tuyên ngôn độc lập: “Bằng chính sự gan góc, quyết tâm của cả dân tộc vì một nền Cộng hòa Dân chủ, quyền tự do, độc lập thật sự, Tuyên ngôn Độc lập khẳng định dân tộc Việt Nam phải được tự do và độc lập; rằng “nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập”. Phần sa pô in đậm đã định hướng nội dung giúp người đọc dễ nắm bắt nội dung thông tin trong văn bản hơn. Ngay dưới phần sapo in đậm là hai hình ảnh minh hoạ sự kiện chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 được tác giả thêm vào để tạo thêm sự sinh động cho bài viết, thu hút người đọc hơn

**Tác giả thuật lại chi tiết quá trình ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” qua ba sự kiện chính: Hồ Chí Minh yêu cầu giao cho Người bảnT**uyên ngôn Độc lập**của Hoa Kỳ; các công tác chuẩn bị và hoàn thành**Tuyên ngôn Độc lập và sự kiện Người đọc bản Tuyên ngôn tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945.

**Bước dầu của việc chuẩn viết bản Tuyên ngôn là Bác yêu cầu**trung úy Giôn, báo vụ của OSS (cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ), điện về Côn Minh, đề nghị thả dù cho Người cuốn *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ ngay từ giữa tháng 5 sau khi Người Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào ngày 4-5-1945.

**Công tác chuẩn bị và hoàn thiện bản Tuyên ngôn Độc lậpcủa Hồ Chí Minh**được tác giảBùi Đình Phong thuật lại chi tiết theo từng ngày tháng, sự việc cụ thể: “22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội; sáng 26-8-1945, Bác triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn về nhiều vấn đề trong đó có việc ra mắt Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9 đọc Tuyên ngôn Độc lập, ra mắt Chính phủ. Người đưa bản thảo để các thành viên Chính Phủ yêu cầu xét duyệt kĩ. Ngày 28 và 29-8, ban ngày làm việc soạn thảo, ban đêm tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 30-8, mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào Tuyên ngôn Độc lập.Tất cả những sự việc trên cho thấy sự chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo của Người cùng Bộ Chính trị vì bản Tuyên ngôn Độc lập không chỉ đọc cho nhân dân toàn quốc mà còn đọc cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh.

**Phần cuối văn bản, tác giả thuật lại sự kiệnBác đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* cụ thể chi tiết về thời gian, địa điểm, thành phần tham gia: “**14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Viết về sự kiện lịch sử trọng đạinày, trong bài thơ *Sáng mùng hai tháng chín*, nhà thơ Tố Hữu có viết:

*"Hôm nay, sáng mồng hai tháng chín,*

*Thủ đô hoa, vàng nắng Ba Đình.*

*Muôn triệu tim chờ chim cũng nín,*

*Bỗng vang lên câu hát ân tình:*

*Hồ Chí Minh ! Hồ Chí Minh !*

*Người đứng trên đài lặng phút giây,*

*Trông đàn con đó vẫy hai tay.*

*Cao cao vầng trán Ngời đôi mắt,*

*Độc lập bây giờ mới thấy đây..."*

Với ý nghĩa trong đại của mình, ngày mùng 2/9 đã được lấy làm ngày quốc khánh của Việt Nam, là quốc lễ của đất nước. Hằng năm, cứ đến mỗi dịp này toàn thể dân tộc ta lại rộn ràng thi đua học tập chào mừng quốc khánh. Khắp mọi miền tổ của tổ quốc, từ thành thị đến nông thôn mọi người cùng nhau treo những lá cờ đỏ sao vàng để thể hiện tình yêu quê hương, đất nước của mình.

Bằng văn phong súc tích, ngắn gọn, văn bản trình bày theo các dấu mốc, sự kiện, cụ thể, mạch lạc, rõ ràng kết hợp với hình ảnh minh hoạ, văn bản “***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) đã thuật lại sự kiện Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình và quá trình học hỏi, tìm hiểu, không ngừng sửa chữa của Người để có thể cho ra đời bản tuyên ngôn độc lập ấy, giúp người đọc hình dung được quá trình diễn ra và chuẩn bị của Bác, Đảng, Nhà nước đối với sự kiện lịch sử quan trọng của toàn dân tộc. Qua văn bản, người đọc thấy sự nghiêm túc và tận tâm của Bác trong quá trình soạn thảo tuyên ngôn độc lập, đồng thời ta cũng thấy được niềm tự hào, trân trọng của tác giả Bùi Đình Phong đối với giá trị to lớn của bản tuyên ngôn lịch sử. Bài viết của tác giả Bùi Đình Phong đã nhìn lại giá trị lịch sử của bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh khi ngày ra đời của văn kiện đã lùi xa hơn 70 năm. Đọc bài viết *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập*”, chúng ta thêm kính trọng, biết ơn chủ tích Hồ Chí Minh và thêm tự hào về những trang sử hào hùng của dân tộc ta. Nhìn lại quá khứ, củng cố niềm tin ở hiện tại, từ đó, những thế hệ được sinh ra trong thời bình, được hưởng cuộc sống hoá bình cần trân trọng giá trị của độc lập, tự do và quyết giữ vững nền tự do, độc lập đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bản Tuyên ngôn độc lập sẽ sống mãi trong lòng người dân Việt Nam.

**IV.LUYỆN ĐỀ**

**Đề bài:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

  (1) Ngày 28 và 29-8, ban ngày, Bác đến làm việc tại 12 Ngô Quyền, trụ sở của Chính phủ lâm thời. Người dành phần lớn thì giờ soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập.* Buổi tối, tại 48 Hàng Ngang, một căn buồng vừa là phòng ăn, vừa là phòng tiếp khách, Bác tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập ở một cái bàn tròn.

(2) Ngày 30-8, Bác mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.* Người đọc cho mọi người nghe và hỏi ý kiến. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.*

(3) 14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(Trích Hồ Chí Minh và *Tuyên ngôn độc lập* - Bùi Đình Phong)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2. Đoạn trích trên thuật lại sự việc gì và theo trình tự nào?**

**Câu 3. Vị ngữ trong câu sau là loại cụm từ gì? Xác định từ trung tâm và các thành tố phụ trong cụm từ đó:**

“Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.”*

**Câu 4.Em hãy kể những việc mà gia đình em và người thân đã làm vào ngày Quốc khánh?**

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

 Phương thức biểu đạt chính: tự sự

**Câu 2:**

**Đoạn trích thuật lại sự kiện ra đời của bản Tuyên ngôn Độc lập do chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo theo trình tự thời gian.**

**Câu 3:**

Câu văn*: “*Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.”*

**Vị ngữ:** *bổ sung một số điểm vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập.*

* **Vị ngữ được cấu tạo là cụm động từ:**

+ Trung tâm: *bổ sung*

+ Phần phụ sau: *một số điểm , vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập*

**Câu 4: HS nêu những việc làm của bản thânvào dịp 2/9. Có thể nêu:**

**- Treo cờ Tổ quốc**

**- Đi thăm các di tích lịch sử, thăm lăng Bác**

**- Cùng ôn lại lịch sử ra đời ngày Quốc khánh, tìm hiểu thông tin trên internet để hiểu rõ hơn.**

**- Đến thăm nhà các bác cựu chiến binh bạn của ông…**

**Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ**

**(theo infographics.vn)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN**

**1. Thể loại:** văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện)

**2. Xuất xứ**: Đăng trên *infographics.vn* ngày 6/5/2019

Mở rộng: Đồ họa thông tin ( infographic) thường dùng trong văn bản thông tin, là hình thức đồ họa trực quan sử dụng hình ảnh để trình bày thông tin( dữ liệu, kiến thức,...) một cách ngắn gọn và rõ ràng.

3. **Bố cục:** 3 phần tương ứng 3 đợt “tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ”:

- Phần 1: Đợt 1: (13 đến 17/3) tiêu diệt 2 cứ điểm Him Lam, Độc lập, mở toang cử phía Bắc và Đông Bắc.

- Phần 2: Đợt 2 (30/3 - 30/4) kiểm soát các điểm cao, các khu trung tâm khiến địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần.

- Phần 3: Đợt 3 (1 đến 7/5) tổng công kích, 7/5 toàn thắng.

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,... góp phần làm sinh động văn bản thông tin.

**\*Nội dung:**

Văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta.

**2. Định hướng phân tích**

Không phải ngẫu nhiên mà danh từ “Điện Biên Phủ” lại có tên trong từ điển bách khoa quân sự thế giới. Hơn 6 thập kỷ trước, với sức mạnh trí tuệ và bản lĩnh anh hùng, quân và dân ta đã “lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều,” giành toàn thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ba tiếng “Điện Biên Phủ” đã trở thành niềm tự hào và biểu tượng của sức mạnh Việt Nam.Văn bản thông tin ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ***  được đăng trên *infographics.vn* ngày 6/5/2019 đã thuật lại diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” hào hùng năm nào dưới hình thức đồ hoạ thông tin sinh động.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên nội dung chính của văn bản: thuật lại diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.** Nhan đề được trình bày theo chữ in hoa cỡ lớn, màu sắc nổi bật gây chú ý cho người đọc. Cụm từ “diễn biến” ở nhan đề cũng cho biết các thông tin trong văn bản sẽ được trình bày theo trình tự thời gian, từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc.Sa pô của văn bản nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc đã hái quát về chiến dịch Điện Biên Phủ, tóm tăt vấn đề chính của văn bản được nêu ra ở nhan đề.

**Sau nhan đề và sa pô, văn bản c**ung cấp các thông tin chính về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ. Diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ chia làm 3 đợt tiến công; các đợt tiến công đều được thuật lại theo diễn biến thời gian cụ thể với các sự kiện chính trị quan trọng.Đợt 1 (13 đến 17/3), quân ta tiêu diệt 2 cứ điểm: Him Lam và Độc Lập, mở cửa phía Bắc và Đông Bắc cho quân ta tiến xuống lòng chảo và khu trung tâm. Đợt 2 (30/3 đến 30/4) là đợt tấn công, dai dẳng, quyết liệt nhất, quân ta kiểm soát các điểm cao, khu trung tâm. Quân địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần. Đợt 3 (1 đến 7/5) quân ta tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm và 7/5/1954 chiến dịch toàn thắng. Các thông tin cụ thể của đoạn 3 được in đậm bởi đây là đợt tiến quân cuối cùng, thông tin thể hiện kết quả của cả chiến dịch Điện Biên Phủ.

Các thông tin chính cụ thể trong văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* được trình bày theo trình tự thời gian. Hình thức trình bày sử dụng màu sắc dễ dàng phân biệt, kí hiệu đồng nhất kết hợp với hình ảnh minh hoạ kèm theo sinh động gắn với nội dung của từng đợt tiến công, cỡ chữ in đậm vào những câu có nội dung quan trọng thu hút người đọc, khiến người đọc dễ nắm bắt được nội dung, không thấy khô khan, nhàm chán.

Bằng sự kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,... sinh động, hấp dẫn; lời văn ngắn gọn, cô đọng, chính xác, văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* đã cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta, qua đó khẳng định ý nghĩa trọng đại của sự kiện lịch sử này. Văn bản đã làm sống lại cả một thời kì hào hùng của dân tộc, khơi dậy trong lòng người đọc niềm tự hào sâu sắc vào những trang sử vẻ vang đã làm nên bởi máu và nước mắt của cha ông một thời đạn lửa. “*Chín năm làm một Điện Biên - Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”*, chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam**.**Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kì gian khổ 9 năm của dân tộc Việt Nam, đó là chiến thắng của lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, kiên cường của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

Văn bản “*Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ” giúp ta nhìn lại quá khứ để vững tin hơn vào tương lai.* Thời gian đã lùi xa, nhưng chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam; là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

**III. LUYỆN ĐỀ đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu về văn bản “***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ***”:

**Đề bài: Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**. Xác định thể loại văn bản trên.

**Câu 2a.**  Ghi lại câu văn nêu nội dung chính của văn bản.  
**Câu 2b.Chỉ ra những câu văn được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian. Chỉ ra tác dụng của kiểu câu đó với việc trình bày sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản.**

**(GV chọn 1 trong hai câu 2a hoặc 2b)**

**Câu 3**. Nhận xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản (màu sắc, hình ảnh, cỡ chữ, các kí hiệu...).

**Câu 4**. Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tìm hiểu về lịch sử dân tộc đối với học sinh?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**Thể loại: văn bản thông tin sử dụng đồ hoạ thông tin.

**Câu 2a:**

Câu văn nêu nội dung chính của văn bản nằm ở sa pô của văn bản:

**“**Chiến dịch Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 của quân và dân ta. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.”

**Câu 2b:**

* Các câu được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong bài ***Diễn biến Chiến dịch* Điện Biên Phủ là:**

**+ Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.**

**+ Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.**

**- Tác dụng của kiểu câu mở đầu bằng các trạng ngữ chỉ thời gian với việc trình bày các sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản: Cung cấp các mốc thời gian cụ thể cho sự kiện lịch sử, giúp thông tin được thuật lại sự kiện lịch sử thêm chân thực, khách quan, chính xác hơn.**

**Câu 3:**Nhân xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản:

+ Cách trình bày các thông tin theo trình tự thời gian.

+ Cách trình bày này ngắn gọn, dễ theo dõi, dễ dàng nắm bắt được thông tin và  các sự kiện chính. Hình ảnh minh họa kèm theo sinh động, chân thực.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Tìm hiểu về lịch sử dân tộc giúp cho HS:

* Mở rộng hiểu biết của HS về lịch sử dân tộc, biết và hiểu được những sự kiện xã hội, tự nhiên đã xảy ra trong quá khứ, cũng như biết được các thế hệ cha ông đã sống như thế nào và đã làm những việc gì, đã dựng nước và giữ nước như thế nào.
* Bồi đắp thêm lòng yêu nước cho các thế hệ, có thái độ trân trọng, tình cảm biết ơn và có những việc làm tri ân đối với thế hệ đi trước, các vĩ nhân, danh nhân, các anh hùng, liệt sĩ.
* Tìm hiểu lịch sử còn giúp cho thế hệ sau rút ra những bài học kinh nghiệm từ quá khứ để sống tốt hơn, làm giỏi hơn các thế hệ đi trước để xây dựng đất nước ngày một to đẹp, đàng hoàng. Thông qua lịch sử mà truyền cảm, thôi thúc các thế hệ hậu sinh phấn đấu vươn lên sao cho xứng đáng với sự mong đợi, kỳ vọng của các thế hệ cha ông,
* …

**VĂN BẢN GIỜ TRÁI ĐẤT**

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN**

**1**. **Xuất xứ:** Theo baodautu.vn (29/03/2014)

**2**. **Thể loại**: văn bản thông tin

**3**. **Bố cục:** 03 phần:

+ Phần 1: Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất”

+ Phần 2: **Sự ra đời và phát triển của** chiến dịch “Giờ Trái Đất”.

+ Phần 3: **Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu.**

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**a. Giá trị nội dung**

- Văn bản *Giờ Trái Đất* đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.

- Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu.

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.

-Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **a. Giải quyết vấn đề: Phân tích văn bản về nội dung và nghệ thuật**  ***\* Ý nghĩa của nhan đề và sa pô:***  ***-* Nhan đề:** Nêu lên thông tin sự kiện Giờ Trái Đất  - **Sa pô**:  + Vị trí: nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc.  + Nội dung: nêu sự kiện tối 29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.  ==> Khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.  ***\* Thông tin của văn bản***  **b. Phần 1: Ý tưởng khởi phát của Giờ Trái Đất**  - 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney.  - Cơ sở: Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất.  **c. Phần 2: Sự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất**  **\* Ra đời**​:   2005, dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời.  - 2006, đặt tên lại là "Giờ Trái Đất".  + Nội dung chiến dịch: Kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.  + Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn.  + Được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng Sydney.  - 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney.  **\* Phát triển:**  - Thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó.  - 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người.  - 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia.  → Giờ Trái Đất giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảo vệ hành tinh.  **d. Phần 3: Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu**  - Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao.   - Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất. |
| **3. Đánh giá khái quát**  **a. Giá trị nghệ thuật**  - Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.  -Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.  **b. Giá trị nội dung**  - Văn bản ***Giờ Trái Đất*** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.  - Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu. |

**2. Định hướng phân tích**

“Biến đổi khí hậu” đã và đang là vấn đề được toàn thế giới quan tâm khi mà những hình thái thời tiết “chưa từng có tiền lệ” đang tác động ngày một lớn đến cuộc sống của con người. Trong những năm gần đây, con người đã dần nhận thức và hành động quyết liệt hơn để chống biến đổi khí hậu. Và một trong những chiến dịch chống biến đổi khí hậu có quy mô toàn cầu phải kể đến đó là chiến dịch “Giờ Trái Đất”. Văn bản “***Giờ Trái Đất”*** (đăng trên báo dautu.vn ngày đã thuật lại quá trình ra đời, hình thành và phát triển hưởng ứng của chiến dịch giờ Trái đất trên thế giới - một sự kiện mang tính toàn cầu và có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta. Văn bản nhắc nhở mỗi người cần có những suy nghĩ và hành động thiết thực trong vấn đề biến đổi khí hậu, bảo vệ trái đất.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên thông tin sự kiện chính – Giờ Trái Đất. Sapo của bài viết** nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc. Phần sa pô đã nêu sự kiện tối 29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu, qua đó đã khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.

**Sau nhan đề và sa pô, văn bản c**ung cấp các thông tin chính về sự kiện Giờ Trái Đất bao gồm 03 thông tin chính: Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất; s**ự ra đời và phát triển của**chiến dịch *Giờ Trái Đất*; ***Giờ Trái Đất* đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu.Các thông tin trong văn bản được trình bày theo trình tự thời gian gắn với các mốc thời gian, số liệu cụ thể, chính xác, đem đến cho người đọc những hiểu biết chi tiết về sự kiện Giờ Trái Đất.**

**Phần mở đầu văn bản, người viết trình bày ý** tưởng khởi phát của chiến dịch Giờ Trái Đất:Năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney. Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất. Như vậy chiến dịch Giờ Trái Đất được khởi nguồn từ ý tưởng của người dân Australia nhằm hướng đến thức tỉnh ý thức người dân về biến đổi khí hậu, trách nhiệm đối với Trái Đất – hành tinh chung.

Phần tiếp theo của văn bản trình bày **sự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất.** Tên gọi của chiến dịch bắt nguồn từ dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời năm 2005 do Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế Australia cùng một công ti quảng cáo thực hiện. Năm 2006, tên gọi "Giờ Trái Đất" chính thức ra đời để chỉ chiến dịch kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn. Ngày 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney. Từ một chiến dịch khởi nguồn từ đất nước Australia, dần dần, chiến dịch “Giờ Trái Đất” đã thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó. Ngày 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người. Năm 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia. Chiến *dịch Giờ Trái Đất* giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảo vệ hành tinh. Văn bản đã dẫn lời của ông En-di-Rít-li – Giám đốc và là người sáng lập chiến dịch “Giờ Trái Đất” toàn cầu: “*Giờ Trái Đất không chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn, mà đây là chiến dịch trong đó tất cả mọi người trên thế giới cùng nhau đoàn kết và thể hiện họ có thể làm gì trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh”*. Ý kiến của ông En-di-Rít-li đã nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của chiến dịch này, tăng thêm độ tin cậy cho văn bản.

**Phần cuối văn bản đã trình bày thông tin chiến dịch Giờ Trái Đất đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu nhờ ý nghĩa lớn lao đối với môi trường.** Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao.Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất.

Bằng ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục; kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh minh hoạ, trich dẫn ý kiến,..., văn bản ***Giờ Trái Đất*** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này. Qua văn bản, người đọc rút ra thông điệp ý nghĩa cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu. Mỗi người hãy hành động để chung tay bảo vệ màu xanh của Trái Đất – hành tinh chung của chúng ta.

**IV. LUYỆN ĐỀ**

GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu về văn bản “Giờ Trái Đất”:

**Đề bài 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Chiến dịch Giờ Trái đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch trong phạm vi quốc gia của Australia nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái đất những năm sau đó.

Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.

Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người tại hơn 4.000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ”

*(Trích “Giờ Trái Đất” –* Theo baodautu.vn*)*

**Câu 1**. Xác định thể loại của văn bản.

**Câu 2**. Xác định vị ngữ của câu văn sau và cho biết vị ngữ đó thuộc loại cụm từ gì?

“Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

**Câu 3.**Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa gì?

**Câu 4.**Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, em còn biết thêm những việc làm nào góp phần chống biến đổi khí hậu?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Văn bản thông tin.

**Câu 2:**

**Câu văn:** “Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

**- Vị ngữ:** được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

=> Đây là cụm động từ:

+ Động từ trung tâm: tổ chức

+ Phụ trước: được

+ Phụ sau: ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới , với sự tham gia của hơn 50 triệu người

**Câu 3:**

Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa:

- Chiến dịch Giờ Trái Đất là một chiến dịch cộng đồng có ý nghĩa lớn trong việc góp phần chống biến đổi khí hậu Trái Đất.

- Ngày càng có nhiều người dân, nhiều quốc gia nhận thức được tầm quan trọng của việc phải hành động để chống biến đổi khí hậu, để bảo về sự bền vững của Trái Đất.

**Câu 4:** Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, còn có rất nhiều những việc có thể làm để góp phần chống biến đổi khí hậu:

- Giáo dục ý thức học sinh trong nhà trường; nâng cao nhận thức của mọi người về tác hại của biến đổi khí hậu và sự cần thiết phải có những giải pháp góp phân giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- Trồng rừng và thật nhiều cây xanh.

- Không xả rác, đốt rác bừa bãi

- Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng: điện, gas, khí đốt,; thay thế bằng các nguồn năng lượng sạch khác (năng lượng gió, năng lượng mặt trời)

- Sử dụng các thiết bị tự động công nghệ cao để giảm tổn hao năng lượng trong dài hạn. …

- Sử dụng chất thải trong chăn nuôi để sản xuất biogas dùng đun nấu, vừa giảm ô nhiềm môi tường, vừa giảm thiểu C02

**BÀI 2: KHÁI QUÁT CÁC KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT ĐÃ HỌC**

**A. TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ TIẾNG VIỆT**

I. Lý thuyết

1. Từ là gì ?

- Từ là đơn vị ngôn ngữ dùng để đặt câu.

2. Từ đơn và từ phức:

a. Có 2 loại: Từ đơn, từ phức.

+ Từ đơn là từ chỉ có 1 tiếng

+ Từ phức là từ có 2 tiếng trở lên.

+ Từ phức gồm:

**- Từ ghép** : Là từ do 2 hoặc nhiều tiếng có nghĩa ghép lại tạo thành nghĩa chung.

**- Từ láy:** Là từ gồm 2 hay nhiều tiếng láy nhau. Các tiếng láy có thể có một phần hay toàn bộ âm thanh được lặp lại.

**b. Cách phân biệt từ ghép và từ láy:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ghép:** 2 tiếng đều có nghĩa và có quan hệ với nhau về nghĩa. Ví dụ: *học tập, tốt bụng*… | **Từ láy:** chỉ có 1 tiếng có nghĩa hoặc không tiếng nào có nghĩa; không có quan hệ về nghĩa, chỉ có quan hệ âm thanh (giống nhau hoàn toàn hoặc giống nhau 1 bộ phận của tiếng) Ví dụ: *mềm mại, xinh xắn,…* |
| Các từ phức có các tiếng giống nhau sẽ là từ ghép nếu:   * Cả hai tiếng đều có nghĩa: *tươi tốt, non nước, đi đứng…* * Các từ gốc Hán: *cần mẫn, tham lam, bảo bối, chân chính, trang trọng…* * Danh từ: *bình minh, hoàng hôn,*… * Từ đơn đa âm tiết (danh từ): *chuồn chuồn, ba ba, đu đủ, thằn lằn…* | |
| Các từ có một tiếng có nghĩa và một tiếng không có nghĩa nhưng các tiếng trong từ được biểu hiện trên chữ viết không có phụ âm đầu thì cũng xếp vào nhóm từ láy (láy vắng khuyết phụ âm đầu).  VD: *ồn ào, ầm ĩ, ấm áp, im ắng, ao ước, yếu ớt*,… | |

1. **Cách phân biệt từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ghép đẳng lập**  Có tiếng chính và tiếng phụ, tiếng chính thường chỉ loại lớn và đứng trước, tiếng phụ chỉ đặc điểm để phân loại lớn và đứng sau; nghĩa của cả từ thường hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.  VD*: xe đạp, đỏ sậm, bà ngoại, hoa hồng*… | **Từ ghép chính phụ**  Không có tiếng nào chính, tiếng nào phụ; nghĩa của cả từ thường khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo ra nó.  VD: *nhà cửa, quần áo, ăn uống, tốt đẹp…* |

**b. Bài tập thực hành**

**Bài 1: Ghi lại từ đơn, từ phức trong đoạn thơ sau?**

*Em yêu màu đỏ*

*Như máu trong tim*

*Lá cờ Tổ quốc*

*Khăn quàng đội viên.*

Từ đơn: ………………………………………………………………………

Từ phức: ……………………………………………………………………….

**Bài 2: Từ các từ đơn sau, hãy thêm tiếng để tạo ra các từ phức (nếu có)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| **Từ ghép** | **Từ láy** |
| cây |  |  |
| nhà |  |  |
| xanh |  |  |
| nóng |  |  |
| đỏ |  |  |

**Bài 3: Phân loại các từ gạch chân trong đoạn văn sau vào ba nhóm**

*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh và phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông…”*

**(*Cô Tô,* Nguyễn Tuân)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ghép đẳng lập** | **Từ ghép chính phụ** | **Từ láy** |
|  |  |  |

**Bài 4: Gạch chân vào từ khác với các từ còn lại trong nhóm**

1. Đo đỏ, thoang thoảng, ngay ngắn, tươi tốt.
2. Xe đạp, bút chì, bà ngoại, quần áo.

**Bài 5:** **Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) Từ ghép tổng hợp | b) Từ ghép phân loại | c) Từ láy |
| nhỏ………..…… | nhỏ……….……. | nhỏ……………….. |
| lạnh……….……. | lạnh…….………. | lạnh…….………... |

**Đáp án bài tập**

**Bài 1:**

Từ đơn: em, yêu, như, máu, trong, tim

Từ phức: màu đỏ, lá cờ, Tổ quốc, khăn quàng, đội viên.

**Bài 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| **Từ ghép** | **Từ láy** |
| cây | Cây bàng | Cây cối |
| nhà | Nhà cửa |  |
| xanh | Xanh mướt | Xanh xanh |
| nóng | Nóng nực |  |
| đỏ | Đỏ tươi | Đo đỏ |

**Bài 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ghép có nghĩa phân loại** | **Từ ghép có nghĩa tổng hợp** | **Từ láy** |
| Chân trời, mặt trời, phúc hậu. | Chài lưới | Dần dần, tròn trĩnh, đầy đặn, hồng hào, thăm thẳm. |

**Bài 4: Từ khác với các từ còn lại trong nhóm**

1. Đo đỏ, thoang thoảng, ngay ngắn, tươi tốt.
2. Xe đạp, bút chì, bà ngoại, quần áo.

**Bài 5:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) Từ ghép đẳng lập | b) Từ ghép chính phụ | c) Từ láy |
| nhỏ bé | nhỏ xíu | nhỏ nhắn |
| lạnh giá | lạnh ngắt | lạnh lẽo |

**II. Từ mượn**

**1.Từ thuần Việt và từ mượn**

- Từ thuần Việt là những từ do ông cha ta sáng tạo ra

- Từ mượn (hay còn gọi là từ vay mượn, từ ngoại lai) là những từ ta vay mượn từ ngôn ngữ nước ngoài được nhập vào ngôn ngữ của ta để biểu thị sự vật, hiện tượng ... mà tiếng việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

- Nguồn gốc từ mượn: Mượn từ chủ yếu là tiếng Hán, ngoài ra còn mượn các ngôn ngữ khác như Anh, Pháp, Nga... (Nhóm Ấn - Âu)

- Cách viết từ mượn:

+ Các từ mượn đã đươc Việt hóa hoàn toàn thì viết như từ thuần việt, vd: Mít tinh, xô viết...

+ Các từ mượn chưa được Việt hóa hoàn toàn ta nên dùng dấu gạch nối các tiếng với nhau.

**III. Nghĩa của từ**

\* Nghĩa của từ là gì?

- Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.

\* Cách giải thích nghĩa của từ

*- 2 cách giải thích nghĩa của từ :*

*- Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị.*

*- Giải thích bằng cách đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ đó.*

**IV.Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ**

**1. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.**

- Từ có thể có một nghĩa, nhưng phần lớn các từ trong ngôn ngữ là những từ có nhiều nghĩa.

- Chuyển nghĩa là hiện tượng tăng thêm nghĩa cho từ nhằm tạo ra các từ nhiều nghĩa.

VD: Từ *chân* có các nghĩa:

1. Bộ phận dưới cùng của người hay động vật, ding để nâng đỡ và di chuyển thân thể. *Chân trái, chân bước đi...*
2. Chân con người biểu trưng cho cương vị, tư thế trong tập thể, tổ chức. *Có chân trong Ban quản trị.*
3. Một phần tư con vật bốn chân khi làm thịt chia ra. *Đụng một chân lợn.*
4. Phần cuối cùng của một số vật dùng để đỡ hoặc bám chắc trên mặt nền. *Chân kiềng.*

Các nghĩa trên của từ chân có được là do chuyển nghĩa theo những mối quan hệ khác nhau. Sự chuyển nghĩa từ *chân người* thành *chân bàn, chân núi* là dựa vào mối quan hệ tương đồng (giống nhau về vị trí, chức năng) hoặc thành nghĩa chỉ “người” trong *có chân trong Ban quản trị* là dựa vào quan hệ tiệm cận (“người” và “chân” luôn đi đôi với nhau).

- Các nghĩa trong từ nhiều nghĩa được chia thành:

+ Nghĩa gốc (nghĩa chính, nghĩa đen): là nghĩa làm cơ sở để chuyển nghĩa, hình thành các nghĩa khác.

+ Nghĩa chuyển (nghĩa phụ, nghĩa bóng): là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

*Lưu ý:* Trong nghĩa của từ còn có các nghĩa bị hạn chế về phạm vi sử dụng, như nghĩa văn chương, nghĩa thuật ngữ, nghĩa địa phương... Ví dụ, nghĩa “đẹp” của từ *hoa* là nghĩa văn chương, nghĩa “tốt” của từ *ngon* là nghĩa địa phương.

=> Khi đọc văn bản hoặc tạo văn bản cần chú ý.

- Các từ nhiều nghĩa trong những tình huống sử dụng bình thường được dùng với một nghĩa. Tuy nhiên có những trường hợp từ được dùng với nhiều nghĩa để tạo cách hiểu bất ngờ, đặc biệt trong thơ văn trào phúng, châm biếm, đả kích...

- Để hiểu đúng nghĩa của từ nhiều nghĩa, phải đặt từ trong ngữ cảnh, trong mối quan hệ với những từ khác, câu khác trong văn bản.

- Phân biệt từ nhiều nghĩa với từ đồng âm.

**2.Thực hành**

**Bài 1:** Cho các từ:

Ruộng nương, ruộng rẫy, nương rẫy, ruộng vườn, vườn tược, nương náu, đền chùa, đền đài, miếu mại, lăng tẩm, lăng kính, lăng loàn, lăng nhăng.

- Tìm các từ ghép, từ láy

*\* Từ láy*: Lăng loàn, lăng nhăng, miếu mạo, ruộng rẫy.

*\* Từ ghép*: Ruộng nương, nương rẫy, vườn tược, đình chùa, lăng tẩm, lăng kính

**Bài 2**: Cho trước tiếng: Làm

Hãy kết hợp với các tiếng khác để tạo thành 5 từ ghép 5 từ láy.

*\* 5 từ ghép*: làm việc, làm ra, làm ăn, làm việc, làm cho

*\*5 từ láy*: Làm lụng, làm lành, làm lẽ, làm lấy, làm liếc

**Bài 3:** Phân loại từ trong đoạn văn

Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngẫm nghĩ, chàng càng thấy lời thầm nói đúng. Chàng bèn chẹn chọn thứ gạo nếp thơm lừng trắng tinh. Hạt nào hạt nấy tròn mẩy đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ.

*\*Từ ghép*: mừng thầm, ngẫm nghĩ, gạo nếp, thơm lừng, trắng tinh, đậu xanh, thịt lợn, lá dong, hình vuông (chú ý/l hai tiếng khi đọc liền nhau)

*\*Từ láy*: không có

*\*Từ đơn*: Các từ còn lại

# **Bài 4**: Cho các tiếng sau

# Mát, xinh, đẹp , xe, hoa

# a) Hãy tạo ra từ láy và đặt câu

b) Hãy tạo ra từ ghép

*Bài 5*: Viết một đoạn văn khác câu nêu cảm nhận của em về nguồn gốc dân tộc Việt Nam sau khi đọc truyện "***Con Rồng cháu Tiên***" trong đoạn văn có sử dụng từ láy.

**Bài 5**

*a,* Vô cùng, ngạc nhiên, tự nhiên, sính lễ (Hán).

*b,* Gia nhân. (Hán)

*c,* Pốp, Mai-cơn, Giắc xơn, in - tơ - nét (Anh)

**Bài 6**

a. - Khán giả 🡪 Người xem

(Giả : Người; Khán : Xem)

- Độc giả - người đọc

(Giả : Người; Độc : Đọc)

b. - Yếu điểm: Điểm quan trọng

(Yếu: Quan trọng. Điểm: điểm)

- Yếu lược : Tóm tắt điều q/trọng

(Yếu: Quan trọng; Lược: tóm tắt)

- Yếu nhân: Người quan trọng.

**Bài 7**:

a) Tên đơn vị đo lường: m, cm , km, hải lí , dặm, trượng……

b) Tên bộ phận xe đạp, ghi đông, pê đan, gác đờ bu

c) Tên đồ vật: xà phòng, rađiô, cát sét, sô pha, ti vi…

**Bài 8:** Phôn, nốc áo, phan: trong giao tiếp thân mật với bạn bè, người thân.

Ưu điểm: ngắn gọn

Nhược điểm: Không trang trọng, không phù hợp trong giao tiếp hình thức.

**2. Bài tập bổ sung**

**Bài 1:** Tìm các từ ghép thuần việt tương ứng với các từ Hán Việt sau:

Thiên địa Trời đất

Giang sơn Sông núi

Huynh đệ Anh em

Nhật dạ Ngày đêm

Phụ tử Cha con

Phong vân Gió mây

Quốc gia Nước nhà

Tiền hậu Trước sau

Tiến thoái Tiến lùi

Cường nhược Mạnh yếu

Sinh tử Sống chết

Tồn vong Còn mất

Ca sĩ Người hát

Phụ nữ Đàn bà

Nhi đồng Trẻ con

Phụ huynh Cha anh

**Bài 2:** Viết đoạn văn ngắn tả lớp học của em (5 câu gạch chân các từ Hán Việt có trong đoạn).

**Bài 3:** Điền từ

- Cười góp: Cười theo người khác

- Cười mát: cười nhếch mép có vẻ khinh bỉ giận hờn.

- Cười nụ: Cười chúm môi một cách kín đáo.

- Cười trừ: Cười để khỏi trả lời trực tiếp.

- Cười xoà: Cười vui vẻ để xua tan sự căng thẳng.

**Bài 4:** Điền từ

***a) Tiếng đầu của từ là hải:***

……chim lớn cánh dài và hẹp, mỏ quặp sống ở biển.

…..khoảng đất nhô lên ngoài mặt biển hoặc đại dương

…..sản phẩm động vật, thực vật khai thác ở biển.

***b) Tiếng đầu của từ là giáo***

…….người dạy ở bậc phổ thông.

…….học sinh trường sư phạm.

…….đồ dùng dạy học để học sinh thầy một cách cụ thể.

**Bài 5***: Tìm một số nghĩa chuyển của từ nhà, đi, ăn, đặt câu với nghĩa chuyển của mỗi từ đó*

a) Từ nhà

- Nơi ở, sinh hoạt của con người → Nghĩa chính

- Người vợ, người chồng → Nghĩa chuyển

b) Đi

- Di chuyển từ nơi này sang nơi khác với tốc độ bình thường → Nghĩa chính.

- Không còn nữa.

c) Ăn

- Quá trình chuyển hoá thức ăn vào cơ thể.

- Được lợi một cái gì đó.

**1. Chữa bài tập**

**Bài 1**: *Kể ra trường hợp chuyển nghĩa một số từ chỉ bộ phận cây cối chuyển nghĩa để cấu tạo chỉ bộ phận cơ thể người?*

- Lá => lá phổi, lá lách.

- Quả => quả tim, quả thận.

- Búp => búp ngón tay.

- Quả: Quả tim, quả thận…

**Bài 2:***Tìm một số hiện tượng chuyển nghĩa của từ tiếng việt.*

- Chỉ sự vật chuyển thành hành động: Cái cưa→ cưa gỗ;

Cái cuốc→ cuốc đất;

Hộp sơn →sơn cửa;

Cân muối→ muối dưa.

- Chỉ hành động chuyển thành chỉ đơn vị:

- Đang bó lúa→ gánh 3 bó lúa

- Cuộn bức tranh→ 3 cuộn giấy

- Đang nắm cơm → 3 nắm cơm

**Bài 3:**

a. Tác giả nêu 2 nghĩa của từ bụng. Còn thiếu 1 nghĩa: phần phình to ở giữa 1 số sự vật (bụng chân ).

b. Nghĩa các trường hợp sử dụng từ bụng: - ấm bụng: nghĩa 1.

- tốt bụng: nghĩa 2.

- bụng chân: nghĩa 3.

**Bài 4:** *Nghe - Viết chính tả*

*============================================*

**CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ - TỪ VỰNG**

**A. Mục tiêu cần đạt**

- Hiểu thế nào là so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ

- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong văn bản

- Biết cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong nói và viết

**B. Nội dung**

**I. So sánh**

**1. Khái niệm:**

Là việc đối chiếu hai hay nhiều sự vật có những điểm tương đồng nhằm làm nổi bật lên những đặc điểm riêng biệt của đối tượng đó và làm sự diễn đạt trở nên sống động, giàu hình ảnh, cảm xúc. So sánh được phân thành hai loại: so sánh ngang bằng hoặc không ngang bằng.

=>So sánh là sự đối chiếu sự vật, sự việc với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn biết ngủ, biết hoc hành là ngoan.

So sánh: Trẻ em = búp trên cành =>Đều non tơ, trẻ trung, bụ bẫm, đáng yêu.

**2. Cấu tạo của phép so sánh**

+ Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm:

- Vế A (nếu lên sự vật, sự việc được so sánh)

- Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế).

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh

- Từ ngữ chỉ ý so sánh ( gọi tắt là so sánh)

- Trong thực tế, mô hình cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều:

- Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.

**3. Các kiểu so sánh**

Có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

- So sánh không ngang bằng

Ví dụ: "Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

 Những hình ảnh so sánh trong đoạn thơ trên là:

***“Những ngôi sao thức***” – “chẳng bằng” – ***“mẹ đã thức”***

=> So sánh ko ngang bằng

Ví dụ 2: Cô giáo như mẹ hiền

Hình ảnh so sánh: Cô giáo với mẹ hiền => So sánh ngang bằng

**4. Tác dụng của so sánh**

- So sánh có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể sinh động

- Vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng tình cảm.

**II. Nhân hóa**

**1. Khái niệm**

Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người ; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật, ... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm

của con người.

Ví dụ: *Khăn thương nhớ ai*

*Khăn rơi xuống đất*

*Khăn thương nhớ ai*

*Khăn vắt trên vai*

*Đèn thương nhớ ai*

*Mà đèn chẳng tắt*

*( Ca dao)*

Thương, nhớ: Vốn là hành động của con người được gán cho sự vật là khăn , đèn => nhân hóa

**2. Các kiểu nhân hóa**

Có 3 kiểu nhân hóa thường gặp

- Dùng những từ ngữ vốn gọi người để gọi vật

- Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật.

- Trò chuyện xưng hô với vật như đối với người

Ví dụ:

a. Từ đó, **lão***Miệng,***bác** *Tai,* **cô** Mắt**, cậu** *Chân***, cậu** *Tay* lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

*(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Miệng, Tai, Mắt, Chân,Tay*

b. Gậy tre, chông tre**chống lại**sắt thép quân thù. Tre **xung phong** vào xe tăng, đại bác. Tre**giữ** làng,**giữ** nước**, giữ**mái nhà tranh, **giữ** đồng lúa chín.

*(Thép Mới)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Tre*

c.      Trâu ơi, ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

*(Ca dao)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Trâu*

**B. Bài tập**

**Bài 1:**

Viết một đoạn văn tả cảnh bình minh, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Khi ông mặt trời vén những đám mây thức dậy vươn mình ban phát ánh nắng xuống trần gian, ấy là lúc ngày mới bắt đầu trên quê hương em. Sớm bình minh, những tia nắng mới nhuộm đỏ cả một khoảng trời. Những chú chim bắt đầu cất cao giọng hát chào mừng ngày mới. Những đóa hoa trong vườn thi nhau tỏa hương khoe sắc. Trên những kẽ lá, ***những hạt sương long lanh đọng lại như những viên pha lê, kim cương quý quá, sáng lấp lánh dưới ánh mai.*** Tất cả nhưu bừng sáng, rực rỡ, tươi đẹp trong bình minh

**Bài mẫu 2:**

Bình minh quê em rất đẹp. Bình minh bắt đầu khi chú gà trống cất cao tiếng gáy gọi ông mặt trời thức giấc. Ông mặt trời kéo cỗ xe lửa ban phát ánh nắng xuống trần gian. Líu lo trên cành cây là những chú chim tinh nghịch. Dòng sông đỏ nặng phù sa dưới ánh nắng mai lấp lanh, khẽ đem dòng nước mát lành tưới tiêu cho ruộng lúa vườn cây.**Những anh gọng vó tựa như những nghệ sĩ mua ba lê điêu luyện lướt mình trên mặt nước. Cánh đông lúa chín vàng như tấm thảm khổng lồ trải dài tít tắp đến tận chân trời**. Ngôi làng bắt đầu trở nên tấp nập đón chào ngày mới.

**Bài 2***:*

Viết một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng miêu tả cảnh sân trường em giờ ra chơi có sử ít nhất 2 phép so sánh

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1**:

" Tùng ! Tùng ! Tùng ! " tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến. **Chúng em đứng dậy chào cô rồi ùa ra ngoài như đàn ong vỡ tổ.** Khuôn mặt của đứa nào cũng hào hứng, vui tươi hơn!  Các bạn bắt đầu vui đùa, nhảy dây, đá bóng, chạy nhảy nói cười rộng ràng cả khoảng sân, phá tan đi không gian yên tĩnh trước đó.**Những cành cây như cũng đang vui cười, trò chuyện cùng mấy bạn học sinh**. Ôi ! Giờ ra chơi thật vui !

**Bài mẫu 2**:

Khi tiếng trống trường vang lên báo hiệu giờ ra chơi đã đến, ấy là lúc học sinh chúng em có cho mình những giây phút thư giãn sau những giời học tập mệt mỏi. **Học sinh từ cá lớp ùa ra sân trường như đàn ong vỡ tổ**. Bạn nào bạn nấy vui chơi thỏa thích dưới bóng cây xanh mát. Chỗ này bạn nam đá cầu, chỗ kia bạn nữ nhảy dây, bịt mắt bắt dê,.... **ồn ào như chợ vỡ**. Dưới bóng cây xanh mát, lũ học trò tinh quái bày đủ trò nghịch ngợm cùng nhau . Cảnh vui tươi, nhộn nhịp trở thành những kỉ niệm vô cùng đáng nhớ của tuổi thơ.

**Bài 3:**

Hãy viết một đoạn văn miêu tả ngắn với nội dung tự chọn, trong đó có dùng phép nhân hóa.

**Gợi ý:**

Một ngày chủ nhật nhẹ nhàng, buồn chiều nắng nhẹ, tôi cùng **chú mèo con** đi ra cách đồng trước nhà. Dưới cánh đồng xanh thời thiếu nữ, từng **bác cua**, **chú ốc** đang lặng lẽ kiếm ăn. **Họ** **đào xới**những chiếc tổ dành riêng cho **gia đình mình**. Ngồi trên bờ ngắm cảnh, tôi nhìn thấy **cụ cua già**đang **chỉ đạo** **đàn con cháu** **xây** chiếc tổ mới thay thế cho chiếc tổ nhỏ xíu trước đây bởi **đứa con dâu** mới về của **cụ** chuẩn bị **sinh** một **đàn chắt đáng yêu** cho **cụ**. Bên kia bờ, lại có những **chị cốc**dắt theo **đàn con nhỏ** kiếm ăn. Dường như mới lần đầu đi theo **mẹ,** **đàn cốc bé** ríu rít, **ánh mắt** lộ rõ vẻ**hiếu kì,** **chăm chú nhìn** xuống thửa ruộng. Bầu trời hôm nay thật đẹp, trong xanh mà mát vẻ với những đám mây trắng bồng bềnh và những làn gió nhẹ thổi qua. Trên cao, **gia đình cò** cùng nhau trở về tổ, **họ** bay **chậm rãi** như đang **thưởng thức** vài ánh nắng nhẹ nhàng của **ông mặt trời.** Mọi vật **bận rộn** với những công việc của riêng mình và cả con người cũng vậy. Bác nông dân đang nhổ đi những đám cỏ xấu xí, bé Bi đang dắt**chú trâu** nhà mình gặm cỏ trên đồi, mẹ tôi đang loay hoay với khu vười nhỏ xinh,... còn tôi ngồi bên **bé mèo con** ngắm cảnh. Cuộc sống thật vui vẻ và bình yên.

**Phép nhân hóa trong bài:**chú mèo con, bác cua, chú ốc, họ, gia đình, cụ cua già, chỉ đạo, dàn con cháu, xây, đứa con dâu, cụ, sinh, dàn chắt, đáng yêu, chị cốc, đàn con nhỏ, mẹ, đàn cốc bé,ánh mắt, hiếu kì, chăm chú, nhìn, gia đình cò, họ, chậm rãi, thưởng thức, ông mặt trời, bận rộn, chú trâu, bé mèo con

**Bài 4:**

Viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời lặn, trong đó có sử dụng phép so sánh và nhân hóa.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Hoàng hôn dần bao trùm cả làng quê. **Những đám mây**trên nền trời không mang màu trắng tươi sáng, trong lành của ban mai mà**dần khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của buổi hoàng hôn.** Trên tấm màn to lớn màu hồng tím ấy,  ta có thể thấy rõ**ông mặt trời như trái bóng tròn khổng lồ màu đỏ** từ từ khuất bóng dưới ngọn tre già. Ngay sau đó, từng đàn cò trắng bay thẳng hàng vội vã bay qua. Đồng ruộng màu lúa chín vàng ruộm, ta có thể ngửi thấy mùi lúa chín thơm thoang thoảng, ngọt ngào đưa hương. Hoàng hôn buông xuống, mọi người bắt đầu trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả.

Biện pháp so sánh: Ông mặt trời- trái bóng tròn khổng lồ

Biện pháp nhân hóa: Những đám mây- khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của hoàng hôn

**Bài mẫu 2:**

Hoàng hôn đang dần buông trên bở biển dài rì rào từng đợt sóng vỗ xô vào bờ cát để lại những vỏ ốc, vò sò lấm tấm trắng trên nền cát nâu sẫm. ***Ông mặt trời*** như hòn than rực đỏ đang từ từ chuyển động chìm dần xuống đại dương sâu thẳm. Phía xa xa, vài chú cá phi trên mặt nước làm nổi lên những từng bọt sóng nhỏ tạo nên một cảnh đẹp hùng vĩ mà rất đỗi thân thuộc. Hoàng hôn, cũng là lúc thủy triều dâng, **những cơn sóng thi nhau xô bờ tựa như những đứa trẻ con nô đùa mãi không bao giờ biết chán**.Tít tắp ngoài khơi xa, những con thuyền đánh cá xa bờ đang trở về sau một ngày dài làm việc với biển cả, những cánh buồm trắng dương cao nổi bật trong không gian. Biển vốn đẹp là thế, nó càng thêm tráng lệ khi chiều về , đẹp đến rung động lòng người.

Biện pháp so sánh: những cơn gióng thi nhau xô bờ - những đứa trẻ nô đùa

Biên pháp nhân hóa: ông mặt trời.

**2.Từ đa nghĩa, từ đồng âm.**

**I. Lí thuyết**

**1. Từ đồng nghĩa**

a. Khái niệm : - Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

- Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

b. Phân loại: 2 loại

+ đồng nghĩa hoàn toàn: không phân biệt nhau về sắc thái ý nghĩa

+ đồng nghĩa không hoàn toàn: có sắc thái ý nghĩa khác nhau

Sử dụngtừ đồng nghĩa: Khi nói, viết cần cân nhắc để chọn các từ đồng nghĩa thể hiện đúng thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm. Làm cho diễn đạt sinh động, hay hơn, nhấn mạnh nội dung cần thể hiện.

**2. Từ trái nghĩa**

a. Khái niệm: Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ng­ược nhau.

- Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ trái nghĩa khác nhau.

b. Sử dụng: Làm cho cách diễn đạt sinh động hơn, tạo phép đối, hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động.

**3. Từ đồng âm**

a. Khái niệm: là những từ phát âm giống nhau nh­ưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.

b. Tác dụng: Tạo cách diễn đạt ấn tượng hấp dẫn, tạo phép chơi chữ, cách hiểu bất ngờ thú vị.

Lưu ý: - Trong giao tiếp phải chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của từ hoặc dùng từ với nghĩa n­ước đôi do hiện t­ượng đồng âm.

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1**:

a) Hãy tìm những từ đồng nghĩa với từ *chết.*

b) Trong số những từ vừa tìm đ­ược, từ nào có thể thay thế đ­ược từ *chết* trong câu văn sau:

- Chiếc ô tô bị chết máy.

c) Từ nào sau đây có thể điền vào chỗ trống cho cả hai câu sau :

- Tàu vào cảng ........than.

- Em bé đang........... cơm. (nhai, nhá, ăn, chở)

**Bài tập 2**: Tập hợp từ đồng nghĩa nào d­ưới đây có thể thay thế được cho nhau trong mọi hoàn cảnh

a) Thiên, trời; chết, băng hà, hi sinh,

b) Cha, ba, tía; má, mẹ; nhà thơ, thi sĩ.

c) Cha, ba; chết, toi, hi sinh; hoa, bông.

d) ăn, xơi, hốc, chén; heo, lợn.

**Bài tập 3**: Xếp các từ sau đây vào nhóm từ đồng nghĩa: dũng cảm, chén, thành tích, nghĩa vụ, cho, chăm chỉ, trách nhiệm, tặng, bổn phận, thành quả, mời, cần cù, kiên c­ường, nhiệm vụ, biếu, siêng năng, thành tựu, xơi, chịu khó, gan dạ, ăn.

**Bài tập 4**:

a) Kể ra các từ đồng nghĩa với từ *ăn*. Cho ví dụ về cách dùng của ba từ trong số các từ đó.

b) Tìm các từ đồng nghiã với các từ sau : rộng (rộng rãi, thênh thang; chạy(phi, bay, vọt, lồng, lao) ; cần cù ( chăm chỉ, cần mẫn) ; thưa ( thưa thớt) ; đen ( huyền, ô, tối mực); nghèo ( bần, nghèo khổ, bần hàn)

**Bài tập 5**: Xác định các từ trái nghĩa trong các câu sau

a) Đêm tháng năm ch­ưa nằm đã sáng

Ngày tháng m­ời chư­a c­ười đã tối.

b) Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mồng mười tháng ba.

c) Khúc sông bên lở bên bồi

Bên lở thì đục, bên bồi thì trong.

**Bài tập 6**: Tìm từ trái nghĩa với những từ sau: nhỏ bé, sáng sủa, cao th­ượng, cẩn thận.

**Bài tập 7**: Gạch d­ưới từ đồng âm khác nghiã trong các câu sau và giải nghĩa các từ đồng âm ấy:

- Chúng tôi ngồi vào bàn để bàn công việc.

- Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.

- Anh ấy hỏi đư­ờng đến nhà máy đư­ờng.

**Bài tập 8**: Có hai câu sau

- Kiến *bò* đĩa thịt *bò*.

- Ruồi *đậu* trên mâm xôi *đậu.*

Hãy giải nghĩa và phân biệt từ loại của các từ in nghiêng?

**Bài tập 9**: Mỗi câu d­ưới đây có mấy cách hiểu ? Hãy diễn đạt lại cho rõ cách hiểu ấy(Có thể thêm một vài từ)

- Mời các anh chị ngồi vào bàn.

- Đem cá về kho.

**Bài tập 10**: Viết đoạn văn (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa,từ trái nghĩa,từ đồng âm.

**Bài tập 11: Tìm nghĩa của từ mùa xuân trong câu thơ sau**

*“Mùa xuân1 là tết trồng cây*

*Làm cho đất nước ngày càng xuân2”*

=>Là từ nhiều nghĩa

Xuân1:mùa trong năm thời tiết ấm áp, cây cối xanh tốt

Xuân2: sự phát triển của đất nước

=> Nghĩa có liên quan với nhau.

1. **Từ mượn**
2. **II. Từ mượn**

**Từ thuần Việt và từ mượn**

- Từ thuần Việt là những từ do ông cha ta sáng tạo ra

- Từ mượn (hay còn gọi là từ vay mượn, từ ngoại lai) là những từ ta vay mượn từ ngôn ngữ nước ngoài được nhập vào ngôn ngữ của ta để biểu thị sự vật, hiện tượng ... mà tiếng việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

- Nguồn gốc từ mượn: Mượn từ chủ yếu là tiếng Hán, ngoài ra còn mượn các ngôn ngữ khác như Anh, Pháp, Nga... (Nhóm Ấn - Âu)

- Cách viết từ mượn:

+ Các từ mượn đã đươc Việt hóa hoàn toàn thì viết như từ thuần việt, vd: Mít tinh, xô viết...

+ Các từ mượn chưa được Việt hóa hoàn toàn ta nên dùng dấu gạch nối các tiếng với nhau.

**Bài 1 SGK /26**

*a,* Vô cùng, ngạc nhiên, tự nhiên, sính lễ (Hán).

*b,* Gia nhân. (Hán)

*c,* Pốp, Mai-cơn, Giắc xơn, in - tơ - nét (Anh)

**Bài 2/26**

a. - Khán giả 🡪 Người xem

(Giả : Người; Khán : Xem)

- Độc giả - người đọc

(Giả : Người; Độc : Đọc)

b. - Yếu điểm: Điểm quan trọng

(Yếu: Quan trọng. Điểm: điểm)

- Yếu lược : Tóm tắt điều q/trọng

(Yếu: Quan trọng; Lược: tóm tắt)

- Yếu nhân: Người quan trọng.

**Bài 3**:

a) Tên đơn vị đo lường: m, cm , km, hải lí , dặm, trượng……

b) Tên bộ phận xe đạp, ghi đông, pê đan, gác đờ bu

c) Tên đồ vật: xà phòng, rađiô, cát sét, sô pha, ti vi…

**Bài 4:** Phôn, nốc áo, phan: trong giao tiếp thân mật với bạn bè, người thân.

Ưu điểm: ngắn gọn

Nhược điểm: Không trang trọng, không phù hợp trong giao tiếp hình thức.

**B. Thêm trạng ngữ cho câu**

**1. Ý nghĩa thêm trạng ngữ cho câu**

**-** Về ý nghĩa, trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.

- Về hình thức :

- Trạng ngữ có thể đứng ở đầu hoặc cuối câu, hay giữa câu

- Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết.

**2. Công dụng của trạng ngữ**

Trạng ngữ có những **công dụng** như sau:

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác;

- Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc.

**3. Tách trạng ngữ ra thành câu riêng**

Trong một số trường hợp, để nhấn mạnh ý, chuyển ý hoặc thể hiện những tình huống, cảm xúc nhất định, người ta có thể tách trạng ngữ, đặc biệt là những trạng ngữ đứng cuối câu, thành những câu riêng.

**II. Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu**

1**. Khái niệm**

Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị (cụm C –V), làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

**Ví dụ :**Tìm các cụm danh từ có trong câu

*Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có.*

*(Hoài Thanh)*

Các cụm danh từ là: *những tình cảm ta không có*

*những tình cảm ta sẵn có*

**2.**Phân tích cấu tạo của những cụm danh từ vừa tìm được và cấu tạo của phụ ngữ trong mỗi cụm danh từ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phụ ngữ trước** | **Trung tâm** | **Phụ ngữ sau** |
| những | tình cảm | ta không có |
| những | tình cảm | ta sẵn có |

Có thể xem hai phụ ngữ ta không có và ta sẵn có là những cụm chủ - vị.

2. Các trường hợp dùng cum chủ vị để mở rộng câu

Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm C – V.

Câu a. Chị Ba đến / khiến tôi rất vui và vững tâm.

 C                              V

=> Chủ ngữ là 1 cụm chủ - vị, vị ngữ là phụ ngữ trong cụm động từ;

Trong đó:

Chị Ba / đến

  C          V

tôi / rất vui và vững tâm.

 C                V

Câu b: Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta / tinh thần rất hăng hái.

                         T                                 C                             V

=>Vị ngữ là 1 cụm chủ vị;

Trong đó:

tinh thần / rất hăng hái.

    C                 V

**B. Bài tập**

**Bài 1:**

Xác định trạng ngữ trong các câu. Các trạng ngữ vừa tìm được bổ sung nội dung gì ?

Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. [...]

Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ "văn minh", "khai hoá" của thực dân cũng không làm ra được một tấc sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người. Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

*(Thép Mới)*

**Gợi ý:**

Trạng ngữ trong câu là : Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, đời đời kiếp kiếp , từ nghìn đời nay

- Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, có tác dụng mở rộng ý nghĩa cho câu.

- Dưới bóng tre xanh : làm rõ, xác định về mặt không gian (nơi chốn) cho điều được nói đến trong câu

- Đã từ lâu đời đời đời, kiếp kiếp,từ nghìn đời nay: bổ sung thêm thành phần ý nghĩa xác định về mặt thời gian cho câu

- Từ nghìn đời nay : bổ sung thêm thành phần ý nghĩa xác định về mặt thời gian cho câu

**Bài 2:**

Viết đoạn văn ngắn có sử dụng trang ngữ (chỉ nơi chốn, thời gian, mục đích, phương tiện…) chủ đề trường học

**Gợi ý:**

Giờ ra chơi luôn là khoảng thời gian thoải mái nhất với chúng tôi sau những giờ học tập căng thẳng. Dưới tán bàng xanh mát, từng nhóm học sinh tụ tập cùng nói cười vui vẻ. Giữa sân trường, các bạn nam đang chơi đá bóng vô cùng hào hứng trong tiếng cổ vũ, reo hò nhiệt tình của các bạn cổ động viên. Phía trong thư viện, căn phòng đọc là khoảng không gian tĩnh lặng dành cho các bạn muốn được được thư thái đọc sách. Mỗi bạn học sinh đều chọn cho mình một khoảng trời riêng trong thời gian giải lao để giải trí và thư giãn.

- Các trạng ngữ: dưới tán bàng xanh mát, giữa sân trường, phía trong thư viện (trạng ngữ chỉ nơi chốn)

**Bài 3:**

Tìm trạng ngữ trong các đoạn trích dưới đây:

a) Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

*(Thạch Lam)*

b) Chúng ta có thể khẳng định rằng: cấu tạo của Tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cớ khá rõ về sức sống của nó.

(Đặng Thai Mai)

Phân loại các trạng ngữ vừa tìm được.

Kể thêm những loại trạng ngữ khác mà em biết. Cho ví dụ minh họa

**Gợi ý:**

Các trạng ngữ và phân loại :

- Trạng ngữ chỉ thời gian :khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi

- Trạng ngữ chỉ không gian (nơi chốn): trong cái vỏ xanh kia; dưới ánh nắng

-Trạng ngữ chỉ nguyên nhân : vì cái chất quý trong sạch của Trời

- Trạng ngữ chỉ cách thức: như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết

- Trạng ngữ chỉ phương tiện : với khả năng thích hợp với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây

Các loại trạng ngữ trên đây cũng là các loại trạng ngữ mà chúng ta thường sử dụng khi nói, viết. Ngoài ra còn có  trạng ngữ khác như :

- Trạng ngữ chỉ mục đích, ví dụ : Các công ty, để chống trộm, đã trang bị các thiết bị báo động

**Bài 4:**

Chỉ ra những trường hợp tách trạng ngữ thành câu riền trong các chuỗi câu dưới đây. Nêu tác dụng của những câu do trạng ngữ tạo thành

a) Bố cháu đã hi sinh. Năm 72.

*(Theo báo Văn nghệ)*

b) Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xoã gối. Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn.

*(Anh Đức)*

**Gợi ý:**

Câu a:

- Trạng ngữ: *Năm 72.*

- Tác dụng: nhấn mạnh đến thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước.

Câu b:

- Trạng ngữ: *Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ dờn li biệt, bồn chồn.*

- Tác dụng: làm nổi bật thông tin ở nòng cổt câu; nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà trạng ngữ biểu thị, so với thông tin ở nòng cốt câu.

**Bài 5:** Viết đoạn văn có sử dụng câu đăc biệt , câu rút gọn và câu có thành phần trạng ngữ

**Gợi ý:**

Mùa đông, gió mùa đông bắc tràn về cùng với cái lạnh khắc nghiệt và đường phố cũng vắng vẻ hơn thường lệ. **Buổi sáng**, mặt trời lười biếng vẫn còn đang ngủ, không chịu dậy để ban phát những tia nắng ấm áp cho cỏ cây hoa lá.**Lạnh!** Ra đường, cụ già, trẻ em và cả các thanh niên sung sốc... tất cả đều mặc những chiếc áo len, áo khoác dày, quàng khăn, đội mũ sùm sụp để có thể làm giảm đi cái rét cắt da cắt thịt. Hai hàng bàng ven đường đã trút bỏ bộ cánh già cỗi từ lâu, chỉ còn trơ lại những chiếc cành khẳng khiu nhẫn nại chịu đựng giá rét. Bên đường, hàng phở tấp nập người ra vào, cô bán hàng làm luôn tay, nào lấy bánh, nào chan nước...**Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức**. Dường như họ đã tạm quên đi cái lạnh giá của mùa đông.

- Câu đặc biêt: Lạnh!

- Câu rút gọn:  Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức.

- Trạng từ: buổi sáng

**Bài 6:**

Tìm cụm C – V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu dưới đây. Cho biết trong mỗi câu, cụm C – V làm thành phần gì.

a. Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về.

*(Thạch Lam)*

b. Trung đội trưởng Bính khuôn mặt đầy đặn.

*(Trần Đăng)*

c. Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào.

*(Thạch Lam)*

d. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình.

*(Nam Cao)*

**Gợi ý:**

Câu a: Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta / gặt mang về.

                                                                       T                                                                   C             V

=> Trạng ngữ có một cụm chủ vị là phụ ngữ trong cụm danh từ:

Câu b: Trung đội trưởng Bính / khuôn mặt đầy đặn.

                        C                                      V

=>Vị ngữ là 1 cụm chủ vị:

khuôn mặt / đầy đặn.

                       C                V

Câu c: Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta / thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào.

                                                     T                                         C                                                                                 *V*

=>Trạng ngữ là một cụm danh từ có cụm chủ - vị làm phụ ngữ:

Vị ngữ có một cụm chủ - vị làm phụ ngữ trong cụm động từ:

Câu d: Bỗng một bàn tay đập vào vai / khiến hắn giật mình.

                                 C                                      V

=>Cụm chủ - vị làm chủ ngữ, cụm chủ – vị làm phụ ngữ trong cụm động từ vị ngữ:

Bỗng một bàn tay / đập vào vai

                            C                      V

**Bài 7:**

Mỗi câu trong từng cặp câu dưới đây trình bày một ý riêng. Hãy gộp các câu cùng cặp thành một câu có cụm C – V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ mà không thay đổi nghĩa chính của chúng.

a) Chúng em học giỏi. Cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

b) Nhà văn Hoài Thanh khẳng định: “Cái đẹp là có ích”.

c) Tiếng việt rất giàu thanh điệu. Điều đó khiến lời nói của người Việt nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

d) Cách mạng tháng Tám thành công. Từ đó, tiếng Việt có một bước phát triển mới, một số phận mới.

**Gợi ý:**

- Câu a: Thêm động từ

Chúng em học giỏi làm cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

- Câu b: Dùng lời dẫn trực tiếp làm phụ ngữ cho động từ khẳng định

Nhà văn Hoài Thanh khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích.

- Câu c: bỏ cụm từ điều đó

Tiếng Việt rất giàu thanh điệu khiến lời nói của người Việt Nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

- Câu d: thay thế cụm từ từ đó bằng một cụm động từ hoặc têm cụm danh từ đầu câu

Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, tiếng Việt có một bước phát triển mới, số phận mới.

**C. DẤU CÂU**

**1. Dấu chấm lửng – dấu chấm phẩy**

**a. Công dung của dấu chấm lửng**

***Dấu chấm lửng*** được dùng để:

- Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết;

- Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;

- Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm

**-*Dấu chấm phẩy***được dùng để:

- Đánh dấu ranh giới giữa các về của một câu ghép có cấu tạo phức tạp;

- Đánh dấu ranh giới giũa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp

***Dấu gạch ngang***có những công dụng sau:

- Đặt ở đầu dòng đê đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu;

- Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp hoặc để liệt kê;

- Nối các từ nằm trong một liên danh

**B. Bài tập**

**Bài 1**

Trong mỗi câu có dấu chấm lửng dưới đây, dấu chấm lửng được dùng để làm gì?

a. - Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xọc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?

    - Dạ, bẩm...

    - Đuổi cổ nó ra!

*(Phạm Duy Tốn)*

b. Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại...

*(Đào Vũ)*

c. Cơm, áo, vợ, con, gia đình...bó buộc y.

*(Nam Cao)*

**Gợi ý:**

a) Thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng

b) Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở

c) Tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa được liệt kê hết

**Bài 2:** Viết đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng

**Gợi ý:**

Hôm nay, trường tôi phát động phong trào ủng hộ các bạn học sinh vùng núi còn gặp nhiều khó khăn. Thông qua các thông tin do cô tổng phụ trách cung cấp, chúng tôi được biết các bạn không có sách vở, thậm chí là quần áo ấm để mặc giữa mùa đông lạnh giá. Vì vậy, các bạn trong lớp đều hồ hởi chuẩn bị những món đồ không dùng đến để dành tặng các bạn. C**hỉ sau hai ngày phát động, lớp tôi đã đóng góp được 20 chiếc áo khoác, 15 chiếc áo len, 30 quyển vở, 28 bộ sách giáo khoa…**Những món quà nhỏ của chúng tôi hi vọng sẽ giúp đỡ được phần nào khó khăn của các bạn học sinh.

***- Tác dụng cảu dấu chấm lửng: Tỏ ý còn nhiều sự vật chưa liệt kê hết.***

**Bài 3:**Viết đoạn văn có sử dụng dấu chấm phẩy

**Gợi ý:**

**Câu có dấu chấm phẩy được in đậm:**

Việt Nam có tinh thần yêu nước nồng nàn, đó là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Tình yêu ấy thường trực trong trái tim mỗi người dân yêu nước và khi đất nước đứng trước hoàn cảnh kẻ thù xâm lược bờ cõi, tình yêu ấy đã biến thành hành động thiết thực. **Tất cả nhân dân đều ra sức chuẩn bị cho kháng chiến: những thanh niên trai tráng xung phong ra trận; những người dân ở hậu phương ra sức sản xuất để cung cấp gạo cho tiền phương; những kiều bào nước ngoài đóng góp; những mà mẹ chăm sóc và nuôi giấu cá bộ cách mạng.** Mỗi người một hành động, đều thể hiện tình yêu nước và đóng góp công sức cho dân tộc Việt Nam. Tinh thần đoàn kết ấy đã làm nên thắng lợi vẻ vang cho đất nước.

- Tác dụng của dấu chấm phẩy: đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp

**Bài 4:**

- Hãy nêu rõ công dụng của các dấu gạch nối trong ví dụ dưới đây:

- Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc-lin là từ này chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren...

*(An-phông-xơ Đô-đê)*

**Gợi ý:**

- Tác dụng của đấu gạch nối: nối các tiếng trong từ tên riêng của các thành phố nước ngoài Béc-lin, An-dát, Lo-ren

**Bài 5:** Viết đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn có sử dụng dấu gạch ngang và dấu gạch nối.

**Gợi ý:**

Pháp – đất nước cổ kính và lãng mạn, nằm giữa châu Âu với lịch sử hàng nghìn năm hình thành. Pháp có thủ đô Pa-ri hoa lệ, cổ kính, ngập tràn ánh sáng và phồn hoa đô hội. Đất nước ấy còn nổi tiếng với những biệt thự cổ,nhỏ nhắn cạnh dòng sông Xen êm đềm. Đến đây, chúng ta còn được chiêm ngưỡng những công trình kiến trức nổi tiếng như Nhà thờ Đức Bà, Khải hoàn môn...

**-** Dấu gạch ngang: Pháp – đất nước cổ kính và lãng mạn, nằm giữa châu Âu với lịch sử hàng nghìn năm hình thành.

- Dấu gạch nối:Pa-ri

**Bài 6:**Viết đoạn văn ngắn chủ đề bạn bè có sử dụng dấu gạch ngang

**Gợi ý:**

Lan – Lớp trưởng lớp tôi, là bạn học sinh có nhiều thành tích xuất sắc. Bạn luôn chăm chỉ, nỗ lực trong tất cả các môn học. Môn Toán là môn học bạn yêu thích nhất. Ngoài học trên lớp, bạn còn sưu tầm những đề toán khó để suy ngẫm và tìm cách giải. Trong kì thi chọn học sinh giỏi của thành phố, bạn đã giành giải nhất và được quyền tham gia cuộc thi Toán quốc tế tổ chức tại thành phố Mat-xcơ-va (Liên bang Nga). Bạn là niềm tự hào của lớp chúng tôi và là tấm gương để chúng tôi cố gắng hơn nữa.

**==================================================**

**BÀI 3: KHÁI QUÁT CÁC KIỂU BÀI LÀM VĂN ĐÃ HỌC**

**I. ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM**

1. **Cách viết đoạn văn biểu cảm (nêu cảm nghĩ về một đoạn thơ/bài thơ)**
2. **Cấu trúc của đoạn văn nêu cảm nghĩ về một đoạn thơ/bài thơ**

* Hình thức: Hình thức của một đoạn văn bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng, do nhiều câu văn tạo thành; có từ ngữ và có câu thể hiện chủ đề của đoạn.
* Cấu trúc:

**Mở đoạn (1-2 câu)**

- Giới thiệu về bài thơ/đoạn thơ

- Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ

**Thân đoạn (5 – 8 câu)**

- Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ

- Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả

- Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ.

**Kết đoạn (1-2 câu)**

- Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ.

- Liên hệ bản thân (nếu có)

1. **Lưu ý khi viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một đoạn thơ/bài thơ**

Khi viết văn biểu cảm, các em có thể bày tỏ trực tiếp tình cảm của mình hoặc gián tiếp thể hiện những cảm xúc đó.

* Phương thức biểu cảm trực tiếp: các em có thể bày tỏ những trạng thái cảm xúc những suy nghĩ của mình một cách trực tiếp thông qua các từ ngữ nói chính xác cảm xúc đó (yêu, thương, mong nhớ, đợi, chờ...) hoặc bằng những từ ngữ biểu cảm (chao ôi, the ôi, trời ơi, hỡi ôi,..). Những nỗi niềm cảm xúc sẽ được bày tỏ một cách trực tiếp.
* Phương thức biểu cảm gián tiếp: với phương thức này, các em sẽ thông qua việc tả phong cảnh hay kể về một sự việc nào đó mà thể hiện tình cảm của mình. Hoặc các em lựa chọn tình cảm qua một hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng. Chính những hình ảnh này sẽ giúp việc thể hiện tình cảm của con người trở nên sâu sắc và ý nghĩa hơn.

1. **Một số đề viết đoạn văn cụ thể (có gợi ý)**

**II. ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN**

1. **Cách viết đoạn văn nghị luận**
2. **Một số đề viết đoạn văn cụ thể**

**III. BÀI VĂN TỰ SỰ**

**CHUYÊN ĐỀ 1: RÈN KỸ NĂNG LÀM VĂN TỰ SỰ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức:**

- Biết xây dựng một câu chuyện đời thường có cốt truyện, nhân vật, tình huống truyện.

- Biết xây dựng một câu chuyện tưởng tượng dựa vào những điều có thật trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng viết bài văn tự sự: kĩ năng dùng từ, dùng câu, xây dựng sự việc…

**3. Thái độ, hành vi:**

**-** Có ý thức quan tâm tới những việc xảy ra quanh mình .

**B. CHUẨN BỊ:**

- GV: Soạn bài theo chuyên đề, hướng dẫn HS chuẩn bị tài liệu.

- HS: Nắm chắc bố cục, cách xây dựng một bài văn tự sự

**C. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**A. KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG**

**I. Kể chuyện đời thường là kể về những gì?**

- Là kể về người thân trong gia đình, bạn bè thân thiết, người mới quen, người lần đầu gặp gỡ,…

- Là kể những chuyện xảy ra trong cuộc sống thường ngày, những chuyện xảy ra xung quanh mình, mình trải qua, mình chứng kiến

- Là kể về quê hương, đất nước mình, về những nơi mình đã đến hoặc tìm hiểu qua sách báo, ti vi,…

**II. Các dạng đề kể chuyện đời thường**

**1. Kể về người**

Ví dụ: Kể về một người thân của em; Kể về cô giáo cũ mà em yêu mến.

2. Kể về việc:

Ví dụ: Kể lại một kỷ niệm sâu sắc trong đời học sinh của em; Kể lại một lần em mắc lỗi.

3. Tường thuật sự việc:

Ví dụ: Kể lại một buổi tối sum họp của gia đình em; Ngày sinh nhật của em.

III. Cách xây dựng bài văn kể chuyện đời thường

1, Kể về người

a. Mở bài: Giới thiệu về người được kể (tên, tuổi, mối quan hệ, tình cảm của mình với người đó)

b. Thân bài:

- Ngoại hình nổi bật của người đó (dáng người, đôi mắt, nụ cười, bàn tay, mái tóc…)

- Tính tình: Vui vẻ (ít nói, nghiêm nghị…) được thể hiện qua thái độ, lời nói, cử chỉ, hành động cụ thể

- Sở thích, tài năng: nghe nhạc, đá bóng, nấu ăn, thêu thùa…được thể hiện cụ thể qua thói quen, việc làm hàng ngày

- Tình cảm của người đó giành cho những người xung quanh (yêu mến, quan tâm, giúp đỡ) được biểu hiện trong cuộc sống hàng ngày

- Điều gì ở người đó khiến em yêu mến (khâm phục, tự hào, muốn học tập…) nhất.

c. Kết bài: Khẳng định tình cảm của em với người đó

Đề 1: Kể về người bạn thân của em

Bài làm tham khảo

Nếu có ai hỏi rằng tôi có người bạn nào thân nhất, tôi sẽ không ngần ngại trả lời rằng: người bạn thân nhất của tôi là Diệu.

Tôi vẫn còn nhớ như in lần đầu gặp Diệu. Hôm ấy là buổi học đầu tiên của tôi ở trường mới. Trống đánh tùng tùng một hồi dài, học sinh hối hả xếp hàng vào lớp. Còn tôi, vì vừa chuyển trường về nên chẳng biết lớp mình ở đâu. Tôi đang ngơ ngác thì bỗng nghe tiếng hỏi:

- Này, bạn học lớp nào mà còn đứng đây?

Tôi quay lại. Một cô bé tóc màu nâu, người khẳng khiu, khuôn mặt thon nhỏ và cặp mắt sáng long lanh. đang chăm chú nhìn tôi. Tôi trả lời rằng tôi tìm lớp 6A. Nghe xong, bạn ấy reo lên vui vẻ:

 - Nào! Bạn hãy theo mình: Tên bạn là gì? Còn tên mình là Diệu.

Nói rồi Diệu kéo tay tôi đi. Vào lớp, Diệu giới thiệu tôi với các bạn. Các bạn nhìn tôi với ánh mắt làm quen đẩy thiện cảm. Trong khi đó, tôi lúng túng đỏ mặt lên vì xấu hổ.

Qua hai tháng học cùng nhau, tôi nhận ra Diệu học rất giỏi. Những điểm 9, điểm 10 của Diệu làm cho cả lớp càng yêu mến Diệu. Với tôi, Diệu trở nên thân thiết tự khi nào không biết nữa.

Một hôm, trời mưa rất to. Những ngả đường vào khu nhà tôi ở bị ngập hết nên tôi không thể đến lớp. Tôi bồn chồn, lòng dạ chẳng yên. Mẹ tôi an ủi:

- Nghỉ một buổi học chẳng sao đâu con ạ! Chỉ ngày mai là nước rút thôi.

- Nhưng hôm nay học toàn môn khó mẹ ạ!

Tôi băn khoăn trả lời mẹ nhưng nỗi băn khoăn ấy cũng chẳng giúp gì được cho tôi.

Khi sắp lên đèn ăn cơm tối thi Diệu xuất hiện, quần xắn cao quá gối, đầu tóc ướt rượt, tay cầm một bọc ni lông. Mẹ tôi đưa cho Diệu cái khăn. Diệu vừa lau mặt vừa nói với tôi:

- Nước ngập cao ghê! Biết bạn sốt ruột nên mình sang ngay, đem theo cả vở nữa đây. Bạn chép bài đi, chỗ nào không hiểu mình giải thích cho!

Thì ra, thấy tôi nghỉ học, Diệu đã đến giúp. Tôi cảm động thực sự. Diệu đối với tối chân thành và tận tâm quá!

Sau đó khoảng một tuần, hai hôm liền Diệu không đến lớp. Tôi lấy xe đạp chạy qua mấy con đường để tới nhà Diệu. Nhà cửa trống tuềnh trống toàng. Mẹ Diệu ốm nằm  thiếp trên giường. Bác cố ngồi dậy trò chuyện với tôi. Bác cho biết là Diệu đi mua thuốc. Hôm nay, tôi mơi biết nhà Diệu chỉ có hai mẹ con. Bố Diệu mất đã lâu. Mẹ ốm, Diệu phải ở nhà chăm sóc mẹ. Mẹ Diệu kể rằng ngoài việc đi học, chiều nào Diệu cũng đi làm phụ mẹ. Vất vả thế mà Diệu vẫn học giỏi nhất lớp. Tôi thầm phục cô bạn bé nhỏ của tôi.

Nhìn đồ đạc đơn sơ trong nhà, tôi biết là mẹ con Diệu chẳng sung túc gì. Tôi chợt nhớ một hôm đi học về, gặp chú bé bán báo chỉ khoảng độ 7, 8 tuổi, Diệu gọi em lại rồi lục cặp lấy ra hai nghìn đồng mua tờ báo. Diệu thì thầm vào tai tôi:

- Em bé này mồ côi cả cha lẫn mẹ, khổ lắm! Mình mua giúp nó.

Diệu ơi! Tôi không ngờ bạn lại biết suy nghĩ sâu xa đến vậy. Trong khi tôi dùng tiền bố mẹ cho để mua quà vặt thì Diệu lại dùng những đồng tiền mồ hôi nước mắt của mình vào những việc có ích như thế. Diệu đã giúp tôi thấm thía thêm nhiều điều lắm. Đi với Diệu, bao giờ tồi cũng thấy mình nhỏ bé, dù tôi cao hơn bạn ấy nửa cái đầu.

Mùa hè đã đến, tôi theo bố mẹ lên thành phố. Chia tay Diệu, tôi thấy mắt cay cay, Xa nhau ba tháng, tôi sẽ nhớ Diệu lắm đấy. Lúc chia tay, Diệu đưa cho tôi một bọc ổi to tướng và dặn:

- Nga cầm lên làm quà cho các bạn trên ấy. Nhớ nhắn tin cho mình nhé! Chúng tôi cầm tay nhau mãi không muốn rời.

Tôi nhìn theo cái bóng gầy gầy, mảnh khảnh của Diệu khuất dần sau triền dốc mà lòng thấy nao nao. Tạm biệt cô bạn thân nhất của tôi. Hết hè, chúng mình lại gặp nhau, Diệu nhé!

2. Kể về việc và tường thuật sự việc

a. Mở bài: Giới thiệu về nhân vật và sự việc định kể

b. Thân bài:

- Sự việc đó xảy ra bao giờ? Ở đâu?

- Nguyên nhân dẫn đến sự việc

- Diễn biến sự việc

c. Kết bài: Kết cụ sự việc và những suy nghĩ, bài học được rút ra qua sự việc ấy

Chú ý: Các sự việc phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, sự việc sau tiếp nối sự việc trước theo quan hệ nhân quả. Các sự việc phải cùng hướng vào một chủ đề.

Đề 2: **Có một lần, em vô tình mắc lỗi với ông (bà). Điều ấy làm em ân hận mãi. Hãy kể lại câu chuyện.**

**Dàn bài gợi ý:**

1. ***Mở bài***: Giới thiệu về bản thân và sự việc (mắc lỗi gì, măc lỗi với ai)
2. ***Thân bài:***

Sự việc mở đầu: Ông (bà) đến chơi, mọi người trong gia đình vui mừng đón tiếp

Sự việc phát triển:

- Những lời trò chuyện, hỏi thăm sức khỏe, tình hình gia đình ...

- Ông (bà) lấy quà ra cho mọi người, mọi người vui vẻ nhận và cảm ơn như thế nào?

Sự việc cao trào:

- Ông (bà) trao quà cho em (là món quà gì đó mà em không thích) em tỏ thái độ chê bai, thờ ơ, không muốn nhận

- Thái độ, tâm trạng của ông (bà) khi đó?

- Thái độ, lời nói của bố, mẹ đối với em khi đó?

- Khi chứng kiến gương mặt đầy nếp nhăn, ánh mắt buồn bã thất vọng của ông bà và nghe những lời bố mẹ giảng giải, tâm trạng của em như thế nào?

Sự việc kết thúc: Em đã nói gì với ông bà? Thái độ của ông bà, bố mẹ thay đổi ra sao?

1. ***Kết bài***: Cảm xúc của em mỗi khi nhớ về lỗi lầm ấy.

Đề 3:

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

*Hãy kể một câu chuyện có nội dung như trên.*

**a, Yêu cầu của đề**

- Kể một câu chuyện mang chủ đề ca ngợi, biết ơn công cha, nghĩa mẹ đối với mình trong cuộc sống, trong học tập. Tình cảm, công lao ấy được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong những thời điểm khó khăn

- Chỉ kể một câu chuyện thể hiện sâu sắc nhất tình cảm ấy, không sa vào kể nhiều chuyện.

**b. Dàn bài gợi ý**

*\* Mở bài*: Dẫn dắt bằng câu ca dao trong đề bài

- Giới thiệu về bản thân và tình cảm của mình đối với (cha) mẹ.

*\* Thân bài:*

- Tình cảm, sự hi sinh hàng ngày của cha mẹ dành cho mình (nói chung, không kể cụ thể từng sự việc)

- Câu chuyện thể hiện sâu sắc nhất tình cảm của cha mẹ dành cho mình xảy ra bao giờ?

- Diễn biến câu chuyện

- Suy nghĩ, cảm xúc của mình trước tình cảm đó.

- Tình cảm đó đem lại cho mình điều gì?

*\* Kết bài*: Khẳng định lại tình cảm, công lao của cha mẹ.

**c. Bài mẫu tham khảo**

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

Câu ca dao đã nói thật hay, thật đúng tình cảm, công lao của cha mẹ đối với tôi. Mỗi khi nhớ lại kỉ niệm năm đó, tôi lại bâng khuâng xúc động trước tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ đã dành cho tôi.

Tôi là đứa con duy nhất trong gia đình. Ngoại tôi bảo do mẹ tôi bị bệnh tim nên không dám sinh thêm em cho tôi. Khi đẻ tôi, mẹ tôi cũng chút nữa nguy hiểm đến tính mạng. Vì thế, cha mẹ yêu thương tôi vô cùng, sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho tôi. Nhà tôi chẳng khá giả gì nhưng tôi luôn được chiều chuộng hơn lũ bạn cùng trang lứa. Tôi rất yêu mẹ của mình nên luôn cố gắng học tập thật giỏi cho mẹ vui. Mẹ luôn nói tôi là món quà tuyệt vời nhất mà cuộc đời đã tặng cho mẹ.

Hè năm đó, một mùa hè tôi không thể nào quên. Đó là hè năm tôi học lớp 4, cái này tôi bị tai nạn do quá ham chơi.

Buổi chiều hè hôm đó thật đẹp. Trời không nắng gay gắt mà rất mát mẻ, tôi xin phép mẹ lấy xe đạp đi chơi lòng vòng quanh xóm. Mẹ dặn tôi đi cẩn thận, một lát về giúp mẹ nấu cơm. Tôi vâng dạ rồi dắt xe đi. Ra đến ngã ba thì gặp cô bạn cùng lớp. Thấy tôi, bạn lên sau xe tôi ngồi cùng, rồi rủ:

- Đạp xe lên thị trấn chơi đi. Nhà bác tớ ngay đầu thị trấn.

Tôi từ chối:

- Nhưng tớ chỉ xin mẹ đi có một lát thôi.

- Không sao đâu, chỉ đi một lúc rồi về thôi mà. Cô bạn dỗ dành.

Không hiểu sao lúc đó tôi nghe lời bạn. Hai đứa đèo nhau lên thị trấn.

Đường phố đông đúc, chật chội. Xe ô tô, xe máy cứ phóng vù vù qua lại khiến tôi chóng cả mặt. Cô bạn phía sau lại khá nặng khiến tay lái tôi thỉnh thoảng lại chệch choạc. Bỗng “rầm”, tôi cảm thấy mình bay ra khỏi xe, mắt tối rầm rồi không biết gì nữa.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trong bệnh viện, đầu quấn băng trắng. Chân trái của tôi bị nẹp chặt, không thể cử động. Gương mặt mẹ đang nhoè nước mắt nhìn tôi, còn bố đứng phía cuối giường, nước da xanh xao, đôi mắt trũng sâu vì lo lắng, mất ngủ.

- Tỉnh rồi hả con, có đau lắm không? Cả bố và mẹ gần như nói cùng một lúc.

Tôi không nói được câu gì vì vừa đau, vừa ân hận. Tôi chỉ khẽ chớp mắt, nước mắt tràn ra. Mẹ đưa khăn lau nước mắt cho tôi, nhìn tôi với cái nhìn xót xa, nói:

Con mà có mệnh hệ gì thì mẹ làm sao sống nổi!

Bác sĩ vào, mang theo thuốc để tiêm cho tôi. Rồi quay sang hỏi cha mẹ tôi:

- Chị yên tâm đi, cháu đã qua cơn nguy hiểm, điều trị một thời gian sẽ khoẻ lại thôi. Còn cô bạn đi cùng thì may mắn chỉ bị trầy xước ngoài da. Hôm qua thấy chị ngất lịm, chúng tôi chỉ lo bệnh tim của chị tái phát thì nguy hiểm lắm đấy. Còn anh nữa, phải ăn uống bồi bổ để lấy lại sức khoẻ. Hôm qua lấy máu truyền cho con nhiều thế là hại người lắm đấy.

Nghe bác sĩ nói mà lòng tôi nghẹn đắng. Tôi đã làm cha mẹ mình khổ quá, tôi có tội lớn với cha mẹ rồi.

Những ngày sau đó, cha mẹ ân cần chăm sóc tôi từng thìa sữa, miếng cháo, giúp tôi đi vệ sinh như một đứa trẻ. Cha mẹ lại dìu tôi tập đi những bước đầu tiên. Những ngày tháng chữa trị cũng trôi qua, tôi hồi phục dần. Gương mặt đã có chút sắc hồng.

Ngày tôi từ bệnh viện về nhà, bà con xóm giềng đến rất đông. Ai cũng nói nhờ phúc tổ tiên nên tôi mới thoát khỏi thần chết. Nhưng tôi biết, tất cả là nhờ tình yêu thương của cha mẹ.

Năm học mới lại đến, tôi lại cùng bè bạn cắp sách đến trường trong niềm vui náo nức. Mỗi sáng đi học, mẹ lại theo tôi ra tận ngõ, dặn dò đủ điều, nhìn theo cho đến khi bóng tôi đã khuất. Mẹ ơi, mẹ yên tâm mẹ nhé, con sẽ đi thật cẩn thận!

**B. KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**1. Thế nào là kể chuyện tưởng tượng?**

***-*** Là kể những câu chuyện do người kể tự nghĩ ra, không có sẵn trong thực tế, sách vở nhưng vẫn thể hiện một ý nghĩa nhất định

***-*** Sự tưởng tượng phải dựa vào những điều có thật, không bịa đặt tuỳ tiện

***2. Một số dạng đề bài tưởng tương thường gặp như sau:***

*Kể chuyện đã biết nhưng thêm một số tình tiết mới, theo một kết cục mới*

VD: Khi Thánh Gióng ra trận, người mẹ đến bên con đưa tiễn. Hãy viết một bài văn kể lại câu chuyện đó

Em hãy viết một câu chuyện kể tiếp về cuộc đòi của mã Lương sau khi giết chết tên vua và bọn đại thần tham lam, độc ác.

*- Kể một chuyện đã biết theo một ngôi kể mới*

VD: Trong vai ST, hãy kể lại chuyện ST, TT

*- Kể chuyện tưởng tượng về số phận, tâm tình của những con vật, đồ vật*

VD: Lời tâm sự của một quyển sách bị bỏ quên

Lời kể của một bông hoa

* *Kể chuyện tương lai:*

VD: Tưởng tượng 10 năm em trở lại thăm mái trường xưa.

3. Luyện tập

Đề 4: Hãy kể lại truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh với vai kể là Sơn Tinh ( Kể sự việc)

a.Mở bài: Sơn Tinh tự giới thiệu về bản thân và mối thù truyền kiếp với Thủy Tinh

b. Thân bài:

- Hồi đó, ở vùng đất Phong Châu, có một người con gái nổi tiếng xinh đẹp, hiền dịu tên là Mị Nương, con gái Vua Hùng. Nghe tin vua Hùng kén rể, ta vội vàng đến cầu hôn.

- Đến nơi, thấy cảnh tượng gì? Thấy những ai?

- Ngoài ta, còn có ai đến cầu hôn Mị nương. Lai lịch, tài năng, dung mạo của người đó

- Vua Hùng yêu cầu ta và Thủy Tinh trổ tài

- Ta trổ tài gì? Cảnh vật đổi thay như thế nào? Thái độ của nhà vua và quần thần khi đó? Ánh mắt của Thủy Tinh nhìn ta khi đó? (Cần kể rõ thái độ, tâm trạng của ta trước, trong và sau khi trổ tài)

- Đến lượt Thủy Tinh: trổ tài gì? Cảnh vật đổi thay như thế nào?Thái độ của nhà vua và quần thần khi đó? Thái độ, vẻ mặt của Thủy Tinh khi đó?

- Nhà vua nói gì rồi bàn bạc với các lạc hầu để điều kiện gì để chọn rể? Tâm trạng, nét mặt của ta và Thuỷ Tinh khi đó.

- Ta trở về chuẩn bị như thế nào?

- Sáng sớm ta đem lẽ vật đến rước Mị Nương về

- Đang đi đến nửa đường thì nghe tiếng thét của Thủy Tinh… Ta sai quân bảo vệ Mị Nương rồi đáp trả Thủy Tinh như thế nào?

- Đội quân của Thủy Tinh gồm những con vật nào? Thủy Tinh làm gì? Quân của hắn làm gì để đánh ta? Cảnh tượng ngập lụt diễn ra như thế nào?

- Đội quân của ta gồm những con vật nào? Ta làm gì? Quân của ta làm gì để đánh trả Thủy Tinh?

- Cuộc giao chiến diễn ra bao lâu? Như thế nào? Kết quả của cuộc chiến?

c.Kết bài: Mối thù truyền kiếp giữa ta và Thủy Tinh

\*Hướng dẫn về nhà: Dựa vào dàn bài, làm đề 3,4 vào vở bài tập

Đề 5: **Lời tâm sự của một quyển sách bị bỏ quên**

*a, Mở bài*: Giới thiệu về thân phận hiện tại của cuốn sách

*b, Thân bài:*

- Khi tôi mới ra đời: tả hình dáng, màu sắc cuốn sách

- Khi tôi nằm trên giá sách trong siêu thị sách dành cho học sinh

- Khi tôi được về với cậu học trò

- Cách đối xử của cậu học trò đối với tôi

- Tâm trạng, suy nghĩ của tôi về cách đối xử đó

- Chuyện đau lòng nhất xảy ra với tôi

- Niềm ao ước lớn nhất của tôi

*c, Kết bài:* Lời tôi muốn nhắn nhủ đến tất cả các bạn học sinh

**Bài văn mẫu:**

Tôi là một quyển sách bị bỏ quên. Tôi không ngờ số phận của mình lại hẩm hiu như thế.

Nhớ lại ngày tôi mới chào đời, tôi mới đẹp đẽ và thơm tho làm sao. Một cuốn Ngữ văn 6 mới tinh, bìa màu xanh nước biển. Trên nền xanh là hình ảnh một khóm chuối với những chiếc là xanh mướt, một buồng chuối mới ra với hoa chuối đỏ rực, một lá bẹ cong cong duyên dáng. Phía trên cuốn sách nổi bật chữ “Ngữ văn 6” màu trắng. Trong tôi là bao câu chuyện dân gian hấp dẫn, giàu ý nghĩa. Tôi rất tự hào mình.

Ngày được các cô chú công nhân chuyển ra siêu thị sách, tôi vô cùng hồi hộp. Càng xúc động hơn khi thấy mình được xếp trang trọng trên giá sách, ở vị trí dễ quan sát nhất. Năm học mới đến. Ngày ngày siêu thị đón rất nhiều khách vào xem và mua sách về. Tôi hồi hộp chờ đến lượt mình. Tôi đã hình dung về một cuộc đời mới.

Thế rồi, một hôm có một cậu bé được mẹ dẫn vào siêu thị. Hai mẹ con đi thẳng đến khu vực sách dành cho học sinh lớp 6. Tôi hồi hộp chờ đợi. Hai mẹ con đến nơi, tôi nghe người mẹ nói:

- Con chọn sách đi

Cậu bé phụng phịu:

- Mẹ chọn đi. Con ra kia tí.

Nói rồi, cậu ta chạy ngay lại chỗ bán truyện tranh, dán chặt mắt vào đó. Người mẹ lần lượt lấy đủ bộ sách giáo khoa lớp 6 cho con rồi ra gọi cậu bé ra bàn thanh toán. Vậy là tôi theo hai mẹ con về nhà.

Đó là một ngôi nhà thật đẹp. Phòng học của cậu bé cũng đẹp. Tôi được người mẹ xếp trên giá sách, cùng ngồi sát bên cạnh anh sách Toán và chị sách Anh văn. Chúng tôi khẽ gật đầu chào nhau. Cùng chờ đợi và hi vọng.

Ngày khai giảng đã đến, tôi theo chân cậu bé đến trường. Giờ học đầu tiên là môn Ngữ văn. Cả lớp đã đặt sách trên bàn, riêng tôi vẫn nằm yên trong cặp. Phải chờ đến lúc cô giáo nhắc nhở, tôi mới được cậu bé lôi ra, dằn mạnh trên mặt bàn. Trong lúc cô giáo giảng bài, câu ta không theo dõi mà bắt đầu dùng bút đâm mạnh vào thân thể tôi, lấy bút màu vẽ những hình thù kì quái lên bài sách. Tôi đau đớn, nước mắt trào ra.

Đến giờ ra chơi, tôi tưởng mình đã được yên thân. Nào ngờ, cậu ta gây sự với một bạn cùng lớp. Đôi bên cãi cự. Cậu ta vo tròn tôi lại, dùng tôi làm vũ khí, đập túi bụi vào đầu cậu kia. Toàn thân tôi ê ẩm rã rời, không còn hơi sức đâu mà khóc nữa.

Những buổi học tiếp theo vẫn tái diễn những trò cũ. Tôi đau đớn, thất vọng vô cùng. Bao nhiêu mơ ước của tôi đã tan biến. Tôi cứ ngỡ mình sẽ được nâng niu trên hai bàn tay, được ôm vào lòng. Vậy mà... Sao tôi lại kém may mắn đến thế. Thế nhưng, đó vẫn chưa là tận cùng đau khổ của tôi... Do thái độ học tập như thế nên điểm Ngữ văn của cậu bé vô cùng tồi tệ. Cô giáo viết giấy thông báo kết quả học tập của cậu ta gửi về nhà cho bố mẹ. Người mẹ tức giận mắng cậu bé một hồi và ra hình phạt cậu bé không được đọc truyện tranh, xem phim hoạt hình trong một tháng. Cậu ta khóc nức nở chạy về phòng, ném chiếc cặp lên tường. Chưa hết cơn tức giận, cậu ta đổ tung sách vở ra đất, lôi tôi ra khỏi cặp, đập tôi lia lịa xuống nền nhà rồi ném mạnh tôi vào gầm giường. Tôi ngất xỉu vì đâu đớn và uất hận. Tôi đã có lỗi gì mà phải chịu sự đối xử như thế? Một tuần đã trôi qua, tôi vẫn bị bỏ quên dưới gầm giường. Đêm đêm, bọn chuột chạy qua chạy lại trên người tôi. Bọn gián hôi hám gặm nhấm tôi. Tôi đau đớn, tuyệt vọng quá chừng.Nếu như có một điều ước, tôi chỉ ước sao mình thoát khỏi chốn này. Tôi ước sao sẽ thoát khỏi tay cậu bé xấu xa, lười biếng kia. Tôi ước mình được ngày ngày theo chân một cô hay cậu học trò ngoan đến lớp. Chiều về được đặt ngay ngắn trên giá sách, nằm nghỉ ngơi.

Tôi muốn gửi lời nhắn nhủ đến các bạn học sinh. Các bạn hãy coi những cuốn sách là những người bạn. Trân trọng, giữ gìn và yêu thương chúng tôi. Bởi chúng tôi là những người bạn tốt nhất, cùng đồng hành với các bạn trong suốt quãng đời cắp sách. Đừng đối xử với chúng tôi như những vật vô tri. Bởi trong chúng tôi chứa đựng biết bao kiến thức, hành trang cho các bạn vào đời.

**Đề 6:** **Mười năm sau em trở lại thăm mái trường xưa mà ngày nay em đang theo học. Hãy tưởng tượng những đổi thay có thể xảy ra**

*1, Mở bài*: Mười năm nữa em bao nhiêu tuổi? Đang làm gì? Ở đâu?

Em về thám trường vào dịp nào?

*2, Thân bài:*

- Cảm xúc của em trước ngày về thăm trường: Bồi hồi, xúc động, mong được gặp lại thầy cô, bạn bè cũ. Tự nhủ sẽ được gặp những ai?...

- Ngày về thăm trường:

+ Bước vào ngôi trường, em thấy cảnh vật có gì thay đổi, cảnh gì vẫn như xưa? Nhìn cảnh ấy, những kỉ niệm gì sống dậy trong lòng em (Sân trường, bãi tập thể dục, hàng cây, ghế đá, lớp học, chỗ ngồi, bảng đen,…)

+ Em gặp lại những ai? Thầy cô nào? Bạn bè cũ nào? Thầy cô, bạn bè cũ có gì thay đổi, có gì vẫn như xưa? Những lời thăm hỏi sẻ chia về công việc, sức khỏe? Những kỉ niệm nào với bạn bè, thầy cô được nhắc lại? Cảm xúc trong lòng em khi đó?

+ Ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng em trong chuyến thăm trường là gì?

- Chia tay: Cảm xúc của em khi chia tay mái trường, thầy cô, bè bạn.

Những lời hẹn ngày gặp lại

*3, Kết bài:* Suy nghĩ của em về mái trường, về những kỉ niệm năm tháng học trò trong cuộc đời mình và mỗi người.

Bài mẫu tham khảo

Nhân ngày 20-11, em về thăm lại mái trường xưa, nơi đã dạy em bao kiến thức để em có thể làm một người bác sĩ như bây giờ. Ôi, thật tuyệt vời.

Em bước lại gần ngôi trường mến yêu, cái cổng hiện ra trước mắt. Nhìn tấm biển ghi tên trường mà trong lòng thấy bâng khuâng vô cùng. Cổng trường bây giờ đã được vét vôi sạch sẽ. Bước vào cổng, hiện rõ trong đôi mắt em là kỉ niệm thơ ấu ngày nào, chơi đùa, bắn bi, rượt bắt nô nức dưới sân trường. Hàng cây xà cừ thuở trước chỉ cao tới tầng hai là cùng mà bây giờ đã xum xê, toả bóng khắp sân trường. Khẽ chạm tay vào lớp vỏ xù xì, em thầm hỏi: “Cây ơi, mày còn nhớ tao không?” Cành cây lay động như muốn trả lời rằng: “Có chứ, làm sao cây này quên được cậu học trò Thăng ngày nào”. Em cười nhẹ rồi đi về phía sau trường, dãy núi trước kia bây giờ đã được khai phá làm thêm một dãy nhà cho các em học sinh lớp bảy, lớp tám. Học sinh bây giờ không như trước kia nữa, một ngày học luôn cả sáng lẫn chiều. Em quay nhìn về phía căn phòng lớp em ngày nào. Nó không còn như xưa nữa mà rất khang trang, bốn cái quạt, sáu cái đèn và cái bảng to lớn cũng đủ biết điều ấy. Em tiến lên tầng hai, xem qua một lượt. Chà, thật là tuyệt, phòng thực hành được trang bị toàn những máy tính hiện đại màn hình phẳng, cả thảy hơn bốn mươi chiếc. Chẳng phải hai người một máy như ngày nào nữa. Còn thư viện thì toàn những thiết bị hiện đại. Học sinh thời nay hơn trước kia nhiều quá. Đi qua dãy hành lang, bỗng em phát hiện ra một sân bóng rộng. Em chạy xuống, thấy một trái banh nằm lăn lóc. Chắc là mấy cậu học trò chơi xong quên không bỏ lại trường đây mà.. Em lấy chân lăn bóng trên nền cát rồi sút một cú nhẹ vào cái khung thành. Những kỉ niệm ngày ấy tuôn trào. Hồi ấy, nơi đây còn là một bãi đầy đất đá, còn cái khung thành chỉ là hai cái cọc và một thanh gỗ ở trên thôi, còn bây giờ, khung thành sắt có bao bọc lưới xung quanh, tuyệt quá. Bỗng, em nhớ ra là mình còn phải thăm thầy cô nên rảo nhanh bước về phía phòng truyền thống. Bước vào căn phòng, các thầy cô đang họp nên em không dám làm phiền mà đứng chờ. Họp xong, thầy cô tổ chức liên hoan mừng ngày vui, đến bây giờ, em mới đánh bạo tiến ra, chào thầy cô. Mọi người nhìn em với một chút ngỡ ngàng. Em thưa:

- Thưa mọi người, em là Thăng đây ạ.

Lúc bấy giờ, một vài thầy cô mới “Ồ” lên. Một số người trẻ tuổi vẫn còn ngỡ ngàng, rồi sau đó hỏi những người già hơn:

- Học sinh cũ của mấy anh chị à!

Em đoán đó là người mới về trường. Bỗng, cô Mai Ly hỏi:

- Thăng này, hiện giờ em đang làm gì thế?

Bao năm tháng cách xa, bây giờ cô có vẻ già đi rất nhiều, mái tóc điểm hoa râm và khuôn mặt có nhiều vết nhăn theo ngày tháng. Mặc dù vậy, em vẫn có thể nhận ra cô bởi giọng nói và đôi mắt hiền từ mà năm tháng không thể phai nhoà. Em trả lời:

- Thưa cô, em hiện đang bác sĩ tại bệnh viện đa khoa Đức Tín ạ.  
- Vậy à? – cô đáp.  
Em hỏi cô:  
- Cô ơi, cô Hoà và những thầy cô khác đâu ạ.  
- Họ về hưa cả rồi. Còn cô dạy hết năm nay cũng về hưa nốt.  
Nghe cô nói, em rất buồn, nhưng kìm chế được và hỏi cô thêm :  
- Học sinh của cô dạy có ngoan không ạ.  
Cô trả lời:

- Đương nhiên, dù sao thì chúng cũng đâu có lì bằng cậu học trò Thăng lớp 6D của tôi Thuở nào.  
Em cười, cô cũng cười. Rồi sau đó, những thầy cô khác cũng hỏi chuyện. Thân mật lắm! Trò chuyện hồi lâu thì em nhớ ra một việc quan trọng. Vội chạy ra cổng, lấy vài gói quà tặng thầy cô. Xong việc, em ra về.

Bước ra khỏi cổng trường mà trong lòng em thấy quyến luyến vô cùng. Ngôi trường này đã cùng em trải qua bao kỉ niệm đẹp và ở đó có những con người tuyệt vời đã chắp cho em đôi cánh để em vững bước vào đời.

**Bài 2:**

Thấm thoát đã mười năm trôi qua , giờ đây tôi đã là một sinh viên theo ngành báo chí và đã có nhiều bài viết được đăng báo. Tuy sống tại một thành phố khác nhưng tôi vẫn không bao giờ quên mái trường cấp hai. Nhân ngày khai trường, Tôi trở về mái trường xưa một thời gắn bó.  
 Buổi chiều trên chiếc xe đạp, loanh quanh mấy con đường, quê tôi sao thay đổi quá. Đây rồi con đường vào trường với hàng cây tỏa bóng mát rượi. Cổng trường bây giờ cao và rộng quá, hai khung cửa sắt được điều khiển bằng điện tử đóng mở nhẹ nhàng đâu còn cái cánh cửa bản lề, mở ra đóng vào quẹt thành hình bán nguyệt dưới đất. Lòng tôi bỗng trở nên xao xuyến. Bước vào cổng trường, một anh bảo vệ độ lớn hơn tôi vài tuổi ngăn lại. Thấy tôi không phải là giáo viên và cũng không tin lời tôi nên anh không cho tôi vào. Bỗng nhiên một cô giáo trẻ bước ra, tuổi cô cũng độ bằng tuổi tôi, dáng mảnh khảnh thật duyên dáng. Trên mặt cô phảng phất một nét gì đó rất quen thuộc. Tiếng anh bảo vệ rõ to:”Cô Minh Trang vể hả ? Để tôi dắt xe cho!” Tôi chợt nhận ra người bạn cũ và kêu to:”Minh Trang hả? Tao là Bảo Trân nè ! Mình học chung lớp 6A 4 đó nhớ không?” Cô bạn cũng đã nhận ra tôi, Minh Trang bước tới, ôm chầm lấy tôi và miệng tíu tít:” Tao nhớ mày quá!”

Minh Trang dắt tôi đi khắp các dãy phòng. Trang giờ đã là cô giáo như ước mơ thuở nhỏ, còn tôi thì …Chúng tôi vừa đi vừa ôn lại kỷ niệm cũ. Cô nàng không quên xin lỗi tôi vì một lần lỡ miệng làm tôi khóc. Tôi hỏi Thùy Trang, Mỹ Phụng, Kim Phụng, Hồng Vân…giờ đây thế nào? Công việc ra sao? Minh Trang đều trả lời rõ từng người một. Khi xưa chúng tôi là một nhóm bạn thân, thân hơn cả chị em. Nhìn lại ngôi trường, hai dãy phòng học khang trang. Sân trường được lát gạch đỏ sạch sẽ. Những cây xà cừ cổ thụ vẫn đứng đó, sững sững giữa sân trường, thách thức bao mùa bão đi qua. Ôi, sao tôi nhớ biết bao những ngày tháng tươi đẹp ấy! Bước vào thư viện trường, tôi gặp lại một số thầy cô cũ, trong đó có cô Khánh Hòa, chủ nhiệm tôi năm lớp sáu. Cô bây giờ trông chững chạc nhiều quá, trên gương mặt vẫn phảng phất nụ cười hiền từ khi xưa. Nhận ra tôi, cô xúc động nói : “ Trân đó à ? Em lớn nhanh quá! Em làm cô nhớ lớp 6A khi xưa quá !”. Tôi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm cũ, những giờ học văn khi xưa được cô dạy. Chính cô là người đã phát hiện ra năng khiếu viết văn của tôi, khuyên tôi chọn con đường văn nghiệp.

Tôi theo cô lên lớp học khi xưa. Tôi ngồi vào chỗ mười năm trước của mình. Nhắm mắt lại, tôi thấy hình ảnh của mình, của bạn bè cũ. Những giờ học sôi nổi, những kì thi, những hờn gi ận tuổi học trò… Lòng tôi rưng rưng xúc động.

Chiều tối, tôi trở về nhà mà trong lòng còn biết bao xao xuyến. Mái trường yêu dấu lưu giữ bao kí ức tuổi thơ tôi sẽ mãi là hành trang tôi mang theo trong cuộc đời.

Đề 7: **Trong giấc mơ, em gặp chàng dũng sĩ Thạch Sanh. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ giữa em với chàng.**

**a, Mở bài:**

**-** Tình huống gặp gỡ: Tối thứ 7, ngồi đọc truyện cổ tích Thạch Sanh, em ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Trong giấc mơ, chàng Thạch Sanh xuất hiện...

**b, Thân bài:**

*\* Khung cảnh gặp gỡ*: túp lều, dưới gốc đa cổ thụ ...

*\* Ngoại hình:*

- Chàng hiện lên như thế nào? (Miêu tả ngoại hình: thân hình, gương mặt, ăn mặc, đôi mắt, đôi vai, cánh tay,...)

- Trang phục, trang bị: cởi trần, đóng khố, đầu chít khăn, ngang lưng giắt một chiếc rìu.

- Hành động: Trên vai vác một bố củi lớn, chàng bước đi mạnh mẽ, nhẹ nhàng.

Ở chàng toát lên vẻ đẹp khoẻ mạnh, hùng dũng khác thường

*\* Cuộc trò chuyện:*

- Em và chàng chào hỏi, giới thiệu ...

- Trò chuyện:

+ Tại sao chàng lại có sức khoẻ phi thường như vậy?

+ Ai dạy chàng mọi phép thần thông?

(HS dựa vào văn bản Thạch Sanh để trả lời)

+ Trong những chiến công của chàng, chiến công nào chàng lập được khó khăn nhất?

+ TS trả lời rồi kể lại một chiến công

+ Chàng vui nhất khi lập được chiến công nào? Vì sao?

+ Bị Lí Thông lừa nhiều lần, chàng có oán giận mẹ con hắn không? Tại sao lại tha bổng cho mẹ con hắn? (Nghĩ đến tình anh em, mẹ con...)

Suy nghĩa của em: Chàng thật là người tài giỏi, dũng cảm song cũng thật nhân hậu, bao dung.

+ Nghe kể nàng đã cưới công chúa và lên làm vua, sao giờ chàng lại ở gốc đa này?

( ở triều đình, ta rất nhớ quê hương, nơi ta sinh ra, sống những ngày nghèo khổ. Mấy năm nay đất nước yên bình, thịnh vượng, ta tranh thủ trở lại chốn này ít hôm để thăm viếng mộ mẹ cha, sống lại những ngày tháng cũ)

Suy nghĩ của em: Chàng thật là người con hiếu thảo, nghĩa tình với cha mẹ, quê hương.

- Em xin chànd cho nghe một bản nhạc, chàng đem đàn thần ra gảy, tiếng đàn vang lên ngân nga...

**c, Kết bài:** Tỉnh dậy...

- Hiểu thêm về vẻ đẹp của chàng dũng sỹ Thạch Sanh, yêu thêm những trang cổ tích...

**Đề 8**: **Đến thăm đền Hùng nhân ngày giỗ tổ, em đã được gặp các vị vua Hùng. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó.**

***a, Mở bài***: Nêu hoàn cảnh gặp gỡ

Được cùng gia đình đến thăm đền Hùng nhân ngày giỗ Tổ. Đêm đó, em nghỉ lại đền để sáng sớm hôm sau dự lễ dâng hương. Sau một ngày mệt mỏi, em ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Trong giấc mơ, em gặp các vua Hùng (Vua Hùng thứ mấy? Trong truyền thuyết nào?)

***b, Thân bài:***

*\* Khung cảnh gặp gỡ*: tại đền : Miêu tả cảnh đền lúc nửa đêm (tượng, mùi nhang khói, ánh sáng mờ ảo của nhứng ngọn nến,...)

*\* Vua Hùng hiện lên như thế nào?*

- Miêu tả ngoại hình (cao lớn, uy nghi, giọng nói sang sảng, trang phục: áo màu vàng, in hình rồng, đầu đội mũ dát vàng, bước đi khoan thai,...). Ở ngài toát lên vẻ uy nghi lạ thường

*\* Cuộc trò chuyện:*

- Chào hỏi, giới thiệu

- ***Cuộc trò chuyện (chọn vua Hùng nào thì cuộc trò chuyện xoay quanh nội dung liên quan đến truyền thuyết đó***). *Ví dụ, gặp và trò chuyện với vua Hùng thứ 6, trong truyền thuyết Thánh Gióng.*

- Thưa ngài, khi đó đất nước có giặc ngoại xâm, lực lượng của ta giặc như thế nào a?

- Sức giặc mạnh như chẻ tre, còn sức ta còn non yếu lắm. Lương thực thì ít, vũ khí chưa kịp chuẩn bị đủ, quân sĩ cũng chưa giỏi. Tình thế rất nguy hiểm

- Thế khi đó, tâm trạng ngài thế nào ạ?

- Ta ăn không ngon, ngủ không yên, lòng dạ như lửa đốt. Một mặt ta đốc thúc tướng lĩnh ra sức luyện tập, chuẩn bị quân lương, một mặt cho sứ giả đi khắp nơi tìm người tài ra cứu nước.

- Nhưng sao ngài lại biết ở làng Gióng có người tài ạ?

- Một đêm ta nằm mộng, thấy Ngọc Hoàng phán bảo rằng tướng nhà trời đang ở làng Gióng đó, sao còn lo không dẹp được giặc Ân. Tỉnh dậy, ta sung sướng vô cùng, vội sai ngay sứ giả đến đó. Quả là tướng nhà trời, chỉ một trận đã phá tan quân giặc.

- Sau khi dẹp tan giặc Ân, tráng sĩ làng Gióng bay về trời có phải không ngài?

- Phải. Nghe tin thắng trận, ta vui mừng đích thân cùng triều thần đi đón tráng sĩ, nhưng khi đến chân núi Sóc thì chỉ thấy một bộ giáp sắt bỏ lại. Nhìn lên phía đỉnh núi thấy bòng tráng sĩ cưỡi ngựa bay vút lên mây. Rồi cả người lẫn ngựa lẫn trong vầng hào quang dần dần biến mất. Ta biết, vị tướng đã về trời theo lênh Ngọc Hoàng.

- Vậy ngài đã làm gì để tưởng nhớ công ơn vị tướng này ạ?

- Ta cho dân lập đền thờ ngay tại quê nhà, hàng năm dân làng đều mở hội để tưởng nhớ công ơn của tráng sĩ. Lễ hội đó vẫn duy trì đến tận bây giờ đó cháu.

-Thế cháu đã đến làng Gióng bao giờ chưa?

- Cháu đến rồi ạ. Cháu đến dự lễ hội làng Gióng vào tháng 4 âm lịch. Ở đấy, có nhiều điều lạ lắm ngài ạ. Mảnh đất nơi ấy chỗ nào cũng thấy hồ ao, tre thì thân vàng óng, lại có cả một cái làng có cái tên là làng Cháy.

- Đấy chính là những vết tích của cuộc chiến năm ấy đấy cháu ạ. Những ao hồ liên tiếp chính là chân ngựa sắt, tre ngả màu vàng óng là do bị ngựa phun lửa đấy. Ngựa phun lửa còn làm cháy cả một làng nên bây giờ người ta gọi đó là làng Cháy đấy.

*3, Kết bài*: Tỉnh dậy: Câu chuyện đang vui vẻ thì bỗng có tiếng mẹ gọi...

- Hiểu thêm công lao của cha ông...

**CHUYÊN ĐỀ 4: RÈN KỸ NĂNG LÀM VĂN MIÊU TẢ**

**A. Mức độ cần đạt**: Giúp HS

- Nâng cao kiến thức về phương pháp làm văn tả người, tả cảnh.

- Rèn kĩ năng dùng từ, sử dụng phép so sánh, nhân hoá, ẩn dụ trong văn miêu tả

- Rèn kĩ năng dựng đoạn, xây dựng bố cục bài một cách thành thạo

- Kết hợp giữa quan sát với tưởng tượng, liên tưởng trong quá trình làm bài.

**B. Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án

- HS: Ôn tập, nắm chắc kiến thức về cách làm một bài văn miêu tả

**C. Tiến trình lên lớp**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ***

***3. Bài mới***

**I. KIẾN THỨC KHÁI QUÁT**

**1, Miêu tả cảnh**

***a.Tả phong cảnh (cảnh tĩnh)***

Có thể là một cảnh đẹp ở quê hương *(con đường, dòng sông, cánh đồng, hàng cây, ngôi trường, đầm sen ). Với dạng đề này, bố cục chung của bài như sau*

*Mở bài:* Giới thiệu cảnh định tả (không gian, thời gian, địa điểm)

*Thân bài:*

-Tả bao quát cảnh: Từ xa nhìn lại, trên cao nhìn xuống cảnh có vẻ đẹp ntn? (giống hình ảnh nào?)

- Tả cụ thể: Tả lần lượt từng cảnh nhỏ theo thứ tự nhất định. Dừng lại tả kĩ hơn ở một vài cảnh tiêu biểu.

- Hồi tưởng lại cảnh đó xưa kia như thế nào? (nếu là cảnh nhân tạo)

- Mong ước mai sau, được sự nâng cấp, tôn tạo (nếu là cảnh nhân tạo) sẽ ra sao.

- Nêu một vài kỉ niệm của mình với cảnh được tả

*Kết bài:* Khẳng định lại tình cảm của mình đối với cảnh được tả, đối với quê hương

*Lưu ý:* Với những đề bài mở không nêu rõ thời điểm tả thì có thể miêu tả ở những thời điểm khác nhau: sáng, chiều, đêm, xuân, hạ, thu, đông để làm cho đối tượng miêu tả sinh động, phong phú,…

***a. Tả cảnh sinh hoạt:***

Đây là kiểu bài vừa tả vừa xen kể vì cảnh sinh hoạt có nhiều hoạt động của con người nên phải có lời kể để chuyển ý, chuyển cảnh, chuyển hoạt động

Ví dụ:*Tả cảnh sinh hoạt đầm ấm của gia đình em vào một ngày có sự kiện nào đó (sinh nhật, mừng thọ, em đạt giải HSG, ngày lễ tết,...)*

*Tả lớp học trong một giờ học văn, trong giờ sinh hoạt lớp,...*

*Tả lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam ở trường em.*

Với dạng đề này, dàn bài chung như sau:

*+Mở bài:* Gới thiệu cảnh sinh hoạt định tả (là cảnh nào, ở đâu, những ai cùng tham gia)

+ *Thân bài:*

- Tả bao quát chung không khí toàn cảnh.

- Tả cụ thể hoạt động của từng ngườingắn với hoạt động chung của mọingười

- Tập trung tả kĩ hơn hoạt động của 1-2 người với những nét tiêu biểu nhất, ấn tượng nhất

*+ Kết bài*: Nêu cảm nghĩ về cảnh vừa được tả.

**2, Miêu tả người**

***a.Tả chân dung:***

*Tả lại một người thân của em (ông, bà, cha, mẹ, anh chị, em,...)*

*Tả lại một người bạn thân của em*

Với dạng đề này, dàn bài chung như sau:

*Mở bài:* Giới thiệu người định tả (là ai, quan hệ với em như thế nào)

*Thân bài:*

- Tả những nét tiêu biểu về ngoại hình phù hợp với lứa tuổi của người được tả (dáng vóc, làn da, khuôn mặt, ánh mắt, nụ cười, mái tóc,...)

- Tả những nét tính cách nổi bật (Tính tình, sở thích, thói quen, ăng khiếu, cách cư xử, quan hệ với mọi người,...)

*Kết bài:* Khẳng định tình cảm đối với người được tả

\*Lưu ý: Trong khi tả cần lồng những cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét, đánh giá của mình về người được tả.

***b. Tả người trong hoạt động***

Ví dụ: Tả cô giáo đang giảng bài, tả mẹ đang nấu ăn, tả bố đang ngồi đọc báo,…

Với dạng đề này yêu cầu vừa phải tả ngoại hình vừa tả động tác, lời nói, cử chỉ, tâm trạng nhằm toát lên tính cách, phẩm chất của người được tả. Vì vậy, người tả cần có trí tưởng tượng để miêu tả được những nhân vật trong những hoàn cảnh, công việc cụ thể dù người được tả không có trước mặt mình.

Với đề bài yêu cầu tả người trong hoạt động cụ thể ở một văn bản thì cần bán sát văn bản để miêu tả các hoạt động cho phù hợp.

Ví dụ: Tả hình ảnh Thánh Gióng:

Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa

Nhổ bụi tre làng đuổi giặc Ân

Hoặc : Miêu tả lại hình ảnh bé Kiều Phương đang say mê vẽ tranh

Với dạng đề này, dàn bài chung như sau:

\*Mở bài: Giới thiệu người định tả và hoàn cảnh, công việc của người đó làm.

\*Thân bài:

- Tả cảnh nền nơi diễn ra hoạt động của người được tả.

- Tả các nét ngoại hình thông qua các hành động, cử chỉ, lời nói, việc làm, thái độ và tâm trạng của người được tả.

\*Kết bài: Cảm nghĩ về hình ảnh người được tả qua hoạt động ở trên.

Hướng dẫn về nhà:

Nắm chắc các dạng bài văn miêu tả và yêu cầu chung của dàn bài của mỗi dạng bài.

**Đề 1: Tả lại một ngày đẹp trời trên quê hương em**

*1, Mở bài*: Giới thiệu cảnh được tả: ngày đẹp trời của mùa nào, cảnh nơi nào?

*2, Thân bài*: (Chú ý tả cảnh vật phù hợp với mùa, nơi đã giới thiệu ở mở bài)

\* Tả bầu trời, nắng, gió

\* Tả cây cối, hoa cỏ

\* Tả hồ nước, con đường, cánh đồng, …

\* Tả con người

*3, Kết bài*: Nêu tâm trạng của con người trước vẻ đẹp của thiên nhiên

Khi miêu tả cần vận dụng các phép so sánh, nhân hóa, dùng từ tượng thanh, tượng hình, từ láy… để lời văn sinh động

* Mỗi một ý lớn trong phần thân bài xây dựng thành một đoạn văn.

**Bài làm gợi ý**

Em sinh ra và lớn lên ở một miền đồng bằng Bắc Bộ. Bốn mùa quê em đều tươi đẹp. Nhưng đẹp nhất có lẽ là những ngày mùa thu.

Tiếng gà gáy làm em tỉnh giấc. Em bước ra ngõ nhỏ ngước nhìn cảnh vật xung quanh.

Bầu trời hôm nay cao và trong xanh hơn, khí trời trong và mát hẳn. Những rặng tre đầu ngõ đang phất phơ những ngọn gió heo may, thể nào mà em cảm thấy trời se lạnh. Mấy hôm trước theo mẹ ra đồng, em thấy mùi hương ở đầm sen đã vãn. Mẹ bảo rằng, như thế sắp hết hè rồi con ạ!Tập xong bài thể dục, em lại ngỡ ngàng hơn khi ngoài vườn vài cây trong khóm cúc của bố đã nở hoa. Mấy bông cúc trắng nhỏ li ti như chiếc cúc trên áo ngày nào em cũng mặc đến trường. Bên cạnh đó là những bông cú vàng đang khoe màu kiêu hãnh. Em vui vẻ reo lên. Thu đã đến thật rồi!

Hôm nay cả ngày em được nghỉ, em đòi theo mẹ và các chị ra cánh đồng chơi. Buổi chiều mùa thu có nắng nhưng không gắt như mùa hè, nắng mỡ gà vàng nhạt rải trên khắp những ruộng ngô xanh non mơn mởn trông vô cùng đẹp mắt. Đôi lá ngô non chưa kịp vươn lên đã bị mất chú cào cào tinh nghịch đạp rách toang trông thật là tội nghiệp. Em cùng lũ bạn chạy tung tăng khắp những luống ngô non để bắt cho được những chú cào cào có cặp cánh màu xanh và đỏ tía. Buổi chiều mùa thu qua nhanh theo những trò chơi thú vị và hấp dẫn của tuổi thơ. Chiều muộn, em theo mẹ về nhà. Lúc này loáng thoáng đã có đôi nhà khói bếp nấu cơm chiều. Cả không gian được phủ bởi một màn sương nhạt, sương làm cho khói bếp chẳng bay được lên cao cứ lởn vởn quanh những bụi tre.

Ngày thu đầu tiên đã đi qua, thế mà trong em vẫn còn lâng lâng cái cảm giác vui vui khó tả. Đêm ấy, gió heo may vẫn thổi, ngoài trời đã lạnh hơn. Đêm ấy, em ngủ một giấc ngon lành.

**Đề 2: Tả lại một khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời**

*1, Mở bài*:

Giới thiệu chung về khu vườn (của ai? ở đâu? Rộng hay hẹp? Khu vườn được tả ở thời điểm nào?)

*2, Thân bài:*

1. Tả khái quát: bầu trời, ánh nắng, gió, không khí nơi khu vườn.
2. Tả cụ thể:

- Vườn trồng những loại cây gì?

- Tả đặc điểm của từng loại cây trong khu vườn (cây ăn quả, hoa, rau). Ở mỗi loại chú ý miêu tả hình dáng, màu sắc, hương thơm, giá trị của loài cây đó đối với gia đình.

-Tình cảm, sự gắn bó của em, của mọi người đối với khu vườn đó

*3, Kết bài*: Cảm nghĩ của em về khu vườn

- Thích thú, yêu mến vẻ đẹp của khu vườn

- Luôn chăm sóc để khu vườn thêm tươi đẹp.

- GV hướng dẫn HS viết dựa theo dàn bài trên. Chấm tay đôi với từng HS. Chỉ ra điểm yếu, điểm mạnh của từng em

**Bài làm tham khảo**

Nhà em có một khu vườn rất đẹp. Nhưng có lẽ khu vườn đẹp nhất vào buổi sáng.

Hôm nay là ngày chủ nhật nên em cùng bố mẹ ra thăm vườn và phụ giúp bố mẹ làm vườn. Người mở cổng vườn đầu tiên là em. Sáng hôm đó không khí trong lành mát mẻ, cảnh vật còn chìm trong màn sương đêm, bầu trời trong xanh cao vời vợi, những đám mây trắng đang trôi bồng bềnh. Trên những chiếc lá còn động lại những hạt sương sớm lấp lánh như kim cương. Những hàng cây đang đung đưa theo gió như nói chuyện với nhau . Những chú chim ríu rit líu lo gọi bầy . Tất cả làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp sinh động .

Mới bước vào vườn em đã nghe tiếng sủa của chú chó vện lông vàng đang ngoe ngoẩy cái đuôi, hít hít cái mũi. Chắc nó mừng vì sau một tuần gặp lại cô chủ xa cách. Bố mẹ trồng nhiều loại cây ăn quả khác nhau, nào là : mít, đu đủ, cam, bưởi.. Mít được trồng thành hàng, dáng cây nghiêng nghiêng. Thân nó xù xì to cao khỏe như những chàng dũng sĩ canh giữ khu vườn. Mít đã ra quả non. Nhìn từ xa những quả mít như những chú heo con treo lủng lẳng trên cành rất dễ thương. Ở cuối vườn bố mẹ đu đủ . Thân cây không to lắm nhưng lúc lỉu những quả. Quả lớn nhất to bằng cái ấm hãm trà xanh của bà em. Da đu đủ màu xanh đậm. Chỗ gần cuối có màu vàng nhật. Hẳn là trái đó đã sắp chín. Em chạm tay vào quả thấy cảm giác man mát, thật dễ chịu. Chủ nhật tuần sau nếu ra vườn, chắc là trái này đã chín vàng ươm. Đu dủ là trái cây em rất thích ăn bởi nó có vị ngọt dịu mát, lại chứa nhiều lượng vi ta min C làm đẹp da.

Mẹ em dành riêng một góc vườn để trồng hoa. Rực rỡ nhất là những chị Hồng Nhung. Cánh hoa đỏ thắm, mịn như nhung, hương hoa nồng nàn, quyến rũ biết bao là ong bướm. Cạnh đó là những cô Cúc Vàng. Những cánh hoa rực rỡ hơn cả ánh nắng ban mai. Thoang thoảng đâu đay như mùi mít chín. Lẽ nào mít đã chín ? À thì ra đó là mùi hương của hoa mống rồng. Hoa mống rồng nhỏ như ngón tay em bé, màu vàng nhạt, trông thật đáng yêu đang lấp ló trong đám lá xanh. Em say sưa ngắm khu vườn trong niềm vui, sự thích thú. Mặt trời lên cao, khu vườn càng ngào ngạt hương sắc. Theo mẹ ra thăm cây vải. Ôi, vải đã chín đổ rực trên cành. Những trái vải bụ bẫm, căng mọng màu đỏ sẫm. Thảo nào, mấy hôm nay tiếng chim tu hú cứ lanh lảnh. Thì ra chúng kéo về ăn vải chín. Mẹ bảo, hôm nay phải cố gắng thu hoạch hết số vải này, kẻo lũ chim ăn hết. Em cùng bố mẹ bắt tay vào hái vải. Xung quanh em mùi hương thơm trái chín, hoa cỏ ngào ngạt. Tiếng chim sáo, chim cu gáy, chim vành khuyên… thánh thót như bản nhạc khiến em quên hết mệt mỏi.

Khu vườn trong nắng mai của nhà em thật đẹp. Nó chính là thế giới diệu kì của tuổi thơ em. Mỗi khi có thời gian, em lại ra thăm khu vườn, chăm sóc những hàng cây để khu vườn ngày một xinh đẹp.

**Đề 3: Tả ông hoặc bà của em**

*1, Mở bài:* Giới thiệu về bà (tuổi tác và tên gọi của bà, nhận xét chung về bà)

*2, Thân bài:*

\* Tả hình dáng của bà

- Dáng vẻ của bà khi đi lại

- Tả khuôn mặt, chú ý tả nét riêng và dấu hiệu của tuổi già trên khuôn mặt bà.

- Tả giọng nói

-Tả bàn tay bà khi làm việc

- Tả trang phục bà thường mặc

\* Tả tính tình

- Tả một vài hoạt động của bà. Qua đó thể hiện được tình cảm của bà đối với mọi người

- Tả thái độ, nét mặt, … của bà khi vui, khi buồn.

- Gợi vài kỉ niệm về bà để thấy rõ hơn tính cách của bà ( Khi em ốm, bà chăm sóc, khi em mắc lỗi, bà khuyên bảo… cho thấy bà thật hiền hậu, bao dung…)

*3, Kết bài:*

* Nêu những cảm xúc, suy nghĩ về bà và tình cảm của bà giành cho em
* Những mong muốn của em đối với bà.

\* Bài gợi ý:

Trong gia đình, tôi yêu quý tất cả mọi người, nhưng người mà tôi yêu mến nhất, kính trọng nhất vẫn là ông nội. Bất cứ lúc nào, hình ảnh của ông cũng thật ngọt ngào trong trái tim tôi.

Ông tôi chưa già lắm đâu, chỉ khoảng bảy mươi thôi. Dáng ông tầm thước như bao cụ già khác. Khuôn mặt sắt lại với nhiều nếp nhăn của những ngày tháng khó khăn, vất vả. Gian khổ nhất là những năm tháng trong chiến trường miền Đông Nam Bộ xưa kia. Khuôn mặt vuông vuông chữ điền, nước da sạm lại với nhiều chấm đồi mồi, đuôi mắt lại đầy những vết chân chim; vậy mà ông tôi trông vẫn đẹp lão lắm. Đặc biệt là với tôi, ông quả thật đẹp. Hạnh phúc nhất là được nằm trong lòng ông, tay vuốt ve chòm râu điểm bạc, ngước nhìn đôi mắt ấm áp, hiền từ của ông. Lúc đó tôi có cảm giác như đang ở trong truyện cổ tích, như có ông Bụt ở bên với bao phép màu tốt lành và đẹp đẽ.

Tôi rất thích nắm tay ông, được thấy hơi ấm nóng từ tay ông truyền sang, thật là khoan khoái. Bố mẹ đi làm suốt ngày, ông với tôi sao mà thân thiết thế. Giọng nói của ông trầm trầm và rất truyền cảm, bởi hồi trẻ ông đã là một cây” kịch nói nghiệp dư nổi tiếng của trung đoàn. Chính vì thế, ông ru hoặc kể chuyện, lũ cháu chúng tôi nghe, chỉ được một lúc là dip cả mắt lại. Ông tôi nhiều con cho nên cũng lắm cháu. Tôi chưa thấy ai yêu và quyến luyến với lũ cháu như ông. Ông thường thẳng thắn bộc bạch: Khi có cháu, lại thấy yêu cháu hơn con rất nhiều!”. Lũ chúng tôi cũng yêu quý và gắn bó với ông lắm. Nhất là tôi, thằng cháu “đích tôn” như ông vẫn trìu mến gọi vậy.

Lại một bất ngờ nữa khiến các bạn khó tin, chính ông tôi chứ không phải ai khác trong gia đình này là người nội trợ chính. Đứng cạnh Ông, bà tôi trờ nên vụng về, lúng túng, như bà thường tự nhận “Bà của cháu mồ côi sớm nên việc bếp núc, nội trợ đoảng vị quá!”. Cứ sáng sớm, sau khi tập thể dục, luyện vài bài dưỡng sinh là ông lại xách giỏ đi chợ. Ong đâm nghiện những tiếng chào mời, lời kì kèo qua lại của cái chợ nhỏ nằm tại khu chung cư của chúng tôi. Những thứ ông mua đều tươi rói, vừa ngon lại vừa đẹp mắt bởi nhiều màu sắc. Ong nấu nướng ngon lắm, mời các bạn đến nhà tôi mà xem, ông tôi sẽ trổ tài nghệ tuyệt vời của mình để các bạn thưởng thức. Đố có mà chê nổi.

Tôi còn quên chưa nói tới sự quan tâm đặc biệt nữa của ông mình về tình hình thời sự trong và ngoài nước. Không có chương trình thời sự nào của Truyền hình, của Đài Tiếng nói Việt Nam, của báo chí nào mà ông bỏ qua. Đã thế ông còn năng trao đổi với bạn bè, không gặp gỡ, không họp hành thì ông lại gọi điện thoại. Có lẽ, điện thoại của ông tôi chỉ để làm hai việc, hỏi thăm con cháu và bàn bạc về thời sự nóng hổi. Khi nói, ông tỏ ra say sưa, nhiệt tình như có bạn mình ở trước mặt vậy. Hầu hết các thông tin về thời sự, tôi được biết qua ông mình. Mĩ đánh I-rắc cũng khiến ông tôi buồn bực, phiền muộn vô cùng, làm cả nhà xót cả ruột.

Trong nhà tôi, ông thường coi vườn cây xanh trên tầng thượng là tài sản của mình. Trên đó có bao nhiêu là cây, là hoa. Thứ nào ngoài tên ra cũng đều có lí lịch riêng của nó. Nào là kỉ niệm ngày ở chiến trường về, ngày thăm Điện Biên Phủ, ngày sinh đứa cháu đầu,… Công ông tưới bón, chăm chút, băt sâu, tạo nên vườn cây này.

Sinh nhật vừa rồi của tôi, ông tặng một chiếc kèn nhỏ xinh. Tôi tự mày mò và bây giờ đã thổi được bài “Nhạc rừng” mà ông yêu thích. Ỏng tôi tự hào lắm, cứ khoe khắp khu nhà về tài của cháu mình. Nhưng tôi hiểu không phải vậy, chẳng qua ông yêu tôi quá thôi!

Tôi yêu quý yà kính mến ông rất nhiều và cũng biết ông yêu lại tôi như vậy. Ông là người hay là ông Bụt, tôi cũng không biết nữa.

“Cháu sẽ phải cố gắng nhiều đề làm vui lòng ông, ông ơi!”. Tôi vẫn nhủ thầm như vậy.

GV hướng dẫn HS cách viết, sửa lỗi, rút kinh nghiệm về kiến thức và cách diễn đạt.

**Đề 4: Hãy tả lại mẹ của em khi em mắc lỗi**

1, Mở bài: Giới thiệu về mẹ, về lỗi mà em mắc phải khiến mẹ buồn

2, Thân bài:

* Tả gương mặt, ánh mắt, giọng nói, vầng trán, thái độ, hành động… của mẹ (chú ý để làm toát sự buồn bã, khác với mọi ngày đồng thời trực tiếp thể hiện suy nghĩ, sự hối hận của bản thân)
* Nhận lỗi với mẹ và thái độ, nét mặt, lời nói của mẹ khi đó

3, Kết bài: Những suy nghĩ về mẹ, về bổn phận làm con

Tự hứa với lòng mình điều gì?

**Bài gợi ý:**

Tình mẫu tử là thứ tình cảm không gì có thể so sánh được. Cha mẹ sinh ra ta, nuôi ta khôn lớn, cha mẹ không muốn ta buồn lòng, nhưng chúng ta lại thường xuyên làm cha mẹ buồn. Tôi cũng vậy, đã không ít lần tôi làm mẹ buồn, nhưng lần tôi thấy áy láy nhất, đó là việc xảy ra vào cuối năm học lớp 5.

Tôi là một đứa trẻ ngoan, chăm học. Hàng ngày tôi đi và về rất đúng giờ, không bao giờ tôi mải chơi quá mà quên về nhà như đám bạn cùng xóm tôi cả. Thế rồi một ngày đám bạn kia cũng rủ rê chúng tôi, chúng rủ tôi chơi những trò chơi rất thú vị, đến những nơi rất vui. Dần dần tôi cũng thấy ham mê những trò chơi ấy. Rồi cái ngày ấy cũng đến, tôi thường về nhà muộn hơn, và tệ hai hơn tôi còn trốn học đi chơi theo bọn bạn.Nhiều lần như thế lặp đi lặp lại, kết quả học tập của tôi sút đi trông thấy. Có lẽ cô giáo đã trao đổi với mẹ và mẹ đã biết điều đấy.

Trưa hôm ấy, khi tôi đi học về, khác hẳn mọi ngày mẹ thường về sau tôi, thì nay mẹ đã đợi sẵn *tôi ở nhà. Mọi hôm, mẹ thường về muộn hơn tôi. Biết có chuyện, tôi định lỉnh ra sau nhà,* nhưng mẹ đã gọi lại. Mẹ hỏi chuyện học của tôi ở lớp. Lẽ dĩ nhiên là tôi trả lời trơn tru. Khi mẹ yêu cầu tôi đưa bài vở của mình cho mẹ xem, bí quá, tôi gắt lên: “Mẹ không có quyền đòi xem sách vở của con!”. Đang cầm chiếc cặp của tôi trên tay, mẹ sững lại.

Tôi thấy mẹ rất lạ, cái cốc mẹ đang cầm trên tay rơi xuống đất vỡ. Có lẽ mẹ đã quá bất ngờ với thái độ của tôi, gương mặt mẹ hằn lên một chút đau đớn và bực bội. Tôi cũng sợ hãi mà buông cặp xuống đất, cái cặp rơi xuống đất sổ tung ra. Những bài kiểm tra điểm 3, điểm 4, những trang vở ghi nghệch ngoạc... như phơi ra. Tôi thuỗn mặt, không còn chối cãi vào đâu được nữa. Mẹ im lặng đi vào phòng khiến tôi đứng như trời trồng giữa nhà. Mẹ không nói năng gì làm tôi thấy sợ hãi vô cùng.

Hôm đó bố tôi đi công tác chỉ còn tôi và mẹ trong căn nhà rộng thênh thang. Mẹ lặng lẽ soạn sửa cho bữa cơm trưa. Mọi khi, tôi thường ra nhặt rau cùng mẹ nhưng hôm nay, tôi không dám ra. Len lén đứng ở cửa bếp nhìn vào, tôi thấy rõ nỗi buồn trên gương mặt mẹ. Đôi tay mẹ cứ làm nhưng ánh mắt của mẹ dường như vô định. Thái độ của mẹ làm tôi thấy sợ. Thường ngày mẹ vui tính, lại hay nói hài hước khiến cả nhà cùng cười. Tôi cứ ngồi một chỗ mà nhìn mẹ, mẹ không ngoái lại nhìn tôi thêm một lần nào. Chưa bao giờ tôi có dịp nhìn kĩ mẹ đến vậy. Gương mặt nghiêm nghị đầy những vết nhăn và vết chân chim. Mấy sợi gân xanh nổi lên trên vầng trán rộng. Khuôn miệng không còn tươi thắm như trước.

Tôi chưa thấy khi nào mẹ tôi lại buồn đến vậy, tôi chực muốn oà khóc. Suốt bữa cơm, mẹ im lặng. Thỉnh thoảng mẹ vẫn gắp thức ăn bỏ vào bát cho tôi, nhưng tôi làm sao có thể ăn nổi. Tôi chỉ muốn thốt lên một câu: “Con xin lỗi...”. Nhưng nỗi sợ hãi đã làm tôi không thốt thành lời.

Sau bữa cơm trưa, mẹ buồn bã đi làm để tôi một mình ở nhà với tâm trạng lo âu, buồn rẫu. Những điểm 3, điểm 4 trong trang giấy kiểm tra bị sổ tung ra nền nhà hồi trưa, ánh mắt thẫn thờ của mẹ. Chưa bao giờ tôi thấy mình tệ như vậy. Và tôi biết mẹ buồn vì sự sa sút trong học tập của tôi thì ít, còn mẹ đau đớn vì thái độ của tôi thì nhiều. Tôi òa khóc nức nở một mình.

Sau bữa cơm tối, mẹ vẫn không nói gì với tôi, mẹ đi nằm sớm, mặt quay vào vách tường, lặng lẽ. Ngập ngừng mãi nơi cửa buồng, tôi mới dám len lén bước vào, ghé xuống nằm bên cạnh mẹ, không nhúc nhích. Nhắm mắt vờ ngủ. Tôi biết mẹ đang rất buồn. “Con xin lỗi mẹ, mẹ ơi!”. Tôi thầm kêu lên trong lòng như vậy. Nước mắt đầm đìa tràn trên má, rơi xuống gối. Tôi thèm được mẹ vuốt ve mái tóc. Tôi thèm được mẹ ôm vào lòng... Bỗng tôi cảm thấy hơi ấm của mẹ thật gần.

Rồi bàn tay khô ráp của mẹ áp vào má tôi, lau những giọt nước mắt cho tôi. Mẹ ôm tôi vào lòng thì thầm: “Ôi, con gái yêu của mẹ! Con ngủ mê rồi đây này!”. Chao ôi! Buồn lòng như vậy mà mẹ vẫn thương tôi vô cùng. Mẹ không hề giận tôi nữa ư? Mẹ đã tha thứ cho tôi rồi ư? Tôi nằm im không nhúc nhích, cứ sợ rằng đó chỉ là giấc mơ...

Sau lần đó tôi tự hứa với lòng không bao giờ làm mẹ buồn lòng nữa, tôi đã cố gắng học tập thật tốt, luôn vâng lời cha mẹ. Bây giờ tôi đã trở thành một học sinh giỏi của lớp, nhưng mỗi khi gặp bài khó, hay lũ bạn có rủ rê chuyện gì, hình ảnh mẹ tôi lần đó lại hiện về và tôi đã chiến thắng được những ám dỗ cũng như những khó khăn đó. Tình yêu của mẹ thật bao la, rộng lớn, mỗi chúng ta hãy đừng để mẹ buồn nhé.

**\* Hướng dẫn về nhà: Lập dàn ý đề bài sau**

*Đề 5: Hãy tả lại thầy (cô) giáo của em đang say sưa giảng bài.*

**Đề 5: Tả lại cô giáo đang say sưa giảng bài**

1. ***Mở bài:*** Giới thiệu về cô giáo (Tên cô? cô dạy môn gì? Cô dạy bài gì?)
2. ***Thân bài:*** *Tả theo thứ tự các đặc điểm của nhân vật:*

-Ngoại hình: tuổi, vóc dáng, trang phục…

- Tính nết: giản dị, nghiêm khắc…

- Tài năng: (thể hiện cụ thể trong một tiết dạy trên lớp)

+Cô dạy bài nào?

+Hoạt động, lời nói, cử chỉ… của cô.

+ Chúng em hiểu bài ra sao?

1. ***Kết bài***: Tình cảm của em đối với cô.

\* **Bài làm gợi ý**

Từ nhỏ tôi đã ấp ủ trong mình một ước mơ, sau này sẽ thành cô giáo. Ước mơ ấy của tôi bắt nguồn và được nuôi dưỡng từ những giờ học cô giáo say sưa giảng bài.

Thứ năm hàng tuần, lớp tôi có hai tiết văn của cô. Bước vào lớp, dường như cô mang theo vào cả sắc trời thiên nhiên. Cô giáo tôi cao cao, dáng người mảnh dẻ và nước da trắng hồng nên mặc áo dài rất đẹp. Thỉnh thoảng, cô mặc chiếc áo dài tím Huế càng tôn thêm làn da trắng. Những lúc như thế, cả lớp đứng ngây người nhìn cô, trầm trồ mến mộ. Cô dịu dàng mời cả lớp ngồi xuống.

Giờ học bắt đầu. Cô nhẹ nhàng viết len bảng những dòng chữ mềm mại, thẳng hang. Bàn tay cô lướt nhanh trên tấm bảng như một họa sỹ làm ảo thuật trên giá vẽ. Chỉ một lát, những hàng chữ mềm mại, đẹp đẽ hiện lên. Cô giảng bài với giọng nói thật dịu dàng, truyền cảm. dường như giọng nói ấy được cất lên từ tâm hồn, trái tim cô giúp chúng tôi cảm nhận được cái hay, cái đẹp của mỗi ý thơ. Những lời cô giảng khắc sâu trong trí nhớ của tôi. Cô luôn mỉm cười khi giảng bài, khi nhìn về phía chúng tôi. Đôi mắt cô nhìn thẳng về phía học trò, ân cần, dịu dàng và khích lệ. Mỗi khi ánh mắt ấy lướt qua chỗ tôi, tôi thấy rộn ràng trong lòng vì sự yêu mến, quan tâm của cô giành cho mình. Cô giảng bài rất say sưa, những giọt mồ hôi lấm tấm trên khuôn mặt dịu dàng càng khiến cô trở lên xinh đẹp hơn trong mắt mỗi học trò chúng tôi.

Có chú chim nhỏ đậu trên cửa sổ, định bay đi lại ngập ngừng đậu xuống như muốn nán lại nghe lời giảng của cô.

Trong giờ học, bao giờ cô cũng lôi cuốn được sự tham gia của học trò. Với những phần kiến thức cần sự trao đổi, thảo luận, cô thường cho chúng tôi thảo luận nhóm.Thỉnh thoảng, cô đi xuống từng nhóm; nhóm nào khó khăn, cô giảng giải, chỉ bảo tận tình. Cô rèn cho chúng tôi khả năng chủ động, sáng tạo trong tiếp thu, vận dụng kiến thức. Các câu hỏi từ dễ đến khó thường là những câu hỏi mở, có khả năng kích thích tư duy của tất cả học trò. Cô lúc nào cũng gần gũi, quan tâm chúng tôi, luôn lắng nghe ý kiến của học sinh. Có những lúc cô trò tranh luận sôi nổi để tìm ra vấn đề đúng nhất, hay nhất.

Mỗi giờ học văn đối với tôi đều trôi qua rất nhanh. Dường như cô cũng cảm thấy vậy. Cô luôn say sưa giảng bài đến tận phút cuối cùng của tiết học. Nghe tiếng trống bào hiệu giờ ra chơi, cô mỉm cười chào chúng tôi rồi bước ra khỏi lớp.

Nhìn cô giáo say sưa đứng trên bục giảng bài, tôi như có thêm động lực, quyết tâm nuôi dưỡng ước mơ của mình . Một ngày không xa tôi cũng sẽ được như cô, đứng trên bục giảng giảng bài, âu yếm nhìn học trò…

**Đề 6: Tả lại cảnh sum họp đầm ấm của gia đình em**

Năm nào cũng vậy, khoảng 29 Tết sau khi sắp xếp dọn dẹp nhà cửa xong, cả gia đình em lên xe về quê nội ăn Tết. Thời gian trôi nhanh quá! Mới hôm nào em về quê ở ăn Tết cùng ông bà và họ hàng bên nội, thế mà hôm nay những ngày cuối cùng của năm lại đến rồi.  
 Chiều ba mươi tháng chạp, không khí Tết đã ngập tràn khắp nẻo. Làng quê rộn rã những âm thanh trong trẻo, tươi vui đón mừng một mùa xuân mới. Những nếp nhà đông vui, náo nức lạ thường bởi tiếng reo vui của những đứa con xa quê lâu ngày mới trở về, tiếng cụ già kể những chuyện năm cũ, tiếng trẻ em nô đùa... Và những chái bếp nghi ngút khói bay lên, mùi bánh chưng, mùi thức ăn xào nấu thơm lừng khắp ngõ. Mọi nhà đang háo hức chuẩn bị cho bữa cơm tất niên sum họp.

Nhà bà nội em, phòng khách được trang hoàng đẹp đẽ. Trên bàn thờ bày bộ lư đồng sáng choang. Mùi nhang thơm ngát. Đèn, nến, rượu, trà, bánh chưng, mứt, hoa quả . . . được ông em sắp xếp thật trang trọng. Cây đào khá lớn xen kẽ với nhưng chùm hoa vạn thọ đặt trên chiếc đôn sứ cạnh bộ sập gụ đang nở những bông hoa tươi thắm chào đón xuân về.  
 Và bà nội luôn là người vui mừng nhất. Bà tất tả quét tước lại nhà cửa. Bà vào bếp nấu những món ăn quen thuộc cho ngày sum họp. Bà đã chờ mong ngày này lâu lắm rồi. Bữa cơm tất niên chiều ba mươi Tết luôn là một bữa cơm đặc biệt. Từ sáng sớm, bà nội và mẹ đã đi chợ mua sắm những thứ cần thiết để nấu. Mẹ em là “bếp trưởng” phụ trách các món chính. Còn bà nội và cô Út cùng với em làm “phụ bếp”. Mấy mẹ con, bà cháu vừa làm vừa trò chuyện thật vui. Em tranh thủ học cách tỉa rau củ thành những bông hoa, những con vật ngộ nghĩnh, xinh xinh để trang trí cho các món ăn thêm hấp dẫn. Bố và chú ra vườn hái môt số cây trái tươi để bày lên bàn thờ. Bé Hà thì quanh quần bên ông nội bắt sâu tỉa lá cho hàng cây cảnh.  
Những giai điệu quen thuộc “Tết, tết, tết đến rồi….” lại vang lên đâu đây. Ngồi cạnh bếp than hồng đỏ rực em thấy lòng rộn rã, rạo rực làm sao! Tiếng trống múa lân tùng tùng. Nồi bánh chưng đã dậy mùi. Thức ăn đã nấu xong, bà nội sắp mâm cỗ cúng. Đỡ mâm cỗ từ tay bà, bố em đặt trước bàn thờ để ông nội thắp nhang khấn vái tổ tiên về sum họp cùng con cháu trong ba ngày Tết. Sau mấy tuần nhang, mâm cỗ được bưng xuống để con cháu hưởng lộc của tổ tiên. Thức ăn được dọn ra bàn: bánh chưng xanh, xôi gấc đỏ, thịt gà luộc vàng ươm trộn với rau răm và bắp cải, canh khổ qua dồi thịt xanh thẫm đặt bên cạnh đĩa xào gồm thịt bò, cà rốt, khoai tây, nấm hương, mộc nhĩ, thịt kho. . . . món nào cũng ngon và vô cùng hấp dẫn.  
 Bố em rót rượu kính mời ông bà. Mẹ, cô út, em và bé Hà uống nước ngọt. Mọi người nâng cốc chúc mừng ngày vui, ba thế hệ quây quần bên mâm cơm ngày Tết. Trong bữa ăn, những câu chuyện về quê hương được ông bà, cha mẹ kể cho con cháu nghe. Quay sang em, ông bảo:   
 - Cháu Trúc này! Cháu phải luôn luôn nhớ rằng con người ta ai cũng có quê hương, nguồn cội . Ở đó có mồ mả tổ tiên, có ngôi nhà của ông bà, nơi ba cháu đã sinh ra và lớn lên. Sau này trưởng thành, dù đi đâu về đâu cũng đừng quên quê hương cháu nhé!

Giọng nói ấm áp, chân tình của ông khiến cho mọi người cảm động. Ông nội với ánh mắt hiền từ tràn ắp tình yêu thương con cháu. Sau bữa cơm, cả nhà tiếp tục ngồi uống trà, ăn mứt trong phòng khách. Em khoe với ông bà là em đạt danh hiệu học sinh giỏi học kỳ I. Bà khen em:

- Cháu Trúc của bà giỏi quá giống Ba hồi nhỏ.

Bé Hà thấy em được bà khen, bé vội chạy đến, phụng phịu :

* Con giỏi hơn chị.

Bà cười xòa:

* Cả hai cháu của bà đều ngoan cả.

Rồi bà thong thả uống trà vừa kể cho em nghe những chuyện ở trong quê. Trên tivi chiếu chương trình đón tết. Mẹ em ngồi thoải mái trong chiếc ghế bành xem tivi trên môi nở một nụ cười mãn nguyện, khuôn mặt rạng ngời một niềm vui khôn tả.

Bữa ăn làm gia đình đầm ấm, đó chính là sợi dây vô hình gắn kết tình thân của các thành viên trong gia đình.Truyền thống, nề nếp gia đình cũng được hình thành từ những bữa ăn sum họp mà đầm ấm đó. thời gian dài xa cách. Hai chị em tôi thật hạnh phúc trong mái ấm gia đình, trong vòng tay yêu thương của ông bà, ba mẹ. Tôi yêu nhưng buổi sum họp ngày tết như thế này biết bao nhiêu!

**Đề 7: Dựa vào văn bản “Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh”, kết hợp với trí tưởng tượng, em hãy miêu tả lại lại tâm trạng của người anh khi đứng trước bức tranh được giải nhất của em gái.**

Tôi có cô em gái tên là Kiều Phương. Ở nhà, tôi vẫn thường gọi nó là Mèo vì mặt nó lúc nào cũng lem nhem giống mặt mèo. Tình cảm an hem tôi vốn rất gắn bó. Cho đến ngày chú Tiến Lê, một họa sỹ chuyên nghiệp- bạn thân của bố - phát hiện ra em gái tôi là một thiên tài hội họa. Từ hôm đó, tôi cảm thấy mặc cảm trong lòng vì mình thua kém em, thấy mình bị đẩy ra ngoài. Thế rồi Kiều Phương được đi dự cuộc thi vẽ tranh quốc tế giành cho thiếu nhi. Thật không ngờ, em đạt giải nhất. Bố mẹ tôi vô cùng vui sướng và hãnh diện. Em gái muốn tôi cùng đi nhận giải.

Hôm đó, tôi đang ngồi bên bàn học, bỗng Kiều Phương từ ngoài chạy ùa vào. Nó ôm chầm lấy cổ tôi, nói:

-Anh, em đạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh quốc tế rồi.

Tôi lạnh lùng đẩy nhẹ em ra, trong lòng cảm thấy bực bội, khó chịu:

- Để nguyên cho anh học bài!

Em gái vội buông tôi ra, song vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải!”

Nghe em thông báo tin vui mà lòng tôi chẳng vui tí nào. Vậy là em tôi thực sự là thiên tài hội họa rồi. Còn tôi, tôi là gì đây? Tôi quả thực quá thua kém em rồi.

Hôm sau, bố mẹ, tôi và em gái cùng đến phòng tranh. Kia rồi. Bức tranh của Kiều Phương được đóng khung, lồng kính treo ở một vị trí trang trọng. Bức tranh vẽ một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài của sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ là sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Dưới bức tranh là dòng chữ "Anh trai tôi".

Đứng trước bức tranh của em gái bỗng nhiên tôi giật sững người như không tin vào mắt mình, đến nỗi phải bám chặt vào tay mẹ. Một cảm xúc khó tả dâng lên trong lòng.Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng.Tôi nhìn như thôi miên vào bức tranh. Sao em gái tôi lại vẽ tôi? Người anh trong bức tranh đẹp quá, những nét đẹp hoàn hảo, kì diệu. Hóa ra những lần Mèo xét nét khiến tôi bực mình, khó chịu chính là lúc nó đang quan sát chuẩn bị cho tác phẩm của mình. Vậy mà do thói đố kị xấu xa tôi đã không nhận ra thiện chí ấy.

Người xem đến mỗi lúc một đông, dường như ai cũng trầm trồ trước vẻ đẹp của bức tranh. Một vài người hình như còn nhìn tôi. Có lẽ họ đã nhận ra tôi chính là nhân vật trong tranh khiến tôi thấy rất phần hãnh diện. Tôi là anh của một cô em đầy tài năng. Nhân vật đẹp đẽ, hoàn hảo trong bức tranh kia là tôi. Chỉ nghĩ đến đó thôi mặt tôi cứ hết đỏ lên lại tái đi. Những cảm xúc cứ đan xen nhau. Chao ôi ! Tôi tự hào và hãnh diện quá! Em tôi yêu quí và tự hào về tôi đến thế kia ư?

Nhưng cảm giác hãnh diện qua đi rất nhanh. Bên tai tôi văng vẳng tiếng mẹ: “Con có nhận ra con không?”. Tôi muốn khóc, khóc thật to. Nhưng tôi chỉ im lặng, cúi đầu. Tôi thấy xấu hổ với chính mình. “Tôi là một kẻ bất tài, không có năng khiếu gì, tôi lại còn luôn ghen tị, cáu gắt với em. Tôi không xứng đáng được như thế. Vậy mà dưới mắt em tôi : tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi thật là đáng trách. Chao ôi, tôi đã hiểu rằng bức chân dung của tôi đã được vẽ lên bằng tâm hồn và lòng nhân hậu của em mình”.

Tôi muốn chạy ngay lại chỗ em mà xin lỗi và xin em tha thứ. Nước mắt tôi tự nhiên cứ trào ra không gì ngăn được. Sợ mọi người biết, tôi vờ quay đi mà cổ họng cứ nghèn nghẹn.

Tôi biết mình phải cố gắng rất nhiều để xứng đáng với tình cảm của em dành cho. Tôi sẽ làm một người anh tốt, yêu thương và giúp đỡ em. Ngay hôm nay tôi sẽ dành cho em một món quà đặc biệt hộp bút màu đẹp nhất mà tôi đã nhìn thấy trong một của hàng cạnh triển lãm.

**Đề 8: Dựa vào văn bản “Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh” và sự tưởng tượng của em, hãy miêu tả hình ảnh Kiều Phương đang say sưa vẽ tranh.**

*- Trong vai người anh, tả theo trình tự thời gian, tả người đang hoạt động*

*- Cần xác định Kiều Phương vẽ bức tranh gì: con mèo vằn, cái bát múc cám lợn, ngôi nhà, cây trong vườn,...*

***1, Mở bài:*** Hoàn cảnh bắt gặp Kiều Phương đang vẽ tranh

***2, Thân bài:***

*a, Tả ngoại hình*: dáng người, gương mặt, đôi mắt, trang phục...

*b, Tả Kiều Phương khi đang vẽ:*

- Ngồi vẽ ở đâu, cảnh vật xung quanh, dụng cụ vẽ, cả chú mèo vằn

- Tả hành động, cử chỉ, dáng vẻ, ánh mắt... trong quá trình vẽ:

+ đầu tiên là phác hoạ những đường nét như thế nào? Sau đó... hình ảnh gì dần hiện lên

+ Quá trình tô màu: bức tranh hiện lên ...

+ Khi bức tranh hoàn tất: dáng vẻ, hành động... của cô bé

***3, Kết bài***: Cảm nhận, tâm trạng của tôi trước bức tranh của Kiều Phương.

**Bài làm tham khảo:**

Chiếc diều của tôi đang bay lượn trên không trung như một chú diều hâu sải cánh. Bỗng “phụt”, chiếc diều lảo đảo mấy vòng rồi cắm phập xuống cây nhãn trong vườn. Tôi vội vã lao vào, chợt sững người thấy bé “Mèo”đang hì hục làm việc gì đó. Hình như nó đang vẽ tranh. Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh : xem trộm Kiều Phương vẽ .

Hôm nay, Kiều Phương mặc chiếc áo ngắn tay màu hồng trông nó bé tẹo như chiếc kẹo sô cô la. Nhìn nó trông chẳng nghệ sĩ một chút nào cả vì các hoạ sĩ lớn đều ăn mặc rất “bụi”. Nó kê cái giá vẽ cạnh gốc nhãn già. Chung quanh gốc nhãn là lỉnh kỉnh những hộp màu vẽ. Cả chú mèo vằn nhà tôi cũng ra ngồi chực ở bên cạnh. Một tay Kiều Phương cầm bút, tay kia cầm hộp màu (trông cũng khá chuyên nghiệp). Bàn tay Kiều Phương mềm mại đưa vài nét bút uốn lượn như phượng múa rồng bay. Hình như là những con sóng rì rào. Mà không phải, nhìn kĩ đó là những đường vằn của chú mèo!Thôi đúng rồi Kiều Phương đã lấy mèo vằn nhà tôi làm “người mẫu”. Nó phác phác mấy nét, khuôn mặt mèo đã hiện ra thật dễ thương. Nó có vẻ chưa hài lòng. Kiều Phương chăm chú nhìn mèo. Nó giơ bút lên rồi không hiểu tại sao lại bỏ bút xuống. Mặt nó xịu xuống, miệng dẩu ra, đôi lông mày cong cong nhíu xuống. Đột nhiên , đôi mắt to tròn, đen láy sáng lên . Kiều Phương reo lên khe khẽ. Bàn tay Kiều Phương lăn chiếc bút vẽ đẫm mực, nó rỏ hai giọt mực đen sì lên khuôn mặt chú mèo. Sau đó nó chu môi, phùng má thổi nhẹ những tia mực bắn lên tạo cho mèo đôi mắt vừa hiền vừa mơ mộng. Như có vẻ bằng lòng, Kiều Phương ngắm ngắm nghía nghía làm hai bím tóc tết gọn lắc lư. Tuỳ theo nét vẽ mà tư thế ngồi của nó thay đổi: Lúc lom khom, lúc khuỵu chân xuống, lúc lại kiễng chân cao lên,...Mồ hôi lấm tấm trên vầng trán vừa thông minh vừa bướng bỉnh của “Mèo”. Quen tay, nó đưa tay quệt ngang trán và vén gọn tóc mai. Tôi suýt bật cười thành tiếng vì khuôn mặt xinh xắn với nước da trắng hồng đã bị nó bôi lem nhem trông như một hề đồng. Mặc kệ, “Mèo” vẫn cần mẫn say mê với công việc của mình như một con ong chăm chỉ. Tay Kiều Phương phác phác vài nét, bộ ria mép của mèo hiện ra thật ngộ nghĩnh. Kiều Phương quành hai đường uốn lượn - ấy là cái đuôi mèo cong cong như lưỡi liềm. Sau một thời gian lao động nghệ thuật vất vả bức tranh đã hoàn tất. Kiều Phương ngắm nghía lại tác phẩm của mình, trên môi nở nụ cười tươi rói. Con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ nhưng nét mặt vô cùng dễ mến. Bất ngờ, Kiều Phương xách tai con mèo lên, thơm chút vào má nó và hỏi: “Mèo có nhận ra mình không?”. Bị bất ngờ, mèo giật mình kêu “ngoeo ngoeo”. Trời đất ơi! Đúng là họ nhà mèo (tôi thầm nghĩ)

Tác phẩm đã hoàn tất, Kiều Phương mải móng thu dọn và cất đồ đạc. Rồi nó ôm con mèo vào nhà, làm những việc mà bố mẹ phân công. Vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.

Chứng kiến toàn bộ cảnh Kiều Phương miệt mài vẽ tranh, tôi lén trút ra một tiếng thở dài.

**4, Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành hai bài văn

**Đề 9: Dựa vào văn bản “Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh, hãy tưởng tượng và miêu tả lại cảnh người anh trai lén xem những bức tranh của em gái.**

***1. Mở bài:***

Lý do xem trộm tranh: Buồn vì không tìm thấy mình có tài năng gì, thấy Mèo bình thường thường vẽ những gì quanh nhà, vẽ lại bằng những loại mầu nó tự chế, thế mà được đánh giá là một thiên tài hội hoạ

***2. Thân bài***:

- Hoàn cảnh xem trộm tranh: Mèo đi chơi với bạn, mèo đi học.

- Xem trộm tranh thì thường có tâm thế ntn? (nhanh, nhìn trước ngó sau..)

- Mèo vốn cẩu thả nên các tờ tranh nó vẽ nó để lung tung... chẳng khó gì cho người xem trộm, chiếc ở giá sách, chiếc trên bàn học...

- Mang tranh ra đâu để xem?

- Có khoảng bao nhiêu tranh đề tài gì?

- Các bức tranh được vẽ như thế nào?: ( SGK) + đàn gà, chiếc xe đạp, chiếc đồng hồ, cả con diều của tôi, bông hoa, ông trăng. Các bức vẽ bằng những nét vẽ đơn sơ nhưng rất ngộ nghĩnh.

- Xem tranh tôi như bị cuốn hút vào những bức vẽ đó, tôi say sưa đến mức con mèo đến bên tôi lúc nào tôi cũng không biết mà giật bắn lên tưởng em tôi về

- Tôi càng buồn vì nó có tài thật chứ không phải bố mẹ tôi thiên vị nó..

- Tôi nhìn những bức tranh như trêu tức tôi, tôi muốn chúng biến đi

- Tôi tin rằng từ khi được chú Tiến Lê giúp sức KP sẽ vẽ tranh tốt hơn,

- Tôi gấp những bức vẽ lại

-Nhận thấy việc mà mình coi khinh từ trước đến nay mình cũng đã làm, thấy xấu hổ tự trách mình đã không phải với em

***3. Kết bài***:

Mèo về gọi tôi từ đầu ngõ nhưng tôi đánh trống lảng . Nó khoe được điểm 10, tôi gắt lên mà cũng không hiểu sao mình lại như vậy .

**Bài làm:**

Từ hôm chú Tiến Lê đến nhà tôi chơi, phát hiện ra em gái tôi là một “thiên tài hội họa”, không hiểu sao lòng tôi luôn nặng trĩu. Tôi buồn vì chẳng thấy ở mình một năng khiếu gì. Kiều Phương chỉ vẽ bằng mấy thứ màu tự chế, vẽ những thứ tầm thường vặt vãnh quanh nhà. Lẽ nào những bức vẽ của nó lại đẹp như lời chú Tiến Lê nói. Không kiềm chế được sự tò mò, tôi quyết định sẽ lén xem những bức tranh của Mèo.

Chiều hôm đó, Mèo đi học nhóm cùng bạn, bố mẹ đi làm, chỉ có mình tôi ở nhà. Tôi liền vào phòng của em gái. Tôi nhìn trước, ngó sau rồi khép cửa phòng lại. Tôi đưa mắt nhìn khắp căn phòng. Mèo vốn tính cẩu thả nên phòng nó chẳng ngăn nắp chút nào. Các bức vẽ nó cũng để lung tung. Cái trên mặt bàn học, cái để trên giường ngủ, cái vất trên giá sách… Tôi gom mấy bức tranh lại, đem lại phía cửa sổ để xem. Tay tôi lật từng bức tranh của em gái. Bức này vẽ con mèo vằn, bức này vẽ chiếc bát múc cám lợn mẻ, bức này vẽ chiếc xe đạp màu hồng mà mèo rất yêu quý, còn bức này vẽ cây khế ngọt trong góc vườn, đàn gà con… Tất cả các bức vẽ đều được vẽ bằng những nét thật đơn sơ nhưng đẹp, ngộ nghĩnh lạ thường. Con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến. Cái bát múc bát cám lợn sứt một miếng vào tranh bỗng trở lên vô cùng sinh động, những chú gà con vàng xuộm như những nắm bong vàng đang tranh nhau tìm mồi… Tôi thẫn thờ, ngắm những bức tranh ấy rồi trút ra một tiếng thở dài. Quả thật, em gái tôi là một tài năng hội họa thiên bẩm. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Những bức tranh như chế giễu tôi, người anh trai bất tài. Vậy mà từ trước tới giờ tôi luôn coi thường em gái. Chỉ coi nó là con mèo nghịch ngợm, lem nhem. Tôi gấp những bức tranh lại, ngồi lặng bên cửa sổ. Rồi đây, dưới sự chỉ bảo của chú Tiến Lê, nhất định tài năng của Mèo sẽ phát triển. Khi đó, tôi có vị trí như thế nào trong lòng bố mẹ đây? Tôi sẽ như thế nào trong mắt em gái đây? Bỗng con mèo vằn, bạn than của Kiều Phương, nhảy phốc qua cửa sổ khiến tôi giật nảy mình. Mèo giương đôi mắt tròn như hai viên bi ve nhìn tôi như nói: “Bắt quả tang anh xem trộm tranh của Kiều Phương nhé!”. Tôi vội để những bức tranh vào chỗ cũ, bước ra khỏi phòng mà lòng càng nặng trĩu.

Tiếng Kiều Phương líu lo ở ngoài ngõ với mấy đứa bạn. Em gái tôi đã đi học về. Gương mặt bầu bĩnh của nó hồng lên dưới ánh nắng chiều. Nhìn thấy tôi, nó toét miệng cười rồi nói: “Anh ơi, bố mẹ đi làm về chưa?”. Tôi trả lời cộc lốc: “Chưa” . Rồi mang rổ ra vườn hái rau.

**Đề 10: : Dựa vào truyền thuyết Thánh Gióng, hãy tưởng tượng và miêu tả lại cảnh tượng bà mẹ và dân làng tiễn Gióng ra trận**

Đất nước Văn Lang kể từ khi các vua Hùng dựng nước đã biết bao lần chứng kiến cảnh tiễn đưa trai tráng ra trận. Nhưng có lẽ chưa có cuộc tiễn đưa nào lại xúc động và hùng tráng như cuộc tiễn đưa tráng sỹ làng Gióng lên đường đánh giặc Ân.

Từ ngày sứ giả đến làng Gióng tìm được người tài giỏi cứu nước, không khí trong làng lúc nào cũng náo nhiệt. Phần vì vui mừng vì làng có người tài giỏi, phi thường, phần vì lo lắng không biết tình hình giặc giã đến đâu. Bỗng có người đưa tin từ xa tới:

- Giặc đã đến chân núi Trâu! Thế nước đang vô cùng nguy cấp.

Cả làng đổ dồn về phía đình làng. Đến nơi đã thấy Gióng và mẹ già đang ở đó.

Vừa lúc ấy, sứ giả của nhà vua mang roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sỹ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Cả làng kinh ngạc trước sự lớn mạnh thần kỳ của chú bé. Một cụ già bước lên nói:

- Đúng là tướng nhà trời sai xuống giúp dân đánh giặc rồi bà con ơi!

Cả làng reo vang:

Quả đúng là tướng nhà trời!

Sứ giả của nhà vua nói lớn:

* Hỡi dân làng, chúng ta chuẩn bị tiễn người anh hùng ra trận.

Bỗng từ các phía con đường đổ về làng thấy đông nghịt người. Người đâu mà lắm thế! Dường như cả nước Văn Lang của Vua Hùng đang đổ dồn về đồng đất làng Gióng. Không còn nhận ra gương mặt con đường làng quen thuộc nữa. Nó đã trở thành một dòng suối người, chảy như thác đổ.

Trong đình làng chật như nêm cối. Ai cùng muốn chen vào giữa sân. Hơn hai chục anh trai làng lực lưỡng đang nắm tay nhau làm thành một vòng rào, cố giữ không cho mọi người tràn lên mảnh sân gạch giờ trở nên quá bé nhỏ so với cái vóc dáng khổng lồ của con ngựa sắt.

Các cụ bô lão đang sửa soạn lễ tế trời đất. Con ngựa sắt khổng lồ có cái bờm dựng đứng lên như một hàng chông sắt. Thỉnh thoảng ngựa vẫy đuôi. Cái đuôi ấy chỉ cần quệt vào thằng giặc nào là thằng ây đủ chết mất ngáp. Ngựa lại còn dậm chân, làm gạch sân đình vốn nung rất chín, cũng nát thành cám.

Con ngựa sắt đã hùng vĩ, phi thường, chủ của nó càng hùng vĩ, phi thường hơn! Tráng sĩ oai phong lẫm liệt trong bộ giáp sắt, đầu đội mũ sắt, tay cầm roi cũng bằng sắt!

Đã đến giờ tế lễ. Mọi người im lặng. Không khí trang nghiêm hẳn. Hồn thiêng sông núi đang chứng kiến phút giây lịch sử này. Chỉ một lát nữa thôi, cậu bé làng Gióng sẽ lên đường ra chiến trường. Gióng dắt ngựa đứng trước sân đình, sau lưng cụ già cao tuổi nhất làng và sứ giả của nhà vua. Khi cụ già cầm bó hương cháy rực, tiến thẳng tới bàn thờ tổ thì cả Gióng và ngựa sắt đều cúi đầu. Cả làng như nín thở.

Bỗng có tiếng khóc thổn thức, mọi người quay lại. Bà mẹ Gióng với tà áo nâu, mái tóc điểm bạc chạy về phía Gióng. Gióng vội quỳ xuống và cúi gặp người ôm lấy mẹ. Bàn tay to khỏe của tráng sỹ vuốt những sợi tóc lào xòa trên mặt mẹ, lau đôi mắt đỏ hoe của mẹ. Đôi mắt tráng sỹ dường như cũng đỏ hoe. Con ngựa sắt giưng đôi mắt to tròn nhìn mẹ con tráng sỹ rồi hý lên một hồi dài như lời tạm biệt .

Tiếng la phèng vang lên liên hồi. Gióng lau đôi mắt nhòe nước của mẹ lần nữa rồi cầm roi sắt đứng lên.

Đôi bàn tay nhăn nheo già nua của bà mẹ nắm chặt bàn tay to khỏ của đứa con dặn dò:

- Con lên đường mạnh khỏe, chân cứng đá mềm. Khi nào đuổi được giặc Ân ra khỏi bờ cõi thì về với mẹ, với dân làng.

Tráng sỹ nhìn mẹ, không nói lên lời, chỉ khẽ gật đầu, ôm lấy đôi bờ vai gầy của mẹ.

Cụ già cao niên và sứ giả đi trước, hướng về phía cổng làng. Gióng dắt ngựa sắt đi tiếp sau. Đám đông dạt ra như sóng rẽ. Mấy bà mẹ dìu mẹ Gióng đi theo. Cả làng cũng đi theo. Không nhận ra con đường làng quen thuộc nữa. Nó đã trở thành một dòng suối người, chảy như thác đổ.

Đã dến cổng làng. Gióng bước lên ngựa, quay lại từ biệt mẹ già và dân làng lần cuối rồi vung roi, giật cương, chân thúc ngựa. Ngựa hí vang trời, vẫy mạnh đuôi, phi nước đại, nhanh như một mũi tên bắn.

Gióng và ngựa đã mất hút ở phía chân trời mà mọi người vẫn còn thẫn thờ nhìn theo. Bà mẹ Gióng đứng lặng yên, lau dòng khô đôi mắt rồi quay bước trở về căn nhà quen thuộc. Cả làng cũng quay gót trở về.

Phía chân trời bất chợt nắng vàng lên rực rỡ.

**Đề 11 Dựa vào truyền thuyết Thánh Gióng và sự tưởng tượng của em, hãy miêu tả lại cảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt đánh giặc Ân.**

*Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa*

*Nhổ bụi tre làng đuổi giặc Ân*

Hai câu thơ của nhà thơ Tố Hữu gợi nhắc hình ảnh người anh hùng làng Gióng cưỡi ngựa sắt, dùng roi sắt, tre làng đánh đuổi giặc Ân thuở nào.

Đó là một ngày tháng tư âm lịch, cái nắng đầu hè đã bắt đầu oi ả khiến không gian làng quê ngột ngạt. Không gian ấy càng trở nên ngột ngạt hơn khi tin quân giặc sắp tiến đánh ngày càng dồn dập báo về.

Ở làng Gióng, mọi cặp mắt đều hướng về phía ngôi nhà của mẹ con chú bé kì lạ. Kể từ sau hôm gặp sứ giả đòi đi đánh giặc, chú bé ăn khỏe, lớn nhanh một cách phi thường. Cả làng góp gạo, góp cà nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú mau lớn để đánh giặc cứu nước. Nhà vua cũng sai người ngày đêm rèn ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt theo yêu cầu của chú bé làng Gióng.

Giặc đã đến chân núi Trâu, thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Từ các ngả đường, nhân dân đổ dồn về đình làng. Mẹ con Gióng đã có mặt ở đó từ bao giờ. Bỗng có sứ giả nhà vua tới. Sứ giả mang theo ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt đến. Chú bé bước đến bên ngựa sắt. Rồi chú vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Dân làng sửng sốt thốt lên:

* Đúng là tướng nhà trời xuống giúp bà con đánh giặc!

*Tráng sĩ mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, nhảy lên mình ngựa. Tráng sĩ cúi đầu từ tạ mẹ già và dân làng. Ngựa hí vang mấy tiếng vang dội.Tráng sĩ thúc vào mông ngựa. Ngựa sắt phun lửa phóng như bay về phía có giặc đón đầu giặc mà đánh. Lũ giặc cậy đông bao vây lấy tráng sĩ. Roi sắt trong tay tráng sĩ tung bốn phía khiến lũ giặc không kịp trở tay. Song chúng chưa chịu rút lui, tướng giặc hô quân tiếp tục vây lấy tráng sĩ. Mũi tên, lưỡi gươm giáo từ bốn phía địch lao về phía tráng sĩ song giáp sắt đã bảo vệ chàng. Con ngựa sắt chồm lên, hai chân trước hất tung tên tướng giặc xuống đất. Tráng sĩ dùng roi sắt quất mạnh vào tướng giặc khiến hắn không kịp kêu một tiếng. Lũ giặc mất tướng như rắn mất đầu hốt hoảng quay đầu bỏ chạy. Tráng sĩ thúc ngựa đuổi theo đánh giết hết lớp này đến lớp khác. Giặc chết như ngả rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào quân giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn. Không khoan nhượng, tráng sĩ tiếp tục truy đuổi tiêu diệt chúng. Tấm áo giáp của chàng nhuốm đầy khói bụi. Gương mặt chàng cũng đen xạm lại. Đuổi giặc đến chân núi Sóc Sơn, tráng sĩ quay nhìn bốn phía thì không còn bóng một tên giặc nào trên bờ cõi. Tráng sĩ thúc ngựa, ngựa sắt bỗng bay lên đỉnh núi. Tráng sĩ đưa mắt nhìn về phía quê hương, nơi có mẹ già, bà con lối xóm từng nuôi dưỡng, cưu mang mình lần cuối. Đôi mắt chàng dường như ngấn nước. Tráng sĩ cởi áo giáp bỏ lại đỉnh núi, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.*

Tin thắng trận báo về làng. Dân làng đổ ra đầu làng chờ Gióng trở về nhưng chờ mãi không thấy. Nhà vua sai người đi tìm Gióng thì chỉ thấy chiếc áo giáp để lại nơi đỉnh núi. Vua nhớ công ơn, phong tráng sĩ là Phù Đổng Thiên Vương và lập đên thờ ngay tại quê nhà.

Người anh hùng làng Gióng đánh giặc vì dân, tất cả chiến công của chàng để lại cho non sông, đất nước. Tấm áo giáp mà tráng sĩ để lại mãi như một lời nhắc nhở: hãy luôn cảnh giác trước kẻ thù xâm lược.

**Đề 12: Dựa vào truyền thuyết Thánh Gióng và sự tưởng tượng của em, hãy miêu tả lại tâm trạng của Gióng sau khi đánh tan giặc Ân rồi bay lên trời.**

***Dàn bài đề 12***

Mở bài: Giới thiệu về Gióng và tình cảm gắn bó của G với cha mẹ, quê hương

Thân bài:

- Từ trên đỉnh núi Sóc, G nhìn cảnh tượng chiến trường như thế nào? Cảm xúc của tráng sỹ trước cảnh đó

- Cháng nhìn về phía quê hương, nỗi niềm gì dâng lên trong lòng?

- Vị thần tiên xuất hiện đẻ đón G về trời:

+Lời trò chuyện giữa G và vị thần tiên xoay quanh việc đánh giặc Ân và ước nguyện về thăm lại cha mẹ, quê hương

+Vị thần tiên nói về mệnh lệnh của Ngọc Hoàng

+ Gióng Cới giáp bỏ lại và lời vị thần tiên (khi thấy G cới giáp sắt)

+ Ánh mắt, thái độ, hành động của G trước khi cùng vị thần tiên bay về trời

Kết bài: Nghe tin thắng trận, cha mẹ G cùng cả làng đi tìm. Đến chân núi thấy áo giáp bỏ lại…

**Bài tham khảo:**

Gióng vốn là tướng nhà trời, được Ngọc Hoàng sai xuống hạ giới để giúp dân đánh đuổi giặc Ân. Từ ngày đầu thai vào gia đình nhà nghèo nọ, Gióng được cha mẹ yêu thương, nuôi dưỡng, bà con hàng xóm đùm bọc, Gióng cảm thấy vô cúng gắn bó với cha mẹ, quê hương. Gióng chỉ có một ước nguyện lớn nhất là hoàn thành sứ mệnh được Ngọc Hoàng giao phó để đền đáp ân tình của cha mẹ, dân làng.

Ngày ấy đã đến. Đã đến lúc Gióng phải từ biệt tất cả để trở về trời.

Đuổi giặc đến chân núi Sóc, Gióng quay nhìn bốn phía thấy không còn bóng một tên giặc nào. Thây giặc chết như rạ nằm ngổn ngang khắp chiến trường, những tên sống sốt đã hốt hoảng tháo chạy khỏi bờ cõi nước nhà. Gióng biết sứ mệnh của mình đã hoàn thành. Nhìn cảnh chiến trường sau trận giao tranh, Gióng thấy khói lửa tơi bời, cây đổ ngổn ngang, thây người nằm lên nhau chồng chất, nhiều người dân vô tội bị giặc sát hại. Lòng tráng sĩ vô cùng xót xa. Gióng chỉ muốn chạy thật nhanh về quê nhà, nơi có người mẹ già trông ngóng, nơi có bà con làng xóm đã cưu mang. Nhưng nhớ tới lệnh của Ngọc Hoàng “Khi nào đánh tan giặc Ân phải ngay lập tức lên thiên đình bẩm báo, không được chậm trễ”, Gióng không dám nấn ná ở lại nơi đây. Chàng quyết định lên đỉnh núi Sóc để nhìn lại quê hương lần cuối trước khi từ biệt. Ao ước được nhìn lại quê nhà khiến tráng sĩ đi lên đỉnh núi rất nhanh. Chiếc áo giáp Gióng mặc vương đầy khói bụi chiến trường. Cánh tay Gióng mệt mỏi rã rời nhưng chân Gióng vẫn vững vàng lên phía trước. Lên đến đỉnh núi Sóc, Gióng đứng lặng yên nhìn bốn phía. Gióng dõi tầm mắt nhìn lâu nhất về phía có làng mình. Chàng mỉm cười giang tay đón những ngọn gió lành, nhìn theo những cánh chim bay. Bỗng Gióng thấy trên trời xuất hiện một luồng hào quang rực rỡ. Sau ánh hào quang đó một vị thần tiên xuất hiện, Gióng cúi đầu lậy tạ. Vị thần tiên mỉm cười hồn hậu, nói với Gióng:

- Giặc nước đã dẹp xong, con là công thần lớn của triều đình rồi đó. Con có muốn ở lại để nhận công danh phú quý, ơn vua lộc nước không?

Gióng trả lời:

- Thưa ngài, con chỉ muốn trở về thăm cha mẹ, quê hương lần cuối. Còn công danh bổng lộc con đâu nghĩ tới.

Vị thần tiên cười lớn:

- Ta hiểu lòng con. Nhưng mong muốn của con chưa thể thực hiện ngay được đâu. Ngọc Hoàng sai ta đến để mời con lên thiên đình ngay để lo công việc.

Gióng im lặng, ánh mắt đượm buồn, khẽ cúi đầu tỏ ý tuân lệnh. Gióng liền cởi bỏ bộ áo giáp sắt để lại. Vị thần nói:

- Con làm thế là rất đúng. Bộ áo giáp nàylà một lời nhắc nhở nhân dân luôn cảnh giác với kể thù. Con cũng đừng lo lắng quá. Nếu giặc ngoại xâm lại đến, nhất định sẽ có một chàng dũng sĩ khác của làng Gióng thay con giúp dân đánh giặc. Việc đó đã nằm trong tiên liệu của Ngọc Hoàng rồi.

Vị thần tiên vừa nói dứt lời thì từ trên trời cao một đám mây đủ mầu sắt xuất hiện và hạ sát cạnh chân Gióng và vị thần. Gióng thấy người mình nhẹ bẫng. Cả người được nhất bổng lên mây. Gióng quay người nhìn lại quê hương xứ sở một lần cuối, rồi Gióng từ từ bay về trời.

Giặc tan dân làng vui mừng khôn xiết. Mọi người đổ đi tìm Gióng. Cả nhà vua cũng cho quân lính đi tìm mà không thấy Gióng đâu. Đến chân núi Sóc Sơn thấy bộ áo giáp sắt Gióng để lại và nhìn thấy ánh hào quang còn sáng một góc trời họ biết Gióng đã được thần tiên đón về trời .

Vua và mọi người nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ở làng Gióng.

**Đề 13: Trẻ em vẫn mơ ước vươn vai một cái là trở thành tráng sĩ như Thánh Gióng. Em hãy tưởng tượng mình mơ thấy Thánh Gióng và hỏi ngài bí quyết, xem ngài khuyên em như thế nào?**

*Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh gặp Gióng*

*Thân bài:*

- Cảnh tượng làng Gióng:

+ Cảnh thiên nhiên : làng mạc, nhà cửa, tre đằng ngà, ao hồ…

+ Con người: nô nức trên con đường dẫn đền đền Gióng…

- Gặp Gióng:

+ Hình ảnh Gióng khi xuất hiện (Trang phục, dáng vẻ…)

- Cuộc trò chuyện:

+ Em hỏi tráng sỹ bí quyết để được khỏe mạnh dũng mãnh như chàng, chàng khuyên em như thế nào?

+ Tráng sỹ khuyên em thời đại ngày nay đã khác xưa (khoa học phát triển từng ngày…), chỉ khỏe mạnh thôi chưa đủ, cần rèn luyện, tu dưỡng những gì để trở thành người anh hùng của thời đại mới?

- Cuộc gặp gỡ kết thúc như thế nào? Thánh Gióng biến mất ra sao?

*Kết bài:*

- Tỉnh dạy, mới biết mình mơ….

- Giấc mở để lại trong lòng em cảm xúc, suy nghĩ gì?

***Bài làm gợi ý***

 Sáng nay, trong tiết Ngữ Văn, chúng em được học về truyền thuyết Thánh Gióng, người anh hùng làng Gióng có công đánh đuổi giặc Ân xâm lược ra khỏi bờ cõi nước ta. Giọng kể truyền cảm, sinh động của cô giáo Hương đã đưa chúng em vào thế giới đầy những hình ảnh huyền ảo, hoang đường. Hình tượng đẹp đẽ của Thánh Gióng đã để lại trong tâm trí em một ấn tượng sâu đậm có sức cuốn hút lạ lùng. Đến đêm, trước khi đi ngủ, em giở sách ra đọc lại truyện một lần nữa và ao ước rằng giá như mình vươn vai một cái cũng trở thành tráng  sĩ oai phong lẫm liệt như Thánh Gióng. Ao ước cháy bỏng ấy đã theo em vào cả giấc mơ...

Em đang đi giữa một vùng quê yên bình, đầy hoa thơm cỏ lạ. Những ngôi làng được bao bọc bằng lũy tre đằng ngà, thân vàng óng, lá xanh rì rào trước ngọn gió xuân hây hẩy. Dọc đường, ao chuôm nối tiếp nhau thành dãy, mặt nước lung linh soi bóng mây trời. Mỗi hình ảnh đều gợi lại chiến công của Thánh Gióng. Dòng người đông đúc đang hối hả kéo nhau về đền thờ Thánh Gióng. Tiếng trống, tiếng chiêng rộn rã, náo nức cả một vùng.

Em ngước mắt lên nhìn bầu trời xanh thăm thẳm, ồ kia! Lạ chưa! Có một đám mây ngũ sắc gióng hệt hình người đang cưỡi ngựa. Đám mây hạ thấp dần, thấp dần và em không tin vào mắt mình nữa. Trước mặt em là Thánh Gióng, đầu đội mũ sắt, mặc áo giáp sắt, cưỡi trên lưng ngựa sắt… hiển hiện trên bãi cỏ xanh. Thánh Gióng vui vẻ cất tiếng chào:

- Chào cậu bé! Ta !à Thánh Gióng. Ta đã nhận được lời nguyện cầu của cậu. Cậu có muốn ta giúp gì chăng?!

Sự ngạc nhiên tột độ đã nhanh chóng biến thành niềm vui mừng không xiết. Em vội vàng bày tỏ:

- Thưa ngài! Em và các bạn em chỉ ao ước làm sao có thể vươn vai một cái trở thành tráng sĩ oai phong, lẫm liệt như ngài. Xin hỏi ngài bí quyết để điều đó trở thành hiện thực.

- Thánh Gióng cười lớn, tiếng cười vang động cả không gian:

- Ồ! Ta hiểu! Tuổi thơ bao giờ cũng có những ước mơ đẹp đẽ lạ thường! Ngày xưa, ta cũng vậy. Chính sự tồn vong của đất nước trước nạn ngoại xâm đã khơi dậy trong ta sức mạnh thần kì. Ta lớn lên nhờ sự nuôi nấng của cha mẹ và sự đùm bọc của dân làng. Sức mạnh của ta là sức mạnh của toàn dân. Việc ta vươn vai một cái biến thành tráng sĩ tượng trưng cho khát vọng, sự lớn mạnh phi thường của cả dân tộc. Ta thay mặt cho toàn dân trừng trị lũ giặc ngông cuồng, dám xâm phạm giang sơn của tổ tiên.

Các em muốn được khỏe mạnh như ta thì cần chăm tập thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe. Ta nghe nói ở trần gian năm nào các nhà trường cũng tổ chức Hội khỏe Phù Đổng phải không?

- Vâng ạ. Trường em năm nào cũng tổ chức Hội khỏe đấy ạ. Có rất nhiều môn thể thao như bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cờ vua, cầu lông đấy ạ.

- Thế thì tốt lắm. Chịu khó rèn luyện thể lực thì nhất định các em sẽ khỏe mạnh như ta thôi. Song các em nên biết thời đại của các em đã khác xa với thời đại của ta rồi.

Em bối rối hỏi:

- Khác thế nào ạ?

- Thời đại của các em khoa học kĩ thuật phát triển như vũ bão. Con người không cần khổng lồ về thể xác mà cần khổng lồ về ý chí và trí tuệ. Một trí tuệ sáng suốt, một nghị lực phi thường trong một thân thể khỏe mạnh là những điều cần thiết cho cuộc sống ngày nay. Đó là những lời tâm huyết ta muốn nói với em. Song em cũng nên nhớ để có sức khỏe, nghị lực, trí tuệ phi thường thì phải khổ luyện chứ không phải dễ dàng có được đâu. Thôi, ta phải về trời đây, kẻo Ngọc Hoàng quở trách.

Thánh Gióng vừa dứt lời, ngựa sắt hí vang, bay bổng lên mây. Cả tráng sĩ lẫn ngựa mờ dần giữa làn mây trắng.

Bỗng có tiếng mẹ gọi. Em bàng hoàng tỉnh giấc. Thì ra là một giấc mơ. Song những lời Thánh Gióng nói vẫn còn vọng trong tâm trí em. Em rất thấm thía lời khuyên của ngài. Em tự nhủ sẽ không ngừng rèn luyện thân thể, rèn luyện ý chí, quyết tâm phấn đấu học hành để trở thành người tài giỏi, có ích, biến những giấc mơ thành hiện thực.

**Đề 14**: **Trong giấc mơ, em đã từng gặp cô tiên (bà tiên, ông tiên). Bằng trí tưởng tượng của mình, em hãy tả lại hình ảnh cô tiên (bà tiên, ông tiên) đó**

**1. Mở bài:** Hoàn cảnh khiến cho em có giấc mơ được gặp cô tiên, có thể là gia đình có một khó khăn nào đó. Em tha thiết mong có được điều ước để giải quyết khó khăn đó.

**2. Thân bài :**

- Em nằm mơ thấy cảnh tượng kì lạ (ánh sáng, hương thơm, dàn sáo nhạc...), một cô tiên rất xinh đẹp, dịu dàng hiện ra.

- Tả hình dáng, trang phục, khuôn mặt..., dáng đi của cô tiên.

- Biết mong ước của em, cô dẫn em đi tìm phép thực hiện (tưởng tượng em đi qua những nơi như vườn đào, suối giải oan, giếng tiên, cây đa...) , tả cử chỉ, lời nói của cô khi dẫn em đi, nhất là cách cô vượt hiểm nguy.

- Cô cho phép lạ: Tả cách làm phép hoặc vật tạo ra phép của cô tiên (trái cây, bông hoa, viên ngọc, cây gậy, chiếc nón... bất cứ một cách làm phép nào hoặc vật tạo ra phép đề phải phù hợp để giải quyết được mơ ước của em.

**3. *Kết bài****:*

- Tỉnh ra mới biết là giấc mơ, em rất tiếc.

- Chỉ là gặp cô tiên trong giác mơ nhưng vẫn giúp em thêm tin, thêm vui.

- Em tin mình sẽ vượt qua khó khăn, có thể có những người tốt như thế đến giúp em.

**Bài làm tham khảo**

Một tuần nay, mẹ em phải nhập viện. Cả nhà em lo lắng không yên. Cứ tan học, em lại vội vàng đến bệnh viện chăm sóc mẹ. Nhìn gương mặt mẹ anh xao trên giường bệnh, lòng em nặng trĩu. Em chỉ ao ước có một phép màu giúp mẹ em khỏi bệnh. Gục mặt bên giường bệnh, em thiếp đi lúc nào không hay.

Trước mắt em là một cảnh tượng kỳ lạ như ở chốn thần tiên. Ánh sáng lung linh, hương thơm của muôn loài hoa sực nức. Tiếng sáo, tiếng nhạc du dương văng vẳng…Em đang tự hỏi mình : “Đây là chốn nào?” thì trước mắt em một cô tiên xinh đẹp xuất hiện. Gương mặt cô rạng rỡ hơn cả mặt Hằng Nga. Đôi mắt cô sáng ngời, nhìn em với ánh nhìn dịu dàng. Môi cô đỏ như thoa son, miệng cô đang mỉm cười. Mái tóc cô dài óng ả, mềm mại như một áng mây. Cô mặc một chiếc váy màu hồng rực rỡ, có đính những vì sao lấp lánh. Tay cô cầm một chiếc quạt bằng lụa màu vàng. Cô bước đi uyển chuyển lạ thường. Em nhìn cô không chớp mắt, than phục : “Ôi! Đúng là đẹp như tiên!”. Cô tiến lại gần em, cất giọng ngọt ngào:

- Chào em! Sao trông em có vẻ buồn phiền, mệt mỏi thế? Có chuyện gì xảy ra với em sao?

Em ngập ngừng đáp:

- Vâng! Em buồn lắm. Mẹ em ốm nặng. Nhà em lại rất khó khăn. Em không biết phải làm gì bây giờ.

Chưa dứt lời, nước mắt em đã trào ra, không gì ngăn nổi. Thấy vậy, cô tiên lại gần, lau nước mắt cho em rồi an ủi:

* Em đừng khóc. Ta sẽ giúp em.
* Thật ư? Cô sẽ giúp em ư?

Đúng vậy. Ta sẽ dẫn em đi tìm thuốc quý chữa khỏi bệnh cho mẹ em. Nhưng em sẽ phải trải qua rất nhiều gian khổ, nguy hiểm. Em có làm được không?

* Em làm được ạ. Chỉ cần mẹ khỏi bệnh, em sẽ làm tất cả
* Được. Vậy em hãy theo ta.
* Ta sẽ dẫn em đến một ngọn núi cao ở phía tây. Nơi ấy có một vị cao nhân có vị thuốc quý. Nào. Chúng ta đi thôi.

Cô đưa tay ra nắm lấy tay em. Một lúc sau, trước mắt em hiện lên môt dòng sông dữ dội. Một chiếc thuyền con xuất hiện. Cô bảo em bước lên thuyền. Vừa ngồi vào thuyền thì một con sóng lớn chồm đến, thuyền chao đảo. Bỗng đâu, một đàn cá sấu vây quanh thuyền. Chúng há miệng đỏ lòm như định nuốt trửng cả con thuyền. Em sợ hãi, bám chặt lấy tay cô. Cô nhìn em nói:

* Em có dám qua dòng sông này không? Nếu sợ, ta sẽ đưa em quay trở lại.

Nghĩ đến mẹ, em vội trả lời:

* Em sẽ đi.

Cô đưa chiếc quạt lên. Đàn cá sấu biến mất. Thuyền nhẹ nhàng lướt sóng đưa em sang bên kia sông. Em cùng cô nghỉ lại dưới gốc cây đa ven sông, rồi tiếp tục lên đường. Chẳng mấy chốc, trước mắt em,một ngọn núi sừng sững hiện ra. Cô nói:

- Bây giờ, em sẽ phải vượt qua ngọn núi này.

Cô chỉ tay lên vách đá dựng đứng, nhọn hoắt rồi nói tiếp:

- Vách đá rất hiểm trở, cheo leo. Để vượt qua, gai nhọn, dây leo sẽ làm em đau. Nếu trượt chân, em sẽ ngã xuống vực sâu. Trên núi có thể có hổ dữ, rắn rết. Em có dám vượt qua không?

Em cảm thấy vô cùng lo sợ, tim em đập mạnh. Hay là bỏ cuộc? Nhưng còn mẹ? Nếu mẹ không được cứu? Em lấy hết lòng can đảm, quả quyết:

- Em sẽ vượt qua ngọn núi này.

Cô tiên cầm lấy bàn tay em. Ánh mắt cô nhìn em trìu mến. Cô khen:

- Em thật dũng cảm.

Bàn chân em đã bị đá cào tứa máu. Bàn tay xước vì bị gai cào. Em đau đến trào nước mắt nhưng vẫn quyết vượt qua. Trước mắt em hiện ra một vườn đào sai trĩu quả. Mùi đào chin ngào ngạt. Gió thổi mát rượi xua tan bao nỗi vất vả vừa trải qua. Cô tiên mỉm cười bào em:

-Vị thuốc thần ở trong vườn đào kia. Nhưng muốn mở được cánh cổng vườn đào, em phải trải qua một thử thách nữa. Con trăn lớn gác cổng vườn đào rất dữ tợn. Một ngày nó chỉ dời cổng gác một phút vào lúc 12 giờ đêm. Em phải chờ đúng lúc nó dời cổng để vào được vườn đào.

Em ngồi xuống và chờ đợi. Ánh mặt trời tắt dần. Màn đêm bao phủ. Đêm khuya, trăng lưỡi liềm xuất hiện phía chân trời. Ánh trăng mờ ảo khiến cảnh vật càng thêm vắng lặng, heo hút. Mệt mỏi vì đường xa, em chỉ muốn ngủ thiếp đi. Nhưng em sợ nếu mình chợp mắt sẽ bỏ lỡ cơ hội duy nhất. Lấy hết sức lực, em thức canh thời gian. Tiếng chuông từ đâu vọng lại. Con vật khổng lồ oằn người trườn ra khỏi cổng gác. Chỉ đợi có thế, em lấy hết can đảm, vượt qua cổng gác, vào vườn đào. Một cụ già tóc bạc như cước xuất hiện. Cụ đưa cho em một trái đào, nói:

- Con hãy cầm lấy trái đào này, cho mẹ con ăn, mẹ con sẽ hết bệnh.

Em sung sướng đến trào nước mắt, nâng trái đào trên tay, cảm ơn cụ già.

Cô tiên xuất hiện, cô đưa chiếc quạt lên, múa một vòng. Một đám mây ngũ sắc xuất hiện. Cô dắt em lên đám mây rực rỡ ấy. Em cùng cô bay qua ngọn núi hiểm, bay qua dòng sông đầy cá sấu ban nãy trở về.

Bỗng có ai lay lay bàn tay em:

* Con ơi, lấy cho mẹ cốc nước. Mẹ khát.

Em chợt bừng tỉnh. Mới biết là mình mơ. Em vội lấy nước cho mẹ. Gương mặt mẹ đã bớt xanh xao. Đôi mắt mẹ nhìn em vừa trìu mến, vừa xót xa.

Giấc mơ kỳ diệu đã tiếp cho em hy vọng. Em tin rằng nhất định mẹ em sẽ khỏi bệnh. Em sẽ luôn bên mẹ để chăm sóc cho mẹ. Em sẽ lại được cùng mẹ chăm sóc khu vườn đầy hoa trái. Cùng mẹ chuẩn bị những bữa cơm đầm ấm cho gia đình. Cùng mẹ về thăm ông bà ngoại ngày chủ nhật…

**V/ BÀI VĂN THUYẾT MINH – THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

**ÔN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

**I. Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh**

**1.**Thuyết minh là gì?

- Thuyết minh nghĩa là nói rõ, giải thích, giới thiệu

- Thuyết minh còn có nghĩa là hướng dẫn cách dùng

2. Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, trong xó hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thớch.

VD: - Giới thiệu về một nhõn vật lịch sử

- Giới thiệu một miền quê, một vùng địa lý

- Giới thiệu một đặc sản, một món ăn

- Giới thiệu một vị thuốc

- Giới thiệu một loài hoa, loài chim, loài thỳ…

3. Văn bản thuyết minh có tính chất khách quan, thực dụng, là loại văn bản có khả năng cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người.

4. Một văn bản thuyết minh hay, có giá trị là một văn bản trình bày rõ ràng hấp dẫn những đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh.

5. Văn bản thuyết minh sử dụng ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ, sinh động.

**Bài tập 1:**  Hai văn bản sau có phải là văn bản thuyết minh không? Hãy đặt tên cho các văn bản ấy?

**VB1**: Ở nước ta, tiền giấy được phát hành lần đầu tiên dưới thời nhà Hồ (1400 – 1407) nhưng chỉ tồn tại trong thời gian rất ngắn. Sau khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, ngân hàng Đông Dương ra đời năm 1875 và tiền giấy bắt đầu được phát hành ở Nam Kỡ và Hải Phũng vào khoảng những năm 1891 – 1892. Sau khi nước VNDCH ra đời, ngày 31-1 -1946, Chính Phủ đó kớ nghị định phát hành tiền giấy VN và đến ngày 30- 11 – 1946 tờ giấy bạc đầu tiên của nước VNDCH ra đời. Ngày 5-6-1951, Ngân hàng quốc gia VN được thành lập và phát hành loại tiền giấy mới. Từ đó đến nay, nước ta đó trải qua hai lần đổi tiền (1959 và 1985) và một lần thống nhất tiền tệ hai miền Nam Bắc theo loại tiền mới (1978)

**VB 2**: Cá đuối thường sống ở vùng biển nhiệt đới. Thân hình chúng nom dẹt và mỏng, do hai võy ngực rộng và phẳng ở hai bên, gắn liền với thân. Khi cá bơi, các vây ngực mềm này chuyển động lên xuống trong nước trông rất đẹp. Cá đuối màu xanh sẫm, nhưng cũng có loài đuối lưng có những đốm màu trắng nom rất nổi bật. Chiếc đuôi dài giúp cá đuối giữ thăng bằng dưới nước. Tuy nhiên, đuôi cá đuối có nọc độc, có thể châm đốt gây nguy hiểm cho người và các động vật khác. Cá đuối thích sống thành từng đàn. Người ta có khi nhỡn thấy bầy cỏ đuối ba đến bốn con bơi cạnh nhau. Chúng cũng rất thích nhảy múa nữa. Lúc “cao hứng”, cá đuối cũn nhảy vọt lờn trờn mặt nước, cao đến vài mét. Song, cá đuối cũng biết giấu mỡnh dưới cát để tránh kẻ thù.

**Gợi ý**: Cả hai văn bản trên đều là văn bản thuyết minh

Văn bản 1: Về tiền giấy Việt Nam

Văn bản 2: Loài cá đuối ở vùng biển nhiệt đới.

**II. Tính chất của văn thuyết minh**

- Một văn bản thuyết minh hay có giá trị là một văn bản trỡnh bầy rừ ràng, hấp dẫn những đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh.

- Ngôn ngữ diễn đạt trong văn bản thuyết minh phải chính xác, chặt chẽ, cô đọng và sinh động. Cách viết màu mè, dài dũng sẽ gõy cho người nghi ngờ, khó chịu, cần hết sức tránh.

**III. Yêu cầu và phương pháp thuyết minh**

***1. Yêu cầu*:**

- Trước hết phải hiểu rõ yêu cầu của bài làm là cung cấp tri thức khách quan, khoa học về đối tượng thuyết minh

- Phải quan sát, tìm hiểu kĩ lưỡng, chính xác đối tượng cần thuyết minh, nhất là phải nắm bắt được bản chất, đặc trưng của chúng, để tránh sa vào trình bầy các biểu hiện không phải tiêu biểu, không quan trọng.

- Phải sử dụng ngôn ngữ chính xác, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc

- Cần chú ý thời gian được thuyết minh, đối tượng đọc, nghe bài thuyết minh của mình.

***2. Phương pháp***

Để bài văn thuyết minh có sức thuyết phục, dễ hiểu, sáng rừ, người ta có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp thuyết minh như : nêu định nghĩa, mô tả sự vật, sự việc, nêu ví dụ, liệt kê, so sánh, đối chiếu phân tích, phân loại, dùng số liệu, nói vừa phải, tránh đại ngôn…

**Bài tập**:

**Bài 1. Đọc các đoạn văn thuyết minh sau. Cho biết người viết đó phải huy động kiến thức gỡ và sử dụng những phương pháp thuyết minh nào?**

1. Dơi là động vật ngủ đông. Vì thế ta thường bắt gặp chúng vào mùa hè. “Nhà” của dơi là những nơi tối ẩm như vách đá, hang động, đặc biệt là trong những thân cây lớn đó chết. Ở nơi có dân cư, dơi thường trú trên mái nhà, vách tường ẩm và không có ánh sáng…”

(Theo Thanh Huyền- Bỏo hoạ mi)

2.Hiện nay, cứ 8 người Mĩ, có một người ở độ tuổi 65 hoặc cao hơn. Tới năm 2005, con số đó là 4 người. Nhóm người ở độ tuổi 75 trở lên ngày càng đông. Điều đó, chứng tỏ: người Mĩ ngày càng sống lâu hơn, có tuổi thọ cao hơn.

(Theo 365 lời khuyờn về sức khoẻ)

3. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc cỏc đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông tràn ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông mầu đựng thực phẩm làm ụ nhiễm thực phẩm… gõy tỏc hại cho nóo và là nguyên nhân gây ung thư phổi.

(Theo thông tin về ngày trái đất năm 2005)

Gợi ý:

1. Kiến thức sinh học

2. Kiến thức về sức khoẻ đời sống

3. Kiến thức về môi trường.

***Bài 2: Cho văn bản sau:***

“ Cách đây hai năm, chàng thanh niên Ra-pha-en-đơ Rốt-sin, người được thừa hưởng một trong những gia tài kếch sù nhất thế giới, đó gục chết trờn một vỉa hố ở Niu-oúc vỡ “chơi bạch phiến” quá liều, năm đó chàng mới 23 tuổi.

Cái chết của chàng tỉ phú trẻ này đó làm khụng ớt cỏc bậc cha mẹ tỉ phỳ khỏc lo lắng: làm sao để con cái họ đừng hư vỡ số tài sản khổng lồ khụng do chớnh chỳng ta tạo dựng.

a. Văn bản trên có phải là văn bản thuyết minh không? Vỡ sao?

b. Văn bản trên có ích gỡ cho bạn đọc?

Gợi ý:

Văn bản trên là văn bản thuyết minh (có yếu tố tự sự) => một bản tin của báo

Văn bản trên nhắc nhở việc giáo dục thế hệ trẻ- trách nhiệm của gia đỡnh và xó hội trong việc giỏo dục thế hệ trẻ.

1. **Dàn bài chung**
2. **Cách viết bài văn thuyết minh – thuật lại một sự kiện**
3. **Một số dàn bài cụ thể**